

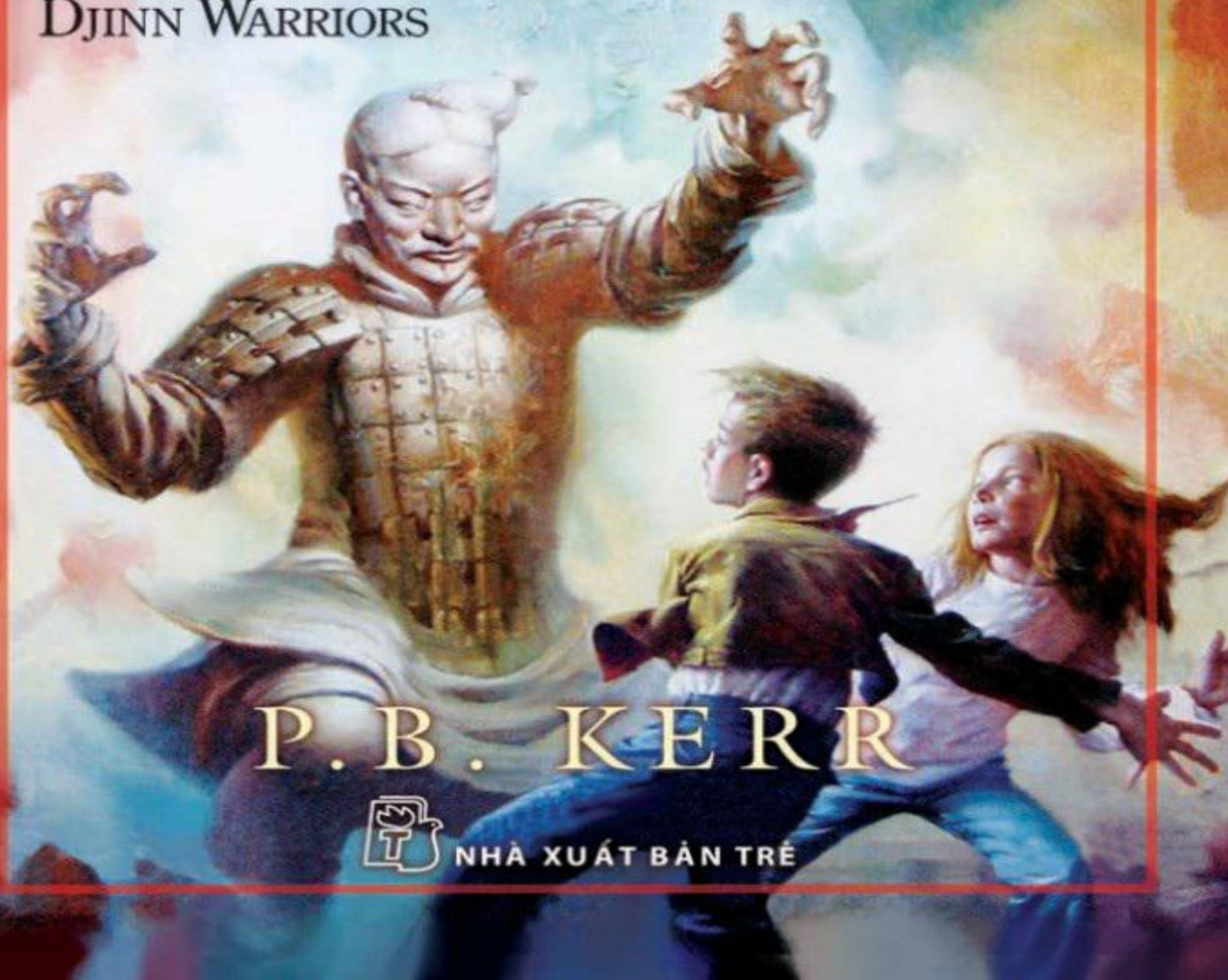
NEW YORK TIMES BESTSELLER

# Hậu duệ thần đèn

Ngày tái sinh

những chiến binh đất nung

THE DAY OF THE  
DJINN WARRIORS



P. B. KERR



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

# Hậu duệ thần đèn

Children of the Lamp

TẬP  
4

Ngày tái sinh  
những chiến binh đất nung



P. B. KERR

Trương Văn Hà dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup  
22-06-2018



*Cuốn sách này dành tặng Charlie và Naomi Kerr*





## CHƯƠNG I

### Methuselah

Trước khi rời New York đến Iraq tiếp nhận chức vụ Djinn Xanh Babylon – vị djinn tối cao của thế giới, Layla Gaunt đã đặt một chú trói buộc Methuselah lên chồng – ông Edward – nhằm ngăn không cho hai đứa con sinh đôi của bà – John và Philippa – đuổi theo. Methuselah là người già nhất từng được đề cập đến trong Kinh Thánh. Và, chắc bạn cũng có thể đoán được, chú trói buộc Methuselah sẽ làm một người già đi một cách nhanh chóng.

Bà Gaunt chắc chắn sẽ không bao giờ đẩy chồng mình vào một số phận nghiệt ngã như vậy. Bà đã mặc định để chú Methuselah chỉ hoạt động khi vắng mặt cặp sinh đôi mà thôi. Bà làm vậy cũng chỉ vì muốn ngăn John và Philippa đuổi theo bà đến Babylon. Ông Gaunt sẽ không bị lão hóa chút nào nếu hai đứa con của ông vẫn ở nhà. Nhưng vào thời điểm đặt chú Methuselah lên chồng, bà Gaunt hoàn toàn không biết hai đứa trẻ đứng trước mặt bà chỉ là một cặp bản sao hoàn hảo được tạo ra bởi một vị thiên thần tên Afriel để che giấu việc John và Philippa thật đang trên đường phiêu lưu đến Nepal và Ấn Độ. Hậu quả là, khi cặp sinh đôi cuối cùng đã quay về nhà trên đường 77 phía đông, người cha tội nghiệp của chúng đã là một ông lão rất, rất già.

Từ “già cỗi” cũng không đủ để mô tả về cha của John và Philippa khi chúng vừa gặp lại ông. Những người – vì không giống vợ và hai con của mình, ông Edward Gaunt là mundane, nghĩa là ông chỉ là một con người bình thường chứ không phải một djinn – nhìn già như ông thường đã yên giấc trong quan tài từ lâu. Bị giam cầm vào một chiếc xe lăn vì đôi chân gầy trơ xương của ông giờ đây đã quá yếu để có thể chống đỡ cơ thể, với một chiếc khăn choàng vải len kẻ ô vuông quấn quanh vai để chống đỡ với cái lạnh của mùa xuân New York, thật khó để kết nối ông Gaunt này với người cha mà cặp sinh đôi từng quen thuộc. Trên thực tế, nhìn ông có phần không giống con người, mà giống một thứ gì đó bước ra từ một bộ phim kinh dị cổ hủ.

John nghĩ cha cậu nhìn như thể ông đã tám mươi tuổi. Thực tế, ông lão hóa nhanh đến mức nhìn ông giờ đây cứ như đã hai trăm năm mươi tuổi. Và ông Gaunt dễ dàng soán ngôi vị người già nhất từng tồn tại với Methuselah.

Nimrod, một djinn quyền năng khác, đồng thời cũng là cậu ruột của John và Philippa, cho ý kiến rằng chừng nào cặp sinh đôi còn ở gần cha, chú trời buộc của bà Gaunt sẽ không hoạt động nữa.

Cậu nói:

– Sau một thời gian, chú trời buộc này sẽ tự đảo ngược và cha của hai đứa sẽ trẻ lại dần. Điều quan trọng là hai đứa phải luôn bên cạnh anh ấy, ở đây, tại New York này. Dĩ nhiên, cậu cũng sẽ ở lại đây với hai đứa thay vì về London.

Ông Rakshasas, cũng là một djinn và bản thân cũng rất già, ít nhất chừng một trăm năm mươi tuổi – vì djinn sống lâu hơn nhiều so với loài người – đồng ý với cậu Nimrod về việc chú trời buộc sẽ tự

động đảo ngược. Từ bên trong cây đèn bằng đồng cổ đại mà ông ở, ông Rakshasas khuyên cặp sinh đôi nên tham khảo ý kiến của bà Jenny Sachertorte, một bác sĩ djinn.

Bằng chất giọng Ai-len nhẹ nhàng, ông bảo:

– Chắc chắn cô ấy có thể nói cho hai cháu biết cách giảm bớt tác động một số ảnh hưởng bất lợi của chú trói buộc lên anh Gaunt tội nghiệp. Không có phương thuốc nào cho một ông lão hữu hiệu bằng sự chăm sóc của một người phụ nữ trẻ.

Nhưng bà Jenny Sachertorte không thể tới được và, qua điện thoại, bà gợi ý cho cậu Nimrod nhờ đến sự trợ giúp của một nữ y tá djinn có tên Marion Morrison.

Bác sĩ Sachertorte cho biết:

– Cô ấy là một Ân sĩ. Anh biết đó, một trong những djinn cống hiến cuộc đời để giúp đỡ những người xứng đáng. Cô ấy chuyên trị cho nạn nhân của những chú trói buộc djinn ác ý hoặc những ai lỡ ước những điều xúi quẩy. Tôi sẽ nhắn tin cho cô ấy, có điều có lẽ sẽ tốn đôi chút thời gian. Nếu tôi không lầm thì cô ấy đang ở rừng Amazon giúp đỡ những thổ dân địa phương không may bị nguyên rửa bởi một bàn chân khỉ<sup>[1]</sup>.

Cậu Nimrod nhắc:

– Chuyện thật sự gấp lắm, Jenny.

Bác sĩ Sachertorte nói:

– Tôi biết. Tôi biết chứ. Nhưng hiện tại tôi phải ở cạnh Dybbuk.

Dybbuk là cậu con trai djinn tinh quái của bà, cũng là bạn của John và Philippa.

– Nó cần tôi, Nimrod à. Đặc biệt là giờ đây, khi nó đã phát hiện

ra cha ruột của nó là ai.

Bà Jenny Sachertorte là một djinn tốt. Dybbuk cũng vậy. Ít nhất là cho đến giờ phút này. Tuy nhiên, cách đây không lâu, Dybbuk tội nghiệp đã phát hiện ra cha ruột của cậu lại chính là Iblis, gã djinn độc ác nhất thế giới, cũng là kẻ lãnh đạo tộc Ifrit, tộc djinn quỷ quyết nhất trong sáu bộ tộc djinn. Đã có không ít djinn bên phe Thiện đã từng lo lắng rằng, nếu Dybbuk không được trông coi cẩn thận, cậu có thể dễ dàng nghiêng về phía phe Ác.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi hiểu mà. Chị không cần giải thích với tôi đâu, Jenny thân mến. Tôi đồng ý Dybbuk phải được đặt lên ưu tiên hàng đầu. Tôi sẽ ở New York chờ cô Marion Morrison đến vậy.

Vậy là trong khi chờ vị y tá djinn đến nơi, họ đành phải giao phó ông Gaunt cho bà Trump, quản gia của gia đình nhà Gaunt. Và đoán rằng bà Trump giờ đây sẽ bận bịu với việc chăm sóc ông Gaunt, cậu Nimrod quyết định triệu tập ông Groanin, vị quản gia người Anh của cậu.

Philippa nhận xét:

– Tội nghiệp ông Groanin. Không phải ông ấy rất ghét New York sao?

Cậu Nimrod cho biết:

– Anh ấy ghét tất cả mọi thứ ấy chứ. Nhưng không còn cách nào khác. Cậu nghĩ bà Trump sẽ cần gấp đến sự hỗ trợ của anh ấy.

Từng là một nữ hoàng sắc đẹp, bà Trump là một phụ nữ tốt bụng, ấy là chưa kể bà cũng rất giàu. Năm ngoái bà đã trúng độc đắc hàng triệu đô la của Xổ số Toàn bang New York.

Đến giờ bà Trump vẫn không biết được gia tài kếch xù đó xuất



phát từ một điều ước của bà mà Philippa đã nghe được và vô tình biến nó thành sự thật. Dù đã đổi đời, bà Trump vẫn tiếp tục phục vụ cho gia đình Gaunt trong vai trò một người giúp việc tận tụy. Bà đặc biệt thích cặp sinh đôi cùng bà Gaunt xinh đẹp. Tuy nhiên, lòng kiên nhẫn của bà bị thử thách kinh khủng bởi thái độ hành xử của ông Gaunt.

Bà giải thích với cậu Nimrod và hai đứa trẻ:

– Ông ấy dễ làm tôi phát cáu lên được. Thỉnh thoảng tôi mất bao công sức lên đến nơi thì ông ấy đã quên bém mình muốn gì. Rồi, chỉ một hoặc hai phút sau khi tôi rời đi, ông ấy nhớ ra rốt cuộc nó là gì và lại rung chuông lần nữa. Tôi không ngại nói thẳng là tôi thấy rất, rất là kiệt sức.

John nói:

– Tội nghiệp bà Trump.

Bản thân John cùng em gái cũng đã cố giúp bà Trump chăm sóc người cha càng ngày càng trở nên khó tính của chúng, nhưng ông Gaunt già nua chỉ muốn mình bà Trump giúp đỡ. Đó là vì ông vẫn búống bình tin rằng vị nữ quản gia chính là vợ ông, bà Gaunt. Thật sự thì cũng có vài nét giống nhau giữa hai người phụ nữ. Đặc biệt là đạo gần đây. Từ khi trúng độc đắc, vẻ ngoài của bà Trump đã được cải thiện đáng kể. Bà đã đến nha sĩ trông răng giả.

Bà mặc những bộ quần áo đẹp hơn. Nói chung, bà Trump một lần nữa đã trở lại làm một người phụ nữ duyên dáng. Nhưng hiển nhiên bà vẫn thiếu sự quyến rũ và tính cách của bà Gaunt.

Nhưng ông Gaunt không nhận ra những điều đó bởi đôi mắt mù dờ và đôi tai như diếc của mình. Và không ai đoán được sự nhầm lẫn nhân dạng này hoàn toàn là vì bà Trump trùng hợp sử dụng

cùng một loại nước hoa với bà Gaunt. Không có gì bất ổn với khứu giác của ông Gaunt già nua. Cho nên ông gọi bà Trump là “em yêu”, “bà xã”, hay thỉnh thoảng là “cục cưng”, và khẳng khẳng đòi bà nắm tay ông.

Đó là những tình huống cực kì xấu hổ đối với bà Trump. Bà có thể tha thứ những hành vi kì quái và tiếp tục làm việc cũng chỉ vì bà chấp nhận lời giải thích của cậu Nimrod rằng ông Gaunt đang bị một chứng bệnh di truyền hiếm nhưng có thể phục hồi được, cũng như lời trấn an một vị y tá đặc biệt sẽ sớm đến nhà để chăm sóc cho ông Gaunt. Cũng may là bà đã dần làm quen với những việc kì lạ xảy ra tại căn nhà số 7 đường 77 phía đông. Trên thực tế, những chuyện kì lạ xảy ra tại gia đình Gaunt thường xuyên đến mức chúng trở nên không còn gì kì lạ nữa.

Vào cuối giờ làm việc của một ngày dài mệt nhọc, bà Trump nói:

– Vị y tá kia nên đến càng sớm càng tốt. Nếu ngày mai lại giống như hôm nay thì đến phiên tôi cần một y tá là cái chắc.

Bà nói cứ y như tiên tri. Buổi sáng hôm sau, ông Gaunt vụng về đã làm đứt chuỗi ngọc trai mà bà Trump đeo bên dưới lớp vải áo. Đó là món đồ trang sức yêu thích của bà Trump nên bà không bao giờ cởi nó ra dù đang nấu ăn, hút bụi hay lau chùi đồ đạc.

Bò dọc sàn phòng ngủ, bà Trump thu hồi gần hết những viên ngọc trai của mình. Nhưng có ba viên đã lăn tọt qua khe cửa và ngừng lại ngoài hành lang, nơi vài phút sau đó, bà Trump bước lên chúng, trượt chân và té xuống cả một tầng cầu thang với một tiếng “rầm” lớn nghe như tiếng cả một tòa nhà đổ sập.

John và Philippa phóng vụt ra sảnh và phát hiện bà Trump nằm bất tỉnh trên sàn nhà. Cậu Nimrod gọi xe cấp cứu và bà Trump

được chở vòng qua dãy nhà để đến bệnh viện Kildare trên đường 78. Nhưng sau ca phẫu thuật, bà vẫn hôn mê.

Bác sĩ giải phẫu cho bà, ông Saul Hudson, ra gặp cậu Nimrod cùng cặp sinh đôi với một khuôn mặt trầm trọng đầy điềm gở như nghĩa địa Salem.

Ông thông báo:

– Tôi e rằng chúng tôi đã làm hết sức có thể. Chính bà ấy sẽ là người quyết định khả năng phục hồi của mình. Nhưng hiện tại, bà ấy không có phản ứng với bất cứ kích thích nào. Và, thời gian hôn mê càng kéo dài càng đáng lo. Tôi thật sự xin lỗi vì không thể mang đến tin tức nào tốt hơn.

John hỏi:

- Tụi cháu có thể vào thăm bà ấy không, bác sĩ?
- Dĩ nhiên được.

Bác sĩ Hudson dẫn họ đến bên giường của bà Trump rồi rời khỏi phòng. Đầu của bà giờ đây quấn đầy băng trắng, và khuôn mặt bà xám ngắt như tro núi lửa. Bà nằm trong một phòng bệnh riêng có cửa sổ nhìn về phía sân sau của nhà Gaunt. Trong một khoảng thời gian dài, không ai lên tiếng.

Philippa là người đầu tiên phá vỡ im lặng:

– Cháu nghĩ thật tốt khi có thể nhìn thấy nhà của tụi cháu từ đây. Bà Trump sẽ thích lắm.

Cậu Nimrod đồng ý:

- Cậu chắc bà ấy sẽ thích.

John hỏi cậu:

- Chúng ta không thể làm gì cho bà Trump sao? Ý cháu là, sử

dụng sức mạnh djinn ấy.

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Cậu e là không, John à. Chúng ta sẽ không biết bắt đầu từ đâu. Nào bộ là một thứ phức tạp, và việc dùng sức mạnh djinn đụng chạm đến nó không bao giờ là một ý kiến hay. Frankenstein cũng bắt nguồn từ đó.

Philippa thăm thì:

– Mẹ mà ở đây thì đỡ rồi.

Rồi ngượng ngùng cười với cậu Nimrod, cô giải thích:

– Không, cháu không có ý nói cậu không đủ sức giải quyết chuyện này, cậu Nimrod. Cậu có thể. Cháu biết điều đó. Chỉ là, cháu nhớ mẹ, và cháu sẽ cảm thấy đỡ hơn rất nhiều nếu hiện giờ mẹ ở đây với chúng ta thôi.

Cậu Nimrod nói:

– Đền ời! Dĩ nhiên cậu cũng đồng ý với cháu, Philippa. Mẹ cháu, chị của cậu, là một phụ nữ rất tháo vát.

John và Philippa ngồi xuống giường bệnh của bà Trump, nắm tay và thăm thì nói chuyện với bà. Bà vẫn hôn mê. Vì cặp sinh đôi, cậu Nimrod cũng ở lại cùng chờ với chúng, và cố tỏ ra lạc quan về cơ hội hồi phục hoàn toàn của bà Trump. Nhưng cậu biết tất cả họ đều biết mọi thứ có vẻ không tốt đẹp gì cho vị nữ quản gia. Sau một lúc, John đứng dậy và đến bên cửa sổ. Phóng tầm mắt qua khu vườn nhỏ của bệnh viện về phía sân sau của gia đình nhà cậu, cậu chợt thấy một cái gì đó ở cửa sổ phòng ngủ của cha. Và rồi, chỉ trong một hoặc hai giây sau đó, bóng một người đàn ông hiện ra trên một trong những khung cửa sổ tầng dưới.

John lẩm bẩm:

– Lạ thật.

Cậu Nimrod bước đến cạnh John bên cửa sổ và hỏi:

– Cháu thấy gì à?

John gật đầu:

– Một cái gì đó, hoặc một ai đó. Không có ai khác ở nhà vào giờ này. Trừ khi cậu tính đến Monty.

Monty là con mèo của gia đình Gaunt. Một con mèo lạ thường, vì trong nhiều năm nó từng là một phụ nữ mang tên Monica Retch. Cho đến ngày bà Gaunt biến nó thành một con mèo.

John nói tiếp:

– Nhưng cháu không nghĩ là hấn ta đâu.

Philippa bảo:

– Cháu hi vọng mọi thứ đều ổn. Cháu nghĩ rằng giờ phút này cháu không thể chịu đựng thêm bất kì thảm họa nào khác.

Cậu Nimrod khuyên:

– Chúng ta nên về nhà thôi. Dù gì chúng ta cũng không thể làm được gì ở đây.



## CHƯƠNG 2

### **Cuộc chiến lố tai**

Những tưởng một thảm họa khác đang chờ đợi ở nhà, họ tìm thấy ông Groanin đang lúi húi lau chùi đồ đạc và pha trà trong bếp. Từ khi có được cánh tay thứ hai (một thời gian dài trước đó, ông đã quen sống với chỉ một tay), ông Groanin bắt đầu có thói quen làm hai việc cùng một lúc, ví dụ như ôm hai đĩa trẻ vào cái cái bụng to đùng của mình thay vì lần lượt từng đĩa một.

Ông giải thích:

– Ta mới bay từ London đến đây sáng nay. Cửa trước không khóa, vì vậy ta nghĩ nên vào nhà làm gì đó có ích một chút, như hai đĩa thấy đó.

Cặp sinh đôi rất vui khi có ông Groanin bên cạnh. Ông có thể là vị quản gia cầm lên một khay trà hay một chổi lông gà với bộ mặt đưa đám nhất mà chúng từng gặp, nhưng không hiểu sao, ông luôn khiến John và Philippa cảm thấy vui vẻ.

Với chất giọng vùng Manchester sang sảng, ông bảo chúng:

– Thật tốt khi gặp lại lũ nhóc tui bây. Ta nói, thật tốt được gặp lại hai đứa. Ngay cả trong một hoàn cảnh không lấy gì làm hạnh phúc như thế này. Chúa biết được, với sự xui xẻo cỡ đó, hai đứa viết được cả một cuốn phim bi kịch chứ chả chơi.



Cặp sinh đôi nhăn mặt khi những từ ngữ vô ý của ông Groanin như một đôi ủng đóng đinh đầu to khổng lồ chà đạp lên vết thương lòng còn chưa lành sẹo của chúng. Tuy vậy, chúng biết trái tim của vị quản gia luôn đặt đúng chỗ, dù miệng của ông đôi lúc lại du lịch tận đâu đâu.

Ông Groanin vẫn chưa ngừng nói:

– Ta hi vọng lời đồn nhất bạn quá tam là sự thật, và sự xui xẻo này kết thúc tại đây. Ta nói, ta hi vọng đã hết xui xẻo. Và hi vọng vận xui của mấy đứa đừng có lây sang ta.

Cậu Nimrod nhăn nhó:

– Anh đừng nói nữa được không, Groanin?

Ráng giữ nụ cười trên khuôn mặt, Philippa vòng tay ôm chặt ông Groanin, hi vọng nó sẽ giúp ông khỏi suy nghĩ vẩn vơ này nọ.

Cô nói:

– Cảm ơn ông đã đến, ông Groanin.

Ông bảo:

– Không cần cảm ơn ta đâu, cô bé. Dù sao ta cũng không có việc gì khác tốt hơn để làm. *City* giờ chẳng chơi đúng phong độ gì cả.

*Manchester City* là đội bóng mà ông Groanin ủng hộ.

John cười:

– Đúng là ông Groanin!

Vài phút sau, chuông cửa reo lên và ông Groanin, đúng như một quản gia thực thụ, cởi bỏ tạp dề, mặc áo khoác vào và nhanh chóng ra mở cửa.

Vào cũng gọn gàng như ra, ông thông báo:

– Có một người Mỹ muốn gặp cậu, Nimrod. Một quý bà có vẻ

ngoài không được bình thường cho lắm nói rằng cậu đang chờ bà ấy, và bảo tên bà ấy là Cô Marion Morrison.

Cậu Nimrod bảo:

– Anh mời cô ấy vào thư viện giùm nhé.

Marion Morrison thật sự kì lạ. Bà là một phụ nữ có tuổi cao to với giọng nói khàn khàn, cùng đôi mắt nâu tròn như viên bi mà bà có thể điều khiển để nhìn về hai phía cùng một lúc. Mái tóc ngắn hung đỏ của bà nhìn giống một mớ thép bụi nhùi rỉ sét. Bà mặc một cái áo sơ mi đỏ, một chiếc quần màu nâu vàng, một bộ gi-lê bằng vải da, và một đôi giày ống cao bồi. Một tay bà cầm một cái bánh sandwich đậu to đùng, trong khi tay còn lại giữ một tách cà phê đen nghi ngút khói.

Với một mắt liếc nhìn cặp sinh đôi và mắt còn lại hướng về cậu Nimrod, bà nói:

– Hello! Anh chắc là Nimrod. Còn hai đứa chắc là John và Philippa. Đã nghe nói nhiều về hai đứa. Hầu hết là điều tốt.

Xi xụp húp cà phê một tiếng rõ to, bà nói tiếp:

– Cô đã tự chuẩn bị cho mình một ít đồ ăn tối. Hi vọng mọi người không ngại. Mất cả ngày cuối lốc gió mới đến đây nên cô có hơi xơ xác ấy mà.

Philippa lịch sự hỏi thăm:

– Chuyến bay của cô tốt đẹp không ạ?

Bà Marion Morrison cười toe:

– Cô đang ở đây, không phải sao?

Rồi cắn một miếng sandwich to, bà nói thêm:

– Tốt như có thể, cô đoán vậy.

Trước sự kinh hoàng của ông quản gia Groanin khó tính, vài hạt đậu từ cái bánh sandwich rớt xuống tấm thảm trải sàn thư viện đắt giá, và đôi giày cao bồi của nữ y tá djinn có vẻ lấm lem bùn đất đối với một người cả ngày ngồi trên lốc gió. Dựng kế bên cửa ra vào là cái túi ngủ cùng vài cái túi yên của bà Marion Morrison, như thể bà chỉ vừa mới xuống ngựa.

Cậu Nimrod nói:

– Chị Jenny Sachertorte nói cô là một y tá djinn.

Người phụ nữ với vẻ ngoài kì lạ giải thích:

– Với djinn, có lẽ vậy. Nhưng với con người, tôi còn hơn là một y tá bình thường. Bác sĩ, thầy thuốc, người chữa bệnh. Mundane vẫn gọi tôi như thế.

Lại húp cà phê cái “rột” trước khi hất cặn vào lò sưởi, bà hỏi:

– Ok, thế bệnh nhân của tôi ở đâu? Nếu ông ấy bị dính chú trời buộc Methuselah, thời gian không đứng về phía chúng ta, vì thế chúng ta nên vào việc nhanh đi.

Cậu Nimrod và cặp sinh đôi dẫn vị khách kì lạ của họ lên lầu, và đến lúc họ đứng trước cửa phòng ngủ của ông Gaunt, bà đã xử lí xong cái bánh sandwich to bụng của mình. Bước vào trong phòng, bà giơ hai tay lên như một bác sĩ giải phẫu chuẩn bị bắt tay vào việc, và chúng lập lòe sáng trong một ngọn lửa mỏng màu xanh nhạt trong vài giây khi bà cho phép một lượng nhỏ sức mạnh djinn thoát khỏi cơ thể và đốt cháy những bụi bặm và vi khuẩn bám trên chúng. Ngọn lửa đủ mạnh để làm cháy xém rìa ngoài cổ tay áo của bà.

John vốn chưa bao giờ tận mắt chứng kiến chuyện này trước đây, cậu cảm thấy quái hàm như muốn rút ra.

Nữ y tá djinn hỏi:

– Có chuyện gì sao, con trai? Cháu chưa bao giờ thấy người ta rửa tay bao giờ à?

John trả lời:

– Ô... rửa tay bằng sức mạnh djinn thì chưa ạ.

Bà cho biết:

– Tốt hơn nhiều so với nước và xà phòng đấy. Cô chưa bao giờ thích cảm giác nước dính vào da. Nếu cháu hỏi thì cô sẽ bảo rằng djinn mà phải đến gần nước thì thật không tự nhiên chút nào.

Đặt bàn tọa to dùng lên giường của ông Gaunt, bà nhìn ông một cách ôn hòa và nói:

– Chào, ông bạn già.

Với ánh mắt như người bị cận nặng, ông Gaunt nhìn thẳng qua người y tá mới của mình về phía khoảng không sau lưng bà. Chum một bàn tay run rẩy quanh cái lỗ tai kênh càng đầy lông, ông thều thào hỏi:

– Ai đó? Ai nói gì đó?

Philippa giải thích:

– Cha cháu hơi bị điếc, cô à.

– Ừm... hừm... Ông bạn già có vẻ không được ổn lắm.

John nhắc:

– Cha cháu không phải “ông bạn già” gì đâu. Nếu cô không ngại cháu nói thế, thưa bà Morrison. Thực sự ông mới có năm mươi tuổi thôi. Đủ lớn so với một người bình thường, chắc vậy. Nhưng không già đến thế. Ít nhất không phải già như vẻ ngoài hiện tại của ông. Và bình thường cha cháu cũng không có râu như bây giờ. Ông

là một người cha rất, rất tốt.

Với một con mắt trông chừng bệnh nhân của mình, vị nữ y tá djinn chuyển con mắt còn lại về phía John và mỉm cười một cách hài lòng.

Bà nói:

– Thật tốt khi nghe cháu nói thế. Cha cháu thật may khi có một đứa con như cháu. Sự thật là, ngay cả người lớn cũng cần đến sự tử tế và cảm thông. Cô đoán cha cháu sẽ cần khoảng hai hoặc ba tháng gì đấy để hồi phục hoàn toàn. Từ giờ cho đến lúc đó, chúng ta có thể giúp làm giảm bớt một số triệu chứng của tuổi già cho ông. Và nhân tiện nói luôn, không phải “bà”, càng không phải “Marion”. Gọi “cô” hoặc “Doc”<sup>[2]</sup> nhé, con trai.

Ông Gaunt lại hỏi:

– Ai nói gì đó?

Nữ y tá djinn yêu cầu:

– Bây giờ thì ai đó nói cho tôi biết về chú trói buộc này giùm.

Cậu Nimrod giải thích cho bà Marion Morrison nghe về bản chất và quy luật thời gian của chú trói buộc Methuselah lên ông Gaunt, cũng như việc cặp sinh đôi được mặc định như nhân tố chế ngự nó. Doc lắng nghe rồi đặt một ngón tay vào trong lỗ tai của ông Gaunt và một ngón khác vào lỗ mũi ông để kiểm tra nhiệt độ. Cặp mắt bà ngừng lại giây lát ở một chậu bonsai đặt trên đỉnh cái tủ com-mốt ở một góc phòng ngủ. Đó là một cây phong của Nhật chỉ cao khoảng bảy mươi centimet.

Bà hỏi:

– Chậu bonsai đó là đồ thật à? Đến từ vùng Viễn Đông? Hay chỉ là một mẫu hàng giả làm sẵn?

Philippa trả lời:

– Là đồ thiệt ạ. Nó là quà sinh nhật cha cháu tặng cho mẹ. Ông đã mua nó ở Hồng Kông.

Bà Marion đứng dậy và đến gần cái chậu cây để nhìn kĩ hơn.

– Vậy phần đất trong chậu một trăm phần trăm của Trung Quốc?

Philippa nói:

– Cháu nghĩ vậy. Cô có hứng thú với bonsai à?

Bà lắc đầu:

– Không. Cô còn không chịu nổi chúng nữa là.

Nhặt một ít đất từ chậu cây bonsai lên, bà Marion ngửi ngửi nó, ném thử, phun nó ra rồi gật gật đầu. Một giây sau đó, bà nhổ cái cây nhỏ bé ra khỏi chậu và ném nó vào một góc phòng.

Philippa la hoảng:

– Ối. Cái cây đó trị giá hai mươi ngàn đô lận.

– Cô không nghĩ kích cỡ túi tiền của một người có liên quan gì đến bộ não của họ.

Bà Marion phun nước miếng vào một nhúm đất lấy từ trong chậu, rồi đun nóng hỗn hợp trên tay bằng sức mạnh djinn để tạo ra một thứ đất sét mà sau đó bà dùng để trét lên mí mắt của ông Gaunt.

Bà cho biết:

– Nó sẽ giúp tăng cường khả năng thị giác của ông ấy. Đủ để ông có thể đọc báo hoặc coi ti-vi gì đó.

Bà tiếp tục đốt nóng phần đất sét còn lại trong lòng bàn tay cho đến khi nó trở thành một nhúm bột mịn. Rồi bà thổi nó vào bên



trong hai lỗ tai rậm lông cùng hai khoang mũi của ông Gaunt.

- Và cái này sẽ giúp ông nghe radio.

Philippa hỏi:

- Vì sao?

Bà Marion giải thích:

- Nước miếng của djinn. Nó có khả năng chữa thương. Ít nhất là với con người. Và khi trộn với đất Trung Quốc, nó trở thành một nguyên liệu tuyệt vời với vô số khả năng siêu nhiên.

Cười toe, bà cho biết:

- Đúng là một may mắn bất ngờ khi tìm thấy chậu bonsai ở đây. Cô vừa hết đất Trung Quốc.

Vừa nói, bà vừa nhặt cái chậu cây lên và đổ phần đất còn lại vào một túi ni lông lấy ra từ túi quần.

- Nếu mọi người không ngại, tôi sẽ cất giữ nó. Coi như là phí chữa trị.

Cậu Nimrod thú nhận:

- Tôi hoàn toàn không biết gì về điều này. Về nước miếng djinn và đất.

Bà Marion hỏi cậu:

- Anh chưa nghe nói gì về Adam à?
- Adam?
- Con người đầu tiên được Chúa tạo ra từ đất sét trong Thánh Kinh. Đó chính là ý nghĩa của cái tên đó. Từ đất.

Cậu Nimrod gật đầu:

- À vâng, dĩ nhiên rồi.

Ông Gaunt thành linh chen vào:

– Bà không phải là Layla.

Có vẻ như thị giác của ông đã hồi phục nhiều.

Bà Marion nói:

– Thả lỏng nào, ông bạn già. Tôi là bác sĩ. Chúng tôi đang cố giúp đỡ ông thôi.

Philippa hỏi thăm:

– Có khi cô cũng có thể chữa bệnh cho bà Trump.

Rồi Philippa bắt đầu giải thích về chuyện đã xảy ra cho bà giúp việc của gia đình.

Ông Gaunt hỏi:

– Bà Trump? Tại sao? Chuyện gì xảy ra với bà ấy? Mà vợ tôi đâu rồi? Layla đâu?

John khuyên nhủ cha:

– Thả lỏng đi cha. Đừng cử động nhiều. Cô Morrison ở đây để giúp cha thôi.

Doc nói với Philippa:

– Sáng mai cô sẽ ghé xem thử bà ấy. Mỗi mấy cái đầu là phức tạp thôi.

Trên đường ra khỏi phòng ngủ của ông Gaunt, bà Marion cúi xuống nhặt một thứ gì đó trên sàn. Đó là một viên ngọc trai. Bà nhìn nó trong một giây, rồi, trước khi ai đó kịp ngăn lại, bỏ tọt nó vào miệng và nhai nhồm nhoàm như thể đang nhai một quả hạch, một việc mà không hàm răng con người nào có thể làm nổi.

John kinh ngạc hỏi:

– Cô ăn ngọc trai à?

Bà Marion gật đầu:

– Dĩ nhiên. Nếu cháu là một djinn, chúng tốt cho cháu đấy. Sự hòa hợp của lửa và nước. Một số người gọi chúng là con mắt thứ ba. Xứng đáng là một trong tám báu vật. Ngọc trai là kết tinh của ánh sáng, sự thông thái siêu việt, ý thức tâm linh và tinh hoa của vũ trụ.

Rồi nhẹ răng cười, bà kết luận:

– Đó là chưa kể, vị của chúng khá ngon.

Tối hôm đó, khi bà Marion và ông Groanin đều đã đi ngủ, sau một cuộc nói chuyện dài với ông Rakshasas, cậu Nimrod gọi cặp sinh đôi vào thư viện. Ở đó, cậu nói cho chúng biết:

– Cậu và anh Rakshasas đã bàn bạc kĩ về chuyện này, và chúng ta nghĩ có lẽ có một cách để mang mẹ hai đứa về.

Như thường lệ, cậu mặc một bộ vét đỏ, đứng bên cạnh là ông Rakshasas – đang mặc một bộ đồ trắng – hai djinn lớn nhìn giống quốc kì Indonesia – mọi người đều biết nó bao gồm một vạch đỏ nằm phía trên một vạch trắng. Cả hai ngồi rất gần lò sưởi – quá gần là đáng khác – nhưng dĩ nhiên, vì là djinn, những người tạo nên từ ngọn lửa, họ vẫn cảm thấy thoải mái như hai lát bánh mì nướng phết bơ nóng hổi.

Philippa hỏi:

– Bằng cách nào?

Cô đã hoàn toàn từ bỏ hi vọng thật sự được gặp lại mẹ mình lần nữa, vì bản thân cô biết rõ trở thành Djinn Xanh Babylon đồng nghĩa với việc tự đặt bản thân ra khỏi phạm trù Tốt-Xấu, và chỉ

biết lắng nghe tiếng nói lạnh lùng, cứng nhắc của logic thuần túy như một vị giáo sư dạy toán đáng sợ. Người ta tin rằng, chỉ như vậy, Djinn Xanh mới có thể trở thành thẩm phán tối cao đại diện cho cả ba tộc djinn Thiện và ba tộc djinn Ác. Và chỉ như vậy mới có thể giữ nguyên cân cân sức mạnh giữa hai phe. Philippa gỡ cặp mắt kính đột ngột trở nên mờ hơi nước của mình ra chùi mạnh. Nội nghĩ đến việc không bao giờ còn có thể gặp lại người mẹ quen thuộc cũng đủ khiến cô rơi nước mắt.

Ông Rakshasas cho biết:

– Các cháu nên lưu ý rằng, đây chỉ là một ý tưởng. Chắc chắn không nên đặt hết tất cả hi vọng vào một trận đua ngựa ở Dingle Beach. Khi mà chúng ta chưa hỏi cậu ấy. Hoặc, trong hoàn cảnh này, cô ấy. Nó sẽ không dễ dàng như một cuộc đi dạo trong công viên Phoenix, ông nghĩ vậy.

John hỏi lại:

– Cậu ấy? Cô ấy? Ông đang nói ai vậy? Ông Rakshasas, ông có thể nói thẳng vào vấn đề giúp cháu được không?

Cậu Nimrod thay ông trả lời:

– Là Dybbuk. Và chị cậu ấy, Faustina. Chúng ta sẽ cần đến sự giúp đỡ của họ.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng không phải Faustina đã đánh mất cơ thể ở Anh hay sao? Sau khi cậu trực xuất linh hồn chị ấy khỏi Thủ tướng?

Cậu Nimrod cho biết:

– Gần như thế. Khi guru Masamjhasara, lúc ấy còn là bác sĩ Warnakulasuriya, lấy mẫu máu của Thủ tướng Anh, gã đã vô tình ngăn không cho Faustina thu hồi lại cơ thể. Ít nhất là không thể

nếu không có sự giúp đỡ của một djinn khác. Một phần nhỏ linh hồn của cô bé đã vĩnh viễn mất đi với mẫu máu mang đi thử đó.

Philippa nói:

– Cháu vẫn không hiểu chị ấy có thể giúp được chúng ta như thế nào.

John gật đầu:

– Cháu cũng không hiểu.

Cậu Nimrod giải thích:

– Nếu, bằng một cách nào đó, chúng ta có thể hợp nhất linh hồn và cơ thể của Faustina, nhiều khả năng cô bé ấy sẽ trở thành Djinn Xanh thay cho mẹ hai đứa.

Ông Rakshasas cho biết thêm:

– Đúng lí thì Faustina mới là Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo. Cô bé ấy chính là người được lựa chọn. Nhưng việc Faustina đánh mất cơ thể đã xáo trộn tất cả. Thế đấy.

Philippa hỏi lại:

– Nhưng liệu có thể không? Việc hợp nhất cơ thể và linh hồn của chị ấy như cậu tả?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– À, có thể chứ. Chỉ cần chúng ta biết được phải tìm kiếm linh hồn của Faustina ở đâu. Đó là điều cậu không biết, cho đến khi cháu nói cho cậu, Philippa.

– Cháu?

– Chẳng phải cháu đã kể khi đến đảo Bannerman, cháu từng nghe tiếng của một cô bé vô hình thì thâm vào tai hay sao?

Đảo Bannerman, nằm trên sông Hudson của thành phố New

York, là nơi dì Felicia của Dybbuk sống một cuộc sống huy hoàng nhưng cô độc phát khiếp.

Philippa gật đầu:

– Đúng là thế. Dù chỉ trong tích tắc. Và cháu còn cảm thấy một cái gì đó vượt nhẹ qua người. Giống như một sợi tơ nhện vắt ngang. Ý cậu là, linh hồn của chị Faustina có thể ở đó?

John lẩm bẩm:

– Khi cảm thấy nguy hiểm, Dybbuk cũng đã trốn đến đảo Bannerman, vì cậu ấy cảm thấy an toàn ở đó. Cháu cá là chị Faustina cũng cảm thấy như vậy.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng linh hồn nếu rời khỏi cơ thể quá lâu không phải sẽ bị tan biến trong không gian sao? Cậu đã nói thế với tụi cháu lúc ở Ai Cập.

Cậu Nimrod cho biết:

– Đó là sự thật. Nhưng chỉ là khi cháu không thể đến được một nơi thân thuộc với cháu. Như một hồn ma thường ám ngôi nhà của nó. Nếu có thể tìm được một nơi như vậy, linh hồn của cháu có thể bám trụ ở đó vĩnh viễn. Với Faustina, có lẽ đảo Bannerman là một nơi như vậy.

Philippa hỏi:

– Có nghĩa, tất cả những gì chúng ta cần làm là đến đảo Bannerman và hợp nhất cơ thể với linh hồn của chị ấy?

Ông Rakshasas cho biết:

– Nói thì đơn giản, nhưng không phải vậy.

John rên rĩ:



– Biết ngay là sẽ không đơn giản như thế mà.

Cậu Nimrod giải thích:

– Cần có ai đó bước vào thế giới hư vô dưới hình dạng linh hồn. Người đó sẽ phải để lại cơ thể, và bước qua cổng vào trên bức tường của thế giới bên kia để có thể nói chuyện với Faustina.

Philippa hỏi:

– Cổng vào loại nào cơ?

Cậu Nimrod trả lời:

– Một đền thờ cổ đại. Ai Cập, Maya, hoặc Babylon. Đó thật sự là mục đích chúng được tạo ra.

Ông Rakshasas góp ý:

– Tôi nghĩ đền thờ Ai Cập là tốt nhất. Như vậy chúng ta sẽ được một người hầu Ka trợ giúp nếu đụng phải những linh hồn hung ác.

John hỏi:

– Vậy ai sẽ làm việc đó?

Cậu Nimrod nói:

– Phải là một ai đó cùng lứa tuổi với Faustina. Người mà cô bé ấy tin tưởng.

John trả lời thay cậu:

– Là Dybbuk.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Ừ. Đó là điều cậu nghĩ.

John khẳng định:

– Cậu ấy sẽ đồng ý. Chắc chắn cậu ấy sẽ làm. Faustina là chị

của cậu ấy mà.

Ông Rakshasas thở dài:

– Có lẽ. Nhưng ông nghĩ Dybbuk cần phải được thuyết phục một cách thận trọng. Người ta cần bước chậm trên một con đường không quen thuộc.

John vẫn khẳng khái:

– Cậu ấy chắc chắn sẽ làm.

Và lần đầu tiên cậu quyết định trả lời ông Rakshasas bằng một câu thành ngữ:

– Người ta vẫn thường nói “một giọt máu đào hơn ao nước lã” mà.

Ông Rakshasas nói bằng một giọng khiến John có cảm giác ông không chắc chắn mấy:

– Ừ. Mật ong thì rất ngọt, nhưng cần phải là một người dũng cảm mới dám liếm nó trong tổ ong.

Cậu Nimrod nói:

– Anh Rakshasas nói đúng đó, John. Cần dùng gắng tay chống phỏng khi đối xử với Dybbuk tội nghiệp. Cậu ấy vẫn còn bị sốc nặng sau khi biết được cậu ấy là ai, là cái gì. Nhưng chúng ta không còn nhiều thời gian. Sau chưa đầy ba mươi ngày nữa, sẽ quá trễ để Faustina thay thế mẹ cháu trở thành Djinn Xanh. Vì thế, tối nay cậu sẽ đi và nói chuyện với Dybbuk nội trong ngày mai.

John vừa định gợi ý rằng, sẽ tốt hơn nhiều nếu cậu đi chung với cậu Nimrod vì cậu và Dybbuk là bạn thân. Nhưng rồi, John nhớ đến cha mình và chú trói buộc Methuselah.

– Cậu đồng ý với cháu, John.

Cậu Nimrod nói, vì dù không có khả năng đọc suy nghĩ của người khác, cậu lại có thể đọc được những gì viết ra trên mặt đĩa cháu trai của mình:

– Có lẽ mang cháu theo là một ý tưởng tốt. Để cho chắc ăn.

John thắc mắc:

– Nhưng bằng cách nào? Tụi cháu phải ở đây, không phải sao? Cháu và Phil. Không thì cha cháu sẽ lại lão hóa lần nữa.

Ông Rakshasas, tác giả cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn*, người nắm rõ những việc một djinn có thể và không thể làm, cho biết:

– Có thể có một cách. Một *Posse Commodata*. Nghĩa là một sự cho mượn sức mạnh. Phần lớn djinn đều ngại cho một djinn khác mượn sức mạnh của mình, vì nó đòi hỏi một sự tin tưởng đặc biệt. Nhưng ông nghĩ nó sẽ không là vấn đề gì giữa các cặp sinh đôi. Chú trói buộc Methuselah chỉ bị ảnh hưởng bởi tổng lượng sức mạnh djinn, không phải bởi cơ thể cháu, John à.

John nói:

– Cháu hiểu rồi. Vậy cháu phải làm thế nào? Làm thế nào để cháu đưa cho Phil toàn bộ sức mạnh của cháu?

Ông Rakshasas nói:

– Đừng trở thành một con ngỗng trời vội vã chui đầu vào hang cáo, chàng trai trẻ. Đưa cho một djinn khác toàn bộ sức mạnh của cháu không phải là một chuyện nói cái làm liền. Không những vậy, *Posse Commodata* không phải là việc ai cũng thích. Trước và sau đó. Cách duy nhất để một djinn cho một djinn khác mượn sức mạnh là tập trung tất cả hơi nóng bên trong cơ thể và thổi chúng vào trong tai của djinn kia.

– Thối vào trong tai Phil ấy à?

Ông Rakshasas gật đầu:

– Trong khoảng sáu mươi giây.

John nhìn vào tai của em gái và nhăn mặt một cách ghê tởm.

– Không đời nào. Ông nói đùa thôi, đúng không? Ý cháu là, ai cũng được, nhưng không phải Phil. Tởm chết được.

Philippa lạnh lùng bảo:

– Tin em đi, em cũng chả vui sướng gì đâu. Nội nghĩ đến việc cái miệng chảy nước của anh dính vào người là đủ để em nổi cả da gà rồi.

Ông Groanin hỏi:

– Chuyện đó tởm ở chỗ nào mới được?

John phản đối:

– Thứ nhất, Phil là em gái cháu.

Philippa tiếp lời:

– Và thứ hai, John là anh trai cháu.

John kết thúc:

– Đó không phải là chuyện anh trai em gái làm với nhau. Thối vào tai nhau như vậy. Tội cháu không làm đâu.

Cậu Nimrod và ông Rakshasas giữ im lặng để cặp sinh đôi tự do phản đối, nhăn nhó này nọ, vì họ biết, như hai đứa trẻ cũng biết, bất chấp những từ ngữ gay gắt đó, chúng sẽ phải làm việc đó. Và sau một lúc, khi John và Philippa đã ngừng la hét và nhăn nhó với nhau, chúng cùng nhìn về phía hai djinn lớn, lòng cảm thấy có chút xấu hổ vì đã cư xử trẻ con như vậy.

John lên tiếng trước tiên:

– Cháu xin lỗi vì đã lớn tiếng như thế.

Philippa nói:

– Cháu nữa. Cháu thật không biết tại sao lại xử sự như vậy nữa.

Mỉm cười trù mến, ông Rakshasas khuyên:

– Khi nào lớn hơn, các cháu sẽ học được sự im lặng chính là hàng rào bảo vệ cánh đồng cất giữ sự thông thái. Trong cuộc sống, các cháu sẽ phải học cách để một củ khoai tây nhỏ đi kèm với một củ khoai tây lớn.

Không chắc rằng cậu có thể hiểu hết những điều ông Rakshasas muốn nói, John bình tĩnh hỏi:

– Cháu phải làm gì bây giờ?

Cậu Nimrod hướng dẫn Philippa nằm xuống sàn, rồi bảo John đặt ngón tay quanh lỗ tai em gái. Cậu chỉ bảo:

– Bây giờ, John, cháu hãy hít thở một hơi thật sâu rồi áp miệng vào tai Philippa, như thể cháu đang cố ăn nó. Rồi cháu phải thở mạnh vào đó, cho đến khi cậu bảo dừng lại.

John lầm bầm:

– Anh hi vọng lỗ tai của em sạch sẽ.

Philippa trả đũa:

– Em cá là nó sạch hơn tai anh nhiều.

John nhìn về phía cậu Nimrod và nâng một bên lông mày, như thể muốn mách cậu về sự khiêu khích mới nhất của cô em gái.

Nhắm nghiền đôi mắt, Philippa giục:

– Nhanh lên, đồ ngốc.

Giữ tai em, John cúi người xuống.

Philippa phàn nàn:

– Ối. Hơi thở của John. Nóng quá đi.

Cậu Nimrod giải thích:

– Thì phải vậy mới đúng mà, Philippa.

Ngay khi John xong việc, Philippa nhanh chóng lăn qua một bên, vội vã đưa cẳng tay lên chùi mạnh tai.

– Ôi trời. Thật kinh khủng. Cứ y như bị một con cá mút đá bám vào tai ấy.

Sự khó chịu mà John cảm thấy khi phải ép miệng vào tai em gái nhanh chóng bị thay thế bởi cảm giác tồi tệ của sự tầm thường vốn có ở loài người. Nó giống như một phần nhỏ của cậu đã chết đi. Cậu đứng lên, rồi ngồi xuống gần như ngay lập tức, hai tay ôm đầu.

Cậu hỏi nhỏ như muỗi:

– Cá mút đá là gì?

Em gái cậu mô tả một cách ác ý:

– Một loài cá không có hàm. Với một cái miệng hút lồm chồm răng như một cái phễu. Có phần giống một con lươn.

John mỉm cười một cách yếu ớt.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cháu thấy thế nào, John?

John trả lời:

– Như thể cháu là đồ bỏ đi ấy.

Quay qua cô cháu gái, cậu Nimrod hỏi:

– Còn cháu, Philippa? Cháu thấy thế nào?

Cô cho biết:



– Mạnh gấp đôi. Như thể cháu vừa cắm mình vào ổ điện, rồi uống cạn một cốc cà phê đen đậm đặc ấy.

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Cậu nghĩ hai cháu làm được rồi đó.

John hỏi:

– Cảm giác làm mundane là như thế này sao?

Giờ đây đã bắt đầu hối hận về những điều không tốt đã nói với John, Philippa đặt một tay lên vai anh như muốn an ủi và hỏi:

– Là cảm giác như thế nào vậy anh?

– Giống như anh vừa về cuối trong cuộc đua marathon toàn thành New York, và đâu đó trên đường đua, đã đồng thời đánh mất một thứ gì đó rất, rất quan trọng. Như một cẳng chân. Anh cảm thấy như thể mình bị dính phải một virus ác tính nào đó.

Ông Rakshasas gật gù:

– Người ta sẽ không bao giờ tiếc thương nguồn nước cho đến khi cái giếng cạn khô.

John đồng ý với ông:

– Đúng là vậy.

Rồi hít một hơi thật sâu, cậu đứng dậy và hỏi:

– Khi nào chúng ta lên đường?

Cậu Nimrod trả lời:

– Ngay bây giờ. Chúng ta thật sự không có thời gian để lãng phí.

Rời khỏi nhà, họ đi đến Công viên Trung tâm của New York, nơi gần như vắng vẻ hoàn toàn vào lúc nửa đêm như thế này. Ở đó, trong một mảnh đất trống, cậu Nimrod tạo ra một ngọn gió lốc

mạnh mẽ nhưng vô hình, bị đánh dấu chỉ khi có một tờ báo bỏ đi quay vòng vòng ở đuôi xoáy lốc. Chỉ vài giây sau đó, cậu và John bắt đầu được nâng cao lên đỉnh ngọn gió lốc như thể được triệu hồi đến một cuộc hội họp trên thiên đường. Philippa và ông Rakshasas dõi mắt nhìn theo cho đến khi họ đã cách mặt đất chừng mười lăm mét. Đến lúc này, cậu Nimrod chuyển cái phễu gió của mình về phía tây và, với vận tốc lên tới 261 dặm/giờ – mức độ F5 trên máy đo cường độ bão cải tiến Fujita-Pearson – họ biến mất trong bầu trời đêm Manhattan.



## CHƯƠNG 3

### Ảo thuật gia

Dybbuk muốn gặp cha ruột.

*Điều đó cũng bình thường thôi, không phải sao? Iblis có thể là djinn quỷ quyết nhất trên thế giới, nhưng mình dù sao cũng là con ruột của ông. Mình đâu có sai khi muốn gặp ông đâu chứ. Tất cả mọi đứa trẻ đều muốn gặp ông già mình, dù ông có là một con quái vật.*

Nhưng cùng lúc, cậu cũng biết rõ mẹ mình, bà Jenny Sachertorte, sẽ không bao giờ đồng ý với điều đó. Thứ nhất là, bà sợ Iblis. Hầu hết những ai có lí trí đều sợ gã. Lí do khác là, bà sợ việc gặp gỡ Iblis sẽ lôi kéo Dybbuk đi theo con đường xấu.

*Mình thật không biết bả lo lắng cái gì nữa. Mình có phải là một người quỷ quyết như Iblis đâu. Ừ thì đôi lúc mình cũng có quậy phá chút đỉnh. Đứa trẻ nào chả vậy? Nhưng điều đó không có nghĩa mình là một kẻ xấu. Biết đâu được, nếu gặp mình, có khi Iblis lại bớt xấu đi cũng nên. Có thể vì không có mình bên cạnh khuyên bảo nên ông mới tệ như vậy.*

Dybbuk biết nên tìm cha ở đâu. Tất cả djinn đều biết Iblis chính là người điều khiển Las Vegas, chứ không phải Mafia như loài người vẫn nghĩ. Và Vegas thật sự không xa Palm Spring – nơi

Dybbuk ở là bao. Tất cả những gì cậu cần làm là đi đến đó. Nhưng cậu phải thuyết phục mẹ như thế nào để có thể chuồn đi đây? Từ khi quay trở về nhà từ Ấn Độ, bà lúc nào cũng kè kè theo sát cậu. Tệ hơn nữa, bà còn bắt cậu phải lập lời thề rằng, cậu sẽ không tự mình cưỡi lốc gió đi đâu mà không xin phép. Cậu bị cấm túc một chỗ mất tiêu rồi.

Dybbuk trước giờ vẫn luôn cười nhạo khi nghe bọn trẻ trong trường sử dụng từ “cấm túc”, như thể nó có ý nghĩa đặc biệt gì đó. Dĩ nhiên, không giống chúng, lần này cậu thật sự bị cấm túc theo đúng nghĩa đen của nó. Ừ thì cậu vẫn có thể bắt xe buýt đến Vegas đấy, nhưng Dybbuk lại quá lười để làm một chuyện như thế. Vả lại cậu ghét xe buýt. Thậm chí có phần sợ nó, cũng như những hành khách hung hăng nặng mùi của nó. Đó là chưa kể đến xe buýt làm chúng sợ không gian chật của cậu phát tác. Đó là một triệu chứng bình thường cho tất cả djinn, những người cực ghét những không gian khép kín, ngoại trừ cái đèn của họ.

Vì thế Dybbuk ở nhà và ngấm ngấm lập một kế hoạch có thể “hợp pháp” đưa cậu đến Las Vegas.

Có nhiều lúc Dybbuk có thể điều khiển mẹ mình như chơi một cây đàn ghita. Cậu biết cách để nhặt bà lên, chỉnh phím bà một chút, và rồi búng dây để nghe được giai điệu mà cậu muốn nghe. Cậu biết chính xác phải làm gì để bà nói những điều mà bà thường nói. Cho nên, cậu lù lù đi quanh quần trong nhà với một khuôn mặt u ám, không nói một tiếng nào mà chỉ trừng mắt nhìn vào không khí. Trong khi đó, mẹ cậu nướng cho cậu cái bánh cà ri mà cậu thích nhất, cho phép cậu xem những đĩa DVD không hợp lứa tuổi, cho cậu tiền tiêu vặt, và thậm chí mua cho cậu một đĩa game PlayStation mới. Nhưng cậu vẫn giữ nguyên một bộ mặt hăm tãi.

Và cuối cùng bà Sachertorte cũng bùng nổ như một trái pháo. Bà giật cái bát ngũ cốc mà cậu chọn để ăn thay vì cái bánh bà đặc biệt làm cho cậu và ném nó vào tường.

Bà hét lên:

– Dybbuk.

Chỉ khi nào thật sự giận dữ, bà mới gọi tên cậu đầy đủ như vậy, thay vì cái tên Buck mà cậu ưa thích.

– Con đang thử thách lòng kiên nhẫn của mẹ đó hả? Mẹ nướng bánh cho con. Mẹ mua game cho con. Và con vẫn đi lòng vòng, trưng ra một khuôn mặt như dưa đám. Mẹ phải làm gì con mới vui lên được đây hả?

*A ha, cá mắc câu.*

– Mẹ không thể làm gì để con cười một tiếng sao?

Dybbuk gật đầu:

– Có thể ạ. Con muốn đi Las Vegas.

Bà Jenny Sachertorte nheo mắt nghi ngờ hỏi:

– Vegas? Con muốn đến đó làm gì? Con còn quá bé để dính vào mấy trò cờ bạc, và quá lớn để tham gia tour tham quan Nhà máy Chocolate. Ngoài ra, không djinn phe Thiện nào đến Vegas mà không phải cẩn thận. Con biết nơi đó điều hành bởi tộc Ifrit mà.

Trợn ngược hai mắt lên đỉnh đầu, Dybbuk rên rỉ như một cây kèn fagôt:

– Quên đi.

Mẹ cậu vội nói:

– Không, không, không. Nếu nó làm con thấy vui, chúng ta sẽ đi Las Vegas. Chỉ cần con nói cho mẹ biết tại sao con muốn đến đó.

Con thích nhìn đèn ở đó hả?

Dybbuk cầu nhàu:

- Con ghét đèn. Một mớ lờ loẹt và ngổ ngẩn.
- Vậy thì tại sao?
- Con muốn xem Adam Apollonius biểu diễn.

Adam Apollonius là ảo thuật gia nổi tiếng nhất ở Mỹ. Gã đồng thời còn là tác giả của vài trò ảo thuật đánh bóng tên tuổi đầy ấn tượng, như màn trốn thoát khỏi cú rơi tự do từ máy bay với cả người bị trói chặt, hay màn bịt mắt leo tháp Sears ở Chicago. Dybbuk có một tấm poster của gã treo trên tường phòng ngủ.

Mẹ cậu hỏi:

- Mẹ không hiểu tại sao con lại hứng thú với mấy cái trò đó. Con biết đó chỉ là ảo giác đánh lừa thị giác thôi mà. Bất cứ djinn nào cũng có thể làm ra ma thuật thật sự. Adam Apollonius có gì đặc biệt chứ?

Dybbuk ngáp dài:

- Con không biết. Có thể vì cách ông ấy làm nhìn bảnh hơn nhiều so với chúng ta. Ngoài ra, chính vì nó là ảo giác nên con mới thích. Giống như mẹ nói, chúng ta có thể thật sự làm ra ma thuật. Khiến cho nó trở nên bình thường. Trong khi ông ấy có thể làm một show diễn hoành tráng với nó mà không cần phải giữ kín bí mật như chúng ta.

Bà Jenny Sachertorte nói:

- Con biết tại sao chúng ta phải giữ bí mật mà. Để bảo vệ chính chúng ta.

Dybbuk lại ngáp một cái rõ to. Rồi nhún nhún vai, cậu nói:

– Vâng, con biết. Thế này, chỉ là mẹ hỏi con điều gì làm con thấy vui. Và con trả lời. Nhưng nó chẳng quan trọng gì. Mẹ cứ quên chuyện đó đi, ok?

Mẹ cậu dĩ nhiên vội nói:

– Không, chúng ta sẽ đi Vegas. Nghe cũng có vẻ vui mà.

Dybbuk tự chúc mừng bản thân vì kế hoạch của cậu đã thành công.

*Mình mà ở Las Vegas thì không có lí nào cha không biết. Ông sẽ đến tìm mình. Chắc chắn là thế. Và cũng chẳng phải mình muốn ông phải làm gì cho mình. Tất cả những gì mình muốn làm là nói chuyện với ông. Ngồi với ông trong vài giờ.*

Cậu mỉm cười.

Mẹ Dybbuk cũng cười:

– Đấy, như vậy có phải được hơn không. Mẹ chỉ muốn con được vui vẻ thôi, con yêu.

\* \* \*

Iblis vẫn luôn trông chờ cái ngày đứa con nhỏ nhất của gã xuất hiện tại Las Vegas. Trên thực tế, gã đã chờ đợi ngày này trong nhiều năm qua, mặc dù gã không nghĩ nó sẽ đến sớm như vậy. Và đúng là may mắn cho Iblis, dĩ nhiên điều đó đồng nghĩa xui xẻo cho chúng ta, khi Dybbuk và mẹ xuất hiện tại thủ đô cờ bạc của thế giới chỉ vài giờ sau khi Iblis bị thương bởi một cặp hồ đen djinn. Bị thương nghiêm trọng đến nỗi gã buộc lòng phải từ bỏ cơ thể cũ và tìm kiếm một cái mới. Iblis còn đang trong quá trình chọn lựa vật

chủ nhằm chán ấy khi thành linh gã cảm nhận được sự hiện diện của thằng con trai, giây phút mà Dybbuk bước ra khỏi máy bay và đặt chân lên nền đất sa mạc phủ tarmac<sup>[3]</sup> của sân bay quốc tế McCarran. Đó là một may mắn khác cho Iblis. Nếu còn ở trong hình dạng người bình thường, có lẽ gã sẽ không bao giờ cảm nhận được sự hiện diện của thằng bé. Một hình dạng vật lí làm djinn kém nhạy cảm hơn với các dao động vũ trụ. Nhưng vì đang tồn tại dưới dạng linh hồn nguyên chất tạm thời này, gã có thể dễ dàng phát hiện Dybbuk đã ở Las Vegas – một chuyện mà bà Jenny Sachertorte không bao giờ nghĩ tới.

Di chuyển với tốc độ ánh sáng, Iblis bay vụt qua bầu không khí Nevada khô ráo như một quả tên lửa vô hình nhằm thẳng hướng mục tiêu vẫn không hề hay biết gì của gã. Gã thấy thằng bé và mẹ nó ở dãy băng chuyền hành lí, lập tức nhận ra Jenny Sachertorte trong bộ áo vét quần dài đính kim cương giả màu đỏ tươi của bà. Thằng bé thì cao ráo, dễ nhìn, và rõ ràng có một sức lôi cuốn nào đó.

Iblis nghĩ thầm một cách kiêu ngạo:

– Giống y như cha nó.

Và chỉ mất vài giây để Iblis xâm nhập vào đầu Dybbuk và khám phá hết mọi bí mật của thằng nhỏ. Với một nụ cười ma quái và quỷ quyệt, Iblis nhận ra kế hoạch thiên tài mà gã đã nung nấu trong gần mười ba năm qua giờ đây đã sẵn sàng để triển khai tức khắc.

Nhanh như khi gã chiếm lấy cơ thể Dybbuk, Iblis biến mất lần nữa, trước khi bà Jenny Sachertorte – hoặc chính bản thân Dybbuk – kịp nhận ra linh hồn của gã djinn xấu xa đã tiếp cận họ.

Bà hỏi Dybbuk:



- Chuyện gì vậy con? Vừa rồi tự nhiên con dại ra mấy giây.
- Vậy hả?
- Ừ. Mẹ nhờ con lấy giùm cái túi xách, và con nhìn như thể không nghe mẹ gọi vậy.
- Thì con có nghe tiếng mẹ đâu. Cái tai của con. Con còn chưa hồi phục sau khi phải ngồi chết dí trong cái máy bay đó. Con ghét máy bay chẳng kém xe buýt.
- Nó sẽ qua ngay ấy mà. Con uống thêm một viên thuốc than đi.
- Con vẫn không hiểu tại sao chúng ta phải di chuyển bằng máy bay, thay vì dùng lốc gió.
- Chúng ta đã ở đây, không phải sao? Đừng phàn nàn nữa. Ngoài ra, mẹ không muốn thu hút sự chú ý khi sử dụng sức mạnh djinn. Con nhớ mẹ dặn không, Buck? Nơi này đầy rẫy Ifrit, và nếu chúng cảm nhận được chúng ta sử dụng sức mạnh djinn, chúng ta có thể gặp rắc rối. Ok?
- Ok. Ok.

Họ bắt một chiếc taxi đến khách sạn Winter Palace, nơi họ đã đặt một gian phòng trên tầng mái với tầm nhìn bao quát cả Las Vegas. Vào buổi tối, họ đi xem chương trình biểu diễn của Adam Apollonius, và cũng đã đặt trước hai ghế ngồi hạng nhất tại đó. Apollonius là một gã đàn ông cao gầy với chòm râu dê, bông tai đeo một bên cùng rất nhiều hình xăm. Bà Jenny Sachertorte nghĩ gã trông giống và nói năng như một ngôi sao bóng đá Anh.

Buổi biểu diễn được chia làm hai phần. Trong phần đầu, Apollonius làm vô số loại gấu – gấu Bắc cực, gấu xám – hiện ra và biến mất từ vô số vị trí khác nhau trên thính phòng. Gã còn tự biến bản thân thành một con khỉ đột lưng bạc thực thụ rồi biến lại bình

thường, trước khi để cho một người đàn ông cầm một cái rìu khổng lồ chặt đầu gã, sau đó cầm cái đầu vẫn còn nói chuyện không ngừng ấy đi mấy vòng trên sân khấu. (Với những ai không thích Adam Apollonius, đây thường là phần hấp dẫn nhất của màn trình diễn.)

Bác sĩ Sachertorte cố giữ một vẻ mặt bình thường, nhưng dĩ nhiên bà đang ngán đến tận cổ. Ngược lại, Dybbuk lại có vẻ bị lôi cuốn. Đến giờ giải lao, họ đi mua một ít nước uống, và bà Sachertorte hỏi Dybbuk xem liệu cậu có phiền nếu bà không quay lại coi phần tiếp theo hay không.

Dybbuk bảo bà:

– Con chẳng phiền gì đâu.

Trong phần hai, Apollonius làm một con voi biến mất khỏi sân khấu, một màn biểu diễn mà, ngay cả dưới cặp mắt djinn của Dybbuk, cũng có vẻ rất ấn tượng. Rồi Apollonius tuyên bố gã cần một khán giả tình nguyện lên giúp thực hiện màn ảo thuật đặc trưng nhất của gã: Bắt Đạn Ma Thuật. Gã chọn Dybbuk lên sân khấu. Và Dybbuk dĩ nhiên nhảy cẫng lên vì vui sướng. Cậu thích súng gần như thích ảo thuật vậy.

Trong trò Bắt Đạn, một viên đạn đánh dấu được bắn về phía ảo thuật gia, ông ta sẽ dùng răng chụp lại nó. Ấy là màn ảo thuật nguy hiểm nhất đã lấy đi mạng sống của hơn một tá ảo thuật gia. Apollonius, vốn không bao giờ làm cái gì nửa vời, đề nghị Dybbuk dùng súng trường bắn vào đầu gã. Trước khi Dybbuk kịp xác định chính xác Apollonius sẽ thực hiện màn trình diễn đánh lừa thị giác này như thế nào, gã đã yêu cầu dàn nhạc chơi một điệu trống giòn giã và mời người trợ tá tình nguyện của gã bóp cò.

Nửa giây sau, Apollonius hét lớn bảo Dybbuk dừng lại. Quá trễ.

Súng nổ và Adam Apollonius, người có vẻ đã bị bắn trúng, hét lên thảm thiết rồi nằm lăn lộn trên sàn. Khán giả đồng loạt đứng dậy. Tiếng la hét, gào rú vang lên khắp nơi. Vài người vọt chạy lên sân khấu. Kinh hoảng, Dybbuk ném khẩu súng trường qua một bên và chạy về phía ảo thuật gia xấu số.

Nhưng chỉ một giây sau đó, Apollonius nhảy bật dậy, nhe răng cười một cách đắc ý, với một viên đạn súng trường nằm chình ình giữa hai hàm răng. Gã đưa viên đạn cho Dybbuk để xác nhận nó chính là viên đạn cậu vừa đánh dấu ban nãy, rồi cúi chào khán giả trong tiếng vỗ tay vang rền rung chuyển cả thính phòng. Nắm lấy tay Dybbuk, Apollonius mời cậu bé djinn cùng chào khán giả trước khi đi cùng gã vào sau cánh gà.

Khỏi nói cũng biết Dybbuk vui sướng đến dường nào khi được gặp gỡ thần tượng của cậu.

Cậu thú nhận khi chỉ còn hai người bọn họ trong phòng thay đồ của nhà ảo thuật:

- Mới nãy cháu cứ nghĩ cháu đã bắn trúng chú rồi.

Apollonius cho biết:

- Chỉ là diễn thôi, chàng trai. Khán giả luôn kích động khi nghĩ có tai nạn xảy ra. Họ khoái ý tưởng ta bị giết ấy mà.

- Giống như Houdini vĩ đại, phải không chú?

- Cháu có vẻ biết nhiều về ảo thuật nhỉ?

Dybbuk nói:

- Houdini vĩ đại nhất. Nhưng chú cũng rất tuyệt.

Apollonius cố tỏ vẻ khiêm tốn, nhưng thất bại.

- Thế còn cháu thì sao? Cháu có làm được trò ảo thuật nào

không?

– Dĩ nhiên được.

Bị tiêm nhiễm bởi ánh đèn rực rỡ của Las Vegas cùng không khí sôi động của một buổi trình diễn hoành tráng trên sân khấu, Dybbuk muốn gây ấn tượng với thần tượng của cậu. Bất chấp lời cảnh báo của mẹ về việc sử dụng sức mạnh djinn, cậu quyết định cho Apollonius thấy một thứ mà nhà ảo thuật chắc hẳn sẽ nghĩ là trò ảo thuật cận cảnh thay vì là một phép thuật thực sự. Dybbuk duỗi tay ra, kéo tay áo lên, như cách các ảo thuật gia thực thụ thường làm trên tivi, và đưa cho Apollonius xem lòng bàn tay rồi mu bàn tay trống trơn của cậu. Dybbuk thì thầm từ trọng tâm của cậu. Và khi cậu quay ngược lòng bàn tay lại lần nữa cho Apollonius xem, có một thanh chocolate trên đó.

Apollonius khen ngợi:

– Rất tốt.

Dybbuk làm điệu bộ lịch sự hỏi:

– Tôi có thể mượn khăn tay của ngài không, thưa ngài?

Apollonius rút khăn tay ra khỏi túi nơi ngực áo và, theo yêu cầu, trườn nó lên thanh chocolate trong tay Dybbuk. Dybbuk lại thì thầm từ trọng tâm một lần nữa, rồi nhấc cái khăn tay lên, cho thấy thanh chocolate đã biến mất. Apollonius bắt đầu vỗ tay tán thưởng.

Gã hỏi:

– Cháu bao nhiêu tuổi rồi, con trai?

– Gần mười ba ạ.

Nhà ảo thuật nhận xét:

– Đây là màn ảo thuật cận cảnh tuyệt nhất mà ta từng thấy. Và

tin ta đi, ta đã thấy rất nhiều màn tuyệt vời. Cháu còn màn nào khác không?

– Để xem...

Dybbuk lăm bắm, và suy nghĩ trong giây lát.

– ... Khinh công một chút nhé?

Cậu đã từng thấy trên tivi những ảo thuật gia đường phố bay lơ lửng cách mặt đất vài centimet. Đó là trò ảo thuật thực hiện nhờ một cặp nam châm cực mạnh gắn vào gót giày người biểu diễn: bạn chỉ cần cởi một chiếc giày ra, để nó dính vào chiếc kia rồi nhấn một chân lên không trung. Thông thường, ảo thuật gia sẽ ăn gian đôi chút với máy camera, nên khán giả chỉ thấy được một bên cơ thể nhà ảo thuật. Nhưng dù sao trò đó nhìn cũng khá ấn tượng.

Biết đâu nếu tạo ra một ngọn lốc gió nhỏ xíu ở bên dưới bàn chân, cậu cũng có thể nhấc người lên không trung như vậy. Thật sự thì Dybbuk chưa bao giờ thử làm điều này, nhưng trước sự ngạc nhiên của cậu, nó có hiệu quả. Không những vậy, nó có sức thuyết phục hơn nhiều so với những thứ cậu nhìn thấy trên tivi: Dybbuk bay lên đến ba mươi centimet, và lơ lửng trên đó chừng vài giây trước khi chậm rãi hạ cánh xuống mặt đất.

Apollonius trầm trồ:

– Thật kì diệu. Ta chưa bao giờ thấy ai thực hiện ảo thuật khinh công tốt như thế. Cháu làm nó như thế nào?

Nhún nhún vai một cách khiêm tốn, Dybbuk bảo:

– Tập luyện.

Lắc đầu trong sự kinh ngạc thật sự, nhà ảo thuật nói:

– Mười ba tuổi và cháu đã làm được những trò ảo thuật cận

cảnh mà người khác phải mất cả mấy năm trời để tập. Bao nhiêu năm trời. Thế trò ảo thuật tốt nhất của cháu là gì? Đỉnh cao buổi trình diễn của cháu ấy?

- Trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng.
- Cháu có mang dây theo không?

Dybbuk nói:

– Nó ở trong thính phòng. Cháu để nó ở đó, bên dưới ghế ngồi của cháu.

Ngay khi đang nói, cậu đặt một đoạn dây thừng dài dày cộm bên dưới ghế ngồi với sức mạnh djinn.

- Cháu chuẩn bị kĩ lưỡng khi đến đây nhỉ?

Họ quay ngược ra sân khấu, thính phòng giờ đây đã vắng bóng người. Dybbuk đi lấy sợi dây thừng và cẩn thận cuộn tròn nó trên sân khấu, như một con trăn say ngủ. Rồi, ngay khi Apollonius sắp soi cuộn dây, Dybbuk triệu hồi một ống sáo từ không khí.

Apollonius thắc mắc:

- Cháu làm nó như thế nào?
- Tập luyện.

Dybbuk ngồi xuống và bắt đầu thổi sáo. Và sợi dây thừng bắt đầu từ từ góc dậy. Apollonius nhìn chăm chăm như thể bị thôi miên khi sợi dây dựng thẳng lên và vươn đến dàn đèn phía trên sân khấu.

- Cháu có gắn dây nhợ gì bên trong sợi dây thừng, đúng không?

Đặt ống sáo xuống, Dybbuk trèo lên sợi dây như một con khỉ, và khi gần đến đỉnh, cậu bắt đầu hóa thể, một việc nhìn giống như màn ảo thuật biến mất có hiệu ứng khói.

Apollonius gọi lớn:

– Cháu ở đâu? Cháu đi đâu rồi?

Dybbuk để sợi dây rút xuống sân khấu và, trong khi Apollonius bận rộn kiểm tra nó, cậu dịch chuyển đám khói chứa đựng tất cả các nguyên tử của cậu vào đằng sau thính phòng, nơi cậu thu hồi lại cơ thể, rồi lớn tiếng trả lời nhà ảo thuật:

– Cháu ở đây.

Dybbuk quay lại sân khấu, Apollonius vẫn đứng đó và liên tục lắc đầu.

– Ta chưa bao giờ thấy một thứ như thế. Trong tất cả những năm theo đuổi nghiệp ảo thuật của ta. Ý ta là, cháu khiến cho trò ảo thuật Ấn Độ với dây thừng nhìn cứ y như thật ấy.

Dybbuk nhe răng cười khoái chí. Cậu đang rất hài lòng với bản thân.

Apollonius nói tiếp:

– Cháu có tất cả các yếu tố cần thiết, con trai của ta. Cháu trẻ trung, đẹp trai, và cháu có nhiều tài năng hơn những người ta từng gặp. Cháu có muốn có show truyền hình của riêng mình không?

Dybbuk, giờ đây nhận ra có lẽ cậu đã đi quá xa, từ chối:

– Cháu không nghĩ vậy.

Apollonius bật cười:

– Tại sao lại không? Cháu là thiên tài. Một ngôi sao. Và ta có thể biến nó thành sự thật. Tin ta đi, chỉ trong vài tuần nữa, cháu có thể là khuôn mặt nổi tiếng nhất ở Mỹ. Ta có thể giúp cháu nổi tiếng hơn cả bản thân danh tiếng.

Dybbuk vẫn lắc đầu. Mẹ cậu sẽ giết cậu mất.

Apollonius nghĩ Dybbuk vẫn đang khiêm tốn.

– Không đùa đâu. Ta hoàn toàn nghiêm túc đó. Thế giới ảo thuật luôn chờ đợi một người như cháu. Một ảo thuật gia nổi tiếng như bất cứ ngôi sao nhạc pop nào. Thậm chí là nổi tiếng hơn. Chúng ta sẽ tạo ra cả một gia tài. Và bọn con gái sẽ chết mê chết mệt vì cháu, Buck. Họ sẽ tôn thờ mỗi bước cháu đi, con trai của ta.

Điều đó đã thu hút được sự chú ý của Dybbuk.

– Con gái?

– Chắc chắn rồi. Con gái. Rất nhiều. Cháu thích các bạn gái chứ?

– Dĩ nhiên rồi, nhưng mà...

Chữ “nhưng mà” xuất hiện ở đây là vì sự thật Dybbuk của chúng ta có phần hơi nhát gái. Với con gái, rất dễ để mọi thứ trở nên hỏng bét. Cậu đã từng thăm mến một cô bé tên Lisa. Cô bé có ước một điều ước, và vì Dybbuk thật sự muốn điều ước của cô thành sự thật, cậu đã làm nó xảy ra. Cậu ước gì mình đã không làm thế. Nhưng cậu đã làm. Lisa đã ước Teddy Grosvenor, một thằng bé học chung trường với họ ở Palm Springs, “biến đi cho khuất mắt.” Và Dybbuk đã nhận ra được sự thật phũ phàng của điều ông Rakshasas thường nói: “Điều ước là một món ăn rất giống một con cá – một khi đã ăn nó thì khó có thể nhả nó ra.”<sup>[4]</sup>

Apollonius tiếp tục thuyết phục:

– Con gái. Cháu nên làm quen dần với việc có hàng trăm bạn gái gào thét tên cháu bên ngoài khách sạn nơi cháu ở, cũng như cắm trại bên ngoài cổng chính biệt thự của cháu ở Hollywood. Tối tập gửi cho cháu ảnh chụp và các lọn tóc của họ. Cuồng nhiệt đón cháu tại sân bay trên khắp đất nước. Ngất xỉu vì kích động khi cháu kí



tên lên tay họ. Bật khóc chỉ vì cháu chào họ một tiếng.

– Hàng trăm?

– Hàng ngàn.

Dybbuk gật đầu. Tất cả suy nghĩ về việc gặp cha giờ đây đã biến mất hoàn toàn khỏi đầu cậu. Cậu biết mình muốn gặp ai. Cậu muốn gặp các bạn gái. *Hàng ngàn bạn gái.*

\* \* \*

Được một nửa đường xuyên qua nước Mỹ, cậu Nimrod gọi điện cho bà Jenny Sachertorte từ bên trong ngọn lốc gió.

Bà hỏi:

– Nimrod, tôi vừa mới đi ngủ. Có chuyện gì hả? Cô Marion Morrison đến chưa?

Cậu Nimrod nói:

– Vâng, vâng, bên này mọi chuyện ổn cả, quý bà của tôi. Dybbuk sao rồi?

– À, nó ổn. Tôi nghĩ vậy.

Cậu Nimrod cho biết:

– John và tôi đang trên đường đến Palm Springs. Chúng tôi có nhiệm vụ cản sự định đoạt của cháu nó.

– A, chúng tôi không có ở đó đâu. Chúng tôi đang ở Las Vegas. Ở khách sạn Winter Palace. Để nghỉ cuối tuần. Dybbuk muốn xem một buổi trình diễn ở đây. Nó làm Dybbuk vui vẻ hơn.

Giọng bà bỗng cứng lại:

- Nó lại gây rắc rối gì à? Nhiệm vụ gì lại cần đến nó?
- Ôi đèn ơi! Không! Không có rắc rối gì. Có lẽ chúng ta nên gặp mặt nói chuyện sẽ tốt hơn.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, cậu ướm chừng:

- Chúng ta hẹn gặp vào bữa sáng được không? Sáng ngày mai? Ở khách sạn của chị?

Sau vài giờ bay nữa, Las Vegas hiện ra trong tầm mắt họ. Dưới bầu trời đêm của tiểu bang Nevada, nó nhìn như những con sứa điện khổng lồ kì lạ trôi lênh bênh trên một mặt biển đen thẫm. Cậu Nimrod đưa cả hai hạ cánh xuống bãi đậu xe rộng rãi của Marriott Winter Palace – một khách sạn hạng sang xây dựng dựa theo hình ảnh lâu đài hoàng gia nổi tiếng ở St Petersburg, Nga. Một mẻ và có phần say gió sau một chuyến bay dài, họ nhận phòng và đi ngủ ngay lập tức.

Buổi sáng hôm sau, khi xuống lầu ăn sáng tại Phòng Pompeii, họ nhìn thấy Dybbuk cùng bà Jenny Sachertorte ngồi trong im lặng, mắt dán chặt vào tô ngũ cốc của mỗi người. Có thể thấy rõ từ vẻ mặt của họ là họ đang cãi nhau về một chuyện gì đó.

Thoi nhẹ vai Dybbuk bằng nắm tay đầy tình nghịch, John tươi cười chào hỏi:

- Ê, Buck, cậu sao rồi, chiến hữu?

Dybbuk lơ cậu đi.

Cậu Nimrod nói:

- Ok, tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề nhé.

Rồi cậu bắt đầu giải thích cụ thể kế hoạch hợp nhất linh hồn và cơ thể của Faustina, cho phép cô có thể hoàn thành sứ mệnh trở

thành Djinn Xanh Babylon của mình.

Bà Jenny Sachertorte, mẹ của Faustina, bật khóc:

– Anh thật sự nghĩ có thể làm thế hả, Nimrod? Chúng ta có thể mang Faustina quay lại? Sau ngần ấy năm trời?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Đúng vậy. Nhưng chúng ta không có nhiều thời gian. Dybbuk cần gấp rút đi Ai Cập với chúng tôi và...

Dybbuk lạnh lùng cắt ngang lời cậu:

– Cháu e rằng điều đó không thể xảy ra. Cháu có kế hoạch khác rồi.

John bảo:

– Ok, dù gì chúng ta cũng không cần đi ngay bây giờ. Ý tớ là, nếu cậu muốn ở lại Vegas chơi thêm ngày nữa cũng được.

Dybbuk nói:

– Cậu không hiểu. Khi tớ nói tớ có kế hoạch khác, có nghĩa là tớ có kế hoạch khác – *cho quãng đời còn lại của tớ*. Tớ đã được mời làm chương trình truyền hình của riêng tớ. Và tớ không định bỏ qua cơ hội này chỉ để đi cùng cậu trong một chuyến phiêu lưu vô nghĩa khác. Chị Faustina đi rồi. Cậu nên làm quen với chuyện đó...

Nhìn mẹ một cách khó chịu, Dybbuk nói tiếp:

– ... Tất cả mọi người cũng thế.

Rồi Dybbuk đứng dậy khỏi bàn và bỏ đi. Đưa mắt nhìn John, cậu Nimrod gật đầu ra hiệu cho John đuổi theo.

Quảng cái khăn ăn xuống, John đi theo thằng bạn vào Hội trường Hercules, một nơi đầy nhóc máy đánh bạc cùng hàng trăm con người hồi hả nhét đầy chúng với những đồng xu.

Duổi kịp Dybbuk, John nói:

– Đó là chị của cậu mà, Buck. Cậu *phải* làm điều đó.

Dybbuk nói thẳng thừng:

– Chị tớ chết rồi.

John cãi lại:

– Không, chị ấy chưa chết. Chị ấy bị lạc, chỉ vậy thôi. Cậu có thể tìm được chị ấy. Cậu không thể bỏ rơi chị ấy như thế được.

Dybbuk chế giễu:

– Đừng có nghĩ tớ không biết tại sao cậu muốn làm chuyện đó nhé, ông bạn. Cậu nghĩ cậu có thể mang mẹ cậu rời khỏi Babylon bằng cách đẩy chị Faustina vào thế mạng làm Djinn Xanh. Quên đi, tớ sẽ không làm chuyện đó.

John vẫn khẳng định:

– Nhưng đó là điều chị Faustina muốn mà. Thật đấy. Cậu có thể đi hỏi mẹ cậu nếu không tin tớ.

– Để hỏi bà, tớ sẽ phải nói chuyện với bà, và tớ không muốn làm chuyện đó, phòng trường hợp bà đặt một chú trói buộc lên tớ. Hoặc ông cậu Nimrod của cậu.

John phản đối:

– Cậu Nimrod sẽ không làm thế.

Vẻ mặt không mấy tin tưởng, Dybbuk bảo:

– Thật không? Thế này nhé, tớ không có thù hằn cá nhân gì với cậu cả, nhưng tớ thật sự nghĩ sẽ tốt hơn nếu chúng ta không gặp nhau nữa. Tớ sẽ trở nên nổi tiếng. Và tớ không muốn ai đó trong cuộc sống cũ của tớ can thiệp vào, cậu hiểu không?

John rất thất vọng với thằng bạn cũ. Cậu hỏi:

– Mà show truyền hình của cậu về cái gì mới được?

Dybbuk cho biết:

– Ảo thuật đường phố.

– Ý cậu là, mấy cái trò lừa gạt các mundane không biết chuyện bằng những trò tiểu xảo ngu ngốc ấy hả?

Dybbuk nói dứt khoát:

– Tạm biệt John. Nếu có gặp lại tớ lần nữa, hãy giả vờ như không quen tớ nhé.

John bảo:

– Giờ tớ đã không quen cậu rồi.

Rồi John lắc đầu và bỏ đi. Nhưng đi chưa được bao xa, cậu lại thấy một người mà cậu nhận ra.

Đó là Finlay McCreeby. Finlay là con trai của Virgil McCreeby, một tay pháp sư mà John từng phải ban cho ba điều ước. Một trong những điều ước đó đã khiến John biến Finlay tội nghiệp thành một con chim ưng. Cũng may là cuối cùng John cũng có thể biến Finlay về hình dáng loài người ban đầu, và Finlay đã đi theo Djinn Lang Thang Edwiges để thử nghiệm một trong những hệ thống cờ bạc mới nhất của bà và kiếm đủ tiền để tiếp tục việc học của cậu. Khi John tìm thấy Finlay, cậu đang lang thang trong tiền sảnh của khách sạn. Ít nhất John nghĩ đó là cậu: Finlay nhìn có vẻ cao hơn nhiều so với trí nhớ của John.

– Finlay, cậu đang làm gì ở đây thế?

Finlay trả lời:

– Cố gắng tránh an ninh. Tớ còn quá trẻ để chơi mấy cái máy đánh bạc này. Họ sẽ quăng tớ ra đường nếu phát hiện.

– Có chuyện với hệ thống cò quay à?

Finlay lắc đầu bảo:

– Không, nó vẫn hoạt động tốt. Chỉ là, bà Edwiges cứ cố làm mẹ tớ. Tớ biết bà ấy chỉ có ý tốt, nhưng sau một thời gian bị chăm sóc kĩ thế tớ phải chuồn gấp chứ sao.

– Chuyện học ở trường thì sao?

Finlay cho biết:

– Tớ có chỗ trong một trường nội trú ở Anh. Tất cả chi phí đều được trả trước. Bà Edwiges đấy. Bà ấy thật sự là một người tốt. Tuy nhiên, cho đến khi năm học bắt đầu, tớ chỉ còn biết giết thời gian. Không dễ dàng gì để chơi bạc khi là một đứa nhóc. Nói thật là tớ đang kiếm việc làm. Chỉ để có việc gì đó để làm. Cho đến khi bắt đầu vào học.

Bộ não của John đảo một vòng lớn. Liếc nhìn xung quanh, John trông thấy Dybbuk đang đứng ở phía bên kia Hội trường Hercules.

Cậu nói với Finlay:

– Ê, tớ có việc cho cậu nè. Cậu có thấy anh bạn đứng đằng kia không? Người mặc áo thun rock và mang giày ống đi mô tô ấy?

– Cái đứa mặt chàm vàm, tóc dài màu tối đó hả?

John gật gật đầu:

– Chính cậu ấy.

– Cậu ấy sao?

John chỉ thị:

– Tớ muốn cậu theo dõi cậu ấy. Tìm xem cậu ấy đi đâu, gặp ai.

Finlay toét miệng cười:

- Hiểu. Giống như kiểu một thám tử tư.
- Chính xác.

Móc bóp ra, John đưa hết tất cả số tiền cậu có cho Finlay và nói:

– Đây. Chừng này chắc đủ để cậu trang trải trong vài ngày. Để liên lạc, cậu chỉ cần gọi điện đến nhà tớ ở New York. Trong danh bạ điện thoại có số đấy.

Finlay bảo:

– Cám ơn nhé, John. Tớ thật sự trân trọng công việc này. À, nhắc mới nhớ, cậu nhóc đó tên gì? Người tớ phải bám đuôi ấy?

John cho biết:

– Dybbuk Sachertorte. Và chính xác mà nói, cậu ấy không phải một cậu nhóc. Cậu ấy cũng là một djinn.

Finlay cười tươi:

– Với một cái tên như thế á? Không là djinn cũng uống.



## CHƯƠNG 4

### Phép màu trên Đại lộ Madison

Một tai nạn xảy ra thường kéo theo hai tai nạn khác.

Nếu nghĩ khác, bạn đã hiểu lầm bản chất ba-mặt của May Mẩn, vốn là một sức mạnh trong vũ trụ, giống như khối lượng và thời gian. Nhà khoa học vĩ đại Albert Einstein chưa bao giờ nắm rõ hoàn toàn tầm quan trọng của May Mẩn, khi mà chính ông đã thừa nhận không tin vào chuyện “Chúa trời đổ súc sắc với vũ trụ”. Và giá mà ông đã viết ra  $E=mc^2$  như phương trình nổi tiếng của ông<sup>[5]</sup>.

Như một số bạn đã biết, djinn là sinh vật duy nhất trên trái đất có khả năng ảnh hưởng đến May Mẩn, hoặc theo hướng tốt, hoặc theo hướng xấu. Nhưng ngay cả djinn cũng có thể gặp tai nạn. Đặc biệt là khi họ đang mệt mỏi và rối trí như Philippa, cô bé đang lo lắng về mẹ mình và bà Trump. Và đó là lí do tại sao trên đường đến bệnh viện thăm bà Trump, Philippa đã đi vòng qua một góc phố và bước ra ngay trước đầu một chiếc xe buýt đang chạy.

Chiếc xe buýt mang biển số 4 ngược lên phía bắc của đại lộ Madison đang di chuyển với một tốc độ rất nhanh, và đáng lẽ Philippa phải nghe được tiếng nó đang chạy đến. Nếu là bình thường, có lẽ cô sẽ bị tông chết. Những chiếc xe buýt Manhattan vốn khét tiếng không khoan nhượng với những ai bước đi ngay



trước mặt chúng. Đặc biệt là những chiếc mang biển số 4. (Ở Trung Quốc, 4 là một con số cực kì xui xẻo, vì nó có cùng cách phát âm với từ “tử”<sup>[6]</sup>. Đó là lí do tại sao bạn hiếm khi thấy người Trung Quốc trên một chiếc xe số 4 ngược lên phía bắc đại lộ Madison). May là Philippa không bị xe tông chết. Một viên cảnh sát cưỡi ngựa đi ngang qua đó đã phóng ngựa đến, túm lấy cổ áo cô, kéo cô ra khỏi đường đi của chiếc xe buýt và cứu mạng cô.

Khi Philippa đã một lần nữa an toàn đứng trên vỉa hè, viên cảnh sát hét lên:

– Cháu đang làm cái quái gì vậy? Cháu có thể bị tông chết rồi, biết không hả?

Viên cảnh sát có một khuôn mặt mang hình dáng và màu sắc của một viên gạch: vuông vức, đỏ au và cứng ngắc.

Philippa lí nhí nói:

– Cháu xin lỗi.

Đôi chân mềm nhũn cả ra khi cô bắt đầu hiểu được mình vừa thoát chết trong gang tấc như thế nào, Philippa ngồi bệt xuống trước cửa ra vào của một nhà hàng Pháp hạng sang.

Xuống ngựa và buộc nó vào một cây đèn đường, viên cảnh sát tiếp tục trách móc Philippa:

– Chỉ xem chút nữa thôi đấy. Xem chút nữa là rồi đời đấy, cô nàng Chán Đời ạ.

Rồi rút ra cây bút bi và quyển sổ ghi phạt, ông tuyên bố:

– Ta sẽ cho cháu một tờ giấy phạt, vì như vậy, may ra cháu mới nhớ nhìn đường khi đi sau này.

Không phải lúc nào bạn cũng được cứu giúp bởi những người tốt

nhất. Hay những người xứng đáng có một gia tài lớn. Nhưng dù gì đi nữa, Philippa biết cô, với tư cách một djinn Tốt, có nghĩa vụ ban thưởng viên cảnh sát này theo đúng truyền thống ngàn đời của djinn.

Philippa nói:

– Và cháu sẽ cho ông một thứ.

Viên cảnh sát hỏi:

– Vậy à? Ví dụ như cái gì?

Philippa trả lời:

– Ba điều ước.

Viên cảnh sát cười chế giễu:

– Ba điều ước? Ta ước gì ta có ba điều ước. Thật đó. Cháu không biết ta ao ước chúng thế nào đâu. Tiếp theo cháu sẽ bảo mình là thần đèn, đúng không?

– Một thứ tương tự như thế. Nhân tiện nói luôn, ông vẫn còn ba điều ước. Điều ước đầu tiên của ông mang đến cho chúng ta một sai lầm hợp logic về nhân quả. Ông không thể ước một thứ mà ông đã có sẵn, vì cháu không thể cho ông thứ mà cháu đã cho ông. Nhưng nếu ông đã sẵn sàng để lãng phí một điều ước, Ngài Cảnh Sát, cháu có thể chứng minh rằng ông thật sự có ba điều ước. Dù như vậy dĩ nhiên sẽ làm ông chỉ còn lại hai điều ước.

Viên cảnh sát bảo:

– Ước gì ta biết cháu đang lừa nhảm về cái gì, cô nhóc.

– FABULONGSHOOMARVELISHLYWONDER PIPICAL!

... Và thành linh, viên cảnh sát biết chính xác Philippa đang nói gì. Ông kinh ngạc thốt lên:

– Quý thân ơi. Cháu thật sự là djinn hả?

Philippa kiên nhẫn giải thích:

– Ông đã cứu mạng cháu. Cháu có nghĩa vụ trả ơn ông. Và dù ông có là một người thô lỗ, nếu ông không ngại cháu nói thẳng, cháu vẫn phải ban cho ông ba điều ước. Hay chính xác là hai điều ước, vì ông đã ước một điều rồi. Chỉ có điều, từ giờ ông cần cẩn thận hơn. Với thói quen nói chuyện như ông, rất dễ để buột miệng lãng phí hai điều ước còn lại, “ước gì” ông biết phải làm gì. Tin cháu đi, cháu đã thấy chuyện như thế xảy ra rồi.

Gỡ cái mũ bảo hiểm xuống, viên cảnh sát gỡ gỡ đầu và thừa nhận:

– Cháu nói đúng. Ta là một kẻ thô lỗ. Ước gì ta không phải như vậy, nhưng cháu có thể làm gì được chứ? Nó là kết quả của việc phải xử lý rất nhiều kẻ thô lỗ. Đôi lúc công việc này làm ta bộc lộ ra những bản tính xấu nhất.

Philippa bảo:

– Nhưng ông không còn như thế nữa.

Rồi cô thâm thì từ trọng tâm của mình và thực hiện điều ước thứ hai của viên cảnh sát.

Ngay lập tức, khuôn mặt viên cảnh sát bớt giống gạch hơn: bớt vuông vức một chút, bớt đỏ au một chút, và bớt cứng ngắt một chút. Ông thậm chí còn nở một nụ cười, một thứ mà những cơ mặt của ông từ lâu không làm được sau mấy năm trời giữ gìn luật pháp không lấy gì làm êm dịu.

Philippa tuyên bố:

– Xong hai cái. Còn một.

Viên cảnh sát cho biết:

– Nè, cháu biết gì không? Đúng là ta cảm thấy khác khác. Như thể ta không phải là một người tồi tệ cho lắm.

Philippa bảo:

– Vì ông không phải. Ông là một người tốt. Một người rất tốt. Có lẽ sâu trong tâm hồn, ông luôn là một người tốt. Cháu có thể nói được điều đó, vì cháu đã không mất nhiều sức mạnh để mang nó ra.

Viên cảnh sát vỗ về Daisy – con ngựa của ông – một cách trìu mến. Ông đã thường xuyên đối xử tệ với nó. Có nhiều lúc ông bắt nó làm việc quá sức. Và giờ đây, ông mới nhớ ra tại sao trước đây mình muốn trở thành một cảnh sát cưỡi ngựa. Bởi vì ông yêu ngựa. Và không chỉ ngựa. Ông yêu tất cả các loài vật. Nội nghĩ đến việc ông từng yêu thương loài vật như thế nào cũng đủ để cặp mắt giống lợn của ông rơi lệ.

Thở dài một tiếng, ông nói với Philippa:

– Cháu biết không, cháu gái bé nhỏ, ta rất ghét cách mọi người đối xử tệ bạc với động vật.

Hất đầu về phía tờ thực đơn món ăn trong khung cửa sổ nhà hàng nơi họ đang đứng, ông nói tiếp:

– Ý ta là, cứ nhìn những thứ người dân trong thành phố này ăn mỗi ngày mà xem. Vài thứ trong số đó là quá tàn nhẫn với loài vật.

Khi ông nói, nước mắt bắt đầu thi nhau lăn xuống khuôn mặt mập mạp của ông.

– Cháu muốn biết điều ước thứ ba của ta phải không? Ta ước cho không ai ở thành phố New York này có thể ăn món *pâté de foie gras*. Đó là điều ta ước. Rằng không ai có thể ăn *pâté de foie gras*.

Liếc nhìn tờ thực đơn, Philippa trông thấy món *pâté de foie gras* được liệt kê trong danh sách *hors d'oeuvres* – tiếng Pháp có nghĩa là “món khai vị” – và cân nhắc trong giây lát cách để cô biến điều ước không vị lợi của viên cảnh sát yêu động vật thành sự thật. Cô không biết có bao nhiêu người ở Manhattan thích ăn *pâté de foie gras*. Hơn thế nữa, ngay cả với cảm giác mạnh mẽ hiện tại, cô cũng không biết làm thế nào để tác động đến vị giác của hàng trăm, hoặc có thể là đến hàng ngàn cư dân New York. Nhưng điều ước là điều ước. Cho nên cô quyết định thực hiện điều ước thứ ba và cuối cùng của viên cảnh sát theo một cách dễ dàng, trực tiếp nhất có thể: đơn giản làm cho toàn bộ nguồn cung cấp *pâté de foie gras* của thành phố biến mất. Ngay sau khi cô thầm thì từ trọng tâm của mình, không còn một miếng *pâté de foie gras* được tìm thấy ở New York. Thậm chí nhắc đến nó cũng không.

Gõ gõ tám thực đơn trong cửa sổ một cách đắc thắng, cô tuyên bố:

– Rồi đó. Y như ông yêu cầu. Nó biến mất rồi. Không ai ở New York có thể ăn *pâté de foie gras*. Ông hài lòng chưa ạ?

Viên cảnh sát gật đầu:

– Ừ. Cảm ơn cháu rất nhiều, cháu gái.

Philippa cúi đầu chào lại:

– Không, cháu phải cảm ơn ông đã cứu mạng mới đúng.

– Vậy cháu cẩn thận nhé.

Và rồi, với một nụ cười to đùng trên mặt, viên cảnh sát leo lên ngựa và đi về phía công viên.

Philippa cảm thấy như cô đã làm được một điều tốt. Tuy nhiên, thay vì tự chúc mừng bản thân vì đã giúp một người trở nên tốt

hơn, đáng lẽ Philippa nên nhớ đến một chuyện: việc sử dụng sức mạnh djinn trong thế giới mundane luôn có một ảnh hưởng vô chừng, không thể dự đoán được, ngay cả khi sức mạnh đó được dùng cho một việc có vẻ nhân ái như cứu giúp lá gan được vỡ béo của vài con ngỗng Pháp – vì đó là thứ làm ra món *pâté de foie gras*. Và nếu djinn đôi lúc ngần ngại ban cho người thường ba điều ước, đó không phải vì họ bủn xỉn hay keo kiệt gì, mà vì họ đã học được bài học về những kết quả không ngờ tới khi thực hiện điều ước của con người. Ngay cả một điều ước với ý định tốt. Đó là một bài học quan trọng của việc làm djinn mà các djinn trẻ thường tốn rất nhiều thời gian để học được. Đôi lúc, nó còn là một bài học khắc nghiệt. Như ông Rakshasas vẫn ưa nói: “Có một điều ước cũng giống như một đồng lửa. Nhiều khả năng khói sẽ làm ai đó cay mắt.”

Người xưa có một bài hát ru trẻ, trong đó giải thích chuyện làm thế nào mà một việc nhỏ nhoi có thể dẫn đến một hệ quả to lớn. Bài hát như sau:

*Vì muốn một chiếc đình, cái móng ngựa bị mất  
Vì muốn một cái móng ngựa, con ngựa bị mất  
Vì muốn một con ngựa, người cưỡi bị mất  
Vì muốn một người cưỡi, trận đánh bị mất (thua)  
Vì muốn một trận đánh, vương quốc bị mất  
Và tất cả vì muốn một cái đình.*

Giờ đây, vì điều ước mà Philippa đã thực hiện cho viên cảnh sát, một chuỗi sự việc sắp sửa diễn ra, cái này dẫn đến cái kia. Và có lẽ là may mắn khi Philippa không bao giờ kết nối được chuyện khủng khiếp sắp sửa xảy ra với điều ước thứ ba của viên cảnh sát mà

chính cô đã biến thành hiện thực.

Djinn có một từ dùng để nói về sự xui xẻo này: *Kismet*, xuất thân từ từ *qismet* trong tiếng Ba Tư. Dựa theo cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn*, nó có nghĩa là “thứ đã được số phận định sẵn”.

Trở về nhà an toàn, Philippa bật tivi lên và cố gắng thư giãn. Nhưng cô không thể không chú ý đến chuyện rất nhiều chương trình truyền hình yêu thích của cô không còn được phát sóng. Dựa theo bản tin trên tivi, đó là vì một công ty truyền hình đặt tại Las Vegas có tên LZ kid TV đã ồ ạt mua đứt tất cả những chương trình truyền hình hay nhất và đặt các cuộn băng gốc vào một cái hầm kín, nơi không ai có thể thấy được chúng.

Ông Groanin nhận xét:

– Nếu cháu hỏi ta, ta sẽ bảo đó là nơi tốt nhất cho chúng. Những gì họ chiếu trên tivi cho lũ nhóc mấy đứa xem toàn là thứ vớ vẩn. Ta nói, một số chương trình truyền hình mà mấy đứa có vẻ thích đều vớ va vớ vẩn.

Tắt tivi, Philippa bảo:

– Nếu vậy, chúng ta ra ngoài đi dạo đi.

Vốn không hứng thú lắm với việc đi đến bất cứ đâu ở Manhattan, ông Groanin hỏi:

– Còn cha cháu thì sao?

– Doc sẽ trông coi cha. Dù sao ông ấy cũng khá hơn nhiều rồi.

Ông Groanin vốn thích bà Marion Morrison hơn là thái độ ông tỏ ra cho mọi người thấy, ông nói:

– Những gì người phụ nữ ấy có thể làm đúng là điều kì diệu.

Philippa gật đầu bảo:

– Cháu biết. Vậy, chúng ta đến bảo tàng Metropolitan nhé. Họ đang trưng bày những chiến binh đất nung nổi tiếng mượn từ Trung Quốc. Máy bữa rồi cháu cũng định đến đó xem thử. Ngoài ra, Met<sup>[7]</sup> còn có nhiều thứ thú vị khác. Ông sẽ thích nó cho xem.

Với tay lấy cái áo khoác, ông Groanin lầm bầm:

– Ta nghi ngờ điều đó đấy. Nếu cháu đã quên, cô bé, ta có kỉ niệm không lấy gì làm vui vẻ với bảo tàng. Một con hổ đã cắn đứt tay ta. Nhưng nếu cháu muốn đi thì ta sẵn sàng thôi.

\* \* \*

Nằm trên đại lộ số 5, bảo tàng Metropolitan, gọi tắt là Met, chỉ cách căn hộ của gia đình Gaunt trên đường 77 phía đông có vài dãy nhà. Nhìn từ hướng chính diện, nó trông giống một ngôi đền khổng lồ, với những hàng cột cao và những dãy bậc thang rộng như các đường kẻ sân bóng. Nhưng bảo tàng hiện đang đóng cửa vì một cuộc đình công hai mươi tư tiếng đồng hồ của các nhân viên bảo tàng, và các bậc thang đông nghẹt người mang áp phích và la hét về một điều gì đó. Philippa và ông Groanin đứng tại chỗ trong vài giây để đọc các khẩu hiệu viết trên áp phích: METROPOLITAN, BẢO TÀNG CỦA SỢ HÃI, ĐỪNG ĐI VÀO NHỮNG PHÒNG TRƯNG BÀY MA QUÁI, và NHỮNG VỊ KHÁCH VÀO BAN ĐÊM ĐỒNG NGHĨA KHÔNG CÓ KHÁCH...

Một cuộc nói chuyện nhanh vài phút với một trong những nhân viên tiết lộ lí do của cuộc đình công: Met bị ma ám. Vài người cho biết họ đã nghe hoặc thấy ma tại mạn Sackler Wing, cũng như



trong khu trưng bày tác phẩm nghệ thuật Trung Quốc ở tầng hai.

Trên đường về nhà, ông Groanin nhận xét:

– Ta nghĩ họ chỉ muốn đòi thêm tiền thôi. Ta đoán là, một trong những anh chàng làm việc ở Met ấy đã đọc được cái này...

Rồi ông đưa cho Philippa xem tờ báo *Daily Telegraph* của ngày hôm trước, và tập trung sự chú ý của cô vào dòng tiêu đề trang đầu:  
**MA QUỶ DẪN ĐẾN ĐÌNH CÔNG Ở BẢO TÀNG ANH QUỐC.**

– ... Nhiều khả năng ai đó đã đọc cái này và nghĩ nó có vẻ là một cách tốt để đòi tăng lương.

Vừa đi, Philippa vừa đọc nội dung câu chuyện trong tờ báo của ông Groanin. Cô cho biết:

– Cháu không chắc lắm. Điều này mang một ý nghĩa gì đó. Nhưng cháu lại không chắc đó là gì.

Khi Philippa và ông Groanin về đến nhà, họ phát hiện cậu Nimrod và John đã trở về từ Las Vegas. Hai cậu cháu đang tùm tùm trong thư viện với ông Rakshasas, thảo luận về tất cả những chuyện đã xảy ra ở khách sạn Winter Palace.

Sau khi biết được lí do không thành công của họ, Philippa hỏi:

– Vậy chúng ta phải làm gì bây giờ? Chúng ta đã tốn mất hai ngày cho vụ thuyết phục Dybbuk rồi đó.

Cậu Nimrod bảo:

– Cũng không hẳn là tuyệt vọng hoàn toàn đâu. Cùng với anh Rakshasas – djinn tuổi như anh ấy sẽ thoải mái hơn ở thế giới hư vô – một trong hai đứa sẽ phải đi tìm Faustina thay cho Dybbuk.

Đưa mắt nhìn Philippa, John hỏi lại:

– Có ai vui lòng nhắc lại cho cháu biết, chính xác thế giới hư vô

là gì được không?

Ông Rakshasas trả lời:

– Đó là Linh giới, John à. Thế giới của các linh hồn, bóng ma, cùng những thứ tương tự.

Khẽ rùng mình một cách không thoải mái, John lẩm bẩm:

– Ô, thế giới đó à.

Cậu không thích hồn ma, và việc gặp gỡ hồn ma của pharaoh Akhenaten chẳng giúp cải thiện cảm nghĩ của cậu về chúng. Hồn ma luôn làm cậu sởn gai ốc. Đặc biệt là những hồn ma đi ám nơi nơi và hù dọa người khác.

Philippa, người cũng ớn ma quỷ, thậm chí ghê hơn cả ông anh, vừa định tình nguyện khi ông Groanin lên tiếng:

– Linh giới có thể rất đáng sợ, ngay cả với djinn. Đặc biệt là khi mấy đứa hầu như không thể trông cậy vào sức mạnh djinn khi ở đó.

Tiếp lời ông là một sự im lặng kéo dài.

Cậu Nimrod gãi gãi đầu nói:

– Ủa, cậu chưa nói gì về chuyện đó à? Chưa à? Có lẽ cậu quên mất. Sức mạnh djinn bị hạn chế nghiêm ngặt trong thế giới hư vô. Ừm, dĩ nhiên hai đứa vẫn có thể di chuyển vật thể chút ít. Nhập vào một ai đó. Lắc dây xích, mở cửa – cũng không phải hai đứa cần làm vậy, dĩ nhiên. Chỉ là, từ trọng tâm của hai đứa sẽ trở nên vô dụng, cậu e vậy.

Ông Rakshasas giải thích thêm:

– Chúng ta chỉ có thể đi vào linh giới dưới dạng một linh hồn. Nhưng sức mạnh djinn là một thứ không thuộc về thế giới đó.

Cậu Nimrod nói thêm:

– Nói cho đơn giản là, cháu không thể dùng tư duy điều khiển vật thể trong thế giới mà vật thể không tồn tại. Nhưng ở khía cạnh nào đó, các cháu sẽ làm được nhiều thứ. Các cháu sẽ thấy trong linh giới, thời gian trôi chậm hơn nhiều.

Trong một giây, không ai trong cặp sinh đôi nói gì. Nhưng cuối cùng, cảm nhận được nỗi sợ ma lớn hơn nhiều của cô em gái song sinh, John lên tiếng:

– Cháu nghĩ cháu đi sẽ tốt hơn.

Ông Rakshasas khen:

– Tốt lắm chàng trai. Người ta vẫn thường nói: “Cái gì bạn sợ, bạn nên tự mình nói trước” quả không sai. Nhưng đừng lo, ông cháu mình sẽ trông coi lẫn nhau.

Cậu Nimrod chỉ đạo tiếp:

– Ok, vậy thì Philippa, cháu sẽ cùng anh Groanin và cậu đến London. Ở đó chúng ta tìm cách xác định vị trí cơ thể của Faustina, rồi mang nó về đây để hợp nhất với linh hồn cô bé.

Philippa thắc mắc:

– Chờ chút. Cháu nghĩ cậu đã nói cậu *biết* cơ thể chị ấy ở đâu. Cậu nói nó nằm trong một phòng mạch tư nhân dành cho djinn bị ốm.

Cậu Nimrod cho biết:

– Đúng là cậu đã nói vậy. Nhưng nó không có ở đó. Dường như đã có chút sai sót trong quá trình biên chép. Một lỗi thường gặp ở các bệnh viện Anh. Tin cậu đi, người ta vẫn thường làm thất lạc bệnh nhân và cơ thể, đó là chưa kể đến nội tạng. Có vẻ như xe cấp cứu đã quên đi thu hồi cơ thể Faustina. Vì thế, nhiều khả năng nó

vẫn còn nằm ở nơi Faustina để lại nó. Chỗ của Madame<sup>[8]</sup> Tussaud.

Ông Groanin hỏi lại:

- Cái bảo tàng sáp ấy hả?
- Chính nó.

Ông Groanin nhăn nhó:

– Ồi, tôi không thích chuyện này chút nào. Nhà sáp là một nơi rùng rợn. Chẳng khác nào nhà ma hay những thứ tương tự. Có khi còn tệ hơn. Khi tôi còn trẻ, bà Tussaud thường ra giá một ngàn bảng Anh cho những ai dám qua đêm ở Buồng Kinh Dịch. Những kẻ dám làm thường mất đầu. Hoặc sợ hãi đến mức bạc trắng cả tóc.

Cậu Nimrod dứt khoát cắt ngang cảm hứng kể chuyện của ông Groanin:

- Cám ơn anh, Groanin. Kể vậy đủ rồi.

Philippa hỏi tiếp:

– Cháu vẫn chưa hiểu một chuyện. Nếu John đi vào linh giới để tìm chị Faustina, vậy làm sao cháu có thể đến London với cậu? Cha cháu thì sao? Chẳng phải tụi cháu cần ở cạnh ông để chống lại tác động của chú trời buộc Methuselah?

Cậu Nimrod giải thích:

– Rất đơn giản. Cháu sẽ chuyển hết sức mạnh cho John. Và John sẽ để lại cơ thể ở nhà. Chỉ cần một ít sức mạnh djinn để thoát linh hồn ra khỏi cơ thể thôi. Phần còn lại sẽ ở lại đây, bên cạnh cha cháu. Nó sẽ chống lại chú trời buộc, như cháu đã nói.

Philippa nhăn mặt:

- Ý cậu là, giờ đến lượt cháu thổi vào tai John?

Cậu Nimrod nhún vai:

– Cậu e là vậy.

John nói để vào:

– Đừng nghĩ anh trông chờ vào chuyện đó nhé. Anh thà trông thấy hồn ma của Akhenaten còn hơn để em nhấm nháp lỗ tai anh.

Ông Rakshasas hòa giải:

– Nè, nè, nói xấu người ruột thịt không phải một chuyện tốt đâu nhé.

Philippa nhượng bộ:

– Ok, anh hai, em xin lỗi. Em thật sự biết ơn anh vì đã thay em đi vào linh giới.

Rồi quay qua cậu Nimrod, cô cho biết:

– Và cháu đang nghĩ, mọi người có lẽ không cần đến tận Cairo để bước vào thế giới hư vô thông qua cổng vào một đền thờ Ai Cập. Mọi người có thể làm điều đó ở đây, ngay tại New York này. Ở Met. Họ có một ngôi đền ở đó – Đền Dendur.

Cậu Nimrod mắt sáng rỡ nói:

– Ôi đền ơi, sao cậu lại quên được chứ? Đó là ngôi đền Ai Cập duy nhất ở Tây bán cầu. Một món quà người Ai Cập đã tặng cho nước Mỹ vào năm 1965.

Philippa nói thêm:

– Ngoại trừ việc bảo tàng hiện giờ đang tạm đóng cửa. Ông Groanin và cháu đã thử đến đó hôm nay.

– Tạm đóng cửa?

Cô giải thích:

– Nhân viên bảo tàng đang tổ chức đình công. Họ bảo nó bị ma ám. Cháu nghe nói có ma quỷ gì đó xuất hiện ở mạn Sackler Wing

và khu trưng bày tác phẩm nghệ thuật Trung Quốc ở tầng hai.

Đưa cho cậu Nimrod xem tờ báo của mình, ông Groanin nói thêm:

– Chuyện tương tự đã xảy ra ở London, thưa ngài. Cả ở Paris và Berlin.

Đắm chiêu suy nghĩ trong giây lát, cậu Nimrod nói:

– Nghe khá thú vị đây. Có lẽ John và anh Rakshasas có thể tìm hiểu thêm về chuyện này khi đến mạn Sackler Wing.

John hỏi lại:

– Sackler Wing?

Philippa cho biết:

– Đó là nơi đặt Đền Dendur. Ở Met.

John hỏi:

– Khi nào chúng ta bắt đầu?

Cậu Nimrod trả lời:

– Ngay bây giờ, dĩ nhiên.

Ông Rakshasas nói:

– Ừ, không có khi nào như hiện tại. Ngoại trừ khi người ta chết đi.

John nuốt nước miếng cái ực:

– Chúng ta sẽ thấy người chết thật sự ở linh giới hả ông?

Ông Rakshasas bảo:

– Không như vậy, không. Trong linh giới, ai cũng nhìn thực như nhau. Nhưng họ không phải người. Không còn là người. Đó là lí do tại sao họ không kể chuyện gì. Chắc chắn là sẽ học được nhiều điều

sau một chuyến viếng thăm nghĩa địa.



## CHƯƠNG 5

### Người hầu Ka đèn Dendur

Philippa hoàn trả sức mạnh cho John và, cùng lúc đó, chuyển giao sức mạnh của cô cho ông anh bằng cách thổi vào tai cậu.

Rồi John nói lời tạm biệt với em gái, cậu Nimrod và ông Groanin, trước khi đi cùng ông Rakshasas lên phòng. Ở đó, cậu nằm xuống giường, để lại gần hết sức mạnh djinn trong cơ thể, bắt đầu nâng linh hồn lên trần nhà.

Trong một giây, cậu có cảm giác như mình đang cao lên, cao lên rất nhiều, ngoại trừ việc khi nhìn xuống, cậu trông thấy một cậu bé tóc đen, có phần đẹp trai, dáng dong dỏng cao mà cậu gần như không nhận ra. Trong một giây, cậu nghĩ đó là Dybbuk. Và chỉ nửa giây sau, cậu đột ngột nhận ra cậu đang nhìn vào chính mình.

Một giọng nói vang lên bên cạnh cậu:

– Cháu làm tốt lắm.

Dĩ nhiên đó là ông Rakshasas, cậu không thể nhìn thấy nhưng, kì lạ là, cậu có thể nhận ra rất rõ bằng khứu giác. Cơ thể ông hiện đang ngồi trên cái ghế bành yêu thích của John. Ông hỏi:

– Cháu có muốn nắm tay ông không? Hay cháu nghĩ mình đã đủ lớn để không cần việc đó?

John vốn không thích nắm tay bất kì ai, lắc đầu bảo:



– Cháu nghĩ không cần đâu ạ.

Vị djinn già tốt bụng hướng dẫn:

– Phần lớn thời gian chúng ta sẽ không có việc gì khi vô hình. Nhưng nếu lạc nhau, cháu hãy đứng ở chỗ nào đó lạnh lạnh một chút để ta có thể thấy và đến đón cháu. Có điều, cố đừng làm điều đó ở chỗ đông người nhé, nếu không họ sẽ nghĩ cháu là một hồn ma đấy.

– Ok.

– Nếu cháu bắt đầu thấy hoảng loạn về việc là một linh hồn tự do, hay khi cháu bắt đầu thấy như bị choáng, chỉ cần nhập vào trong cơ thể một mundane nào đó và nghỉ ngơi chừng năm phút. Dĩ nhiên nó sẽ làm người đó có cảm giác déjà vu, nên đừng lo lắng về nó.

– Cảm giác déjà vu là gì hả ông?

– Là khi ai đó có ảo giác đã trải nghiệm một việc gì đó, trong khi họ thật sự mới đụng đến nó lần đầu.

– Cháu biết rồi ạ.

– Nhưng chỉ trong vật giới chúng ta mới có cảm giác như một hồn ma. Một khi bước qua cổng vào, nó giống như chúng ta thật sự hiện hữu trở lại. Ông sẽ có thể thấy cháu, và cháu cũng sẽ thấy ông. Những linh hồn khác chúng ta có thể gặp phải trên đường đi cũng vậy.

– Cháu đang lo về chuyện đó đây.

Họ lơ lửng bay xuống cầu thang, qua cửa chính ngôi nhà – không phải mở cửa, dĩ nhiên – và hướng về phía Công viên Trung tâm. Theo gợi ý của ông Rakshasas, họ bay cách mặt đất chừng ba đến bốn mét để không phải đi xuyên qua những người khác – điều này

có vẻ giúp họ băng qua đường dễ dàng hơn.

Đến Đại lộ số 5, họ rẽ phải và bay về phía bảo tàng Metropolitan, nơi những người đình công còn đứng đầy trên các bậc thang. John có cảm giác ông Rakshasas di chuyển dễ dàng hơn nhiều khi là một linh hồn. Cũng nhanh hơn nữa. Cậu không biết là nhanh như thế nào cho đến khi, bay lên các bậc thang, cậu trông thấy vài nhân viên tham gia đình công kinh hoàng chỉ trở về phía cánh cửa kiếng ở lối vào trên đường 81. Và khi đến lối vào đó, cậu nhìn thấy cái mà họ đã thấy – hình dáng mờ ảo của ông Rakshasas trôi lênh bênh, như một hồn ma, trên sàn nhà lát đá cẩm thạch của khu đại sảnh rộng lớn. John đoán được chuyện gì đã xảy ra. Hôm nay là một ngày trời ảm áp và, dù tạm đóng cửa, hệ thống máy điều hòa của Met vẫn mở. Không khí lạnh hơn ở bên trong bảo tàng đã làm linh hồn ông Rakshasas gần như hiện rõ.

Một trong những người đình công hét lên:

– Gọi mấy tay truyền hình lên đây. Có một bóng ma đang đi về phía quầy hội viên.

John đứng một chỗ nhìn ông Rakshasas, hoàn toàn không biết gì về sự náo động do chính mình gây ra, ông biến mất đằng sau quầy hội viên, tiến về khu trưng bày hiện vật Ai Cập và mạn Sackler Wing ở phía bắc. Và hi vọng tránh bị quay phim bởi những phóng viên truyền hình hiện đang chĩa camera về phía cánh cửa kiếng – cậu chắc chắn rằng họ đã lỡ dịp quay phim ông Rakshasas – John quyết định tìm đường khác vào Met.

Bay lơ lửng phía trên đầu những người hiếu kì đang căng mắt nhìn qua cửa với hi vọng thấy được một hồn ma thật sự, John đi vòng về mặt sau của bảo tàng, bay lên một tầng lầu, và xuyên qua

một khung cửa sổ nghiêng cao lớn. Khi đã ở bên trong bảo tàng, cậu bay qua khu trưng bày hiện vật Trung Quốc và, vừa định đi xuống lầu để đến mạn Sackler Wing, cậu thỉnh thoảng phát hiện một trong những hộp kiếng trưng bày của bảo tàng đã bị đập vỡ và hiện vật bên trong đã bị lấy đi. Tò mò, cậu ngừng lại trong giây lát để đọc thẻ thông tin. Có vẻ như một bộ sưu tập ngọc bích vô giá từng được trưng bày ở đây đã bị lấy trộm. Và trong đầu cậu bỗng nảy ra ý nghĩ, tên trộm này có lẽ có liên quan đến mấy hồn ma được cho là đang ám bảo tàng gần đây. Nhưng hiện tại điều đó dường như không quan trọng lắm. Cậu còn phải bắt kịp ông Rakshasas.

Xuống lầu, John tìm thấy mạn Sackler Wing của bảo tàng và một ngôi đền nhỏ bằng sa thạch không khác mấy so với những ngôi đền cậu đã thấy ở Ai Cập. Ngoại trừ việc nó nằm trong một đại sảnh hiện đại với một hồ nước nhỏ bao phủ xung quanh. Một cái liếc mắt về phần thông tin ghi trên bức tường đại sảnh xác nhận suy nghĩ của John: đây chính là Đền Dendur.

Nghĩ rằng ông Rakshasas chắc hẳn đã ở đây, John gọi lớn:

– Ông Rakshasas? Là cháu. John. Ông ở đâu vậy?

Trước sự ngạc nhiên của cậu, không hề có tiếng trả lời. John gọi lại lần nữa và đứng ngay phía trên một bộ máy điều hòa trên sàn nhà để làm bản thân bớt vô hình. Khá kì lạ khi cậu tự thấy bản thân như vậy – ở đây, nhưng cũng không phải ở đây. Giống như hình ảnh phản chiếu trên mặt nước.

Cậu lại gọi lần nữa, lần này với âm lượng lớn hơn:

– Ông Rakshasas? Cháu ở đây.

Tiếng thầm thì của ông Rakshasas vang lên:

– Im lặng, John, im lặng nào.

Theo bản năng, John đưa mắt tìm kiếm xung quanh nhưng không nhìn thấy gì. Cậu cảm thấy ông Rakshasas kéo cậu ra khỏi máy điều hòa, và nhìn thấy cơ thể cậu dần biến vào hư không khi linh hồn của cậu dần ấm áp trở lại.

Cậu thâm thì với người mà hiện giờ tuy không thấy, cậu vẫn cảm thấy được đang đứng kế bên:

– Chuyện gì vậy?

Ông Rakshasas thâm thì:

– Ông cũng không rõ. Nhưng ông cảm thấy có gì đó bất thường ở đây. Suyt. Nhìn kia. Nhìn đằng kia kia, John.

Qua cánh cửa phía nam của mạn Sackler Wing, bước vào là một người kì lạ cao chừng hai mét, với áo chùng màu xám dài đến gốc, bộ giáp “vảy cá”, bộ râu cằm nhỏ, kiểu tóc búi chỏm đầu phức tạp, và mang theo một thanh kiếm dài. Đó là một người đàn ông, nhưng cũng không phải một người đàn ông, vì màu xám nhạt trên khuôn mặt vô hồn cùng đôi mắt trống rỗng không hề chuyển động của nó làm John nghĩ đó chỉ là hình ảnh của một con người. Cách di chuyển của nó cũng không mấy tự nhiên: giần giật, cứng ngắc, như thể nó không quen bước đi, cũng như không quen vung vẩy đôi tay. Giống như một con robot cổ đại. Cho nên John đã nghĩ sẽ nghe được tiếng bước chân trên mặt sàn cẩm thạch bóng lưỡng. Nhưng vật thể kì lạ đó lại di chuyển trong im lặng tuyệt đối, như thể nó không có mặt ở đây. Nó bước thẳng qua hốc tường nơi John cùng ông Rakshasas đang ẩn nấp, và mùi đất ẩm mốc nồng nặc xông vào khoan mũi vô hình của họ, như thể họ đang thấy một thứ gì đó đã được chôn cất trong một thời gian rất dài.

John thâm thì:

– Đó là gì vậy?

Sinh vật kì lạ trước mặt họ bỗng ngừng lại và nhìn chăm chăm, như thể đang tìm kiếm nguồn gốc của tiếng động nó vừa nghe thấy. Có thể nhận ra không có gì không ổn với thính giác của nó, và John tự hỏi nó sẽ làm gì với thanh kiếm nếu trông thấy họ. Gã đàn ông không phải người đó chờ đợi gần một phút, nhìn chăm chăm nhưng không thấy được họ với đôi mắt trống rỗng khác thường của nó, trước khi tiếp tục chậm rì rì di chuyển đến vách tường của bảo tàng. Nó ngừng lại rồi biến mất sau ngã rẽ.

John nhận xét:

– Dù đó là gì, cháu không nghĩ nó thân thiện.

Ông Rakshasas gật đầu:

– Ông cũng nghĩ vậy.

Vì đã lạnh trở lại, linh hồn họ bắt đầu hiện hình dần.

Một giọng nói vang lên:

– Bên này này.

Đưa mắt nhìn qua khu đại sảnh to lớn, họ trông thấy một người đàn ông đang vẫy vẫy tay với họ từ lối vào của Đền Dendur. Nhưng người này nhìn hoàn toàn khác với sinh vật đáng sợ mà họ vừa thấy. Người này mặc trang phục của một quý tộc thời Victoria.

Người đàn ông lại gọi:

– Nhanh lên. Trước khi nó quay lại.

John và ông Rakshasas nhanh chóng bay về phía ngôi đền và, ngay khi bước qua giữa hai cây cột bên ngoài, cả hai lập tức khôi phục lại hình dạng người ban đầu. John thở phào nhẹ nhõm. Cậu hài lòng khi trông thấy cơ thể – hay ít nhất là hình dáng của cơ thể

cũ. Ngay cả khi nó chỉ mang hai màu đen, trắng.

Cậu nhận xét:

– Thật là thoải mái. Trở nên vô hình thấy vậy mà khó thật. Nếu ông biết cháu muốn nói gì. Nhưng tại sao chúng ta lại chỉ có màu đen, trắng như thế này?

Ông Rakshasas cho biết:

– Vì chỉ thế giới sự sống mới có màu sắc. Ông nghĩ, chính màu sắc là thứ làm cho cuộc sống đáng giá.

John nói:

– Có vẻ hợp lí.

Ông Rakshasas chỉ ra một vài hình ảnh khắc trên tường ngôi đền. Chữ Ankh – chữ thập chìa khóa tượng trưng cho sự sống – hoa sen nở rộ buộc với giấy cói, và vô số chữ tượng hình mô tả về những vị thần cõi âm từng được thờ phụng ở đây: Isis, Osiris và con trai họ, Horus.

Ông nói một cách đơn giản:

– Chúng ta đến nơi rồi. Đây là cổng vào linh giới. Anh bạn kia đâu rồi nhỉ? Người đã gọi chúng ta ấy?

Một tiếng nói trả lời ông:

– Ở đây, thưa ngài.

Một người đàn ông hói đầu mập mạp, nhỏ con với hàm răng bè bè và một bộ vét trắng có phần cầu bả bước ra từ cánh cửa giả của ngôi đền. Với một chất giọng the thé như người nước ngoài, ông cúi chào họ một cách nghiêm trang và tự giới thiệu:

– Leo Politi sẵn sàng phục vụ quý ngài. Tôi là người hầu Ka của ngôi đền này.

John hỏi lại:

– Người hầu gì cơ?

Ông Rakshasas giải thích:

– Mỗi đền thờ Ai Cập cổ đại đều có một người hầu Ka. Trong thế giới cái chết, họ chịu trách nhiệm giúp đỡ linh hồn – tiếng Ai Cập gọi là Ka – của những người bước vào đền. Nhưng ông chưa bao giờ nghe nói đến một người Ý đảm nhận công việc đó. Đặc biệt là người mà, qua kiểu áo sơ mi và cà vạt ông ấy đang mặc, có vẻ chỉ mới chết trong một nháy mắt.

Leo cho biết:

– Thật ra tôi là người Hy Lạp. Từ Cyprus. Nhưng ngài đã nói đúng về những điều khác, thưa ngài. Tôi chỉ mới chết từ năm 1872.

John có chút ngạc nhiên về người đàn ông nhỏ con. Leo Politi nhìn không có gì giống một hồn ma, dù ông chính là như vậy.

Ông Rakshasas hỏi:

– Nếu anh không ngại, tôi có thể hỏi tại sao một người chỉ mới chết trong chưa đầy một trăm năm mươi năm lại có thể trở thành người hầu Ka của một ngôi đền hai ngàn năm tuổi hay không?

Leo trả lời:

– Tôi đã đến Ai Cập để thương lượng về một hợp đồng cung cấp bánh ngọt Thổ Nhĩ Kỳ<sup>[9]</sup> cho hoàng gia Ai Cập. Vào ngày nghỉ, tôi đã đến thăm ngôi đền này và, trong một phút bốc đồng, giống như những người khách khác đã làm trước tôi, tôi đã khắc tên mình lên tường. Ở ngay đây. Thấy không?

Leo chỉ vào một điểm trên bức tường ngôi đền, nơi John và ông Rakshasas vẫn còn thấy rõ cái tên *POLITI*.

– Nhưng để làm điều này, tôi đã xóa mất chữ tượng hình của tên một vị tư tế Ai Cập quan trọng, người vốn là người hầu Ka ban đầu của ngôi đền này. Vì thế, tôi đã tự ghi tên mình vào bản án vĩnh viễn thế chỗ cho ông ấy. Sau đó không bao lâu, tôi bị một con muỗi cắn, chết đi, và phát hiện mình ở đây. Tôi đã ở ngôi đền này suốt từ lúc đó. Khi nó vẫn còn ở Ai Cập, mọi chuyện không đến nỗi tệ. Nhưng từ khi ngôi đền được tặng cho người Mỹ, mọi thứ trở nên quá tĩnh mịch. Không có người chết mới nào để tôi hướng dẫn. Chỉ có du khách. Hai ngài là người chết đầu tiên tôi gặp được trong mấy chục năm qua. Có thể nói cho tôi biết hai ngài đã chết được bao lâu không, thưa quý ngài?

John chau mày bảo:

– Ai nói tội cháu đã...

Chặn ngang câu nói của John và quảng cho cậu một ánh mắt ý bảo cậu nên giữ kín miệng về đề tài này, ông Rakshasas trả lời câu hỏi của Leo:

– Không được bao lâu. Nhưng Leo, anh có thể cho chúng tôi biết thêm về gã cầm kiếm mới này được không?

Leo cho biết:

– Tôi nghĩ, có lẽ nó là một trong những hiện vật trưng bày ở đây. Nhưng tôi cũng không rõ lắm. Như ngài thấy đấy, nó suốt ngày tuần hành qua lại. Tốt nhất ngài đừng để nó phát hiện. Nó không phải là kẻ thân thiện gì. Tôi nghĩ, mục đích của nó là muốn hù dọa các nhân viên bảo tàng. Từ khi nó đến đây, cả cái bảo tàng này nhốn nháo hẳn lên. Giờ thì bảo tàng có đến vài hồn ma.

Ông Rakshasas hỏi lại:

– Hồn ma?



Leo gật đầu:

– Đúng vậy, thưa ngài. Trong bảo tàng. Về đêm, họ đặc biệt ồn ào.

John lẩm bẩm:

– Thảo nào mấy người ngoài kia lại biểu tình.

Leo nói:

– Đó là sự thật, thưa ngài. Những hồn ma đó đã hù mấy gã nhân viên phương phi mập mạp chạy có cờ.

Ông Rakshasas thắc mắc:

– Nhưng điều gì khiến họ làm vậy chứ? Những hồn ma đó từ đâu đến vậy, Leo?

Leo trả lời:

– Tôi không biết chắc, thưa ngài. Nhưng tôi nghĩ, họ đi ra từ trong gã cầm kiếm ban nãy.

Ông Rakshasas lặp lại:

– Từ trong đó? Kì lạ nhỉ.

– Suyt. Nó lại đến kìa. Nếu bị nó thấy, hai ngài phải bỏ chạy ngay nhé. Không cần lo cho tôi đâu. Nó sẽ để tôi yên. Vì lời nguyện người hầu Ka, tôi buộc phải ở đây, dù muốn hay không.

Leo đẩy John và ông Rakshasas vào sát cánh cửa giả để sinh vật cầm kiếm không thấy họ. Như trước, nó vẫn di chuyển chậm chạp, im lặng và như một thứ đồ tự động.

Quan sát kĩ, John nhận xét:

– Thứ đồ nó mặc. Cả bộ giáp nữa. Nhìn không giống Ai Cập chút nào.

Như trước, sinh vật kì lạ đứng khựng lại trước bức tường phía bắc của mạn Sackler Wing, rồi thỉnh thoảng quay người và đi vòng qua ngã rẽ.

Leo thở phào nhẹ nhõm và vuốt mồ hôi khỏi khuôn mặt tròn trịa của ông với một cái khăn mùi soa trắng cầu vồng. Ông bảo:

– Tốt, hẳn đi rồi.

John hỏi:

– Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tụi cháu không bỏ chạy, Leo?

Leo cho biết:

– Những ai đến quá gần, nó sẽ hấp thụ họ. Nó hút lấy họ. Như một miếng bọt biển. Tôi đã tận mắt thấy nó làm chuyện đó. Tôi nghĩ, nó đang cố hấp thụ lại tất cả những hồn ma nó thả ra trước đó.

Ông Rakshasas thắc mắc:

– Tại sao nó lại muốn làm một chuyện như vậy chứ?

Leo lắc đầu:

– Đó là điều tôi không thể giải thích, thưa ngài. Nhưng dạo gần đây, có rất nhiều thứ tôi không thể giải thích. Từ khi trở thành người hầu Ka đến giờ, đây là lần đầu tiên tôi gặp nhiều chuyện khó hiểu như vậy.

John hỏi thăm:

– Ví dụ như?

– Trước khi những hồn ma kia xuất hiện ở bảo tàng và hù dọa nhân viên, hình như đã xảy ra một trận động đất. Trong linh giới. Đó là cách tốt nhất tôi có thể mô tả về nó.

– Động đất?

Leo gật đầu:

– Linh giới rung chuyển, gần như là ác liệt. Sau đó, linh giới trở nên yên tĩnh trong một thời gian. Như thể không có ai ở đó. Rồi sinh vật cầm kiếm đó xuất hiện và chuyện ma ám bắt đầu. Nói thật với ngài là, khi chuyện đó mới bắt đầu diễn ra, tôi có chút nhẹ nhõm, vì nghĩ tôi không còn phải đơn độc nữa. Rằng thực sự có những linh hồn khác xung quanh. Cho đến khi gã cầm kiếm rút hết các linh hồn khác, tôi bắt đầu nghĩ mình sẽ là hồn ma duy nhất còn sót lại ở đây. Và điều đó làm tôi hoảng sợ.

John an ủi:

– Cháu có thể tưởng tượng ra điều đó.

Leo bảo:

– Thế giờ các ngài muốn tôi hướng dẫn đi đâu, thưa quý ngài? Tối Âm phủ? Luyện ngục? Hay là các ngài muốn hù ma ai đó? Một tay họ hàng hồn xược. Một gã sếp khó chịu. Một bà vợ không chung thủy. Trong trường hợp đó, tôi có thể dẫn các ngài đến thẳng nhà họ. Bản thân tôi, tôi cũng muốn thử hù ma ai đó.

John nói:

– Tội cháu muốn đến đảo Bannerman. Trên sông Hudson, hướng bắc của nơi này, ở ngoại ô New York. Chú biết chỗ đó không?

Leo mỉm cười:

– Rất may là, hầu như không có gì tôi không biết. Một trong những lợi thế của việc làm một người chết là, thành linh, tôi có vẻ biết hết tất cả mọi chuyện. Ừm, có lẽ không phải là tất cả. Nhưng chắc chắn là biết hơn rất nhiều so với khi còn sống. Dĩ nhiên, điều đó khiến người sống dễ dàng bị lừa phỉnh bởi các linh hồn tinh quái trong các buổi lễ cầu hồn hoặc tương tự.

Ông Rakshasas nhận xét:

– Ừ, điều đó là hiển nhiên. Người ta không bao giờ biết mình đang nói chuyện với ai khi nắm tay nhau trong bóng tối.

Leo giục:

– Chúng ta nên khởi hành thôi. Chúng ta có cả một hành trình dài trước mặt.

Leo đẩy cánh cửa giả – một cánh cửa giả chỉ trong thế giới thật. Và là một hướng dẫn viên có kinh nghiệm đồng nghĩa với việc ông đã có sẵn lời giải thích cho hiện tượng này.

Đưa họ băng qua cửa, ông nói:

– Trong linh giới, cổng vào là một trong những điểm mà qua nó, linh hồn một người quá cố có thể di chuyển từ thế giới này sang thế giới bên kia. Dĩ nhiên, người Ai Cập cổ đại hiểu rất rõ về điều này. Dù ngày nay không còn được như trước. Nhưng thưa quý ngài, các ngài luôn được hoan nghênh. Chào mừng đến với nơi người Ai Cập gọi là Tây Vương quốc. Chào mừng đến với thế giới bên kia.



## CHƯƠNG 6

### Ngôi nhà sắp

Một ngọn lốc gió đưa Philippa, cậu Nimrod cùng ông Groanin đến London, và khu vườn sau nhà cậu Nimrod ở số 7 khu Stanhope, Kensington.

Khi Philippa và cậu Nimrod đi vào nhà trước, ông Groanin nói:

– Tôi từng nghĩ tôi sẽ chẳng bao giờ quen với việc đi lại như thế này. Giờ thì đã khác. Bay bằng máy bay giờ quá rắc rối với tôi. Nào là xếp hàng đăng kí, nào là chính ông xếp hành lí này à, nào là máy X-quang, máy scan sinh trắc học, và Chúa biết bao nhiêu thứ phiền phức khác nữa. Quá nhiều thứ để nghĩ. Tôi đã đi đến kết luận rằng, điều tốt nhất một người có thể làm trong thế giới này là làm một gã khờ – một gã khờ điển trai.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi thấy có vẻ như anh đã đi được nửa đường để trở thành một người hạnh phúc rồi đó.

Ông Groanin lầm bầm vài tiếng trong cuống họng và bỏ đi chuẩn bị bữa tối.

Philippa trách:

– Cậu à, như vậy là quá thô lỗ đó.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Không tử tế, có thể vậy. Nhưng cậu nói vậy cũng vì anh ấy thôi. Anh Groanin dạo gần đây cư xử không bình thường chút nào. Thường anh ấy chỉ hạnh phúc khi cần nhả về một điều gì đó. Mới vừa rồi là lần đầu tiên trong mười năm trở lại đây anh Groanin nhận xét tốt về việc di chuyển bằng lốc gió.

Họ ăn tối, rồi khi màn đêm buông xuống, ông Groanin lái chiếc Rolls-Royce chở ba người bọn họ đến Bảo tàng sáp của Madame Tussaud. Chờ họ ngay lối vào là một chiếc Rolls-Royce khác bụi hơn màu xanh điện, và từ nó bước ra một người đàn ông nhỏ con có khuôn mặt giống tội phạm nhất mà Philippa từng thấy. Ông có một cái trán dô với rất nhiều nếp nhăn, lỗ tai lồi gắn hoa tai kim cương, và nhiều hình xăm hơn cả bãi biển Florida. Người đàn ông nhỏ bé đưa tay vân vê chùm tóc mái khi bước về phía cậu Nimrod.

Ông nói với chất giọng của một người London gốc:

– Chào ngài.

Cậu Nimrod chào lại:

– Chào anh, Silman. Silman, đây là cháu gái tôi, Philippa.

– Hân hạnh được gặp cháu.

– Philippa, đây là Silman Franco vĩ đại. Anh vừa mới trở về từ một chuyến nghỉ dài ngày ở miền Nam Tây Ban Nha. Một sự trở về rất được trông đợi.

Silman Franco khiêm tốn nói:

– Ngài quá khen thôi, thưa ngài.

Cậu Nimrod cho biết:

– Suốt mấy năm qua, tộc djinn của chúng ta đã nhận được nhiều

hỗ trợ quý giá từ anh Silman đây. Anh ấy đã giúp chúng ta làm những công việc mà đôi lúc, vì một vài lí do nào đó, chúng ta không tiện ra mặt. Thăm dò, mật thám, truy tìm, trinh sát, bẻ khóa, đột nhập, và theo dõi. Không có công việc bất chính, trái luật hay phạm pháp nào anh ấy không làm được.

– Bất cứ việc gì có thể giúp được ngài thôi, ngài Nimrod.

Cậu Nimrod bảo:

– Anh Silman là một tội phạm trung thực mà chúng ta có thể tin tưởng.

Silman lại cúi đầu lần nữa:

– Tất cả nhờ ơn ngài thôi, thưa ngài.

– Anh có mang nó theo không?

– Có chứ, thưa ngài, có chứ.

Đút tay vào túi áo vét bằng lụa của mình, Silman rút ra một cái hộp cứng bọc da chỉ to cỡ một hộp diêm bình thường và đưa nó cho cậu Nimrod.

Cậu Nimrod nói với Philippa:

– Mấy năm trước, cậu đã cho anh Silman ba điều ước. Một trong những điều ước đó là tạo ra một chiếc chìa khóa đặc biệt do chính anh Silman thiết kế kiểu dáng.

Cậu Nimrod mở chiếc hộp ra. Nằm gọn trong hộp là một bộ xương người to và mỏng cỡ một cái kẹp giấy. Cậu đặt bộ xương bé xíu ấy vào lòng bàn tay, nắm lại và thổi nhẹ vào nó, như thể nó là một viên súc sắc nhỏ. Khi cậu mở tay ra, bộ xương đứng dậy và duỗi duỗi cơ thể như một người vừa ngủ dậy sau một thời gian dài.

Silman vừa cười khúc khích vừa gọi:

– Dậy nào, dậy nào. Thức dậy và tỏa sáng nào, người đẹp.

Philippa lí nhí hỏi cậu:

– Cái... cái gì vậy cậu?

Cậu Nimrod trả lời:

– Một dụng cụ mở khóa hình xương.

Hơi sợ hãi, Philippa đứng nhìn cậu Nimrod đưa tay đến trước lỗ khóa của cánh cửa chính dẫn vào bảo tàng sáp, và bộ xương lướt qua bàn tay cậu trước khi chui tọt vào bên trong.

Cậu Nimrod cho biết:

– Không cần phải mất công phá khóa nếu có được anh bạn nhỏ bé này trong túi. Nó sẽ làm hết mọi chuyện cho cháu. Đẩy chốt, di chuyển đòn bẩy, và gỡ then cài.

Silman gật đầu:

– Đúng vậy, ngài Nimrod. Không có gì nó không mở được.

Vài giây trôi qua, đúng như khẳng định của Silman, Philippa nghe được tiếng cửa mở. Một giây sau đó, bộ xương bé nhỏ đã leo vào lại cái hộp da của nó, và Silman Franco đã băng qua cửa nhanh như một con chồn sương được tra mỡ để tắt chuông báo động. Và trước khi Philippa kịp nói “Nhiệm vụ bất khả thi”, ông đã trở lại với một nụ cười đắc thắng.

Ông bảo:

– Vào được rồi đó, ngài Nimrod.

Cậu Nimrod bảo:

– Cám ơn anh, Silman. Nếu không phiền, anh có thể đợi ở ngoài này được không? Phòng trường hợp chúng tôi lại cần đến sự hỗ trợ của anh.



Silman đưa tay vân vê tóc mai và nói:

– Ngài nói đúng. Tôi sẽ chờ trong xe vậy.

Bật đèn pin lên, cậu Nimrod đi đầu dẫn đường vào bảo tàng sáp, Philippa và ông Groanin theo sát sau lưng.

Rọi đèn pin của mình quanh khu trưng bày khi cùng ông Groanin theo cậu Nimrod băng qua tòa nhà tối om, Philippa nghĩ thầm: *Ông Groanin nói đúng.*

Bảo tàng này dễ làm người ta nổi da gà. Dù đi bất cứ nơi đâu, bạn luôn có cảm giác có ai đó đang nhìn chăm chăm vào bạn. Dĩ nhiên cô có thể nhận ra vài người trong số đó. Tổng thống. Thủ tướng Anh. Hoàng gia Anh. Vài ngôi sao điện ảnh. Một số hình nhân sáp nhìn giống y như thật. Nhưng vài cái khiến cô xém nữa bật cười vì quá tẻ. *Xém nữa.* Có một điều gì đó về bảo tàng sáp về đêm làm bạn mất hết can đảm nở nụ cười. Và như thường lệ, ông Groanin là người khơi gợi nỗi sợ hãi mà Philippa cảm thấy ở một nơi như thế này khi màn đêm buông xuống.

Ông thì thầm:

– Nghe đồn là Madame Tussaud học nghề này ở Paris, nơi bà “thực tập” trên đầu của những nạn nhân bị chém đầu trong suốt cuộc Cách mạng Pháp. Nghe là đã đủ ớn. Nhưng chả hiểu sao, ta cứ có cảm giác một số hình sáp ở đây chính là xác người bị phủ sáp bên ngoài. Đó là lí do tại sao họ giống thật như vậy. Mà cháu có chú ý thấy mắt của họ dường như dõi theo từng bước chân của chúng ta không?

Philippa thú nhận:

– Thật sự cháu đang cố không chú ý điều đó. Mà sao ông phải thầm thì vậy?

Cậu Nimrod lầm bầm:

– Cậu cũng đang thắc mắc điều đó đây.

Ông Groanin nói:

– Thì cũng giống như khi cháu đang ở trong hầm mộ hay nghĩa địa thôi. Ta luôn nghĩ nếu thật sự có hồn ma, chúng sẽ đến đây làm bạn với hình ảnh một thời của ai đó, thay vì ru rú trong một cái hộp đầy xương có cái kết trong một ngôi mộ. Đặc biệt những kẻ sát nhân bị treo cổ hay tự sát ở dưới lầu.

Mở một cánh cửa và dẫn đường xuống một hành lang hẹp, cậu Nimrod gật nhỏ:

– Anh im lặng giùm được không, Groanin. Anh đang làm cháu nó sợ đấy.

Philippa bảo:

– Không sao, cháu ổn mà.

Nhưng nói thì nói vậy, chứ cô vẫn nhanh chân bước đi để tránh bị bỏ lại đằng sau với bóng tối.

Cậu Nimrod giải thích:

– Có vài kho hàng đầu đó ở dưới này, nơi lưu trữ những hình sáp cũ. Một trong số đó là nơi Faustina để lại cơ thể trước khi tách linh hồn đến ám ngài Thủ tướng. Chính xác là ở dãy kệ thứ mười ba của kho số mười ba.

Ông Groanin nhận xét:

– Một con số xui xẻo.

Cậu Nimrod nói:

– Nhưng lần cuối tôi đến đây là hơn mười năm trước. Hi vọng trí nhớ của tôi không bị rỉ sét mấy.

Qua một cầu thang cuốn dài ngoằn, họ đi xuống một tầng hầm sâu hoắm có mùi ẩm mốc. Cậu Nimrod bước đến cuối một hành lang và mở một cánh cửa khác.

– A, nó đây rồi, tôi nghĩ vậy.

Nói rồi cậu gạt đi vài mạng nhện cản đường, bước vào trong và bật công tắc đèn.

Philippa kinh ngạc nhìn xung quanh căn phòng. Cái ghế ở góc phòng có lẽ là thứ duy nhất bình thường ở đây. Có vài dãy đầu sập của những người từng một thời nổi tiếng, như thể Madame Tussaud đã thu thập chúng từ cái rổ đặt phía trước một máy chém, cùng vài hàng kệ lớn hơn nơi các hình nhân sập được lưu trữ riêng biệt. Có cả một hộp đựng tay và một hộp đựng mắt.

Philippa hỏi:

– Sao chị ấy có thể làm được điều đó? Làm sao Faustina có thể can đảm để cơ thể lại một nơi như thế này? Cháu còn chưa chắc dám xuống đây một mình nữa là.

Cậu Nimrod cho biết:

– Faustina không giống như phần lớn các cô bé djinn cùng tuổi.

Vừa nói, cậu vừa tiến về phía cuối kho hàng, nơi có hàng trăm hình nhân nằm trên những dãy kệ sắt rộng lớn.

– Faustina là một đứa trẻ có tính tự lập. Nghiêm túc. Hay u sầu. Thậm chí có phần lạnh lùng. Đó chính là lí do tại sao cô bé ấy phù hợp cho vị trí Djinn Xanh Babylon. Ngoài ra, một trong những hình nhân ở đây là Ronald Reagan. Nguồn tin của cậu cho biết, Faustina luôn hâm mộ Ronnie, như một cô cháu gái hâm mộ ông của mình, và cậu đoán, chắc cô bé nghĩ được nằm trên cùng dãy kệ với Reagan một lúc là một ý hay. Bởi vì đó là nơi cậu tìm thấy cô bé khi xuống

đây lần đầu.

Philippa chỉ nhớ ngờ ngợ về Ronald Reagan nên hỏi lại:

– Ronald Reagan? Người từng là Tổng thống Mỹ?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng vậy. Và ông ấy ở đây.

Cậu Nimrod tiến về phía người đàn ông mặc áo vét vẫn đang mỉm cười thân thiện từ dãy kệ ông đang nằm. Nhưng kế bên ông lại là một khoảng trống rành rành.

Ông Groanin càu nhàu:

– Mất tiêu rồi.

Cậu Nimrod ngạc nhiên nói:

– Faustina đã ở ngay đây mà. Tôi chắc chắn về điều đó.

Philippa gợi ý:

– Có lẽ cái xe cấp cứu ấy rốt cuộc cũng đã đến mang chị ấy đi cũng nên.

Cậu Nimrod vẫn khẳng khẳng:

– Không, không. Cậu nói rồi mà, Philippa, rằng cậu đã kiểm tra phía bệnh viện. Ngoài ra, chuyện này chắc chắn chỉ mới xảy ra gần đây. Cháu nhìn lớp bụi trên kệ là biết. Rõ ràng chỉ vài tháng trước đây, còn có một người nằm ở đây, là một đứa bé nửa kia. Đường viên này ngắn hơn hẳn so với bên tổng thống Reagan.

Bước về phía cuối dãy kệ phụ và quơ đèn trong bóng tối, ông Groanin hỏi:

– Có khi nào họ mang cô ấy đi nấu chảy vì nghĩ đó là sáp không nhỉ?

Philippa rùng mình:

– Ông nghĩ ghê quá đi.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Nhưng sao lại là Faustina mà không phải những người khác? Có nhiều hình nhân sáp ở đây lâu đời hơn cô bé mà. Không, anh Groanin, tôi chắc chắn rằng cơ thể Faustina đã bị lấy cắp.

Philippa thắc mắc:

– Ai lắp cắp cơ thể chị ấy chứ? Và tại sao?

Ông Groanin bảo:

– Có lẽ không chỉ mỗi mình Faustina biến mất đâu. Nhìn này.

Cậu Nimrod và Philippa đi theo ông về cuối dãy kệ. Có thể thấy rõ trên kệ hai đường viền cơ thể mờ mờ bụi, nơi từng có hai hình nhân sáp khác.

Cậu Nimrod gật gầu:

– Anh nói đúng, Groanin.

Ông Groanin cúi xuống và nhặt một cái gì đó lên khỏi sàn. Đó là một miếng băng dính tiện dụng ngắn. Và trên nó là một dấu vân tay.

Ông lẩm bẩm:

– Xin chào. Chúng ta có gì ở đây đây?

Rời đèn dọc theo sàn nhà, ông lại phát hiện một miếng băng dính khác, có điều miếng này vẫn chưa bị bóc.

Ông nhận xét:

– Theo tôi thấy, có vẻ cảnh sát đã ở đây, thưa ngài. Đội điều tra hiện trường của Scotland Yard<sup>[10]</sup>. Đây là một mẫu băng dính thu thập vật chứng. Để lấy dấu vân tay.

Philippa tiếp lời:

– Có nghĩa là người ta đã phát hiện và báo án vụ trộm hình nhân sáp ở đây.

Cậu Nimrod nói:

– Phát hiện tuyệt vời đó, anh Groanin. Nhiều khả năng chúng ta sẽ tìm được một hồ sơ báo cáo của cảnh sát ở văn phòng trên lầu. Sao chúng ta không đi xem thử nhỉ?

Bên trong văn phòng bảo tàng ở trên lầu, Philippa cố gắng tìm kiếm thông tin trên hệ thống máy tính văn phòng, trong khi ông Groanin và cậu Nimrod thử vận may với các ngăn tủ đựng hồ sơ. Không tốn nhiều thời gian để họ tìm thấy manh mối mà họ đang cần.

Cậu Nimrod thông báo:

– Có thông tin này. Có vẻ như một nữ nhân viên bất mãn tên Cristina Buonaserra đã bị cho thôi việc vì nghi ngờ có dính líu đến vụ trộm ba tháng trước đây.

Cậu Nimrod phe phẩy tờ giấy tìm được trước mặt ông Groanin, lúc này đang ghi chú cái tên và bắt đầu lục lọi một ngăn tủ khác.

Cậu Nimrod đọc tiếp:

– Cristina Buonaserra bị nghi ngờ đã trộm đi ba hình nhân sáp. Ở đây không nói rõ là hình nhân nào. Nhưng một trong số đó chắc chắn là Faustina. Các hình nhân bị trộm này không bao giờ được tìm thấy. Không bao lâu sau khi bị thôi việc, Buonaserra đã rời Anh và đến sống tại Ý. Ý. Chúa ơi. Chúng ta sẽ không bao giờ có thể tìm được Faustina kịp lúc. Cô bé ấy có thể ở khắp nơi.

Ông Groanin thông báo:

– E hèm. Không hẳn thế, thưa ngài. Đây là hồ sơ của cô Buonaserra, thưa ngài. Ở đây ghi, họ hàng gần của cô ấy sống tại

Ý. Có vẻ như cô ấy có một ông anh là linh mục. Hay chính xác hơn, viện trưởng tu viện dòng Carthusian ở Malpensa, ngay ngoại vi thị trấn Eboli.

Philippa lặp lại:

– Malpensa à?

Rồi cô đánh lệnh tìm kiếm trên bàn phím máy tính.

Cậu Nimrod cho biết:

– Malpensa là một thị trấn phía nam.

Ông Groanin nói:

– Tôi cá là cô ấy đến chỗ anh trai.

Nhấc mặt ra khỏi màn hình máy tính, Philippa hớn hở thông báo:

– Eureka. Cháu tìm thấy rồi. Tu viện Convento di Carthusi ở Malpensa. Ôi, ghê quá! Đó chắc chắn là nơi cô ấy đến. Nhìn này.

Hiện ra trên màn hình máy tính là bức ảnh chụp một nơi nhìn giống một nghĩa địa ngâm dưới lòng đất với đường hầm cùng những gian phòng có đặt bục, kệ để chứa quách và quan tài. Nhưng điều thật sự quái lạ ở đây là, tất cả những người chết đều bị ướp xác và phơi bày ra như những hiện vật trưng bày trong bảo tàng. Một vài cái xác từ lâu đã mất hết da thịt và nhìn không khác mấy một bộ xương khô, trong khi những cái khác nhìn như thể chỉ đang nằm ngủ.

Philippa lặp lại:

– Ghê quá.

Nhìn màn hình qua vai Philippa, cậu Nimrod nói:

– Đó là hầm mộ. Bên dưới tu viện. Nơi người ta được bảo quản

và đặt ở đó khi chết thay vì mang đi chôn. Đó là một truyền thống cũ ở Ý.

Theo như những gì được viết trên trang web, niềm tự hào của khu hầm mộ là cái xác đến giờ vẫn được bảo quản hoàn hảo của một cô bé chừng mười hai tuổi chết vào năm 1920, người mà dân địa phương gọi bằng cái tên “người đẹp ngủ trong rừng”. Cô bé được trưng bày trong một hộp kiếng để mở và, với những sợi ruy-băng hồng tô điểm mái tóc vẫn còn óng mượt, nhìn cô thật sự giống như một nhân vật đi ra từ một truyện cổ tích. Nhưng có điều gì đó về cô bé này có phần quen thuộc với Philippa. Trong một giây, Philippa liên tưởng đến sự giống nhau kì lạ của cô bé với Dybbuk. Và rồi, Philippa nhớ về bức tranh treo trên tường ngôi nhà ở đảo Bannerman – cũng là hòn đảo mà John và ông Rakshasas hiện đang hướng đến. Đó là nơi cô đã thấy cô bé ấy. Đó là cô bé trong ảnh. Cô bé không có chết gì cả.

*Đó chính là Faustina.*





## CHƯƠNG 7

### Những người đàn ông mặc đồ đen

Leo Politi, người hầu Ka của Đèn Dendur, nhận xét:

– Lạ thật. Hai ngài không giống với những người chết mà tôi đã từng dẫn đường trong linh giới trước đây.

John hỏi:

– Thật à? Tại sao ông nghĩ vậy?

Leo cho biết:

– Hầu hết mọi người thường rất bối rối về những gì đã xảy ra cho họ. Bối rối đến mức họ không nhận thức được thay đổi to lớn mà họ vừa mới trải qua.

John hỏi lại:

– Nghĩa là sao ạ?

– Ý tôi là, họ hoàn toàn không biết gì về việc mình đã chết. Ngay phút linh hồn rời khỏi cơ thể trần tục, họ lập tức cố gắng sống cuộc sống bình thường như trước. Và rồi họ trở nên giận dữ khi người sống lơ họ đi. Người Ai Cập biết về điều đó. Đó là lí do họ xây dựng các đền thờ và bổ nhiệm người hầu Ka. Để có ai đó dịu dàng giải thích cho các linh hồn biết chuyện gì đã xảy ra. Dĩ nhiên, ngày nay, người ta không biết phải đi đâu khi họ chết. Chắc chắn họ không

bao giờ nghĩ tới chuyện đến Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan ở New York, đến Đền Dendur. Nhưng linh hồn hai ngài đây lại có vẻ biết rõ mình là gì, mình đang làm gì, cũng như mình muốn đi đâu.

Ông Rakshasas nói:

– Hiển nhiên là không ích lợi gì khi mang theo dù nếu giày bạn bị lủng lỗ. Chúng tôi biết mình ở đâu, Leo, và chúng tôi không phải loại người phàn nàn về chuyện đó. Chúng ta luôn phải để một củ khoai tây nhỏ đi kèm với một củ khoai tây lớn.

Ba người ngồi xe buýt xuống Nhà ga Trung tâm để bắt tàu lửa đến sông Hudson. John nhận ra những hành khách khác hoàn toàn không chú ý gì đến họ. Giống như họ không có mặt ở đây. *Giống như họ là những hồn ma*. Leo nói đúng. Ngoài chi tiết đó, John nghĩ linh giới cũng không mấy khác biệt với thế giới thật. Ngoại trừ việc mọi thứ chỉ có hai màu trắng đen. Ngay cả người sống cũng hiện ra với hai màu trắng đen ở phía bên này của cổng vào ngôi đền. Nhưng cậu bắt đầu nghĩ việc bước vào thế giới hư vô, như cách gọi của cậu Nimrod, thông qua một ngôi đền chỉ tổ lãng phí thời gian mà thôi.

Nghiêng người về phía ông Rakshasas, cậu thầm thì:

– Nếu chỉ là vấn đề bắt xe buýt và tàu lửa, chúng ta có thể tự mình làm việc đó mà. Cháu biết đường đến đảo Bannerman. Tại sao chúng ta lại phải tốn công đến tận ngôi đền? Tại sao chúng ta cần Leo dẫn đường?

Ông Rakshasas cho biết:

– Thứ nhất là, chúng ta hiện có thể trông thấy nhau, trong khi chúng ta không thể trước đây. Một việc hữu ích. Và chúng ta sẽ có thể thấy Faustina, một việc cũng hữu ích không kém. Vô hình là

một bất lợi lớn khi cháu muốn nói chuyện với ai đó.

John gật gật đầu:

– À đúng, cháu không nghĩ đến việc đó thật.

Ông Rakshasas nói tiếp:

– Thêm một lí do nữa. Giống như hướng dẫn viên du lịch, một người hầu Ka sẽ biết được một số chuyện mà chúng ta không biết. Ví dụ như, trong số những người chúng ta đang nhìn, ai là người đã chết, và ai là người còn sống. Và trong số những người đã chết, người hầu Ka sẽ biết ai đáng tin, ai không. Chắc chắn luôn có nhiều con sói đội lốt cừu non. Điều đó có nghĩa là, ông ấy còn hơn là một người dẫn đường, John à. Ông ấy có sức mạnh trong linh giới, thứ chúng ta không có.

– Ý ông là, ông ấy giống như một người bảo vệ?

Ông Rakshasas bảo:

– Cũng không hoàn toàn như vậy, vì hiện tại không ai trong chúng ta có cơ thể để cần được bảo vệ. Ông ấy có phần giống một thiên thần hộ mệnh hơn. Ngoại trừ việc ông ấy không phải là một thiên thần, dĩ nhiên. Ông cũng không rõ lắm về vai trò của người hầu Ka. Chỉ hi vọng chúng ta không phải khám phá ra điều đó trong một hoàn cảnh không lấy gì làm dễ chịu.

John đồng ý với ông. Hiện giờ chỉ hơn hồn ma một chút, cậu bắt đầu nghĩ làm hồn ma là một việc cậu có thể xử lí được. Nhưng cái mà ông Rakshasas gọi “một chuyện khác”, ờ, nó là một chuyện khác.

Ở Nhà ga Trung tâm, họ lên cùng một chuyến tàu mà John và Philippa đã đón khi lần đầu tiên đến đảo Bannerman chỉ vài tuần trước đó. Trời đã tối hẳn khi họ đến Cầu lạc bộ Du thuyền

Newburgh, nơi John bảo với Leo rằng họ có thể chèo xuồng đến đảo Bannerman. Và trong khi Leo đi kiếm xuồng, John và ông Rakshasas đi dạo đến cái nhà thuyền. Nhìn từ bên ngoài, nó trông không khác gì trước đây, nhưng ông lão lái thuyền sống ở đó có vẻ trẻ hơn theo trí nhớ của John. Trẻ hơn, nhưng có phần u sầu hơn. Như thể một thảm họa nào đó đã giáng xuống đầu ông. Không những thế, John còn có cảm giác như ông có thể nhìn thấy họ, dù cậu biết rõ đó là điều không thể. Người sống chỉ có thể nhìn thấy hồn ma trong những trường hợp cực kì đặc biệt.

Họ đứng nhìn ông lão lái thuyền từ bên ngoài cánh cửa bếp để mở trong mấy giây, khi ông đang pha cho mình một tách trà. Rồi, tự lẩm bẩm với bản thân, ông lão băng qua cửa và tiến vào phòng khách, đóng sầm cửa lại sau lưng. John muốn xem thử ông còn giữ Hendrix – con mèo của bạn Dybbuk – hay không, cho nên họ nghĩ việc đó không có hại gì, đi theo ông lão xuyên qua cánh cửa đóng kín và vào trong nhà thuyền.

Căn nhà vắng vẻ và tĩnh mịch. Không có một chút ấm áp nào như lần cuối John ở đây. Về con mèo Hendrix, họ không thấy bóng dáng nó đâu cả. Một cái đồng hồ quả lắc to lớn đứng im lặng trong một góc phòng. Có mạng nhện trên những khung cửa sổ không rèm. Và phần lớn đồ đạc trong nhà phủ kín một lớp bụi. Đó là một đêm trời se lạnh, nhưng không có ngọn lửa nào bùng cháy trong lò sưởi, một việc John cảm thấy hơi bất thường. Nhưng không bất thường bằng hai người đàn ông đang ngồi quanh một cái bàn trong phòng khách.

Cả hai người đàn ông mặc bộ vét đen bóng cùng áo sơ mi đen, có bộ râu đen cùng cặp mắt đen, và trong tay họ là một quyển sách bìa đen cùng một chuỗi tràng hạt đen. Ngay cả vớ của họ cũng màu

đen. Một người trong bọn họ có một cái va li màu đen nhỏ, như túi đồ của một bác sĩ, đặt cạnh chân, trong khi người còn lại có một tờ thời khóa biểu lịch chạy tàu lửa trên túi áo, như thể họ mới vừa bước xuống khỏi một chuyến tàu sớm. Có một điều gì đó về hai người đàn ông này khiến John cảm thấy không thích, không chỉ vì mùi nhang trầm nồng nặc bốc ra từ quần áo họ.

Không mở miệng nói gì với hai người đàn ông, ông lão lái thuyền ngồi xuống một cái ghế lật và bắt đầu đu đưa ghế, vừa đu vừa ngân nga thầm trong miệng. Ngay khi ông làm vậy, hai người đàn ông kì lạ khẽ nhảy dựng lên, như thể bị giật mình bởi một chuyện gì đó. Một trong số họ nhìn về phía người còn lại và gật đầu trịnh trọng. Rồi họ mở cuốn sách đặt ở trên bàn ra và bắt đầu lần lượt đọc lớn. Đến lúc này, ông lão lái thuyền trên cái ghế lật bắt đầu rên rỉ nhỏ nhỏ, như thể đang bị đau bụng.

John thăm thò hỏi:

– Ông ấy bị gì vậy?

Ngay khi John vừa nói, một trong hai người đàn ông ngồi ở bàn bắt đầu đọc lớn hơn, trong khi người còn lại đi quanh phòng vẩy nước từ một cái lọ nhỏ cầm trên tay. Tiếng rên rỉ của ông lão lái thuyền trở nên ư ử như chó kêu.

Âm lượng tiếng đọc của hai người đàn ông tăng lên một lần nữa. Dù nó cũng không khác biệt mấy với John, vốn không hiểu được một chữ nào. Cuốn sách họ đang đọc được viết bằng một thứ ngôn ngữ tuy nghe rất quen, cậu vẫn không thể nhận ra nó. Rồi, vẫn tiếp tục đọc lớn, hai người đàn ông đứng dậy, và John nhận ra một điều về họ mà cậu đã không nhận ra trước đó. Họ đang hoảng sợ. Nhưng về cái gì mới được?

Cậu hỏi ông Rakshasas:

– Ông có hiểu họ đang nói cái gì không?

Ông Rakshasas la lớn để trả lời, vì giờ đây tiếng đọc đã lớn đến mức họ khó có thể nghe thấy nhau nếu nói chuyện bình thường:

– Đó là tiếng La-tinh.

Tiếng ồn đã triệu hồi Leo vào trong nhà. Trong một giây, ông đứng sững trên lối vào, với một vẻ mặt kinh hoàng ngày càng rõ rệt.

Ông giục:

– Đi. Chúng ta phải rời khỏi đây. *Ngay bây giờ*. Hai ngài không hiểu hả? Họ là thầy trừ tà.

John thắc mắc:

– Hả? Trừ tà dạng nào cơ?

Với vẻ mặt cực kì kích động, Leo hét to:

– Chuyện đó quan trọng gì? Nếu không rời khỏi đây, một chuyện khủng khiếp sẽ xảy ra. Đó là việc các thầy trừ tà làm. Họ xua đuổi hồn ma.

Tuy nhiên, trước khi người hầu Ka của đền Dendur kịp nói thêm tiếng nào, ông lão lái thuyền trên cái ghế lật hét lớn một tiếng và vụt chạy xuyên qua cửa sổ. Và chỉ khi cánh cửa sổ không vỡ tung ra từng mảnh, John bị sốc nặng khi nhận ra ông lão lái thuyền là một hồn ma.

Cậu lẩm bẩm:

– Ông ấy chết rồi.

Ông Rakshasas nói:

– Ừ. Chỉ là ông không nghĩ ông ấy thừa nhận chuyện đó. Ông ấy

bối rối. Như Leo đã nói người ta thường bối rối sau khi chết.

Nhưng nếu John nghĩ ông lão lái thuyền là hồn ma duy nhất trong cái nhà thuyền cũ kĩ này thì cậu đã lầm. Khi John và ông Rakshasas bước ra hành lang để hướng về phía cửa sau, nhiều linh hồn khác hiện ra từ các tầng lầu và các căn phòng khác. Những hồn ma già hơn. Những hồn ma cổ đại. Những hồn ma có lẽ đã đeo bám thung lũng sông Hudson trong suốt mấy trăm năm. Những hồn ma giờ đây đang la hét, gào thét, và đang hỗn loạn bỏ chạy khỏi căn nhà trước khi hai thầy trừ tà có thể giáng những thảm họa khủng khiếp khác lên đầu họ.

Leo la to trong kinh ngạc:

– Tôi không hiểu. Một căn nhà đáng lẽ không có nhiều hồn ma như vậy. Không thể nào có chuyện đó. Giống như tất cả bọn họ đang lẫn trốn một cái gì đó ở đây.

John cố gắng lách mình ra khỏi đường đi của những hồn ma hoảng loạn, nhưng không còn kịp nữa. Một trong số họ, điên cuồng bỏ trốn khỏi cái nhà thuyền, chạy xuyên thẳng qua người John, và trong một khoảng khắc ngắn ngủi, chính cậu đang bỏ chạy hòng giữ lấy mạng sống – một cảm giác kinh khủng – và cậu nghe thấy tiếng mình gào thét gọi tên ông Rakshasas. Cùng lúc đó, cậu cảm nhận được trong tích tắc *sự kinh hoàng* mà hồn ma đã trải nghiệm trước khi chết hơn ba trăm năm mươi năm trước, cùng sự thống khổ mà nó đã chịu đựng suốt từ đó đến giờ.

Lần đầu tiên chuyện đó xảy ra, nó chỉ kéo dài trong một giây. Lần thứ hai xảy ra, dường như nó kéo dài vĩnh viễn...

Cậu đang chạy như điên qua khu rừng ẩm ướt để bảo toàn mạng sống. Không khí buổi sớm mùa xuân ở thung lũng sông Hudson dày

đặc mùi thuốc súng, mùi của những bụi cây ẩm ướt cùng tiếng reo hò của những thổ dân Mohican đã đột ngột tấn công một nhóm nhỏ thợ săn lông thú người Hà Lan. Vũ khí của những gã thổ dân thô sơ nhưng hiệu quả: chùy cối, rìu, và cung tên. Vài thành viên trong đoàn thợ săn của cậu đã chống trả bằng súng kíp, nhưng với hầu hết những người còn lại, đơn giản họ không có đủ thời gian, cũng như đủ khoảng cách an toàn để nổ súng. Và giờ đây, cậu đang một thân một mình bỏ chạy trốn chết, dù cậu hoàn toàn không biết mình đang đi về hướng nào. Điều duy nhất quan trọng ở đây là không ngừng chạy. Để trốn thoát. Để chạy đủ xa và ẩn nấp khỏi những gã thổ dân, rồi sau đó, dưới sự che chở của bóng đêm, tìm đường quay về pháo đài. Việc cậu chỉ là một đứa trẻ sẽ không đủ để gọi lên lòng thương hại của những thổ dân Mohican. Cậu cúi người tránh một nhánh cây và nhảy vọt qua một dòng suối nhỏ. Trong tích tắc, cậu bị trượt chân và ngã xuống, nhưng cậu cuộn người xoay vài vòng khi chạm đất, lăn xuống một ngọn dốc, nhanh chóng đứng bật dậy, và rồi phóng vọt qua một thân cây rơi trên mặt đất với sự linh hoạt của một con cáo bị săn đuổi. Một cái gì đó chạm vào thân cây sau lưng cậu, và cậu nghe thấy tiếng hét lớn như tiếng chim rít gào của gã thổ dân đang đuổi theo cậu, thông báo cho những tên khác gã đang ở đâu để đến giúp đuổi bắt thành nhóc “mắt trắng”. Chúng đang dần bắt kịp cậu, và tất cả những gì cậu có thể nghĩ đến là ngày tháng: ngày 12 tháng Năm năm 1640. Hôm nay chính là sinh nhật lần thứ mười lăm của cậu. Cậu còn có ngày sinh nhật tiếp theo hay không? Cậu còn có thể gặp lại mẹ ở Amsterdam hay không? Loạng choạng vọt qua một lùm cây um tùm, cậu phát hiện mình đang đứng trên bờ sông Hudson vĩ đại mờ sương. Có cố gắng vượt qua dòng nước phẳng lặng như mặt gương ấy cũng vô ích. Nó



quá rộng. Và cậu cũng không biết bơi. Nên chạy hướng nào đây? Ngược dòng, hay xuôi dòng? Trên lớp bùn dọc bờ sông, cậu trượt chân, bò dưới một bụi cây, lội qua một đoạn nước cạn, rồi chạy quanh thân hình của một cái cây to lớn. Thẳng vào cánh tay đầy cơ bắp dang rộng của một gã thổ dân Mohican to lớn sơn vẽ đầy người. Gã thổ dân nặng mùi chộp lấy cổ tay cậu, nở nụ cười chó sói với sự hung ác được tô điểm thêm bởi lớp vữa đen che kín cả cái đầu cạo trọc của gã, trước khi đập đầu cậu bằng một miếng gỗ sơn màu lòe loẹt có hình dáng như một khẩu súng lục. Cậu choáng váng té ngã xuống đất. Ngửa mặt về phía đỉnh các ngọn cây, gã thổ dân để trần nửa người hú lên một tiếng đặc thủng và kéo sệt cậu lên bờ sông như một bao khoai tây, rồi gã đẩy cậu ngồi tựa vào một cây thông lớn và trói cậu vào nó với một sợi dây mỏng làm từ da động vật. Những gã Mohican khác nhanh chóng đến nơi, hú lớn như một bầy sói xám Bắc Mỹ hưng phấn, đầu cũng sơn đen ngòm nhìn giống như bị gấn lộn cơ thể bởi một đứa trẻ tinh nghịch. Một trong những gã thổ dân nhóm một đống lửa. Một gã khác tìm một thân cây rỗng và bắt đầu gõ gõ vào nó theo nhịp trống nào đó, miệng rì rầm một bài hát không giai điệu. Cảm nhận được sự tuyệt vọng khốn cùng của tình huống đang gặp phải, cậu ngược mặt nhìn lên bầu trời xanh trong không một gợn mây, và bắt đầu cầu nguyện...



## CHƯƠNG 8

### Thiên thần ngày thứ tư

Họ cuối lốc gió đến một cánh đồng ở ngoại ô Malpensa, một thị trấn nhỏ nằm ở gót giày nước Ý<sup>[11]</sup>. Và ở đó, trên chiếc xe cấp cứu mà cậu Nimrod đã tạo ra bằng sức mạnh djinn – họ hi vọng sử dụng nó để tiện đường di chuyển cơ thể của Faustina – họ chạy lên ngọn đồi dốc đứng và đi vào thị trấn.

Philippa nghĩ Malpensa là một nơi khá kì lạ. Xây dựng trên đỉnh một vách đá cao vút, nhìn nó như một cái cây hay một bụi rậm mọc ra từ đá. Bên trong thị trấn, những căn nhà trong tình trạng sửa chữa tạm bợ do ảnh hưởng của những trận động đất thỉnh thoảng vẫn xảy ra ở khu vực này. Lo sợ ngôi nhà vốn dĩ đã quá yếu ớt của mình một ngày nào đó sẽ không cầm cự nổi một trận động đất tương tự, phần lớn người dân trong thị trấn hiện đang chọn lối sống trong mạng lưới hang động kéo dài của khu vực, như loài gấu và dơi.

Một vài tòa nhà lớn hơn, quan trọng hơn, như tòa thị chính và đồn cảnh sát, được chống đỡ bởi những thanh gỗ to dùng hoặc được bao phủ bởi những giàn giáo lớn, khiến Malpensa nhìn như thể đang giam giữ những động vật khổng lồ hung tợn.

Philippa nhận xét:

– Thảo nào thị trấn này mang tên như vậy.

Ông Groanin hỏi:

– Ô, thế chính xác “Malpensa” nghĩa là gì?

Philippa cho biết:

– Là “suy nghĩ không hay”.

Ông Groanin gật gù:

– Đúng là nơi này có hơi hướm của thảm họa.

Khu hầm mộ của dòng Carthusian được đặt trong một nhà thờ nhỏ tại quảng trường Piazza Carthusi nằm ở rìa thị trấn. Nó đối diện với một sân bóng, nơi bên dưới những ánh đèn cao áp, một trận bóng được theo dõi bởi toàn bộ cư dân Malpensa – khoảng tám trăm hai mươi lăm người – đang diễn ra một cách huyên náo.

Ông Groanin rên rỉ:

– Tại sao cơ chứ? Tại sao chúng ta cứ phải viếng thăm những nơi kinh dị như thế này vào ban đêm?

Cậu Nimrod bảo:

– Khu hầm mộ này là điểm thu hút khách du lịch duy nhất của Malpensa, cho nên chúng ta không có nhiều lựa chọn về thời gian, anh Groanin à. Theo sách hướng dẫn du lịch, mùa hè nơi này có đến hàng trăm khách tham quan vào ban ngày.

Ông Groanin cần nhằn:

– Không thể hiểu nổi mấy người đó suy nghĩ gì khi bỏ tiền du lịch đến tận đây.

Philippa bổ sung thêm:

– Ngoài ra, cháu không nghĩ người dân ở đây sẽ im lặng để chúng ta bước ra khỏi hầm mộ với một trong những hiện vật trưng

bày quý giá nhất của họ giữa ban ngày ban mặt. Ông không nghĩ vậy sao?

Ông Groanin nói:

– Ta phải thừa nhận, ăn trộm thân thể là một chuyện tốt nhất nên làm vào buổi tối. Mặc dù ta ước điều ngược lại.

Cánh cửa nhà thờ không khóa. Họ đi vào trong và cẩn thận mò đường giữa những thanh gỗ chống đỡ các bức tường. Vài tá đèn cây lập lòe cháy trong một chúc đài cao với giá đỡ bằng kim loại treo lủng lẳng trên trần trong một nhà nguyện nhỏ. Từ một chồng đèn cây chất đống như vô số điệu xì gà bên dưới cái giá đỡ, cậu Nimrod rút ra ba cây đèn cây, thắp chúng lên, rồi đưa một cây cho Philippa và một cây cho vị quản gia của cậu. Ở cuối nhà thờ, đằng sau một bệ thờ, một tấm biển được in sơ sài chỉ dẫn đường đến khu hầm mộ.

Cậu Nimrod đã mượn tạm cái dụng cụ mở khóa hình xương của Silman Franco cho chuyến đi Ý lần này, và hiện cậu đang đưa nó vào ổ khóa của cái ổ khóa to ngang ngửa một cái đĩa nhỏ bảo vệ cánh cổng sắt dẫn vào khu hầm mộ. Khi ổ khóa đã được mở, ông Groanin đẩy cánh cổng nặng trĩu và đứng qua một bên trong khi cậu Nimrod và Philippa bước xuống các bậc thang. Dĩ nhiên, ông hoàn toàn vui vẻ nhường đường cho hai djinn xuống trước, vì ông có phần e sợ bóng tối, và đặc biệt là các hồn ma. Đó là chưa kể đến hàng tá xác chết.

Ông khẽ rùng mình một cái khi những cái xác đầu tiên hiện ra trước mắt. Đủ gần để có thể chạm tay vào nếu muốn, chúng được trưng bày như những món báu vật trong bảo tàng tư nhân của một tay sưu tầm lập dị nào đó. Để nằm trên kệ hoặc dựng dựa vào những bức tường quét vôi trắng, một vài cái xác được bảo quản tốt,

hoàn hảo trong mọi chi tiết, còn đủ cả tóc và mắt, trong khi vài cái khác không hơn gì một bộ xương khô với tay và hàm bị rụng mất. Cũng có xác của trẻ sơ sinh và trẻ em, vì cái chết không từ một ai. Ông Groanin cảm thấy buồn khi nhìn những cái xác đó, thậm chí vài khuôn mặt nhỏ bé trong số đó còn làm ông rơi lệ. Cùng lúc đó, ông dễ dàng thấy được tại sao lại có ai đó vô tâm đến mức trộm đi ba hình nhân sáp và sử dụng chúng để thay thế cho những cái xác trong hầm mộ. Vì nơi này làm ông liên tưởng ngay đến bảo tàng sáp.

Ông thầm thì:

– Chúa ơi, nhìn những cái xác này mà xem. Có cả ngàn cái chứ chả chơi. Cứ như chúng ta có cả tòa nhà Quốc hội ở đây.

Philippa khụt khịt mũi đánh hơi thử không khí, nhưng cô không ngửi được bất cứ mùi gì.

Ông Groanin ca thán:

– Quỷ thần ơi, cái này đã chết từ năm 1599. Thật lạ khi nghĩ đến việc tất cả những người này đã sống, làm việc, chăm lo gia đình như chúng ta. Làm cho tôi có cảm giác quái quái sao ấy. Như thể chẳng bao lâu nữa, rồi cũng đến lượt tôi sẵn sàng bị đóng khung lên tường.

Vui vẻ vỗ vai ông Groanin, cậu Nimrod bảo:

– Suy nghĩ lạc quan đấy, anh Groanin.

Ông Groanin hỏi cậu:

– Cậu nói khách du lịch thật sự xuống tận đây à? Chỗ này có gì giống Disneyland đâu.

Chỉ tay vào một tấm biển hướng dẫn, Philippa bảo:

– Không chính xác. Nhưng nó có nói ở kia, “Đường này dẫn tới *Người đẹp ngủ trong rừng*”.

Queo qua ngã rẽ, họ đến một căn phòng chỉ có một xác chết: Nằm trên nắp của một hộp kiếng, giống như nữ nhân vật chính của một bộ phim hoạt hình đúng điệu, là cơ thể được bảo quản hoàn hảo của một cô bé cỡ tuổi Philippa. Đó là Faustina.

Cậu Nimrod cho biết:

– Theo sách hướng dẫn du lịch, *Người đẹp ngủ trong rừng* ở đây đã chết năm 1920. Tôi dám cá, xác chết nguyên bản đã bị mục đi, và họ cần nhanh chóng tìm ra vật thay thế. Nhiều khả năng họ đã chôn cất cái xác gốc, rồi chôn Faustina khỏi bảo tàng sáp để thế chỗ.

Ông Groanin lẩm bẩm:

– Sốc thật.

Nhưng cái làm Philippa sốc hơn chính là bộ đồ Faustina đang mặc.

Cô kinh hoàng rú lên:

– Ôi, Chúa ơi, nhìn bộ đồ chị ấy đang mặc kìa. Quá mức lỗi thời. Cháu thà chết cũng không mặc đồ như thế.

Cậu Nimrod cười bảo:

– Vậy thì may cho Faustina là cô bé đang trong tình trạng bất động chờ đợi như thế này.

Philippa lại hỏi:

– Và chuyện gì xảy ra với tóc chị ấy vậy trời?

Cậu Nimrod nhún vai bảo:

– Cậu đoán là khách du lịch đã lên cắt bớt một ít, để làm quà

lưu niệm.

Ông Groanin lo lắng liếc nhìn xung quanh khi nghe thấy một thứ gì đó sột soạt trong bóng tối. Cảm giác tràn ngập về cái chết và sự mục nát đang bắt đầu xâm nhập vào xương tủy ông. Ông giục:

– Đi thôi, thưa ngài. Tôi nghĩ nơi này chắc có chuột nhắt hay chuột cống gì đấy. Hô biến Faustina vào trong một lon Coca, hay làm theo bất cứ kế hoạch nào cậu dự định với cô bé và ra khỏi đây thôi.

Cậu Nimrod lăm bắm từ trọng tâm của cậu. Nhưng Faustina không biến mất. Thay vào đó, một cái cẳng hiện ra bên dưới cơ thể cô.

Ông Groanin cần nhận:

– Cái gì? Ý cậu là chúng ta phải khiêng cô ấy ra khỏi đây hả?

Cậu Nimrod cho biết:

– Tôi e là vậy, anh Groanin. Rất nguy hiểm khi hóa thể một djinn có linh hồn đã rời khỏi cơ thể.

Rồi cậu đặt cây đèn cây của mình xuống đất và cầm phía cuối cẳng.

– Đi nào. Anh cầm phía trên đi.

Đưa cây đèn cây của ông cho Philippa, ông Groanin cầm lấy phần đầu cẳng. Nâng Faustina lên, họ khiêng cô ngược ra hành lang.

Ông Groanin nhắc Philippa:

– Cầm đèn cây thì đừng bước quá nhanh thế. Cháu đang bỏ lại chúng ta với bóng tối đấy.

Philippa ngừng lại để cậu Nimrod và ông Groanin có thể bắt kịp

cô. Ngọn đèn cây chiếu một làn ánh sáng nhẹ nhàng, ấm áp lên người Faustina, khiến cô bé trông thật sự giống *Người đẹp ngủ trong rừng*.

Philippa nhận xét:

– Chị ấy nhìn giống như một thiên thần vậy.

Từ trong bóng tối, một giọng nói trầm trầm đầy nam tính vọng ra:

– Ta không nghĩ vậy.

Ông Groanin nhảy dựng lên và xem nữa làm rớt cái cẳng đang khiêng Faustina, trong khi Philippa thiếu điều hét lên vì hoảng sợ.

Một người đàn ông to con, lực lưỡng mặc một bộ vét trắng không có vẻ gì phù hợp với thân hình bước vào trong ánh nến. Trên cái đầu to tròn như một trái banh bowling, mái tóc nhạt màu của ông ngắn ngủn và bù xù vì không được chải, trong khi khuôn mặt ông râu ria lởm chởm vì không được cạo. Bờ vai ông rộng ngang giữa những thanh gỗ chống đỡ nhà thờ.

Người đàn ông nói:

– Con bé này chẳng giống bất cứ thiên thần nào ta từng gặp. Và ta đã gặp cả đống. Tốt và xấu.

Mỉm cười có phần bí hiểm, người đàn ông liếc mắt nhìn Faustina và nhận xét tiếp:

– Không có gì giống. Thứ nhất là quá ốm. Thứ hai, lại là con gái.

Cậu Nimrod hỏi:

– Nếu tôi không lầm, ông là thiên thần phải không?

Vị thiên thần gật đầu:

– Chính xác. Tên ta là Sam.



Ông Groanin hỏi, giọng không mấy tin tưởng:

– Sam? Chưa từng nghe nói có thiên thần tên Sam.

Philippa thì bức xúc hỏi:

– Và ai nói con gái không thể làm thiên thần chứ?

Vị thiên thần bước về phía ông Groanin và Philippa, cái hàm lồi xồm râu đưa về phía trước.

Cậu Nimrod khuyên:

– Nếu là tôi, tôi sẽ không chất vấn ông ấy đâu, anh Groanin. Cả Philippa nữa. Tôi nghĩ ông ấy ở đây để canh giữ một cái gì đó.

Vị thiên thần tự giới thiệu là Sam lặp lại:

– Sam. Viết tắt của Samael. Và chỉ để các người hiểu rõ, thiên thần là công việc của đàn ông. Luôn là thế.

Ông Groanin làu bàu:

– Ồ, vâng, luôn là thế.

Sam nói tiếp:

– Chỉ để các người hiểu rõ, ta là thiên thần cai quản thứ Tư. Và ta đã chán ngấy mấy cái bức hình thiên thần mô tả chúng ta như một lũ con gái mít ướt với đôi mắt to tròn ngấn nước và bản mặt trơn nhẵn.

Ông Groanin nhắc khéo:

– Ồ, nếu ông không ngại nhắc nhở, thì hôm nay là thứ Năm.

Sam nhún vai:

– Ok, có thể là vậy. Nhưng ta vẫn phải xuất hiện khi được triệu hồi. Chủ nhân djinn của người nói đúng đấy. Hàng trăm năm qua, ta đã đến đây theo yêu cầu của những mục sư điều hành chỗ này,

để canh giữ nó khỏi những kẻ xâm nhập.

Hất đầu về phía cái cạm đang khiêng Faustina, ông nói tiếp:

– Cho nên, nếu là các người, ta sẽ đặt cái cạm đó xuống.

Cậu Nimrod và ông Groanin đặt cái cạm xuống đất.

Cậu Nimrod hỏi thử:

– Tôi không có ý xúc phạm gì, nhưng liệu ông có chắc về điều đó không?

– Djinn, người có ý gì?

– Ông có chắc là ông đang canh giữ cả nơi này, hay chỉ đặc biệt bảo vệ cho ai đó? Nói cho cùng, rất nhiều người ở đây không phải nhân vật quan trọng gì.

Chỉ vào Faustina, cậu nói tiếp:

– Cô bé djinn này thậm chí còn chưa chết.

Sam gầm gừ chất vấn:

– Vậy tại sao nó lại ở đây?

Cậu Nimrod chỉ bảo:

– Cô bé đặt thân thể làm chỗ, chỉ vậy thôi. Chúng tôi đang mang nó ra khỏi đây để nó có thể hợp nhất lại với linh hồn cô bé.

– Điều đó vẫn không thay đổi việc ta có nhiệm vụ trông chừng nơi này. Cho nên con bé phải ở lại đây. Hết chuyện.

Cậu Nimrod hỏi:

– Họ đặc biệt nhờ ông canh giữ cô bé à?

Sam cười nhạo:

– Nhờ ta canh giữ một con bé vớ vẩn ấy à? Ta nói là không. Thiên thần là công việc của đàn ông.

Cậu Nimrod gật gật bảo:

– Vâng, ông đã nói vậy. Chỉ là, chẳng phải ông vừa bảo đã canh giữ nơi này hàng trăm năm qua? Nhưng bạn của chúng tôi chỉ mới đến đây thế chỗ *Người đẹp ngủ trong rừng* được chừng mấy tháng là cùng.

Philippa nói thêm vào:

– Và *Người đẹp ngủ trong rừng* thật sự cũng chỉ ở đây từ năm 1920.

Cậu Nimrod kết luận:

– Vậy có nghĩa họ không định nhờ một người quan trọng như ông phải tốn công trông coi cô bé. Chắc hẳn họ hi vọng ông sẽ bảo vệ một ai khác. Có lẽ là xương cốt một vị thánh. Thánh Bruno chẳng hạn.

Sam vẫn khẳng định:

– Điều đó cũng không tạo nên khác biệt nào đâu, anh bạn. Các người vẫn không thể mang con bé đi. Trừ khi đánh bại ta.

Ánh mắt vị thiên thần sáng rực lên, và ông toét miệng cười khoe hàm răng đầy lỗ hổng:

– Đó là nếu các người có gan đối đầu với ta.

Cậu Nimrod phản đối:

– Một trận đấu không công bằng chút nào! Tất cả mọi người đều biết thiên thần mạnh hơn djinn chứ đừng nói gì tới con người.

Sam lúc lắc đầu bảo:

– Không, không. Ta không cần đến sức mạnh thiên thần để đánh bại các người. Djinn hay con người. Tất cả những gì ta cần là cơ bắp.

Cậu Nimrod nhận xét:

- Một thứ có vẻ ngài có rất nhiều.
- Thế giờ có đồng ý đấu không?

Philippa hỏi lại:

- Ông chính là vị thần Samael đã đấu vật với Jacob trong Sách Sáng Thế phải không ạ?

Sam trả lời với giọng dè chừng:

- Có thể. Thì sao?

Philippa gật đầu bảo:

- Vậy thì được. Tụi cháu chấp nhận lời thách đấu ngớ ngẩn của ông. Nếu ông đồng ý không sử dụng sức mạnh thiên thần của mình, ông Groanin đây sẽ là đối thủ đấu vật của ông. Đúng không, ông Groanin?

Quai hàm của ông Groanin thiếu chút nữa rơi xuống đất.

- Hả? Ta? Đấu với thiên thần? Cháu điên rồi hả, cháu gái?

Sam thừa nhận:

- Ta cũng nghĩ như vậy.

Philippa vẫn nói tiếp:

- Và nếu ông Groanin thắng, tụi cháu có thể mang bạn ra khỏi đây. Thỏa thuận không?

Ông Groanin nói không ra hơi:

- Ta nói chuyện với cháu một chút được không, Philippa?

Nụ cười của thiên thần Sam ngoác dài đến tận mang tai. Ông nói với Philippa:

- Ok. Nhưng nó phải là một trận đấu vật đúng điệu. Với võ đài,

trọng tài cùng đám đông. Không như trận đấu với Jacob. Lúc đó chỉ có mỗi hai người chúng ta trên sa mạc vào ban đêm. Không vui chút nào. Và không mấy động lực để thắng. Ta thích đám đông. Rất thích.

Liếc nhìn xung quanh khu hầm mộ, cậu Nimrod nói:

– Ồ, tôi có thể thấy được điều đó.

Sam lắc đầu bảo:

– Ta không nói về chỗ này. Ta muốn nói về một chỗ có một đám đông đang hoành hành. Một chỗ phù hợp. Như khi các người xem đấu vật trên tivi. Khu liên hợp thể thao Madison Square Garden. Ở New York. Đồng ý không?

Philippa gật đầu:

– Đồng ý.

Sam nói với Philippa:

– Ta thích cô đấy, cô bé. Cô khá hay ho. So với một đứa con gái bình thường. Nhưng còn người...

Sam chỉ ngón trỏ mập mập, to đùng vào ông Groanin.

– ... ta sẽ ngắt đầu người ra làm cục chặn giấy.

Sam búng tay cái “tách”, và họ phát hiện mình đang đứng trong một võ đài của Madison Square Garden, trước một đám đông khán giả lên đến hai mươi ngàn người. Có những người bán chương trình thi đấu và hot-dog; có cánh phóng viên và thợ chụp ảnh bên cạnh võ đài; thậm chí có cả những thiếu nữ tóc vàng ngực bự, người đeo dây kim cương, đứng trên khán đài với biểu ngữ mang tên Sam trên tay.

Ông Groanin lầm bầm:

– Khỉ thật. Cái này cảm giác thật y như một ngày cuối tuần đầy mưa ở Manchester.

Cậu Nimrod cho biết:

– Nó là hiện thực.

Cậu Nimrod cũng đang ngạc nhiên không kém. Không phải vì chứng kiến sự thể hiện một sức mạnh tuyệt đối, mà vì trông thấy nó thực hiện một cách dễ dàng và hoàn hảo như vậy. Và điều này nhắc nhở cậu rằng, bất chấp cái quái hàm râu ria lôm xôm cùng thái độ cư xử có phần thô lỗ, Sam rốt cuộc vẫn là một thiên thần. Một thiên thần rất mạnh mẽ.

Cậu nói tiếp:

– Ít nhất nó là hiện thực ngay bây giờ. Hiện thực là một thứ thiên thần có thể dễ dàng tạo ra.

Một bản nhạc rộn rã cùng vài ánh đèn pha sáng chói chào đón sự xuất hiện của Sam trên một sân khấu ở sau lưng khán đài. Thiên thần ngày thứ Tư giờ tay lên thể hiện sự tự tin vào chiến thắng trong tâm tay. Trận đấu sắp sửa bắt đầu.



## CHƯƠNG 9

### Cương thị Faustina

John, thức dậy đi.

John mở mắt ra. Cậu đang ngồi trên mặt đất, dựa lưng vào một thân cây. Đối mặt với cậu là ông Rakshasas và Leo Politi, hai người đang quỳ gối trước mặt cậu với vẻ lo lắng. Rồi cậu nhớ đến những thổ dân Mohican và vội vàng loạng choạng đứng dậy, lòng đầy sợ hãi với kí ức kinh hoàng vẫn còn sâu sắc trong đầu về những gì cậu tưởng tượng đã xảy ra cho cậu.

Ông Rakshasas khuyên:

– Thả lỏng đi, chàng trai. Cháu an toàn rồi.

Vừa thở hổn hển vừa đưa cả hai tay vuốt vuốt tóc, như thể kiểm tra xem nó còn gắn liền với đầu cậu hay không, John kể lại:

– Khủng khiếp. Khủng khiếp lắm ông ời. Cháu đã quay lại năm 1640. Cháu là một cậu bé người Hà Lan bị thổ dân da đỏ đuổi bắt trong rừng. Và nó... thật khủng khiếp.

Ông Rakshasas giải thích:

– Chúng ta đã ở trong cái nhà thuyền. Cháu còn nhớ không? Một cuộc trừ tà đã diễn ra ở đó. Và khi những linh hồn bỏ chạy khỏi ngôi nhà, một trong số đó có vẻ đã trộn lẫn vào linh hồn của cháu trong một lúc. Ông nghĩ, có lẽ cháu chỉ vừa hồi tưởng lại tất cả

những chuyện đã xảy ra cho linh hồn tội nghiệp đó. Những chuyện có lẽ đã làm cậu ấy trở thành một hồn ma như hiện tại.

John vẫn lẩm bẩm:

– Những thổ dân ấy...

Chỉ nhớ lại đã muốn chết ngất, John lại ngồi xuống và cố gạt bỏ kí ức đó ra khỏi đầu.

– Cháu ráng thả lỏng người trong chừng một phút nhé. Ông nghĩ, cả hai phía đều có lỗi. Bản chất của con người vốn là một thứ khủng khiếp khi dính líu đến sự ngu dốt và khờ khạo.

John nói:

– Nó không có thật. Nhưng nó vẫn có cảm giác y như thật.

Ông Rakshasas bảo:

– Thấy là tin. Nhưng cảm giác lại là sự thật của Thượng đế.

Leo nghiêm nghị nói:

– Có lẽ đây là lúc tốt nhất để hai ngài giải thích cho tôi biết tại sao hai ngài là mấy linh hồn duy nhất trong ngôi nhà đó, bao gồm cả tôi, không vội vã bỏ chạy khi một cuộc trừ tà đang diễn ra. Theo ý kiến của tôi, không ai trong số hai ngài đã chết. Vì nếu thế, hai ngài khó có thể còn yên ổn đứng ở đây.

Ông Rakshasas gạt đầu bảo:

– Cũng đến lúc nên nói thẳng. Anh nói đúng. Không ai trong chúng tôi đã chết, tôi mừng khi nói điều đó. Và tôi thật lòng xin lỗi đã nói dối anh, Leo, vì anh là một người tử tế. Chúng tôi là djinn, và chúng tôi đang thực hiện một nhiệm vụ với mục đích cứu người.

Leo hỏi lại:

– Ý ngài là, giống như thần đèn?



– Chính là thế. Và trước khi anh hỏi, tôi rất tiếc, nhưng tôi không thể cho anh ba điều ước. Vì thứ nhất, anh đã chết, và thứ hai, sức mạnh djinn không sử dụng được trong linh giới.

Ngừng lại trong giây lát, ông Rakshasas hỏi:

– Nói tôi biết, Leo, anh có khả năng đánh giá đúng người khác không?

Leo trả lời:

– Tôi nghĩ tôi có thể đánh giá đúng những người tôi tin tưởng, thưa ngài.

Ông Rakshasas gật đầu bảo:

– Một câu trả lời hay. Nếu anh giúp đỡ chúng tôi, Leo, chúng tôi sẽ cố hết sức giúp anh sau khi quay về phía bên kia. Đúng không, John? Chúng tôi có thể hứa danh dự về điều đó. Rằng chúng tôi sẽ cố gắng giúp đỡ để anh không phải tiếp tục làm người hầu Ka của Đền Dendur một khi quay về Manhattan. Anh thấy thế nào?

Leo nói:

– Tôi nghĩ đó là một đề nghị tuyệt vời. Dù sao tôi cũng chẳng có gì để mất. Một trăm ba mươi lăm năm là quá đủ cho nghiệp dẫn đường.

– Mới nãy anh nói, anh nghĩ có nhiều linh hồn ẩn nấp trong ngôi nhà đó. Chính xác là ẩn nấp khỏi cái gì?

Leo bảo:

– Như thế này: thông thường sẽ có hàng ngàn linh hồn quanh quẩn khắp nơi. Nhưng mới nãy lại là những linh hồn đầu tiên chúng ta gặp được từ khi bước qua cổng vào. Không những thế, họ đang trốn tránh.

– Khỏi cái gì?

– Tôi không biết. Điều đó quan trọng lắm à?

Ông Rakshasas nhún vai:

– Có thể. Mà cái xuống anh để đâu rồi?

Leo dẫn họ ra chỗ để xuống. Và trong khi chèo thuyền ngược lên sông Hudson, John và ông Groanin kể cho Leo nghe một ít về Faustina, cũng như một ít về djinn.

Leo nhận xét:

– Sức mạnh ban cho người khác ba điều ước chắc phải là một gánh nặng trách nhiệm khủng khiếp lắm. Nhưng người được ban cho ba điều ước cũng cần có một trí thông minh vĩ đại để sử dụng chúng. Có lẽ nhận được chính xác điều mong muốn không phải lúc nào cũng là một việc tốt.

– Với sự thông thái anh có, anh cũng có thể là một djinn đấy, Leo.

Họ đặt chân lên đảo Bannerman vào những giờ khắc đầu tiên của ngày. Bình minh xám xịt đang bắt đầu lên, và ngôi nhà màu tro u ám nằm ngay trung tâm hòn đảo vẫn đứng yên trong sự im lặng tuyệt đối, giống như trong trí nhớ của John. Hoặc ít, hoặc nhiều. Ngôi mộ nơi cậu và John đã chôn cất Max, quản gia của dì Felicia, giờ đây được đánh dấu bởi một tấm bia hình đầu khỉ đột.

Họ đi vào phòng khách, nơi phần còn lại của một đồng lửa vẫn còn âm ỉ cháy trong lò sưởi, và ngồi xuống bên dưới bức tranh sơn dầu đen trắng của Faustina. Dưới mắt của John, nhìn cô thậm chí còn giống Dybbuk hơn trước. Bướng bỉnh và nghịch ngợm. Thật khó để tin rằng lần cuối cậu ngồi trong căn phòng này, cô cũng có mặt ở đây. Vô hình. Dưới hình dạng linh hồn. Quan sát họ.

John hỏi ông Rakshasas:

- Ông có nghĩ chúng ta nên gọi chị ấy không?
- Nếu Faustina có ở đây, thể nào cô bé cũng sẽ xuất hiện. Hãy nhớ là, con heo im lặng mới là con heo giành được bữa ăn.

Rồi ông ngã người dựa vào ghế bành và ngáp dài.

- Căn phòng này luôn là một nơi thích hợp cho việc chờ đợi.

Nhưng họ không phải đợi lâu.

Một giọng nói vang lên:

- Máy người là ai? Và máy người chắc không phiền nói cho tôi biết máy người đang làm gì ở đây chứ?

Faustina cao hơn so với ấn tượng John có được từ bức chân dung, và cũng đáng yêu hơn nhiều. Cậu nghĩ cô nhìn giống y như cái ngày linh hồn của cô rời khỏi cơ thể: một cô bé mười hai tuổi. Nhưng đồng thời cậu cũng biết đã hai mươi bốn năm từ ngày cô được sinh ra. Điều đó có nghĩa cô đã hai tư tuổi? Hay chỉ mười hai? Thật sự hi vọng vào trường hợp thứ hai, John cảm thấy trái tim bỗng lỡ một nhịp khi cậu đứng dậy và lần đầu tiên nhìn vào đôi mắt xám của Faustina.

Cậu tự giới thiệu, giọng có chút ngượng ngịu:

- Em tên John. Em là bạn của em trai chị, Dybbuk.
- Cậu đã đến đây rồi, đúng không?
- Vâng. Vài tuần trước.
- Chị cũng nghĩ chị nhận ra cậu.

John nói:

- Tụi em đến đón chị về nhà. Để chị có thể lấy lại cơ thể mình.

Faustina thở dài một tiếng và nặng nề ngồi xuống đối diện ba vị

khách của cô.

John lo lắng hỏi:

– Chị không muốn về nhà hả?

Cô trả lời:

– Luôn luôn. Ban đầu, chị đã cầu nguyện có ai đó đến đây, tìm thấy chị và mang chị về nhà. Nhưng không ai đến.

Faustina bắt đầu khóc.

– Không ai đến.

John an ủi:

– Giờ tụi em đến nè.

Rồi cậu kể cho cô nghe việc cậu Nimrod và Philippa đang đi đến London để thu hồi cơ thể cô từ bảo tàng sáp, nơi cô đã để lại nó khi đi ám Thủ tướng Anh.

Cuối cùng, khi Faustina đã ngừng khóc, cô lau nước mắt, hỉ mũi và nói:

– Chị không biết mọi người có thể giúp chị như thế nào. Chị đã mấy lần cố nhập vào cơ thể. Nhưng thất bại.

John giải thích:

– Đó là vì gã bác sĩ người Ấn được gọi đến chữa bệnh cho Thủ tướng đã lấy một mẫu máu của thủ tướng để đi xét nghiệm. Trong mẫu máu đó có chứa một phần nhỏ linh hồn của chị. Điều đó có nghĩa, một phần của chị đã mất đi khi chị cố lấy lại cơ thể. Nhưng mọi chuyện giờ sẽ ổn. Cậu Nimrod đã lấy một ít máu của mẹ chị, và chúng ta có thể sử dụng nó để thay thế.

Cô run rẩy hỏi lại:

– Cậu nghĩ nó thật sự có hiệu quả hả?

Ông Rakshasas nói:

– Chắc chắn có chứ. Chúng ta sẽ không ở đây nếu chúng ta nghĩ mình đang đuổi bắt một con kì lân lông kẻ ô vuông, đúng không?

John giới thiệu:

– Đây là ông Rakshasas. Ông là một djinn rất thông thái. Dù đôi lúc sự thông thái đó chúng ta khó mà hiểu được.

Mỉm cười với Faustina, ông Rakshasas gật đầu và nói:

– Sự thông thái là vậy khi các cháu còn trẻ.

– Và đây là bạn tụi em, Leo Politi. Ông ấy là người dẫn đường cho tụi em trong linh giới. Leo biết tất cả mọi thứ về linh giới.

Có chút xấu hổ, Leo cúi chào một cách lịch sự và nói:

– Tôi không dám nói “tất cả mọi thứ”. Nhưng tôi là một hồn ma đích thực.

Faustina mỉm cười với John:

– Vậy, có lẽ chị *có thể* về nhà rồi. Dù chỉ trong một thời gian.

John chối mắt bởi vẻ đẹp của Faustina và đã quên bẵng đi lí do quan trọng nhất của việc cậu và ông Groanin đến đây tìm cô, hỏi lại:

– Sao chị nói vậy?

Faustina trả lời:

– Chị sẽ trở thành Djinn Xanh Babylon đời tiếp theo. Đó luôn là định mệnh của chị. Khi Ayesha chết, chị sẽ vào chỗ của bà. Đúng thế không, ông Rakshasas?

Ông Rakshasas nói:

– Ừ, đúng là thế. Và đó là tin ông muốn nói cho cháu biết.

Ayesha, Chúa phù hộ bà ấy, đã qua đời.

Faustina gật đầu:

– Vậy à? Điều đó giải thích lí do tại sao mọi người đến đây tìm cháu.

Nhún vai một cái buồn bã, Faustina nói:

– Thảo nào bây giờ cháu mới được cần đến, còn trước kia thì không.

John phản đối:

– Không hoàn toàn như vậy đâu chị. Chỉ là gần đây tụi em mới biết được nên tìm linh hồn của chị ở đâu. Chỉ sau khi em đến đây lần đầu tiên, với em gái em và em trai chị, tụi em mới đoán được chị ở đâu.

– Vậy là cô ấy thật sự đã nghe được tiếng chị nói, đúng không? Em gái cậu ấy?

– Dạ.

– Thế nói cho chị biết, Ayesha bổ nhiệm ai vào vị trí Djinn Xanh khi chị vắng mặt?

John lưỡng lự trả lời. Cậu biết nói sự thật cho Faustina chỉ tỏ khẳng định thêm nghi ngờ của cô về một động cơ thứ hai bên dưới hành động giải cứu lần này. Nhưng cậu cũng biết, cậu khó có thể nói dối với ai về một điều như thế. Đặc biệt là với Faustina. John nghĩ cô quá xinh để bị lừa dối về bất cứ điều gì. Cậu trả lời:

– Là mẹ em.

Cô nói:

– A. Điều đó giải thích tại sao *cậu* lại đến đây tìm chị, John. Cậu cần chị để ngăn mẹ cậu rời khỏi cậu và em gái. Không đúng sao?

John nói mà không vui vẻ gì:

– Đó là sự thật. Ít nhất đó là sự thật, cho đến khi em gặp chị.

Nụ cười khích lệ mà Faustina dành cho John sau câu trả lời đó dường như chạm thật sâu vào trong trái tim dũng cảm của cậu; cậu đã chắc chắn không có gì cậu không làm vì cô.

Leo nhìn về phía ông Rakshasas đang mỉm cười đáp lại. Cả hai người đàn ông trưởng thành đều nhận ra chuyện gì đang xảy ra giữa hai djinn trẻ, dù chính bản thân hai đứa trẻ không nhận ra điều đó.

Có phần gượng gạo, như thể nhận thức việc ông đang phá vỡ một câu thần chú nào đó trong không khí, ông Rakshasas nói:

– Người ta không bao giờ nướng xong một cái bánh kẹp chỉ bằng cách tung nó quá đầu, cho nên ông nghĩ, chúng ta nên khởi hành đi là vừa.

Faustina ngăn lại:

– Khoan đã. Trước khi quay về vật giới, có một chuyện quan trọng cháu phải nói với mọi người. Một chuyện mà có thể chúng ta cần đến ông Leo để hiểu được. Cháu cũng không chắc trăm phần trăm đó là gì, nhưng có một chuyện rất kì lạ đã xảy ra trong linh giới.

Có chút không muốn phủ nhận lời nói của cô bé đáng yêu trước mặt, Leo ngập ngừng nói:

– Luôn có chuyện kì lạ xảy ra trong linh giới. Trên thực tế, tôi dám nói, “kì lạ” chính là từ mô tả hoàn hảo bản chất của thế giới này.

– Điều cháu muốn nói là một chuyện còn kì lạ hơn cả kì lạ. Một

thứ gì đó bất thường và quái dị. Nó có thể là một thứ xấu xa.

Liếc nhìn Leo như thể thách thức ông bất đồng ý kiến với điều cô sắp kể, Faustina nói:

– Trong suốt mười hai năm qua, cháu đã học cách tìm đường trong linh giới, và cách nhận diện những chuyện kì lạ *bình thường*. Cháu đã gặp qua yêu tinh, nữ thần báo tử, những sinh vật Ête, hồn ma bóng quế, thậm chí là cả quái vật. Như mọi người đã biết, linh giới nhìn rất giống vật giới. Nhưng chỉ vài tuần trước, một chuyện mà cháu không thể giải thích được đã xảy ra. Cháu đang đi dạo quanh vườn thì đột ngột bị một sức mạnh khổng lồ lôi đi như một cục nam châm cực lớn. Lôi rất nhanh. Cháu hoàn toàn không biết mình đang đi đâu. Chỉ biết rằng cháu không thể cưỡng lại nó. Cùng lúc đó, cháu nhận ra tất cả các linh hồn đang chạy về hướng ngược lại. Rồi xa khỏi nơi ở quen thuộc của họ. Và họ đang bị truy đuổi bởi những sinh vật hình người kì lạ. Nhưng chỉ đến sau này, cháu mới có thể nhìn rõ chúng.

Leo kích động nói với John và ông Rakshasas:

– Đó chính là điều tôi kể với hai ngài khi còn ở bảo tàng.

Faustina kể tiếp:

– Lúc đó, cháu không thể nhìn rõ chúng. Trên thực tế, sức mạnh ấy mạnh đến nỗi cháu có lẽ bị bất tỉnh một lúc. Cháu không biết nó kéo dài bao lâu. Có lẽ là vài giờ. Khi nó cuối cùng cũng ngừng lại, cháu không hề có khái niệm gì về nơi mình đang ở. Hoàn toàn không biết gì. Ngoại trừ việc cháu đang ở trong một hang động ngầm khổng lồ với một mặt biển thủy ngân rộng lớn bao phủ quanh một kim tự tháp to đùng màu xanh lá.

Ông Rakshasas lẩm bẩm:



– Một kim tự tháp dưới lòng đất màu xanh lá à? Ông chưa bao giờ nghe nói về một thứ như thế.

Faustina tiếp tục:

– Có rất nhiều sinh vật mà cháu nhắc đến khi này quanh kim tự tháp. Dù cháu không rõ chúng đang làm gì. Cháu không nấn ná lâu ở đó. Nhất là khi cháu nhận ra dù mang hình người, chúng không phải con người. Chúng chỉ nhìn giống người mà thôi. Trên thực tế, cháu nghĩ chúng là cương thi.

John thốt lên:

– Cương thi? Ý chị là, người chết biết đi hả?

Faustina đồng ý:

– Cỡ cỡ đó. Chúng không chết. Nhưng chúng cũng không sống. Chúng nửa sống nửa chết. Nên chị nghĩ chúng là cương thi. Nhưng nói thật, chị chỉ gọi chúng như vậy vì có một người đàn ông ở đó – chị không biết là ai – sử dụng cái từ đó. Ít nhất chị nghĩ đó là từ gã đó nói. May mà chúng không thấy chị, vì những cương thi đó nhìn không có vẻ thân thiện gì. Dù sao thì, chị đã đi lang thang quanh đó một lúc để tìm lối ra khỏi hang. Cuối cùng chị cũng tìm được đường ra, dĩ nhiên. Và cậu có tưởng tượng được chị đã ngạc nhiên như thế nào khi phát hiện mình đang ở Trung Quốc?

John ngạc nhiên nói:

– Trung Quốc? Không đùa chứ?

Faustina cho biết:

– Chính xác là ở Tây An, thủ đô cũ của Trung Hoa cổ đại.

John hỏi:

– Vậy chị đã quay về bằng cách nào?

Faustina nhún vai:

– Chị đến sân bay địa phương. Mất một đồng thời gian mới quay về đến đây đây.

Ông Rakshasas nhận xét:

– Đúng là một câu chuyện kì lạ.

Faustina nói:

– Chuyện là vậy. Ngoại trừ việc mọi người dường như đã rời bỏ linh giới. Cháu nghĩ cương thi đã nuốt hết tất cả những linh hồn tìm được. Mọi người là linh hồn đầu tiên mà cháu thấy kể từ hôm đó. Cháu tự hỏi, là một người hầu Ka, không biết ông Leo có thể nói cho cháu biết chuyện gì đã xảy ra được không?

Leo lắc đầu bảo:

– Tôi cũng không có lời giải thích nào cho chuyện đã xảy ra. Và tôi cũng không biết ai khác ngoài cô, đã lưu lạc đến tận Trung Quốc, Faustina ạ. Với những người khác, tôi nghĩ, nó như thể linh giới đã bị ảnh hưởng của một loại tai biến, hay thảm họa tự nhiên nào đó. Tất cả các linh hồn và hồn ma bị đuổi khỏi nơi ở của họ bởi những sinh vật mà cô vừa kể. Tôi nghĩ, có lẽ rất nhiều linh hồn đã bị hấp thụ ngày hôm đó. Hấp thụ, và có lẽ bị hủy diệt vĩnh viễn. Nếu không vì dính lời nguyện ở lại Đền Dendur làm người hầu Ka, có lẽ tôi cũng đã bị hủy diệt như những người còn lại.

John thắc mắc:

– Nhưng chuyện đó có thể sao? Hủy diệt một hồn ma? Ý cháu là, làm sao chúng ta có thể giết một người đã chết?

Leo cho biết:

– Có nhiều cách. Trừ tà là một trong số đó, dù phần lớn hồn ma

thường quá nhạy cảm để tiếp tục ở lại và bị hủy diệt. Họ sẽ chạy trốn. Như những hồn ma trong nhà thuyền.

Gật đầu, ông Rakshasas nói:

– Đến lúc chúng ta đi rồi đó. Chúng ta còn có cả một quãng đường dài quay lại Đền Dendur trước mặt.

Không trì hoãn thêm phút giây nào nữa, họ khởi hành, chèo xuồng ngược về Newburgh trong những tia nắng đầu ngày, rồi đón chuyến tàu sớm dành cho người đi làm buổi sáng hướng về thành phố New York. Khi đã an vị trên tàu, ông Rakshasas nói cho Faustina nghe về việc họ sẽ làm gì một khi về đến ngôi đền của bảo tàng.

Ông hướng dẫn:

– Ba người chúng ta sẽ đến nhà John. Nếu may mắn, Nimrod và Philippa cũng đã quay về từ London cùng với cơ thể cháu, Faustina. Ngay khi chúng ta đã hồi phục lại cơ thể, cháu có thể quyết định hướng đi tiếp theo của cháu, trong khi những người còn lại nghĩ cách giải quyết vấn đề nho nhỏ của Leo.

Faustina nói:

– Cám ơn ông, ông Rakshasas. Ông không biết cháu biết ơn ông và John như thế nào đâu. Hơn tất cả mọi chuyện, cháu thật sự trông đợi lại thấy được một ít màu sắc trong cuộc sống của cháu.

Họ về đến Bảo tàng Metropolitan vào khoảng chín, mười giờ sáng. Cuộc đình công vẫn còn tiếp diễn, nhưng họ không nghĩ nhiều về điều đó mãi đến khi họ đến gần cánh cửa Đền Dendur, nơi sẽ giúp cho ba djinn rời khỏi linh giới và về lại thế giới của người sống, của vật chất. Ở đó, một cú sốc không lấy gì làm dễ chịu đang chờ đợi họ: cũng gã đàn ông kì lạ xám xịt mang kiếm đó đang chặn

ngay lối vào, lưng quay về phía cửa, như thể đang canh chừng một điều gì đó.

Faustina thăm thì:

– Đó là một trong những sinh vật cháu đã thấy trong cái hang ngầm ở Trung Quốc. Một trong những cương thi cháu đã nhắc đến.

John hỏi Leo:

– Chúng ta có thể vượt qua nó không?

Leo thăm thì trả lời lại:

– Tôi không nghĩ vậy. Không thể vượt qua mà không bị tấn công và hấp thụ. Giống như những linh hồn ở đây mà tôi đã kể lúc trước.

John hỏi:

– Chúng ta phải làm gì bây giờ? Chúng ta không thể quay lại cơ thể trừ khi bước qua cổng vào một ngôi đền.

Ông Rakshasas lẩm bẩm:

– Phải chi chúng ta biết cái gã này muốn gì nhỉ? Có lẽ ông nên thử nói chuyện với nó.

Leo cảnh báo:

– Tôi không nghĩ việc đó an toàn.

Ông Rakshasas vẫn nói:

– Biết đâu tôi có thể nói lí lẽ với nó.

Leo lắc đầu:

– Nói thật, tôi nghĩ ngài đang phạm sai lầm chết người đó.

John lẩm bẩm:

– Rốt cuộc đây là cái gì chứ?

John lắc đầu vì giận dữ và nôn nóng. Họ đã gần về đến nơi, thế

nhưng, khi mà cửa vào ngôi đền còn bị chặn lại bởi tên cường thi này, đoạn đường về nhà của họ vẫn còn xa vời vợi.



## CHƯƠNG 10

### ĐỐI ĐẦU

Có khoảng hai chục ngàn khán giả ở khu liên hợp thể thao Madison Square Garden, theo quan sát của cậu Nimrod và Philippa, có vẻ phần lớn họ đứng về phía Sam, vì họ chào đón sự xuất hiện của Sam trên võ đài với tiếng hoan hô vang dội.

Ông Groanin leo lên võ đài trong những tiếng huýt sáo, la ó lớn, vài đồng xu cùng vài miếng vỏ cam.

Cùng cậu Nimrod và ông Groanin đi về phía khu vực chuẩn bị của ông tại một góc võ đài, Philippa khuyên:

– Đừng để ý đến họ, ông Groanin. Sam chỉ muốn dùng họ để hù dọa ông thôi.

Chỉ tay về phía Sam, người đang phô trương cơ bắp vai cuộn cuộn để thu hút sự hoan nghênh đám đông, ông Groanin cần nhằn:

– Này nhé, Quý cô Philippa, có thể cho ta biết tại sao cháu lại bảo ta đấu với Sam không? Ta có phải võ sĩ đấu vật gì đâu. Cháu biết điều đó mà. Và, tệ hơn nữa, quý ngài đằng kia cũng biết điều đó.

Philippa nói:

– Dĩ nhiên. Ông ấy đang trông chờ được lấy ông làm chổi lau sàn mà. Được bẻ ông thành từng khúc và dùng đầu ông làm cục chặn

giấy. Như ông ấy đã tuyên bố. Chỉ có điều, ông có một vũ khí bí mật mà ông ấy không biết đến.

Ông Groanin hỏi lại:

– Vũ khí bí mật gì?

Philippa mỉm cười:

– Cánh tay mới của ông, dĩ nhiên rồi. Cánh tay mà tụi cháu đã đưa cho ông khi còn ở Ấn Độ để thay thế cánh tay đã mất. Nó mạnh hơn nhiều so với cánh tay người bình thường. Sam sẽ không lường trước về điều này.

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Cháu nó nói đúng đấy, anh Groanin. Tôi quên mất về điều này. Sam nghĩ anh chỉ là một người bình thường.

Philippa nói thêm:

– Và đừng quên, trận đấu giữa Samael và Jacob trong Kinh Thánh chấm dứt với kết quả huê. Và ông cứ nghĩ xem: Jacob thậm chí không phải một người khỏe mạnh gì. Không như người anh sinh đôi Esau, Jacob là người giỏi về mồm mép hơn là về cơ bắp.

Cậu Nimrod khen:

– Trí nhớ tốt đó, Philippa. Cậu cũng quên mất điều đó.

Gỡ áo choàng quăng qua một bên, ông Groanin lau bầu:

– Ta hi vọng cậu cháu hai người nói đúng. Dù gì thì cái đầu ta mới là thứ ông ấy định dùng làm cục chặn giấy.

Không chỉ dùng phép màu dịch chuyển tất cả bọn họ đến Madison Square Garden, Sam còn đảm bảo cả ông và ông Groanin đều mặc trang phục phù hợp với “không khí”. Bản thân Sam khoác một cái áo choàng trắng đính kim cương lộng lẫy, bên dưới là một

bộ quần áo nịt tương ứng. Nhìn ông toát lên vẻ chính nghĩa trăm phần trăm. Tuy nhiên, có thể thấy rõ Sam muốn ông Groanin nhìn như nhân vật phản diện của trận đấu: ông Groanin vận một bộ quần áo nịt bằng vải nhân tạo co giãn màu đen thui, với một dây chuyền đầu lâu trắng hếu vòng quanh cổ. Thậm chí còn có những cái đầu lâu nho nhỏ trên sợi dây buộc đôi giày đô vật đen của ông.

Ông Groanin tiến về phía trung tâm võ đài và bắt tay với đối thủ đang nhe răng cười thích chí. Ông quay lại góc của mình, cố gắng nở một nụ cười tự tin, nhưng kết quả cuối cùng lại là một cái gì đó có vẻ côn đồ và nham hiểm. Một miếng vỏ cam từ đâu bay nện vào gáy ông. Tiếng chuông báo hiệu bắt đầu trận đấu vang lên.

Đẩy nhẹ ông Groanin ra khỏi góc, cậu Nimrod chúc:

– Chúc may mắn, anh Groanin. Anh sẽ cần nó đó.

Sam giờ tay ra. Ông Groanin lịch sự bắt lấy nó, rồi bị quăng người cái vèo qua không khí như một cậu bé nhảy lộn người vào hồ bơi trong một ngày mùa hè nóng bức. Philippa và cậu Nimrod nhắm mắt lại trong giây phút ông Groanin hạ cánh chổng gọng trên tấm vải bạt, với một tiếng “rầm” lớn hơn tiếng một cây đàn dương cầm to lớn rơi xuống từ cửa sổ tầng sáu, và nằm yên không nhúc nhích.

Trọng tài bắt đầu đếm. Sam giờ đã đắc thắng đi mấy vòng quanh võ đài, đón nhận tiếng hoan hô của khán giả. Philippa và cậu Nimrod hé mở một mắt. Và cuối cùng, tuy có phần miễn cưỡng, ông Groanin cũng vậy.

Cậu Nimrod hét lớn:

– Đứng dậy đi, anh Groanin. Không anh bị tính thua vì hết giờ mất.



Ông Groanin lầu bầu:

– Vâng, thưa ngài.

Và như một người say, ông loạng choạng đứng dậy, chỉ để nhận lấy những tiếng la ó, chế giễu, trước khi một lần nữa gục ngã bởi đòn đánh bằng cẳng tay mạnh mẽ của Sam.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Cậu sẽ không gọi Sam là một người... ờ... “thánh thiện”.

Nhưng có vẻ ông ấy biết cách làm hài lòng khán giả Mĩ.

Philippa ghét mỗi giây phút của trận đấu này, cô bé lắc đầu và đưa tay gạt nước mắt. Nhìn ông Groanin bị quăng ném vòng vòng như một con búp bê bằng giẻ rách là một việc thật kinh khủng, nhất là khi chính cô là người đã đẩy ông lên thi đấu. Tuy vậy, Philippa vẫn tin tưởng ông Groanin có thể đánh bại Sam. Thò đầu qua hàng dây thừng bao quanh võ đài, cô hét lớn với vị quản gia đang nằm gục trên mặt đất:

– Sử dụng tay của ông, ông Groanin. Lần tiếp theo cái gã khỉ đột ấy đâm ông, dùng tay chặn nó lại.

Ông Groanin chật vật đứng lên và Sam, giờ đây trở nên tự phụ và cảm thấy đã có thể nhanh chóng kết thúc trận đấu, đập mạnh cùi chỏ xuống vai ông Groanin như một cây búa tạ. Chỉ có điều, trước khi cú đánh kịp chạm đích, ông Groanin đã nhấc tay qua khỏi đầu để bảo vệ bản thân.

Nó giống như Sam vừa đập cùi chỏ vào một thanh sắt đúc. Nhăn mặt đau đớn, hấn lão đảo ôm tay đi quanh võ đài và tru lên từng tiếng, như thể ông đã làm gãy nó. Nó không gãy, nhưng một điều chắc chắn là nó bị bầm dập không ít.

Philippa lại hét lớn chỉ thị:

- Giờ thì nhấc ông ấy lên và ném đi.

Một lần nữa ông Groanin làm theo gợi ý của Philippa và, với cánh tay siêu mạnh của mình, ông quăng Sam vụt qua không khí. Lần này, vị thiên thần rớt xuống tám vải bạt với tiếng đống sập của của một tòa lâu đài khổng lồ nào đó. Đám đông bên dưới trở nên điên loạn.

Philippa tiếp tục hướng dẫn:

- Giờ thì kẹp lấy cổ ông ấy, và đè chặt vai ông ấy xuống miếng vải cho đến khi trọng tài đếm đến ba.

Ông Groanin tóm lấy vị thiên thần lực lưỡng trên tám vải bạt và đè xuống bằng tất cả sức mạnh của mình.

Đập lòng bàn tay cái “bốp” xuống tám vải, trọng tài bắt đầu đếm:

- Một...

Cậu Nimrod nói:

- Cậu tin là anh Groanin sẽ thắng.

Lại đập tay xuống lần nữa, trọng tài tiếp tục đếm:

- Hai...

Sam cố gắng hết sức để nâng người dậy, nhưng không có gì ông có thể làm trước sức mạnh vĩ đại của cánh tay ông Groanin. Rồi, với việc thở hổn hển một tiếng lớn, cả người ông dường như lịm xuống khi ông chấp nhận thất bại.

- Ba!

Ông Groanin đã thắng. Trọng tài nâng tay ông lên cao và hét lớn:

- Người chiến thắng!

Ôm chầm lấy cậu Nimrod, Philippa nói như sắp phát khóc:

– Thắng rồi! Ông Groanin thắng rồi!

Họ leo lên võ đài trong khi Philippa ôm chầm lấy vị quản gia, cậu Nimrod giơ cao cánh tay còn lại của ông lên không khí một cách đắc thắng và khen ngợi:

– Làm tốt lắm, anh Groanin. Tôi phải đánh giá lại anh rồi đấy.

– Cám ơn ngài.

Sam nằm im tại chỗ trong mấy giây, rồi lăn qua nằm sấp và lắc đầu như thể không tin tưởng được, trước khi động nắm tay xuống sàn một cách giận dữ.

Cậu Nimrod nói nhỏ:

– Tôi hi vọng ông ấy chỉ giận dữ với chính mình. Làm phật lòng thiên thần là một việc không hay chút nào. Cứ nhìn những chuyện xảy ra ở Ai Cập là biết. Đó là chưa kể đến Sodom và Gomarrah. Thiên thần có thể là những kẻ thua cuộc cay cú nhất.

Ông Groanin chớp mắt vài cái để ngăn mồ hôi lăn vào mắt, và khi ông nhìn về phía Philippa lần nữa, họ đã quay trở về khu hầm mộ dòng Carthusian ở Malpensa. Ông đã một lần nữa mặc lại bộ đồ quản gia bình thường của mình, và Sam đang ngồi trên một dãy kệ giữa hai cái xác ướp với vẻ mặt cực kì ảo não.

Đặt tay lên vai vị thiên thần, Philippa cố nghĩ ra một điều gì đó dễ chịu để nói:

– Ông đừng để ý quá, Sam. Cháu thích bộ đồ thi đấu của ông. Nhìn nó rất... ờ... thánh thiện.

Sam lầm bầm:

– Ta là thiên thần nổi gì khi mà ta không thể đánh bại một tay

quản gia người Anh ồm nhom trong một trận đấu vật chứ.

Cậu Nimrod bảo:

– Đừng coi thường các quản qua người Anh, thưa ngài. Họ chính là vệ binh của các nền văn minh.

Sam nói tiếp với một tiếng thở dài lớn:

– Ta thậm chí còn không biết Thánh Bruno ở đâu. Người biết ông ta? Cái người có bộ xương mà đáng lẽ ta phải canh giữ ấy? Người đã nói đúng. Tất cả các nhãn tên đều bị lẫn lộn cả lên vào năm 1750. Và ta đã lạc mất ông ấy. Ta đúng là một tên bất tài vô dụng mà.

Cậu Nimrod mỉm cười bảo:

– Tôi nghĩ tôi có thể giúp ông về chuyện đó.

Cầm lên một cây đèn cây, cậu Nimrod bước ngược xuống hành lang xếp đầy xác chết hai bên.

– Nhìn bề ngoài thì phần lớn những người ở đây đều là mục sư.

Ngừng trước một trong những bộ xương nhìn có vẻ lâu đời hơn, cậu nói tiếp:

– Nhưng người này lại đặc biệt thú vị. Ông ta đang cầm một cái đầu lâu trên tay. Điều này thường mang một ý nghĩa quan trọng nào đó. Và Sam, ông nhìn đây thử xem. Miếng sắt rỉ sét trên đỉnh đầu. Nếu tôi không lầm, nó từng là một vương miện nhỏ hình bảy ngôi sao. Một cái *vương miện*. Điều này cũng có ý nghĩa quan trọng.

Sam đứng bật dậy với một nụ cười dần mở rộng trên khuôn mặt to lớn:

– Người chắc chứ?

Ngay khi vị thiên thần vừa hỏi, cái đầu lâu rơi xuống đất như

một trái dừa rụng khỏi cây.

Ông Groanin bảo:

– Tôi nghĩ ông bạn già Bruno vừa gật đầu trả lời ông đấy, Sam.

Cậu Nimrod nhặt cái đầu lâu lên và đưa tay chùi một ít lớp bụi phủ trên nó. Cậu thông báo:

– Có dòng chữ gì đó viết trên này. Hơi bị mờ.

Đeo kiếng vào, cậu đọc lớn:

– Sancti Brunonis Confessoris, qui Ordinis Carthusianorum fuit Institutor.

Rồi quăng cái đầu lâu cho Sam, cậu cười bảo:

– Không còn nghi ngờ gì nữa, Sam. Quý ngài đây chính là Thánh Bruno.

Nâng niu cái đầu lâu, Sam nói:

– Thánh Bruno. Người đã tìm được ông ấy.

Cậu Nimrod chùi tay trên cái khăn mùi soa ông Groanin vừa đưa.

Nước mắt lưng tròng vì biết ơn, Sam hỏi:

– Ta có thể cảm ơn người như thế nào đây? Ta đã nghĩ mình sẽ không bao giờ tìm thấy ông ấy.

Cậu Nimrod nhún vai bảo:

– À, ông có thể bắt đầu bằng việc cho phép chúng tôi mang bạn đi khỏi đây.

Sam gật đầu:

– Dĩ nhiên được. Chúng ta đã thỏa thuận như thế. Quản gia của người đã thắng một cách công bằng và minh bạch.

Cậu Nimrod và ông Groanin đi ngược lại hành lang và nâng cái cồng chứa Faustina lên.

Sam nói tiếp:

– Nếu có gì các người cần. Bất cứ chuyện gì. Chỉ cần gọi ta. Và ta sẽ ở đó.

Cậu Nimrod bảo:

– Rất mừng được nghe ông nói vậy.

Philippa mỉm cười:

– Vâng, ông đúng là một thiên thần.



## CHƯƠNG II

### Cương thi Faustina

(PHẦN 2)

John nhận xét:

- Nhìn không giống cương thi lắm.

Họ vẫn còn ở trong Đền Dendur, không thể bước qua cánh cổng vào then chốt để quay lại thế giới thực có màu sắc vì nó giờ đang bị chặn lại bởi gã cầm kiếm. Đứng quay lưng về phía họ, nó đối mặt với mạn Sackler Wing của bảo tàng, như thể mục đích của nó là ngăn chặn không cho bất cứ ai, mà cụ thể là bất cứ linh hồn nào, sử dụng ngôi đền để bước vào thế giới hư vô.

John bảo với Faustina:

- Em nghĩ chị coi phim nhiều quá đó.

Faustina hỏi vặn lại:

- Ô? Vậy theo cậu cương thi trông phải như thế nào?

John trả lời:

- Một cái xác phân hủy không đầu óc, có tướng đi kéo lê trên mặt đất, và thèm ăn thịt người. Ai cũng biết điều đó.

Faustina giễu cợt:

- Giờ thì ai nói như thể xem quá nhiều phim nào?

John vẫn khẳng định:

– Cái thứ kia nhìn không có gì giống xác chết. Và chắc hẳn nó cũng chẳng mặn mòi gì với món thịt người.

Faustina kiên nhẫn nói:

– Khi chị dùng chữ “cương thi”, chị muốn nói đến khía cạnh không đầu óc và tưởng đi kéo lê. Mà biết gì không, tưởng cậu làm một cương thi ra trò cũng được đấy, John.

John nhận ra cậu sẽ không thể nào cãi lại Faustina. Xét trên khía cạnh đấu võ mồm, cô khiến cậu liên tưởng đến Philippa.

Faustina nói tiếp:

– Có lẽ đó là một cương thi ma. Thay vì ăn thịt người, nó ăn hồn ma và linh hồn. Đó là điều ông đã nói, đúng không Leo? Rằng nó hấp thụ linh hồn?

Leo gật đầu:

– Đúng như vậy.

John lắc đầu:

– Vớ vẩn. Em chưa bao giờ nghe nói về một thứ như thế.

Ông Rakshasas cười khúc khích:

– Đúng là, muốn nghe một cuộc cãi lộn vô nghĩa, chúng ta chỉ cần lắng nghe chó mèo đối thoại.

Rồi trở nên nghiêm chỉnh, ông nói:

– Dù là ai, là cái gì, thứ đằng kia cũng đang cản đường chúng ta. Theo như ông thấy, chúng ta hoặc là phải tìm một ngôi đền khác cũng có cổng vào linh giới, hoặc phải tìm đường vượt qua anh bạn đằng kia.

John nói:



- Không có ngôi đền nào khác như thế này trên toàn Bắc Mỹ.

Faustina hỏi:

- Không phải có một cái ở Nam Mỹ à? Hay Trung Mỹ chẳng hạn?

Ông Rakshasas trả lời:

- Có thể có. Câu hỏi là, chúng ta có dư dả thời gian để lặn lội đến tận đó, rồi lại lặn lội mò ngược về đây để lấy lại cơ thể hay không?

John gật đầu:

- Ông Rakshasas nói đúng.

Faustina bảo với John:

- À vâng, chị quên mất cậu vôi vãi muốn tổng khứ chị đi như thế nào.

Ông Rakshasas khẽ trách:

- Cháu đang đóng đinh cánh cửa của mình với một củ cà rốt luộc chín đấy, Faustina. Sao còn mất công muốn bọn ông phá cửa làm gì?

Faustina im lặng trong một giây. Rồi hất cao cằm với John như thể thách thức cậu phản đối cô lần nữa, Faustina nói:

- Một trong chúng ta phải đánh lạc hướng nó. Tay *cương thi*. Để những người còn lại có thể chạy qua cổng.

John xung phong:

- Để em. Em làm việc này là hợp lí nhất. Dù gì em cũng là người nhanh nhất ở đây.

Đặt một tay lên vai John, ông Rakshasas thở dài bảo:

- Sự thận trọng bảo với ông rằng, có lẽ sẽ rất bất tiện cho chúng ta nếu cháu bị tay cương thi kia hấp thụ. Để ông đi cho. Rồi giờ tay

lên ngăn lại lời phản đối của John, ông nói tiếp:

– Phải như vậy, John à. Cháu thấy đó, cái cháu đang muốn mạo hiểm ở đây không phải chỉ là mạng sống của cháu, mà là cả mạng sống của Philippa. Cháu hãy tự hỏi bản thân điều này: làm sao em gái cháu lấy lại sức mạnh từ cơ thể cháu nếu cháu không ở đó để giúp nó?

Nhận ra sự sáng suốt trong lời nói của vị djinn già, John đành gật đầu nói:

– Ông sẽ cẩn thận, đúng không?

Ông Rakshasas trấn an:

– Dĩ nhiên ông sẽ cẩn thận mà.

Nhưng ông lại nói thật nhỏ dưới cửa miệng:

– Nhưng nếu đi cật cỏ ngay giữa một trận đua ngựa, người ta luôn có khả năng bị ngựa đá.

Rồi chỉ về phía cái bóng của cổng vào ngôi đền, ông dặn dò John và Faustina:

– Hai cháu cứ núp ở đây. Rồi, khi nào thấy ông đã đánh lạc hướng được gã cường thi, hãy chạy thật nhanh về phía đó.

John nói:

– Chúc ông may mắn.

Quay qua người hầu Ka của ngôi đền, ông nói:

– Cậu bé này sẽ cố hết sức để giúp anh.

Khi cả hai đã núp trong bóng tối, John hỏi Faustina về câu nói cuối cùng của ông Rakshasas:

– Ông Rakshasas nói vậy nghĩa là sao nhỉ?

Faustina chỉ nhún vai bảo:

– Cậu biết về ông ấy nhiều hơn chị mà.

Faustina phải cắn môi khi nói vậy. Rõ ràng cô hiểu được điều mà John đến giờ vẫn chưa nhận ra: rằng ông Rakshasas không nghĩ mình có thể sống sót sau cuộc đụng độ sắp tới với gã cường thi. Nhưng ngoài miệng cô vẫn nói:

– Chị không hiểu một nửa những điều ông ấy nói nữa là.

John mỉm cười và chuẩn bị tinh thần để chạy.

Ông Rakshasas giờ đã đứng ngay đằng sau gã cường thi. Ông phun nước miếng vào tay và xoa xoa chúng với nhau để lên tinh thần. Rồi ông lược lược cuống họng và nói lớn:

– Người có thể vui lòng tránh đường được không, gã khổng lồ vụng về, xấu xí kia?

Khi gã cường thi chậm chạp lùi dừ xoay người trên gót chân và quay nhìn ông Rakshasas với đôi mắt vô hồn như búp bê của nó, John buộc phải thú nhận với bản thân rằng, nó nhìn giống cường thi hơn bất cứ thứ gì cậu có thể nghĩ đến. Chỉ là giờ đây, khi đã nhìn kĩ hơn, cậu dễ dàng nhận ra nét Trung Quốc trong cặp mắt hẹp, gò má cao cùng bộ râu rữ xuống theo phong cách Charlie Chan của gã cường thi. Một cường thi Trung Quốc? Ừm, sao không chứ? Trung Quốc chắc cũng phải có cường thi, như tất cả những nước khác trên thế giới.

Cặp mắt của gã cường thi nhìn có thể trống rỗng, nhưng dường như chúng vẫn hoạt động tốt, vì nó nhào vào ông Rakshasas và vươn một cánh tay to bự để chụp lấy ông. Cúi người xuống dưới cánh tay để lách tránh, ông Rakshasas nhanh chóng bật người dậy chạy khỏi ngôi đền và hướng vào trong bảo tàng. Gã cường thi quay người đuổi theo ông sát nút.

John giục:

– Nhanh! Đi thôi!

John nắm lấy tay Faustina và chúng vọt chạy ra khỏi ngôi đền, ngược xuống những bậc thang và bước lên sàn nhà lát đá cẩm thạch của mạn Sackler Wing, biến mất dần khi chúng bước vào thế giới vật chất. Vừa chạy, chúng vừa hò hét gọi gã cường thi, hi vọng làm nó xao lãng và buông tha cho ông Rakshasas. Nhưng gã cường thi thậm chí không thèm liếc nhìn xung quanh, vì không có gì để nhìn, dĩ nhiên. Chạy nhanh hơn, nó dần bắt kịp vị djinn già, ông Rakshasas hoàn toàn cố ý chạy qua làn nước lạnh phía trước ngôi đền và một luồng không khí từ máy điều hòa nhiệt độ để tay sẵn đuổi ông vẫn trông thấy ông.

Thình lình, gã cường thi tăng tốc, gần như thể có một luồng điện năng nào đó đẩy nó về phía trước. Cùng lúc đó, ông Rakshasas ngừng lại thở lấy hơi và quay lưng lại nhìn. John hét lên kinh hoàng trước điều mà cậu sắp chứng kiến:

– Coi chừng, ông Rakshasas!

Quá trễ. Gã cường thi đâm thẳng vào vị djinn già. Nhưng nó không đẩy ông ngã gục. Nó cũng không vô hại đi xuyên qua linh hồn ông Rakshasas. Một giây trước đó, hình dáng mỏng manh nửa mờ nửa ảo của ông Rakshasas còn đó, và giây tiếp theo không còn nữa. Ông đã biến mất hoàn toàn, như thể bị hấp thụ bởi gã cường thi, gã vẫn tiếp tục bước vài bước về phía trước rồi vòng qua ngã rẽ.

Ngừng chạy, John và Faustina đứng chết lặng chờ đợi linh hồn ông Rakshasas hiện hình lần nữa. Khi ông không xuất hiện, John và Faustina gọi lớn tên ông vài lần. Mấy phút trôi qua, và vẫn không có gì xảy ra.

– Giống như Leo nói. Ông Rakshasas đã bị thứ đó hấp thụ.

Vẫn giữ chặt tay nhau, chúng băng qua sàn và đi ngược lên các bậc thang dẫn đến Đền Dendur, nơi chúng có thể thấy Leo đang lo lắng liếc nhìn bảo tàng qua cánh cửa. Khi bước đến chính giữa những cây cột của ngôi đền, John và Faustina hiện hình lần nữa.

Leo nói với chúng:

– Hai người nên đi đi. Phòng trường hợp gã cương thi kia quay lại.

John khẳng khẳng:

– Tụi cháu không thể đi mà không có ông Rakshasas được.

Leo nói:

– Đó là điều ngài Rakshasas muốn. Ngài ấy biết rõ mình đang làm gì. Đó là lí do tại sao ngài ấy làm điều đó. Để hai người có thể chạy thoát.

Lắc đầu nguầy nguậy, John ủ rũ nói:

– Chuyện này không thể xảy ra được. Cháu không tin. Không phải ông Rakshasas.

Khẽ bóp chặt bàn tay John rồi choàng tay quanh cổ cậu, Faustina khuyên nhủ:

– Leo nói đúng đấy, John. Chúng ta phải đi. Ngay bây giờ. Trước khi gã cương thi đó quay lại và làm với chúng ta điều nó đã làm với ông Rakshasas.

John vẫn lắc đầu:

– Chị không hiểu. Ông ấy là bạn em. Em không thể bỏ bạn lại.

Cô bảo:

– Quá trễ rồi, John. Ông ấy đi rồi. Ông Rakshasas đã chết rồi.



## CHƯƠNG 12

# Tiếng nói của sự im lặng

Cậu Nimrod và ông Groanin khiêng cơ thể Faustina ra xe cấp cứu, và cẩn thận đặt nó nằm ở phía sau xe. Rồi ông Groanin ngồi vào sau tay lái và nhanh chóng khởi động máy, trong khi cậu Nimrod và Philippa leo lên hàng ghế trước bên cạnh ông.

Ông hỏi cậu Nimrod:

– Đến đâu đây, thưa ngài? Một cánh đồng yên tĩnh? Một nóc nhà? Nơi nào đó ông có thể khởi động một ngọn lốc gió đang hoành.

Cậu Nimrod trợn mắt bảo:

– Anh Groanin à, sự nhiệt tình mới của anh với việc đi lại bằng lốc gió rất đáng lo đấy.

Rồi cậu rút di động ra và gọi đi New York. Bà Marion Morrison bắt điện thoại và thông báo rằng, trong khi bệnh tình của ông Gaunt tiếp tục diễn biến tốt, vẫn không có gì thay đổi với bà Trump, bà vẫn đang hôn mê ở bệnh viện. Và vẫn không có tin tức gì của John cùng ông Rakshasas. Cậu Nimrod cảm ơn bà, rồi gác điện thoại.

Cậu nói với Philippa:

– Chúng ta cần liên lạc với John và anh Rakshasas, để biết được họ đang ở đâu, cũng như chuyện gì đã xảy ra. Cậu cần anh

Rakshasas mang linh hồn Faustina đến Ý. Vì thứ nhất, tất cả chúng ta sẽ đỡ tốn công vòng ngược về New York. Và thứ hai, Ý cách Babylon có nửa đường đi. Đừng quên, thời gian của chúng ta đang cạn dần. Mẹ cháu đã rời New York được gần ba tuần.

Philippa hỏi:

– Chúng ta liên lạc với họ như thế nào đây?

Cậu Nimrod cho biết:

– Cũng như cách mundane dùng khi họ muốn liên lạc với linh giới. Thông qua một lễ cầu hồn.

Ông Groanin lầm bầm:

– Lễ cầu hồn? Ý cậu là, ba cái chuyện vớ vẩn về ly rượu di chuyển với bói bài canasta này nọ là có thật hả?

Cậu Nimrod nói:

– Vài chuyện trong đó là thật. Điều quan trọng nhất là chọn được một bà đồng giỏi. Và chúng ta rất may mắn vì đang ở Ý. Bà đồng giỏi nhất trên thế giới sống ở Rome. Đi thôi, anh Groanin. Đó là nơi chúng ta sẽ đến. Rome. Thành phố vĩnh hằng<sup>[12]</sup>.

Philippa hỏi cậu:

– Bà đồng là ai hả cậu?

– Là người tương truyền có khả năng giao tiếp với linh hồn người chết, hoặc với đại diện của một thế giới hay một chiều không gian khác. Còn được gọi là nhà tâm linh.

Lái chiếc xe ngược xuống con đường ven núi, ông Groanin lầu bầu:

– Gọi là những nhà tâm thần thì đúng hơn. Có quá nhiều người ngớ ngẩn thích can thiệp vào những thứ họ không hề hiểu rõ, nếu

ngài hỏi tôi. Thế mà tôi cứ nghĩ ngài không tin vào mấy trò bịp bợm này đây, thưa ngài.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Đúng là bình thường tôi không tin những thứ đó, anh Groanin. Nhưng đây là một trường hợp đặc biệt. Ngoài ra, Madame Theodora Sofi không phải là như những bà đồng bình thường khác. Sức mạnh của bà ấy hoàn toàn có thật. Một điều không mấy ngạc nhiên. Năm mười tám tuổi, bà ấy đã lên Tây Tạng học bảy năm với các đạo hữu.

Philippa hỏi lại:

– Đạo hữu nào cơ?

Cậu Nimrod cho biết:

– Chính là những tác giả thật sự của cuốn *Sách Tây Tạng về người chết*. Một vài sư tăng và lạt ma biết về thế giới bên kia nhiều hơn bất cứ mundane nào khác từng sống trên đời. Họ đã dạy cho bà ấy tất cả những điều họ biết. Bà ấy đã dành trọn đời cho thuyết duy linh.

Mất vài giờ để ông Groanin lái chiếc xe cấp cứu từ Malpensa đến Rome. Tới ngoại ô thành phố vĩ đại đó, ông Groanin hỏi cậu Nimrod địa chỉ của Madame Sofi.

Cậu Nimrod trả lời:

– Không có. Theodora là người duy nhất ở Rome không cần đến địa chỉ.

Ông Groanin hỏi:

– Làm sao mà như thế được cơ chứ?

Cậu Nimrod cho biết:



– Bởi vì bà ấy nổi tiếng với việc sống tại kim tự tháp duy nhất của Rome. Tất cả những gì chúng ta cần làm là hỏi thăm nó ở đâu.

Hạ thấp cửa sổ, cậu Nimrod nhào đầu ra khỏi xe cấp cứu và, bằng thứ tiếng Ý hoàn hảo, hỏi đường một viên cảnh sát cưỡi mô tô. Viên cảnh sát có một bộ ria to dùng màu đỏ chỉ ngược lên con đường rồi gập cánh tay về bên trái, và khi nói xong, ông lịch sự chào tạm biệt cậu Nimrod.

Ông Groanin tiếp tục chạy xe.

Philippa hỏi cậu Nimrod:

– Làm sao Madame Sofi đến sống trong kim tự tháp? Mà nó thật sự là kim tự tháp hả cậu?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Đủ thật. Nó được xây vào năm 12 trước công nguyên để làm mộ cho một viên pháp quan La Mã giàu có nào đó tên Cestius, cái gã khoái được chôn cất một cách khác biệt. Nhưng Madame Sofi là người đầu tiên đến sống ở đó. Sống trong một kim tự tháp vốn không phải ai cũng thích đâu.

Ông Groanin lầm bầm:

– Nên là thế. Khó chọn đồ đạc hơn là cái chắc. Nhưng bà ấy sẽ không muốn cái gì đáp lại khi giúp đỡ chúng ta sao? Ý tôi là, ba điều ước ấy. Việc đó lúc nào cũng kết thúc trong rắc rối.

– Lần cuối tôi gặp, bà ấy đã có sẵn ba điều ước rồi. Chứ anh nghĩ sao bà ấy có thể đến sống trong kim tự tháp?

Cuối cùng họ cũng trông thấy bóng dáng cái kim tự tháp được nhắc đến. So với những kim tự tháp ở Ai Cập mà cô đã thấy năm ngoái, Philippa nghĩ kim tự tháp La Mã của Cestius có phần hơi

nhọn. Giống như một cây bút chì chuốt quá tay. Tạo nên bởi đá cẩm thạch trắng và cao chính xác ba mươi phết năm mét, nó ở trong một tình trạng hoàn hảo, như thể mới được hoàn thành bởi một kiến trúc sư hiện đại nào đó, như cái kim tự tháp ở Paris.

Họ thấy Madame Theodora Sofi đứng chờ họ trên cánh cửa trước hình tam giác – một việc khiến Philippa và ông Groanin cảm thấy ấn tượng, vì cậu Nimrod hoàn toàn không hề gọi điện thông báo trước cho bà về chuyến viếng thăm của họ.

Bà là một phụ nữ Ý cao ráo với một cái cổ dài ngoằn, bộ tóc màu đỏ khô gợi, một cái mũi bự, cùng một cặp kính màu to ngang ngửa một cái màn hình tivi.

Madame Sofi nói:

– Tôi đã cảm thấy mọi người đến đây chừng mười phút trước. Trên đường đi, mọi người đã nói chuyện với một viên cảnh sát tuần tra đi mô-tô, đúng không? Một người đàn ông có bộ ria to màu đỏ?

Ông Groanin hỏi:

- Sao bà biết được điều đó?
- Tôi là Theo Sofi.

Bà nói rành rọt từng tiếng, như thể đó là lời giải thích cần thiết duy nhất.

Họ đi vào trong kim tự tháp. Không có cửa sổ, nhưng bên trong lại có phần mát mẻ và sáng sủa lạ thường, như thể có những thông đạo bí mật nào đó dẫn ánh mặt trời và không khí trong lành vào bên trong. Một việc cũng khá cần thiết, vì nơi này đầy mèo.

Cậu Nimrod giới thiệu cháu gái và quản gia của mình.

Nhưng Madame lại hứng thú bàn chuyện công việc hơn:

– Ông đến đây vì muốn nói chuyện với ai đó ở bên kia, đúng không?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng vậy.

Cậu vừa định nói tiếp thì Madame Sofi bắt đầu khóc nức nở, khiến cậu vội hỏi:

– Sao thế? Có chuyện gì à, quý bà thân mến?

Gỡ kính xuống và dùng khăn mùi soa chấm nước mắt, Madame Sofi cho biết:

– Điều ông hỏi có thể không thực hiện được. Hoặc là tôi đã mất đi khả năng của mình, hoặc là có một chuyện tồi tệ gì đó đã xảy ra ở bên kia. Mấy tuần trở lại đây, tôi đã nhiều lần cố nói chuyện với các linh hồn. Nhưng không thành công. Như thể không có ai ở đó. Chưa bao giờ tôi cảm thấy như vậy trước đây.

Cậu Nimrod hỏi lại:

– Bà có ý gì – không có ai ở đó?

Hỉ mũi một cái rồi cất khăn mùi soa vào ống tay áo, bà nói:

– Chính xác như tôi đã nói. Thông thường, những tiếng nói ở bên kia rất ồn ào. Giờ đây lại chỉ có im lặng. Những linh hồn tôi thường trò chuyện, ở đây, tại Rome, không còn nữa.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Lạ thật.

– Lạ, đúng không? Nhưng chưa hết, dạo gần đây, bảo tàng và các đền thờ cổ ở thành phố đều báo cáo có sự gia tăng mạnh về hồn ma hoạt động. Những nhân viên không chịu đến gần đó. Họ tổ chức đình công.

Philippa cho biết:

- Ở New York cũng xảy ra chuyện tương tự.

Madame Sofi nói tiếp:

- Và dĩ nhiên, đó là tin tốt cho các tên trộm.

Cậu Nimrod hỏi:

- Thật à? Tại sao bà nghĩ vậy?

Madame Sofi giải thích:

- Trong suốt thời gian diễn ra đình công, rất nhiều bảo tàng ở Ý đã bị trộm viếng thăm. Rất kì lạ, vì luôn chỉ có một thứ bị mất cắp. Ngọc bích.

Cậu Nimrod lặp lại:

- Ngọc bích? Thú vị đây.

Madame Sofi bảo:

- Đá quý không có ý nghĩa gì đối với tôi.

Philippa nghĩ Madame Sofi khá giàu, sợi dây chuyền kim cương bà đeo trên cái cổ dài ngoằng đang nói lên điều đó.

Madame Sofi than thở:

- Không có linh hồn để nói chuyện, tôi không có gì cả. Tôi thậm chí đã đến Diễn Đàn, cố nói chuyện với những linh hồn lâu đời nhất ở Rome, nhưng tôi đã không thể liên lạc được với họ. Gần như thể họ e sợ nói chuyện với tôi...

Rồi nhún vai, bà nói tiếp:

- ... Hay có thể họ không còn ở đó.

Cậu Nimrod cho biết:

- Những người chúng tôi muốn liên lạc chưa có chết. Họ là

những djinn xuất hồn. Cháu trai tôi, John, và bạn tôi, anh Rakshasas, người bà đã gặp, tôi nghĩ vậy.

Madame Sofi nói thẳng:

– Họ sẽ không thể nghe thấy chúng ta. Không phải người chết, họ sẽ không quen với linh giới. Trừ khi họ đủ khôn khéo để bước vào linh giới thông qua một cổng vào. Một ngôi đền chẳng hạn...

Philippa nói:

– Họ đã làm như thế. Thông qua Đền Dendur. Ở New York. Đó là một kim tự tháp Ai Cập thờ phụng nữ thần Isis, được xây dựng bởi Hoàng đế La Mã Augustus.

– Trong trường hợp đó, họ chắc chắn sẽ nhờ đến sự hỗ trợ của một người hướng dẫn linh hồn. Tất cả đền thờ Ai Cập đều có một người hầu Ka. Chúng ta sẽ cố liên lạc với ông ấy. Lỗ tai của người hầu Ka sẽ ăn khớp với bên kia, nếu như ông ấy còn tồn tại.

Madame Sofi dẫn họ vào trong một căn phòng rộng lớn và mời họ ngồi quanh một cái bàn. Họ ngồi xuống và, theo lời đề nghị của Madame Sofi, nắm lấy tay nhau. Bà đặt một miếng khăn màu đen lên đầu, gỡ cặp kính to quá khổ ra, nhắm mắt lại và bắt đầu hít thở thật sâu thông qua cánh mũi to đùng của bà. Vài phút trôi qua, sau một lúc, Philippa chắc hẳn Madame Sofi đã ngủ. Đưa mắt nhìn ông Groanin, cô cố không bật cười khi thấy ông đang làm mặt hề.

Một lúc sau, bà đồng ngồi thẳng người dậy một chút và thông báo:

– Tôi đang nói chuyện với người hầu Ka của Đền Dendur. Từng ở Aswan, Ai Cập, và giờ đây đang ở Manhattan, New York. Nếu có thể nghe thấy tôi, hỏi người hướng dẫn linh hồn, vui lòng nói

chuyện với chúng tôi. Tôi đang ở đây với vài người bạn của ông Rakshasas và John Gaunt, người đang nóng lòng muốn nói chuyện với họ.

Một phút nữa trôi qua và dần dần, Philippa cảm nhận được một luồng âm thanh dài mỏng manh, như thể ai đó vừa bật lên một cái radio vô hình. Âm thanh đó dường như phát ra từ khoang miệng để mở cửa Madame Sofi. Một hoặc hai giây sau đó, cô cảm thấy tóc gáy của mình dựng thẳng lên khi một tiếng nói lạ lẫm chậm chạp tuột ra khỏi miệng Madame Sofi, như thể đến từ một sự im lặng kéo dài trên một đỉnh núi rất cao ở một đất nước rất, rất xa. Nhưng môi của Madame Sofi lại không hề di chuyển.

Giọng nói lên tiếng:

– Đây là người hầu Ka của Dendur. Tên tôi là Leo Politi. Kế bên tôi là cháu trai của ngài Nimrod, và bạn của cậu ấy, Faustina. Chúng tôi đang ở ngôi đền ở New York.

Philippa hét lên vui sướng:

– Là họ. Ôn Chúa, họ không sao cả.

Nắm chặt tay cậu Nimrod, Madame Sofi lại khóc, nhưng lần này là những giọt nước mắt hạnh phúc. Bằng giọng của mình, bà bảo họ:

– Tuyệt vời. Mọi người nói đi. Nói với ông ấy. Ông ấy có thể nghe tiếng mọi người thông qua tai tôi.

\* \* \*

John và Faustina đang chuẩn bị rời khỏi ngôi đền lần thứ hai

khi Leo đưa một bàn tay mập mạp lên chạm vào lỗ tai ông và bảo họ chờ một chút.

Ông nói với John:

– Có tiếng nói đến từ phía bên kia. Một bà đồng, người đang ở cùng em gái của cậu và cậu ruột của cậu..

Thở dài một tiếng, John lắc đầu một cách nhát gừng:

– Cháu không nghe thấy gì hết.

Sau những gì đã xảy ra với ông Rakshasas, cậu nghĩ các giác quan của cậu có lẽ đã bị tê dại hết. Một điều không mấy ngạc nhiên. Nhưng cậu cũng cảm thấy nhẹ nhõm cực kì khi nghe được tin từ cậu Nimrod. Chắc chắn cậu Nimrod sẽ biết nên làm gì.

Leo bảo:

– Suyt. Tai của cậu vẫn chưa ăn khớp với linh giới. Đó là lí do tại sao cậu không nghe thấy gì. Tôi sẽ là ông đồng cho cậu. Chờ vài giây, rồi nói, và họ sẽ nghe thấy cậu thông qua tôi.

Leo nhắm mắt lại, hít một hơi sâu, và có vẻ bước vào một trạng thái thôi miên nhẹ. Miệng ông chùng xuống, và một âm thanh vọng ra. Một âm thanh kì lạ, có phần sồn gai óc mà John theo bản năng biết được không phải phát ra từ Leo. Ban đầu, John nghĩ nó giống như tiếng máy hút đàm của nha sĩ. Dần dần, khi âm lượng của tiếng ồn đó tăng lên, nó trở thành tiếng máy pha cappuccino. Rồi máy hút bụi. Và cuối cùng, một sự im lặng tĩnh tại đến, mang theo tiếng một người mà cậu biết.

Đưa mắt nhìn xung quanh, cậu dặn với Faustina:

– Tốt hơn mình nên để mắt đề phòng gã cương thi ấy quay lại.

Tiếng cậu Nimrod phát ra từ cái miệng bất động của Leo:

– John? Cháu nghe thấy cậu không?

– Cháu nghe thấy ạ.

John phải hét lớn, vì sự thật là tiếng nói trong im lặng quá loãng, và cậu nghĩ cậu nên nói lớn phòng trường hợp bên kia cũng bị vậy. Dù bên đó là ở đâu.

– Cảm ơn Chúa cậu đã... um... gọi.

– Faustina có đó với cháu không?

– Vâng. Chị ấy ở đây ạ.

– Còn anh Rakshasas? Chú cần nói chuyện gấp với anh ấy, John.

John buồn bã nói:

– Không ạ. Ông Rakshasas gặp chuyện rồi. Một gã cường thi đã hấp thụ ông ấy. Ông Rakshasas biến mất rồi.

Khi nói, John cảm thấy như có một cái gì đè nén trong cuống họng, và cậu cố gắng kiềm chế nỗi đau đang đe dọa nuốt chửng cậu.

– Hấp thụ anh ấy? Như thế nào mới được?

– Cháu không biết. Nó ở đây, trong bảo tàng. Có một gã cường thi nhìn giống một chiến binh Trung Quốc cổ đại. Thứ khiến các hồn ma khác bỏ chạy hết. Và nếu bắt kịp, nó sẽ hấp thụ họ. Ít nhất nhìn là như vậy. Và đó là chuyện đã xảy ra với ông Rakshasas.

Nuốt ngược đau khổ vào trong lòng, John nói:

– Cậu Nimrod, cháu không biết ông ấy còn sống hay không nữa.

Cậu Nimrod hỏi lại:

– Một cường thi Trung Quốc? Cậu chưa bao giờ nghe nói về một thứ như thế.



– Cháu không có bịa chuyện. Một phút trước ông Rakshasas còn ở đây, vậy mà phút tiếp theo ông ấy đã biến mất.

Cậu Nimrod bình tĩnh khuyên:

– Nghe nè, John, cậu cần cháu và Faustina quay về nhà và kiểm tra cơ thể anh Rakshasas. Có lẽ có một lí do nào đó khiến anh ấy phải để hai cháu lại và về trước. Để quay lại cơ thể anh ấy.

– Lỡ ông Rakshasas không có ở đó thì sao? Lỡ như ông ấy đã chết? Và làm sao cháu phân biệt được? Cháu không biết gì về những thứ này. Làm sao cháu nói được ông ấy có ổn hay không.

– Nếu anh Rakshasas không có ở nhà thì cháu cũng không làm được gì đâu. Không có linh hồn anh ấy, cháu sẽ không giúp được gì. Cháu phải để cơ thể anh ấy lại đó. Cậu muốn cháu và Faustina bắt máy bay đến đây. Đến Ý. Nhưng đừng quên để cơ thể cháu ở nhà, John. Hãy nhớ, chú trói buộc Methuselah trên cha cháu vẫn còn hoạt động. Nếu cơ thể và sức mạnh djinn của cháu rời New York, anh ấy sẽ lại lão hóa.

John nói nhặt thếch:

– Ok. Cả hai tụi cháu sẽ đến Ý. Nhưng tại sao lại là Ý? Cháu nghĩ mọi người đang ở London chứ.

Cậu Nimrod bảo:

– Thay đổi kế hoạch. Cơ thể Faustina ở Ý. Nói với cô bé là nó vẫn ổn nhé. Rằng nó vẫn như lúc cô bé rời khỏi nó.

John hỏi tiếp:

– Ở đâu tại Ý?

Trả lời cậu là một sự im lặng kéo dài.

Rồi cậu Nimrod hỏi:

– John, tại sao cháu nói gã cường thi đó tới từ Trung Quốc?

John kể cho cậu nghe về cơn sóng thần trong linh giới, về việc Faustina bị kéo đến Tây An, thủ đô cũ của Trung Quốc, và việc gã cường thi ở bảo tàng trông giống những cường thi cô đã nhìn thấy ở đó.

John nói thêm:

– Nói thật là, chị ấy cũng không hoàn toàn chắc về từ “cường thi”. Chị ấy nghĩ đã nghe ai đó sử dụng từ đó. Nhưng nó có thể là một từ khác.

Cậu Nimrod bảo:

– Được rồi, John. Cẩn thận nghe cậu dặn nè. Cậu muốn cháu và Faustina đi Venice. Mọi người sẽ chờ hai đứa ở khách sạn Gravelli Palace. Một chuyện kì quái gì đó đang diễn ra ở thế giới hư vô, và cậu nghĩ chúng ta nên nhanh chóng tìm ra nó là gì.

John lặp lại:

– Venice? Tại sao lại là Venice?

– Bởi vì Venice có một trong những bảo tàng sách cổ tốt nhất về Trung Quốc trên thế giới. Cậu cần tìm hiểu thêm về gã cường thi của hai đứa.

Faustina la lên cảnh báo:

– John, chúng ta có khách.

Liếc nhìn xung quanh, John trông thấy gã cường thi Trung Quốc đang băng qua bảo tàng tiến về phía họ như một cỗ máy.

Cậu hét lớn thông báo với cậu Nimrod:

– Tội cháu phải đi, cậu Nimrod. Gã cường thi của chị Faustina đã quay lại. Hi vọng gặp lại mọi người ở Venice.

Rồi cậu chộp lấy tay Faustina và chạy thực mạng.



## CHƯƠNG 13

### **Cậu bé diệu kỳ**

Từ khi rời khỏi Las Vegas cùng Adam Apollonius, Dybbuk đã tận hưởng những thời khắc tuyệt vời của tuổi trẻ tại thành phố New York. Tay ảo thuật gia gốc Anh Apollonius đã dành trọn thời gian của gã, cũng như của những người làm việc cho gã, để biến Dybbuk thành ngôi sao trong chương trình ảo thuật truyền hình trực tiếp đặc biệt của chính cậu, với tên gọi *Cậu bé diệu kì*.

Apollonius giải thích:

– Đầu tiên chúng ta sẽ thay đổi hoàn toàn vẻ ngoài của cháu. Để cháu có thể nhìn giống như ngôi sao mà cháu sắp trở thành.

Dybbuk nói:

– Trước khi làm chuyện đó, cháu muốn đổi tên cái đã. Cháu ghét nó. Luôn luôn ghét.

Apollonius bảo:

– Thật sự thì, ta nghĩ “Dybbuk” là một cái tên nghe khá hay đấy chứ. Nó có nghĩa là...

Dybbuk ngắt lời gã:

– Cháu biết nó nghĩa là gì. Và cháu ghét nó. Cháu muốn được gọi bằng một cái tên khác.

Apollonius bật cười:

– Ok, có lẽ cháu muốn một cái tên nghe có vẻ kì ảo một chút, đúng không? David chẳng hạn. Phân nửa ảo thuật gia trên thế giới hiện nay dường như đều mang tên này.

Dybbuk lắc đầu:

– Cháu ghét tên David. Cháu thích tên chú cơ.  
– Xin lỗi nhóc, nhưng ta đang sử dụng tên đó.  
– Ý cháu là, cháu thích một cái tên kiểu *như thế*. Một cái gì đó nghe bắt tai một chút.

Suy nghĩ trong giây lát, Apollonius hỏi:

– Thế “Jonathan Tarot” thì thế nào? Từ “tarot” lấy từ những lá bài Tarot mà người ta thỉnh thoảng vẫn dùng để bói tương lai. Một thứ vớ vẩn, dĩ nhiên, nhưng lại là một từ mang đầy ý nghĩa ma thuật, cháu không nghĩ vậy sao?

Dybbuk lặp lại:

– Jonathan Tarot. Cháu thích cái tên đó.

Vỗ tay vào nhau cái bốp và xoa xoa chúng với vẻ mặt trông đợi, Apollonius nói:

– Ok, Jonathan Tarot vậy, con trai. Thế còn hình tượng mới của cháu thì sao?

– Hình tượng?

– Cháu muốn mình có một vẻ ngoài như thế nào ấy.

Dybbuk chưa bao giờ để ý lắm đến vẻ ngoài của cậu. Cậu hiếm khi chải mái tóc hơi dài lâu lâu mới được gọi một lần của mình. Cậu hầu như lúc nào cũng mặc áo thun, quần jean đen và một đôi giày ống đi mô tô. Ngoài những thứ đó, cậu không bao giờ suy nghĩ nhiều

về đầu tóc và quần áo, ngoại trừ việc cậu thấy người khác, ghét cách họ ăn mặc và cảm thấy tội nghiệp cho họ.

Đưa tay vân vê hàm râu nhỏ xíu cùng cái bông tai của mình một cách tự mãn, Apollonius ướm hỏi:

– Có lẽ cháu muốn trông giống ta?

Trên sân khấu cũng như trên tivi, Apollonius thường mặc một cái áo khoác màu trắng tay ngắn, mà gã bảo để người khác có thể thấy rõ gã không che giấu gì trong ống tay. Dybbuk nghĩ nó làm gã giống nha sĩ, hay một đầu bếp hơn là một ảo thuật gia. Cho nên cậu chỉ cười trừ và lắc đầu.

Cậu nói:

– Thật sự thì, cháu đã có một ý tưởng riêng trong đầu. Cháu muốn nhìn giống Elvis Presley trong thời gian ông biểu diễn ở Las Vegas. Cháu muốn mặc một trong những bộ trang phục trắng họa tiết đại bàng khảm kim cương giả lấp lánh, với cổ áo rộng, khăn choàng cổ có tua, áo choàng và giày ống trắng.

Apollonius lưỡng lự hỏi:

– Cháu không nghĩ phong cách thập niên 70 của Elvis giờ có phần hơi lỗi thời hả?

Dybbuk vẫn khẳng khái:

– Nó sẽ phổ biến trở lại. Như những gì của thập niên 70.

Thực tế, cậu không biết điều đó có thật hay không, và cậu cũng chẳng quan tâm mấy đến câu trả lời. Dybbuk có đủ kinh nghiệm để biết người lớn thường nhượng bộ khi trẻ con bắt đầu la lên với họ cái gì hợp thời, cái gì không.

Cậu nói thêm:

– Không ai tuyệt vời bằng Elvis.

Apollonius nhún vai bảo:

– Nếu cháu muốn thế, nhóc. Elvis vậy.

Cho nên Dybbuk đã có một buổi cắt tóc trị giá một ngàn đô la từ chuyên gia tạo mẫu tóc hàng đầu New York – một quý ông, ngạc nhiên cái là lại trẻ đầu, tên Jon Bread – để cuối cùng, mái tóc đen như mực của cậu nhìn giống như một thứ được vẽ trên đỉnh đầu bởi một họa sĩ Manga, với mái trước chảy ngược lên trán và độ bóng không thua gì một chiếc Cadillac. Giống y như Elvis. Dybbuk kết kiểu tóc mới của cậu, và đã bỏ ra một, hai giờ gì đấy để tập luyện cho được một nụ cười nhếch mép đậm chất rock-n-roll phù hợp.

Rồi một người đàn ông từ một cửa hàng ở Hollywood đến với một tuyển tập các bộ trang phục áo liền quần phong cách Elvis đủ màu. Hầu hết chúng đính kim loại, trang sức, các loại hạt... khá nặng, nhưng khi mặc thử một cái, Dybbuk có cảm giác như một ông hoàng. Một điều không mấy ngạc nhiên, vì chỉ có một ông hoàng mới đủ tiền mua những bộ đồ như thế này. Mỗi bộ trị giá năm mươi nghìn đô la. Dybbuk đặc biệt thích những cái thắt lưng với những cái khóa to như một cái đĩa nhỏ.

Cũng trong thời gian đó, Dybbuk còn bận cân nhắc cách sử dụng sức mạnh djinn sao cho người khác lầm lẫn là những trò ảo thuật, càng kì lạ càng tốt. Cậu bỏ thời gian xem phim về những ảo thuật gia nổi tiếng để bắt chước những gì họ đã làm, đồng thời cố gắng tìm ra một cái gì đó hay hơn. Hoặc hai, ba cái gì đó hay hơn. Và chẳng bao lâu sau, cậu đã có một vốn tiết mục được gọi là ảo thuật mà Adam Apollonius tuyên bố là những thứ ấn tượng nhất gã từng xem. Những pha ảo thuật cận cảnh khá dễ thực hiện, dĩ nhiên.

Nhưng Dybbuk muốn có một thứ gì đó đặc sắc hơn là chỉ làm một quả táo hiện ra trong lòng bàn tay bên dưới một cái khăn mùi soa lụa. Hay làm một con mèo con biến mất bên trong áo sơ mi của cậu.

Cậu nói với Apollonius:

– Cháu đang nghĩ, chúng ta cần một tiết mục gì đó thật sự đặc biệt để kết thúc show trình diễn, đúng không?

– Ta cứ nghĩ cháu sẽ làm màn ảo thuật Ấn Độ với dây thừng chứ.

Dybbuk cho biết:

– Cháu có một thứ khác tuyệt hơn. Cháu gọi nó là Ảo thuật Ngón tay vàng. Lấy ý tưởng từ phim James Bond.

Apollonius nói:

– Ngón tay vàng à? Ta thích cái tên đó.

– Nó cũng khá đơn giản thôi. Cháu bị khóa bên trong một chiếc Aston Martin sắp sửa tông vào thứ gì đó. Cháu sẽ trốn thoát khỏi chiếc xe mà không bị camera phát hiện trước khi chiếc xe bị va chạm, dĩ nhiên, và, ngay dưới mũi vài trăm binh lính, bí mật đi vào trong Kho Bạc Mĩ.

Kho Bạc Mĩ là một tòa nhà hầm được canh giữ nghiêm ngặt gần doanh trại quân đội Fort Nox ở Kentucky, được dùng để cất giữ phần lớn lượng vàng của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Khu hầm chứa vàng có bốn bức tường làm bằng đá hoa cương, và được bảo vệ bởi một cánh cửa nặng hai mươi lăm tấn.

Dybbuk nói tiếp:

– Một khi đã vào trong khu hầm, cháu sẽ lấy trộm một thỏi vàng được đóng dấu hân hoi của Cơ quan Đức tiền Mĩ, dĩ nhiên, có lẽ làm



chuông báo động vang lên để họ biết cháu đã ở đó, rồi xuất hiện trên một nóc nhà với thỏi vàng cầm trong tay.

Apollonius mở to mắt hỏi:

– Cháu nói đùa đấy à?

Dybbuk gật đầu chắc nịch:

– Cháu có thể làm được điều đó.

– Ừ, thì làm được. Nhưng như thế nào?

Dybbuk lại mở nụ cười bí hiểm của cậu khi nói:

– Tập luyện.

– Ta hỏi thật đó, nhóc. Nói ta biết coi. Cháu làm nó như thế nào?

– Thế cháu có hỏi chú chú làm những trò ảo thuật của mình như thế nào không?

Apollonius trả lời một cách cẩn thận:

– Không. Nhưng điều cháu vừa đề nghị có hơi khác với việc làm một con gấu Bắc Cực biến khỏi sân khấu. Cháu trình diễn ngoài trời. Cháu sẽ cần đến kĩ xảo hình ảnh đặc biệt, và nó sẽ rất tốn kém.

Dybbuk hỏi:

– Harry Houdini có sử dụng kĩ xảo hình ảnh không? Cháu nghĩ là không. Thứ nhất, thời đó làm gì có kĩ xảo hình ảnh. Và thứ hai, ông ấy là ảo thuật gia tuyệt vời nhất. Tuyệt vời nhất vì ông ấy đã làm chuyện bất khả thi. Đó là điều cháu muốn làm. Một chuyện bất khả thi. Mà nghĩ lại, có khi chúng ta nên gọi màn ảo thuật đó như vậy. Nhiệm vụ Bất khả thi.

Apollonius vẫn còn lưỡng lự:

– Ta phải khâm phục sự tự tin của cháu đấy, nhóc. Nhưng mà...

Dybbuk gạt bỏ:

– Không nhưng nhị gì hết. Tin cháu đi, cháu có thể làm được điều đó.

Apollonius bảo:

– Ô, ta không có nghi ngờ chuyện cháu có thể làm được điều đó. Chỉ là, ta ước gì mình biết được cháu làm thế nào thôi. Cháu không thể nói cho ta sao? Ta hứa sẽ không tiết lộ bí mật. Cháu biết ta sẽ bị đá ra khỏi Giới Ma thuật nếu ta mở miệng mà.

Dybbuk hỏi:

– Giới Ma thuật?

Apollonius trả lời:

– Là hiệp hội của các ảo thuật gia trên khắp thế giới.

Suy nghĩ trong giây lát, Dybbuk trả lời một cách khéo léo:

– Cháu cũng muốn nói cho chú lắng. Thật đó. Nhưng chú không thấy là, khi chú biết được một màn ảo thuật được thực hiện đơn giản như thế nào, nó chẳng còn có vẻ hấp dẫn gì cả? Chú nghĩ thử đi. Bộ chú không muốn sống với ý nghĩ ma thuật thực sự hiện hữu, hơn là biết tất cả những kĩ xảo vụng vạy cháu dùng để thực hiện màn ảo thuật của cháu?

Apollonius hỏi:

– Có nghĩa là, luôn có những kĩ xảo phù hợp?

Dybbuk mỉm cười:

– Dĩ nhiên rồi. Chẳng lẽ chú nghĩ cháu là người ngoài hành tinh?

Apollonius cũng mỉm cười:

– Có thể. Ta không biết. Tất cả những gì ta biết là, ở lứa tuổi

mười ba, cháu thật sự là một kỳ quan nhỏ tuổi.

Rồi gã lắc đầu nói tiếp:

– Lũ nhóc khắp thế giới sẽ cuồng loạn vì cháu cho coi. Nhất là đám con gái.

Dybbuk mỉm cười.

\* \* \*

Màn ảo thuật không tưởng của Jonathan Tarot được đón nhận với sự kinh ngạc trên khắp thế giới khi nó được phát sóng trên truyền hình. Và ngoại trừ những mundane may mắn từng nhận được ba điều ước từ một djinn tốt, tất cả những ai đã xem qua chương trình truyền hình này đều đồng ý rằng, họ chưa bao giờ xem được một show ảo thuật tuyệt vời nào như của Tarot. Không ảo thuật gia nào từng làm một đồng xu hiện ra trong tay *người khác*, hay bẻ cong một cái nĩa với sức mạnh ý chí chỉ *trong mười giây*. Tiết mục bay nhấc người lên khỏi một vỉa hè ở New York đến ba mươi centimet của Jonathan Tarot đã làm bao nhiêu người phải há hốc mồm ngạc nhiên, cũng như tiết mục ảo thuật với lá bài của cậu, trong đó ấn tượng nhất là lúc cậu biến toàn bộ lá bài trong bộ bài thành ảnh của cô gái đang được cậu cho xem trò này. Nhưng lời khen nồng nhiệt nhất là dành cho tiết mục Nhiệm vụ Bất khả thi, một tiết mục ảo thuật Tarot thực hiện tốt đến nỗi vài khán giả đã ngất xỉu khi chứng kiến chiếc Aston Martin bị nghiền nát trong vụ đụng xe, trong khi Kho Bạc Mĩ giờ đây phải tiến hành điều tra lí do tại sao các biện pháp an ninh của nó lại bị phá vỡ dễ dàng như vậy.

Adam Apollonius đã không quá lời về tác động toàn cầu của

Jonathan Tarot trong lần xuất hiện đầu tiên trên tivi. Bọn trẻ xem chương trình ảo thuật đặc biệt này đều cuồn dại vì cậu. Đặc biệt là các cô bé gái. Trên thực tế, từ “cuồn dại” thậm chí còn không đủ để mô tả mức độ được hâm mộ của ngôi sao mới nổi Tarot. Nói ngắn gọn thì, show truyền hình trực tiếp đặc biệt của Tarot đã biến cậu thành hiện tượng mà những người trong giới biểu diễn gọi là “tin giật gân qua đêm”. Đoạn phim thu lại show trình diễn này được phát sóng liên tục trong hai đêm, với lần phát sóng thứ hai thu được con số khán giả lên đến năm mươi triệu người, vượt qua tất cả các chương trình truyền hình khác. Dĩ nhiên, kết quả đó có được một phần nhờ vào việc khán giả không có mấy lựa chọn xem đài, vì rất nhiều chương trình truyền hình nổi tiếng tự nhiên bị ngừng phát sóng một cách bí ẩn. Nhưng không ai nghĩ đến việc kết nối hai sự kiện đó lại với nhau.

Jonathan Tarot được mời tham gia một số show trò chuyện đêm khuya trên truyền hình, và được mời trình diễn thêm một số màn ảo thuật trực tiếp cùng những pha trốn thoát ngoạn mục khác. Trong một show, cậu đã đứng trong một túi rác nylon và, bằng cách hóa thể chỉ phần chân của mình, cậu đã tạo ra ảo giác như cả thân hình đang bắt lửa. Trong một show khác, cậu bước ra khỏi Nhà hát Ed Sullivan trên đại lộ Broadway và trình diễn một pha trốn thoát giật gân sau khi bị còng tay và nhốt vào cốp sau của một xe cảnh sát New York đậu bên ngoài. Nhưng pha ảo thuật tuyệt vời nhất là khi cậu biến mất bên trong một thang máy của tòa nhà GE ở Rockefeller Plaza, New York khi nó đang di chuyển từ tầng một lên tầng sáu mươi chín, rồi lại xuất hiện trên nóc nhà vài giây sau đó.

Vỗ vỗ tờ báo đang đọc với lưng bàn tay, Apollonius đọc lớn:

– Nghe này: Chỉ mới tuần trước, không ai biết đến cậu bé

Jonathan Tarot mười ba tuổi. Tuần này, ảo thuật gia trẻ tuổi với những màn biến mất giật gân này đã trở thành cậu bé nổi tiếng nhất nước Mỹ, và được nhiều người biết đến không thua gì các ngôi sao điện ảnh và các thần tượng nhạc pop. Điều tuyệt vời là, không giống những người khác, Tarot có tài năng thực sự, và được mong đợi sẽ có một hình tượng gương mẫu cũng như ảnh hưởng tốt cho trẻ em trên khắp thế giới.

Apollonius bật cười một cách khoái chí và bảo:

– Người ta đang nói về cậu đấy nhóc. Thế nào? Thấy tuyệt không, Jonathan?

Jonathan – không ai, thậm chí là Adam Apollonius, được phép gọi cậu là “Dybbuk” nữa – thừa nhận:

– Có lẽ.

– Cháu muốn có ảnh hưởng tốt cho trẻ em trên khắp thế giới không?

Jonathan nhún vai bảo:

– Cháu không biết. Có lẽ. Tại sao không chứ?

Apollonius nhe răng cười:

– Vậy rất tốt, con trai. Rất tốt. Bởi vì cháu *có thể* là một luồng ảnh hưởng. Không giống bất kì ai khác trong lịch sử. Với tài năng thiên phú của cháu và sức mạnh khổng lồ của truyền hình, chúng ta có thể làm bất kì điều gì chúng ta muốn.

– Nếu chú nói thế, Adam.

Apollonius xoa xoa tay một cách hào hứng:

– Ta nói thế đấy. Ta có những kế hoạch vĩ đại cho cháu, con trai. Chúng ta sẽ kiếm tiền, rồi chúng ta sẽ làm nên lịch sử.

– Ồ, tuyệt đó.

– Nói ta biết. Cháu làm điều đó như thế nào, nhóc?

Jonathan kiên nhẫn trả lời:

– Tập luyện.

Cậu không trách Adam Apollonius vì đã hỏi. Không trách một chút nào. Trong mắt Jonathan, Apollonius – bản thân là một ảo thuật gia chuyên nghiệp – muốn biết bí mật của cậu là một chuyện hoàn toàn tự nhiên. Nếu gã không tò mò muốn biết màn ảo thuật của Jonathan được thực hiện như thế nào thì mới là chuyện lạ.

Apollonius cũng biết rõ điều đó. Trên thực tế, đó chính là lí do tại sao gã hỏi Jonathan về bí quyết ảo thuật: để loại bỏ bất cứ nghi ngờ nào của thằng bé về gã. Bởi vì nói thẳng, Apollonius biết rõ thằng bé thực hiện các màn ảo thuật như thế nào. Gã biết chính xác Jonathan Tarot là ai, là cái gì. Làm sao gã không biết được chứ? Dybbuk là thằng con hoang của gã mà. Cơ thể của Adam Apollonius đang bị sở hữu bởi không ai khác ngoài linh hồn của Iblis tộc Ifrit. Và, như thường lệ, gã djinn độc ác đang lập một kế hoạch kinh khủng nào đó xứng tầm với bản chất của gã.



## CHƯƠNG 14

### Hai người đồng hành...

Vừa chạm đến cửa nhà ở đường 77 phía đông, John thành lĩnh cảm thấy muốn bệnh. Như thể ai đó đã quăng cậu lên boong một cái tàu thủy lênh đênh giữa biển trong một cơn giông bão. Cảm giác về sự cân bằng của cậu hoàn toàn biến mất. Khó có thể tiếp tục đứng vững, cậu phải bò qua cửa. Mỗi lần cậu tập trung nhìn vào một vật thể bất động nào đó, nó bắt đầu dịch chuyển. Nếu không biết rõ, cậu sẽ nói mình đang xin quắc cần câu. Hoặc bị ai đó chuốc thuốc. Cậu khàn khàn gọi:

– Faustina? Chị có ở đó không? Em thấy không khỏe lắm.

Cậu cảm thấy cô quỳ gối xuống bên cạnh và nắm lấy tay cậu.

Cô hỏi:

– Có chuyện gì hả?

– Em không biết nữa. Có lẽ Doc có thể giúp.

– Doc?

John cho biết:

– Marion Morrison, người đang chăm sóc cha em. Một y tá djinn.

Faustina đỡ John bò vào bếp, nơi Doc đang chơi harmonica, một giai điệu ngọt ngào dường như giúp bà và con mèo Monty cảm thấy

thư giãn. Trước sự ngạc nhiên của John, còn có một người khác đang ở trong phòng. Đó là Finlay McCreeby. Cả cậu lẫn Doc đều không thấy linh hồn của hai djinn trẻ. Nhưng con Monty thì có. Nó đứng dậy, lưng cong lên như một con lạc đà với bộ lông xám đen dựng đứng hẳn lên, và bắt đầu rít lớn với những vị khách vô hình. Doc đặt cây kèn harmonica xuống và đảo mắt nhìn quanh.

Finlay hỏi:

– Chuyện gì với con mèo vậy cô?

Doc trả lời:

– Cô nghĩ chúng ta có khách.

Rồi bước đến tủ lạnh, bà mở tung cánh cửa ra để một luồng không khí lạnh tràn ra sàn nhà bếp, làm hiện lên dần dần thân hình mờ ảo của hai djinn trẻ.

Finlay hô:

– Tuyệt!

John bảo với Finlay rằng cậu chẳng thấy có gì tuyệt vời với chuyện phải bò lăn bò càng trên sàn, nhưng có thể thấy rõ cậu bé mundane không nghe được cậu nói gì. Nhưng dần dần, luồng không khí lạnh dường như cũng có tác dụng gia tăng âm lượng tiếng nói, thậm chí làm chúng nghe có phần ma quái.

Doc hỏi:

– Rốt cuộc cháu đang bị gì vậy?

John khàn khàn trả lời:

– Cháu thấy không khỏe. Cân bằng mất hết trơn.

Doc bảo:

– Nghe có vẻ là một trường hợp say linh hồn. Đó là khi linh hồn



siêu nhạy cảm của cháu không thể tiếp tục đối phó với trạng thái vô trọng lượng được nữa. Nếu cháu có bao giờ tự hỏi tại sao các linh hồn hay rên rỉ như vậy, cô nghĩ giờ cháu biết câu trả lời rồi đó. Nghe nói việc đó chẳng dễ chịu chút nào.

Faustina cho biết:

– Cháu đã vô trọng lượng trong suốt mười hai năm đấy chứ. Đâu có cảm thấy khó chịu gì.

Doc bảo:

– Không phải ai cũng bị như vậy. Djinn sinh đôi thường mắc chứng đó nhiều hơn.

John rên rỉ:

– Giờ cô mới nói. Có cách gì chữa không cô? Cháu còn phải đi Ý nữa.

Doc nói:

– Cơ thể cháu trên lầu đấy. Cháu chỉ cần nhập vào nó là ổn cả thôi.

John thú nhận:

– Cháu không nghĩ có thể lết lên được chừng đó bậc thang.  
– Vậy thì điều duy nhất cháu có thể làm là tạm thời nhập linh hồn vào một cơ thể người nào đó.

Quay mặt nhìn Finlay, bà hỏi:

– Sao, Finlay? Có cảm thấy muốn làm một việc tốt hôm nay không?

– Ý cô là, cô muốn cháu chia sẻ thân thể với cậu ấy hả?

Doc gật đầu:

– Đại loại là thế. Trừ khi cháu muốn thấy bạn mình lăn lê bò

càng trên mặt đất cho đến khi nào cậu ấy lết được mông lên lầu.

Finlay nhún vai:

– Thôi được.

Chỉ xuống sàn, Doc hướng dẫn:

– Tốt nhất cháu nên nằm xuống cạnh John. Để cậu ấy có thể chui vào mà không phải đứng lên.

Finlay ngồi xuống, rồi nằm ngửa ra sàn nhà.

Doc nói tiếp:

– Có vài điều cháu cần biết khi chia sẻ một cơ thể. Một là, djinn tốt chỉ nên làm chuyện đó trong một thời gian ngắn, và chỉ trong một tình huống khẩn cấp. Ví dụ như hiện tại. Chỉ có djinn phe Ác mới chiếm cứ cơ thể người khác vĩnh viễn. Một điều nữa là cháu, John, cần phải tôn trọng quyền kiểm soát của Finlay. Có thể cháu sẽ cảm thấy đó là cơ thể mình một khi vào trong, John. Nhưng nó không phải. Nó thuộc về Finlay, và cháu phải tôn trọng điều đó. Để cho Finlay được quyền quyết định, như cậu ấy thường làm. Chọn lựa cậu ấy muốn ăn gì, thậm chí là những thứ cháu không thích. Chương trình tivi nào cậu ấy muốn coi. Những thứ tương tự như vậy.

John bò vào cơ thể cậu bạn, và lập tức cảm thấy tốt hơn. Cùng lúc, cậu biết được tất cả những điều Finlay đã biết: rằng cậu đã bám đuôi Dybbuk đến New York; rằng Dybbuk đã đổi tên thành Jonathan Tarot và giờ đây đang có một show truyền hình riêng rất thành công; và rằng Dybbuk hiện đang sống trong gian phòng hạng nhất tại khách sạn Cimento Dell'Armonia ở New York. Không cần đến một lời giải thích nào. John cũng không cần phải xem show truyền hình của Dybbuk. Finlay đã xem nó, và vì thế, John thông

qua trí nhớ của Finlay cũng đã xem nó.

Cậu cũng không cần phải hỏi về ông Rakshasas. Linh hồn của vị djinn già đã không tái xuất hiện để lấy lại cơ thể, và cơ thể của ông vẫn còn ở trong phòng ngủ của John, ngồi trên cái ghế yêu thích của cậu, tại chính nơi mà ông đã để lại nó trước đó. Finlay cũng biết về chuyện cha John. Ông Gaunt vẫn đang tiếp tục trẻ lại. Không may là, bà Trump vẫn trong tình trạng hôn mê, với không một dấu hiệu nào cho thấy bà sẽ sớm tỉnh lại.

Từ trong đầu Finlay, John nói với cậu:

– Ok, cái này giúp tớ đỡ mất công phải hỏi ối thứ.

Finlay an ủi:

– Đừng quá lo. Tớ nghĩ ông Rakshasas và bà Trump sẽ ổn cả thôi.

Nhưng dĩ nhiên, John biết Finlay chỉ nói cho có chứ không thật sự nghĩ vậy.

Bởi vì John biết nên Finlay lập tức biết mọi chuyện về Faustina, cũng như lí do tại sao cô và John sắp đi Ý. Cậu thậm chí biết được John sẽ phải để lại cơ thể ở New York và giờ đang muốn cậu đi cùng để tránh bị say linh hồn lần nữa. Và John biết Finlay hoàn toàn ổn với việc đó. Nhưng Finlay gần như không chuẩn bị gì cho ý tưởng tiếp theo của John. Trên thực tế, bản thân John cũng chỉ mới nghĩ đến nó mà thôi.

Cậu nói với Finlay:

– Có lẽ việc di chuyển sẽ dễ dàng hơn nếu Faustina gia nhập với chúng ta ở đây, trong cơ thể cậu. Chỉ để chắc chắn chị ấy không bị lạc. Một chuyện mà tớ có thể đảm bảo là rất dễ xảy ra khi cậu vô hình.

– Tổ biết.

– Hơn nữa, nó sẽ giúp chúng ta tiết kiệm khá nhiều thời gian để nói chuyện với chị ấy, và ngược lại. Một chuyện không dễ tí nào nếu cậu không có cơ thể.

– Tổ biết.

John nói:

– Và tổ biết cậu không chắc về điều đó. Dù gì chị ấy cũng là con gái.

Finlay bảo cậu:

– Chỉ là, cậu biết đó, hai người là bạn đồng hành, nhưng ba người lại là một cái chợ. Nhưng chắc không sao đâu. Thế tổ nói với chị ấy, hay để cậu nói đây?

John liếc nhìn xung quanh, và trông thấy một cái dáng màu xanh mờ ảo của một cô bé đang ngồi trên cái ghế trước cánh cửa tủ lạnh để mở.

Cậu gọi:

– Chị đây rồi.

Rồi cậu nói cho cô nghe về ý tưởng của cậu. Trước sự ngạc nhiên của cậu, Faustina đồng ý ngay chứ không do dự gì.

Cô nói:

– Chị cũng đang hi vọng các cậu nói vậy. Nếu cả ba chúng ta cùng đến Ý, nó sẽ giúp chúng ta dễ dàng nói chuyện với nhau hơn. Chỉ có một điều chị đang lo là, chúng ta sẽ đến đó bằng cách nào? Một khi tất cả đều ở trong cơ thể Finlay, chúng ta sẽ không thể vô hình mà bước lên máy bay nữa. Ai sẽ trả tiền vé máy bay đây?

John và Finlay đưa mắt nhìn Doc. John hỏi:

– Xin lỗi đã làm phiền cô, Doc, nhưng cô có thể giúp tụi cháu lo vụ vé máy bay được không ạ?

Doc bảo:

– Xin lỗi đã không làm ngay.

Bà rút ra một cái khăn mùi soa màu đỏ to đùng, nhìn vào cái nút thắt trên đó, rồi thở dài một tiếng, miệng lẩm bẩm:

– Nó là gì mới được?

John thắc mắc:

– Cái gì là cái gì cơ?

– Từ trọng tâm của cô. Lâu lắm không sử dụng, cô quên mất tiêu nó là gì rồi.

John ngạc nhiên hỏi lại:

– Nhưng không phải cô đến đây bằng lốc gió sao?

– Cô chỉ nói vậy thôi. Sự thật là, cô đến đây bằng máy bay. Cô không thích người khác biết được cô đã quên mất từ trọng tâm của chính mình. Xấu hổ chết đi được. Làm cô có vẻ kém cỏi. Và y tá mà như vậy thì không tốt chút nào.

John hỏi:

– Cô quên nó từ khi nào?

– Từ cách đây sáu tháng. Hoặc có thể lâu hơn. Khi cô còn ở Amazon. Có một cách để nhớ lại một từ trọng tâm đã quên. Nhưng cô lại không nhớ nổi cách đó là gì.

Lắc đầu, bà nói tiếp:

– Có lẽ phải tốn thời gian để nhớ ra. Rất nhiều thời gian. Có thể đến cả mấy tuần.

Faustina nói:

– Chúng cháu không thể chờ lâu vậy.

John thở dài bảo:

– Nếu ông Rakshasas có ở đây, thế nào ông ấy cũng có thể nói cho cô biết cách nhớ lại nó.

Doc bảo:

– Một từ “nếu” không đủ để trả tiền món thịt nướng, con trai.

Finlay hỏi John:

– Sao cậu không thử dùng thẻ tín dụng của cha cậu và mua một cái vé? Đó là điều tớ vẫn làm khi muốn có một thứ mà cha tớ không muốn cho.

John gật gù:

– Ý hay!

Finlay thừa nhận:

– Không phải lúc nào cũng như vậy.

Faustina hỏi Finlay:

– Cậu sẵn sàng để chị nhập vào chưa?

Finlay bảo:

– Sẵn sàng như mọi khi. Như những điều mà em làm cho gia đình này!

\* \* \*

Faustina rút ra kết luận rằng, chia sẻ một cơ thể với hai người khác cũng giống như ở trong một bồn tắm nước lạnh với những

người hoàn toàn xa lạ: họ gần đến khó chịu. Phần lớn thời gian cô không biết nên đặt mình ở đâu. Điều tệ nhất là, cô biết được những gì John và Finlay biết. Đó là chưa kể đến việc, họ biết được những điều cô biết. Cả cô và John đều không nghĩ đến việc để người còn lại khám phá ra tình cảm thật của mình đối với người còn lại. Và việc này có lẽ sẽ không đến nỗi xấu hổ như vậy nếu Finlay không phải cũng ở đây.

Bước vào sân bay để đón chuyến bay đến London, rồi đến Venice, Finlay cho biết:

– Chưa bao giờ tớ cảm thấy không được chào đón trong chính cơ thể mình như vậy.

Faustina hỏi:

– Ai nói cậu không được chào đón?

John bảo:

– Nhắc đến không được chào đón, không phải cha cậu ở đằng kia sao, Finlay?

Finlay hồ hững nói:

– Cậu biết là ông mà. Chắc ông cũng đang trên đường đến London.

Virgil McCreeby mặc một bộ vét bằng vải tuyết và có bộ râu cằm nhìn giống một cái bàn chải đánh giày. Và nhìn gã không có vẻ gì giống một người đàn ông đau khổ vì bị thất lạc đứa con trai độc nhất.

John hỏi Finlay:

– Cậu có nghĩ ông ấy thấy cậu không?

Finlay bảo:

– Cậu biết là không mà. Câu hỏi ở đây là, tớ nên trả đũa ông như thế nào đây. Ý tớ là, tớ không thể để ông thoải mái thoát khỏi chuyện đó được. Phải có điều gì đó tớ có thể làm chứ. Vì chúa, ông đã biến tớ thành một con chim.

John nói:

– Chỉ vì cậu làm ông ấy bức mình thôi. Ông ấy đã mất bình tĩnh. Các ông bố vẫn thường trừng phạt con trai đấy thôi.

– Đúng, nhưng cậu đừng quên, chú Nimrod đã nói với ông về điều ước thứ tư để biến tớ lại thành người. Và ông đã không thêm ước. Ông muốn giữ lại những gì có được từ hai điều ước đầu tiên.

John đồng ý:

– Ừ, như vậy là quá tệ. Đáng lẽ ông ấy không nên làm vậy.

Faustina gợi ý:

– Chị đã đọc ở đâu đó là, người ta có một danh sách hành khách cấm bay ở quầy đăng kí thủ tục. Để giúp nhận dạng những đối tượng khả nghi. Chị có thể ra khỏi cơ thể cậu và nhập vào một nhân viên quầy thủ tục nào đó, để nhận dạng cha cậu là đối tượng tình nghi. Và không cho ông ấy lên máy bay. Cậu không cần sức mạnh djinn để làm một chuyện vốn là việc tự nhiên với linh hồn.

John nói thêm:

– Rồi sau đó, khi ông ấy phàn nàn, chị có thể gọi cảnh sát đến nhờ can thiệp. Và em có thể nhập vào viên cảnh sát đó đủ lâu để ông ấy bị bắt.

Faustina bảo:

– Dù gì nhìn ông ấy cũng khá khả nghi, đúng không?

Finlay đồng ý:



– Khả nghi quá còn gì. Dù gì ông cũng là một phù thủy mà.

Và cậu gật đầu bảo:

– Ok, cứ làm vậy đi.

Finlay cảm nhận được hai djinn trẻ trượt ra khỏi người cậu trong im lặng và ngồi xuống thưởng thức màn hài kịch sắp xảy ra. Cậu nghĩ, thật đúng như người ta vẫn thường nói: *bạn không cần đến tận rạp hát để xem một vở diễn hay.*



## CHƯƠNG 15

### **Venice trong cơn nguy**

Venice là thành phố thú vị nhất của nước Ý, đơn giản vì hầu hết những con đường ở đây đều là những dòng nước, và tất cả các chiếc xe đều là thuyền. Là khách sạn lâu đời và tốt nhất ở Venice, Gravelli Palace nhìn ra “con đường” lớn nhất của thành phố, con kênh Grand. Bên dưới cửa sổ phòng ngủ của Philippa ở khách sạn, ánh mặt trời rực rỡ của buổi sáng nhảy múa trên những đợt sóng như những dòng chảy âm nhạc lấp lánh, và cô nghĩ mình chưa bao giờ thấy một khung cảnh đẹp như thế. Nhưng ông Groanin thì lại chẳng ấn tượng mấy.

Nhăn nhăn mũi khi họ rời khỏi khách sạn để làm một chuyến hải trình trên một chiếc xuồng máy bằng gỗ đánh bóng xinh đẹp qua làn nước trong xanh đến đảo Torcello, ông Groanin nhận xét:

– Có mùi. Venice ấy. Tôi nói, Venice bốc mùi. Giống như nó cần đến bàn tay một thợ ống nước lành nghề. Tôi đã phải phun nước cạo râu lên khắp người để giảm bớt mùi hôi. Dĩ nhiên, tôi có một cái mũi rất nhạy cảm. Mà, chúng ta đang đi đâu đấy?

Cậu Nimrod cho biết:

– Chúng ta đang đi đến Thư viện Attila Hung Nô<sup>[13]</sup>.

Ông Groanin bảo:

– Gì? Kẻ cướp La Mã ấy à? Tôi sẽ không chọn ông ấy vào vai độc giả đâu. Tôi nói, đó không phải là người tôi có thể hình dung ra cảnh đang cầm đọc một cuốn tiểu thuyết trinh thám mới nhất của John Grisham.

Cậu Nimrod giải thích:

– Sách là cội nguồn của sức mạnh và địa vị vào thời điểm đó. Cho dù anh có là một độc giả hay không. Trước La Mã, Attila còn cần quét Constantinople, thủ phủ của Đế quốc Đông La Mã, nơi ông đã cướp đi một thư viện mà hoàng đế Byzantine<sup>[14]</sup> đã cướp từ tay người Ba Tư. Và người Ba Tư trước đó đã cướp nó từ Trung Quốc.

Ông Groanin gật đầu vẻ nghiêm trọng và nói:

– Như tôi vẫn thường nói, có nhiều kẻ trộm trong thư viện hơn cậu nghĩ. Tôi biết mà. Tôi từng làm việc trong một thư viện. Đó là nơi...

Cậu Nimrod ngắt lời:

– Tôi biết. Anh đã bị mất một cánh tay bởi một con hổ trong Thư viện Anh Quốc. Anh đã kể chuyện đó bao nhiêu lần rồi mà.

Ông Groanin làu bàu:

– Xin lỗi vì đã thờ.

Rồi ông khụt khịt mũi và lại nhăn mặt khi mùi của con kênh xộc vào cánh mũi nhạy cảm của ông.

Cậu Nimrod kể tiếp:

– Trên đường quay lại La Mã vào năm 453 sau Công nguyên, Attila đã để lại thư viện đó ở Torcello. Và nó vẫn ở đấy từ đó đến giờ, dưới sự trông coi của Hội Hiệp sĩ dòng Thánh Mark. Ngày nay,

nó là thư viện Đông phương tốt nhất châu Âu.

Ông Groanin nói nhát gừng:

– Trên tư cách một người từng làm thủ thư, tôi chưa bao giờ nghe nói về nó.

Cậu Nimrod nói:

– Thư viện Attila không mở cửa với công chúng. Nó chỉ dành cho Hội Hiệp sĩ dòng Thánh Mark, và tôi là Tổng Chỉ huy của cái hội đó.

Nói rồi cậu Nimrod cho họ xem một cái mê đay bằng vàng đính trên một sợi ruy-băng lụa màu tím mà cậu đeo quanh cổ.

Giờ đây, đến lượt ông Groanin rên rỉ và trợn mắt với Philippa. Ông than thở với cô:

– Ta biết ngay mà. Như ta vẫn thường nói, người đã có sẵn nhiều thứ luôn là người có được nhiều thứ hơn nữa.

\* \* \*

Torcello là một hòn đảo nhỏ với đầy những ngôi nhà sơn màu sáng, đơn giản, nhiều cái nhìn như thể đang sụp xuống. Ẩn trong một dãy tường vô danh là một cánh cổng nước tối tăm và ẩm ướt. Đi bằng thuyền là cách duy nhất để đi qua lối vào được che đầy khéo léo này. Chỉ đến khi họ đã rời khỏi thuyền và bước lên dãy bậc thang đá trơn trượt để mở ra một cánh cửa gỗ nặng nề, Philippa mới có thể cảm nhận được kích cỡ và tầm quan trọng thật sự của tòa nhà.

Họ đang đứng dưới tòa mái vòm bằng bê tông khổng lồ, chắc

chấn, cao gần bốn mươi lăm mét, với phần trung tâm để hở, hay còn gọi là *giếng trời*, mở ra một khoảng không giữa trời.

Ông Groanin hỏi:

– Chưa bao giờ tôi nghe nói đến một thư viện có lỗ thủng trên mái. Họ không sợ sách bị ướt khi trời mưa sao? Tôi nói, họ không sợ bị ướt sách hay sao?

Cậu Nimrod cho biết:

– Những cuốn sách được cất giữ trong các căn hầm bao quanh khu trung tâm. Chúng không bao giờ bị ướt. Khi trời mưa, thủ thư chỉ việc quét nước xuống các bậc thang là được.

Cậu Nimrod dẫn mọi người băng qua dây sà lát đá cẩm thạch đến nơi một người thủ thư có vẻ đang đợi họ. Nhưng đến gần, họ nhận ra đó là hai người thủ thư. Một người cao chừng hai mét một, và đang bế trên tay một người, bất chấp cách ăn mặc, gốc châu Á cao không quá một mét hai. Cả hai đều mang vớ lụa dài màu đen, giày có khóa bạc, áo khoác bằng vải gấm thêu kim tuyến màu đen, tóc giả với cổ áo viền ren trắng. Philippa nghĩ họ trông giống như vừa bước ra từ thế kỷ thứ 18. Người đàn ông cao lớn không hề mở miệng, trong khi người đàn ông nhỏ con nói chuyện từ đầu đến cuối.

Cậu Nimrod giới thiệu:

– Đây là Peng Win. Chủ quản của thư viện. Peng Win, đây là cháu gái tôi, Philippa, và quản gia của tôi, anh Groanin.

Peng Win nói:

– Chào mừng đến với Vũ Trụ. Đó là tên gọi khác của Thư viện Attila. Cháu có thích sách không, Philippa?

Philippa gật đầu:

- Dĩ nhiên thích ạ.
- Còn anh, Groanin?
- Tôi có thể chịu được một ít thơ thần. Và tôi thỉnh thoảng có đọc tiểu thuyết kinh dị các loại.

Nhìn thấy nụ cười không chắc chắn của Philippa, Peng Win nói:

- Chắc là cháu đang tự hỏi tại sao bạn của ông, anh Borges đây, lại phải bế ông, phải không? Đó là vì ông không sử dụng được chân của mình, và có rất nhiều bậc thang ở thư viện này. Nhiều hơn những gì cháu có thể thấy. Đừng lo, cháu gái. Anh ấy rất khỏe, còn ông thì rất nhẹ.

Rồi chuyển ánh mắt qua cậu Nimrod, ông nói:

- Nếu cái anh đang cần tìm là một cuốn sách cổ, vậy thì anh đã đến đúng chỗ rồi đây, bạn của ta.

Từ một cái túi có nắp đáy sâu trong cái áo khoác tao nhã của ông, Peng Win rút ra một tập giấy nhỏ và một cây bút có vẻ cổ lỗ sĩ, để viết lại tên cuốn sách.

Cậu Nimrod cho biết:

- Tôi đang tìm một cuốn sách về cương thi Trung Quốc. Ít nhất tôi nghĩ vậy. Có thể có lầm lẫn về việc có đúng là người ta đã dùng từ “cương thi” hay không.

Peng Win viết một số từ tiếng Hán lên tập giấy nhỏ của ông và giải thích:

- Khi nói đến một hồn ma hiện về, hoặc một xác chết cử động, người Trung Quốc sử dụng cụm từ *wui wan xi*. *Wui* – “một cái gì đó thay đổi”, *wan* – “linh hồn hoặc tâm linh”, và *xi* hay *shi* – nghĩa là “xác hoặc thi thể”.

Lắc lắc đầu, vốn là bộ phận cơ thể lớn nhất của ông, Peng Win nói tiếp:

– Nhưng không có một từ cụ thể nào cho cương thi, ngay cả trong Trung Hoa cổ đại. Đáng tiếc, *wui wan xi* là từ gần nhất mà chúng ta có. Và tôi chắc chắn không có một cuốn sách nào viết về đề tài này. Ngay cả là ở đây. Nơi có một thư viện hoàn thiện.

Cậu Nimrod suy nghĩ trong giây lát – đủ thời gian để Philippa ngắm nghía cây bút của Peng Win trong không khí mát lạnh của thư viện.

Peng Win nói:

– Ông mừng là cháu thích nó. Tất cả viết trong thư viện này đều được chế tạo từ Thanh Kiếm Thần Mars<sup>[15]</sup> nổi tiếng của Attila. Để tất cả mọi người biết rằng, ngòi bút sắc hơn lưỡi kiếm.

Cậu Nimrod cuối cùng cũng lên tiếng:

– Tôi đang nghĩ, có khi nào “cương thi” không phải là từ đúng? Rằng có thể có một từ tiếng Hán nào đó phát âm gần giống “cương thi”. Dù gì từ đó được nghe ở Trung Quốc. Cho nên sẽ hợp lí hơn nếu đó là một từ tiếng Hoa. Có từ nào như thế không, Peng Win?

Suy nghĩ trong giây lát, Peng Win trả lời:

– Có. Có một khả năng có thể phù hợp với thứ anh đang tìm kiếm. *Dong Xi*. Thứ nhất, nó phát âm gần giống với từ “cương thi”...

Khẽ nhún vai, ông nói tiếp:

– ... Gần giống một ít. Nhưng có lẽ nó gần với điều anh nói hơn, anh bạn Nimrod của tôi. *Dong Xi* có nghĩa là “kẻ ngốc” hoặc “vật” – một thứ gì đó kém tính người. Nó còn có nghĩa “sinh vật”. Tuy đã đọc về từ đó cách đây khá lâu, tôi tin rằng chúng ta có thể tìm thấy

thông tin về nó trong cuốn *Bích Thư* của Hoàng đế Nguyên Thành Tông, nhà Nguyên, Trung Quốc.

Cậu Nimrod hỏi lại:

- Anh vừa nói *Bích Thư* à?
- Ừ. Tại sao?

Cậu Nimrod cho biết:

– Chỉ là dạo gần đây đã xảy ra nhiều vụ trộm ngọc bích. Anh nên canh giữ cuốn sách đó cẩn thận.

Peng Win bảo:

– Anh Borges phụ trách canh giữ những quyển sách ở đây. Và tôi ghét phải nghĩ đến điều anh ấy có thể làm với những ai dám nghĩ đến chuyện lấy cắp chúng.

To như một cuốn danh bạ điện thoại, *Bích Thư* là một cuốn sách làm từ ba mươi phiến đá ngọc bích kết nối lại với nhau bằng những sợi dây lụa vàng, trên có khắc những dòng chữ tiếng Hán nôm vàng.

Peng Win giải thích:

– Nguyên Thành Tông là cháu nội của đại hãn Hốt Tất Liệt. Triều đại của ông, kéo dài từ năm 1294 đến năm 1307, là một triều đại không có gì nổi bật. Ngoại trừ cuốn sách thú vị này. Do chính tay Nguyên Thành Tông viết nên, cuốn sách này nói về những huyền thoại, truyền thuyết của Trung Hoa cổ đại, cũng như về yêu quái, tinh linh cùng các loại quỷ thần khác. Có thể nói ông ấy là một người rất mê tín.

Ngồi trong lòng ông Borges, người đang im lặng ngồi yên bên một cái bàn gỗ sồi to lớn, vị thủ thư người Hoa đeo vào một cặp mắt



kính hình bán nguyệt, mở cuốn sách ra và bắt đầu cẩn thận lật các phiến đá của cuốn *Bích Thư*, trong khi cậu Nimrod, ông Groanin và Philippa đưa mắt nhìn quanh.

– Chúng ta có gì ở đây nhỉ? À, vâng. Nó đây rồi. *Dong Xi*.

Khuôn mặt vị quân thư tối sầm lại một chút khi ông đọc to những gì được viết trong sách.

– Coi chừng nhân vật mang tên *Dong Xi*, vì nó không sống cũng không chết. Coi chừng những đụng chạm nóng chảy của nó. Coi chừng sự vô hình của nó. Coi chừng *Dong Xi*. Coi chừng chiến binh ma quỷ. Tên nó là bùn, vì nó là cái bóng bụi bặm của những thứ do Thần tạo ra. Nó là nguyên liệu thô của cái ác, và từ ngữ của những lời nói dối hủy diệt nằm ngay đầu lưỡi nó. Nó vụng về, nó chậm chạp, nhưng nó sẽ không ngơi nghỉ. Tránh xa chiến binh ma quỷ, như thể tránh xa loài yêu quái xấu xa nhất, vì nó còn là thứ báo hiệu cái chết. Chôn sâu nó, và không để nó trông thấy ánh sáng mặt trời. Đẩy chiến binh ma quỷ về lại hố sâu, nơi nó thuộc về. Trả nó về với cát bụi. Cầu cho nó không bao giờ trốn thoát, nhưng nếu nó thoát, hãy tìm kiếm xương của người vĩ đại mang tên Ma Ko. Chỉ có ngài biết cách giúp người. Coi chừng *Dong Xi*. Coi chừng những chiến binh ma quỷ.

Ngẩng đầu lên và gỡ kính ra, Peng Win kết thúc:

– Đó là tất cả những gì được viết ở đây.

Ông Groanin nhận xét:

– Nghe vậy là quá đủ. Dù nó là gì, tôi sẽ không muốn gặp một trong những chiến binh ma quỷ đó vào một đêm tối trời.

Philippa hỏi:

– Người Hoàng đế Nguyên Thành Tông gọi Ma Ko ấy là ai mới

được?

Peng Win thú nhận:

– Ông e rằng ông không biết câu trả lời. Có thể là một triết gia nho giáo bị quên lãng nào đó.

Philippa nói:

– Tiếc quá. Ông ấy nghe có vẻ là một người hữu ích cho chúng ta.

Cậu Nimrod cảm ơn Peng Win, rồi sau đó giữ im lặng cho đến khi họ đã lên thuyền quay về khách sạn.

Philippa nói:

– Hi vọng gã chiến binh ma quỷ đó không phải là thứ anh John nhắc tới.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Ừ. Chúng ta sẽ phải hỏi Faustina rõ hơn về chuyện này khi cô bé và John đến Venice.

Ông Groanin nhận xét:

– Cô bé tội nghiệp! Tôi cá là cô bé ấy chờ mong lắm thời khắc được quay về cơ thể của chính mình. Tôi hi vọng ý tưởng của ngài sẽ hiệu quả, thưa ngài. Sẽ rất là xấu hổ nếu chúng ta lôi kéo cô bé đi đến tận đây rồi lại không được gì. Đặc biệt là khi chúng ta đã làm cô bé nuôi hi vọng nhiều như thế nào. Tôi không thể tưởng tượng được sẽ đau khổ như thế nào khi thấy cơ thể mình rành rành ngay trước mặt mà không chui vào được. Nếu tôi mà gặp chuyện như thế, tôi thà trầm mình tự sát trong cái kênh Grand này còn hơn.

Cậu Nimrod nói:

– Faustina khó có thể trảm mình tự sát nếu không có cơ thể.

Ông Groanin nhún vai bảo:

– Ok, vậy thì tôi không biết mình nên làm gì. Có lẽ, trở thành một hồn ma là việc tồi tệ nhất trong một đời người. Tất cả những gì đã xảy ra, tất cả những gì sẽ xảy ra, đều xảy ra.

Philippa nhắc:

– Ông Groanin à, chị Faustina đã chết đâu. Đó là lí do tại sao chúng ta phải mang chị ấy đến Venice. Vì chị ấy chưa chết.

– Hiểu rồi, cô nương. Nhưng nếu cô bé ấy không thể quay lại cơ thể, nó cũng đâu có khác gì. Ta nói, nó đâu có khác gì việc cô bé đã chết.

Cậu Nimrod nhún vai nói:

– Như thường lệ, anh có một lập luận đúng. Một lập luận rất sắc bén. Giống như thứ nước hoa anh đang xài.

\* \* \*

Quay lại khách sạn, họ ngạc nhiên khi thấy Finlay đang đợi họ ngoài đại sảnh. Cậu đứng dậy và mỉm cười có phần bẽn lèn với họ. Và vì đây là cơ thể của Finlay, John và Faustina nghĩ tốt nhất nên để cậu giải thích về việc trên thực tế đang có ba người chen chúc nhau trong đó, và việc chúng đang nóng lòng muốn tiến hành việc chuyển giao linh hồn của Faustina về lại cơ thể cũ càng nhanh càng tốt.

Finlay nói:

– Chỉ là, người cháu bắt đầu trở nên hơi chật chội rồi.

Ông Groanin gật gù:

– Hai người là đồng hành, và ba người là một cái chợ. Quả đúng như vậy mà.

Finlay hỏi:

– Cơ thể chị Faustina đang ở đây, tại Venice, phải không ạ?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Nó đang nằm trên giường, ở trên lầu.

Dẫn Finlay về phía thang máy, cậu Nimrod hỏi thăm:

– Thế cha cháu dạo này sao rồi, Finlay?

Finlay lắc đầu bảo:

– Ông hả? Cháu với ông chưa có nói chuyện với nhau lần nào, từ khi ông biết cháu thành chim ưng. Chú biết chuyện đó mà.

Cậu Nimrod khuyên:

– Những chuyện như vậy không đáng để ghi thù trong lòng đâu.

Finlay cười khẩy:

– Chú nói đúng. Giờ đây cháu với ông huề nhau rồi.

Và, với sự khoái chí không che giấu, Finlay mô tả lại sự cố đã xảy ra ở sân bay JFK ở New York, nơi đã chứng kiến cha cậu bị bắt giữ vì bị tình nghi là khủng bố.

Cười khúc khích, Finlay cho biết:

– Ông tức điên lên vì chuyện đó ấy chứ. Đặc biệt là khi ông thấy cháu. Cháu nghĩ chắc ông cũng đoán được chuyện gì đã xảy ra. Tuy nhiên, cháu nghĩ rồi họ cũng thả ông ấy thôi. Một thời gian sau đó.

Cậu Nimrod thuê một dãy phòng trên tầng cao nhất của khách sạn, với sân vườn, hồ bơi riêng cùng một phòng khách, một phòng

ăn và vài phòng ngủ.

Finlay trầm trồ khen:

– Chỗ này giống y như một cung điện ấy.

Cậu Nimrod cho biết:

– Thì chính xác nó là vậy. Cung điện một thời thuộc sở hữu của dòng họ Gravellis, một trong những gia tộc giàu có nhất Venice. Nhắc mới nhớ. *Người đẹp ngủ trong rừng* ở trong đây.

Finlay hỏi, giọng ngạc nhiên:

– *Người đẹp ngủ trong rừng?*

Mở ra một cánh cửa bên ngoài có treo bảng **ĐỪNG LÀM PHIÊN**, cậu Nimrod dẫn Finlay vào một căn phòng tối om, nơi họ để cơ thể Faustina trên giường như thể cô đang ngủ.

Cậu Nimrod giải thích:

– Đó là biệt danh của Faustina ở nơi chúng ta tìm thấy cô bé.

Ngay khi trông thấy Faustina nằm đó – đây là lần đầu tiên cậu thấy rõ Faustina từ khi gặp gỡ linh hồn cô ở New York – Finlay đã hiểu được lí do tại sao John thích cô đến thế. Một điều khá xấu hổ cho Faustina, vì cô có thể đọc được tất cả các suy nghĩ của Finlay. Và cho cả John, người không thích bị nhắc lại chuyện cậu bị trúng tiếng sét ái tình với Faustina nhanh như thế nào. Hoặc không thích nghĩ đến việc giờ đây cậu có thể có một địch thủ.

Cậu Nimrod cho biết thêm:

– Nó nằm trong khu hầm mộ ở một ngôi làng tên Malpensa, miền Nam nước Ý. Có người đã trộm nó khỏi căn hầm chứa ở Bảo tàng sáp Madame Tussaud, mang đến đó và coi nó như một xác ướp.

Faustina không thể ngăn mình hỏi lại:

– Như một cái gì cơ?

Giọng nói của cô nghe có vẻ quái dị khi phát ra từ miệng Finlay, và nó làm ông Groanin có phần nổi da gà.

Cười mà như không cười, cậu Nimrod trả lời:

– Các thầy tu ở Malpensa hàng thế kỉ qua đã bảo quản xác chết của cư dân địa phương. Và đem chúng ra trưng bày. Cháu là vật thu hút khách du lịch chính của họ đấy, Faustina thân mến.

Faustina hỏi lại:

– Ý chú là, cháu ở trong một hầm mộ kinh khủng nào đó cùng với vài xác chết?

Ông Groanin cho biết:

– Không chỉ vài xác chết. Chính xác có đến bốn, năm trăm cái. Nhiều cái trong đó chả hơn gì một bộ xương khô, với tay và hàm rụng sạch. Giống như trong một phòng kinh dị thường thấy không hơn không kém. So với nơi đó, bảo tàng sáp Madame Tussaud chỉ như một ngôi trường ngày Chủ nhật. Những thứ rợn tóc gáy nhất ta từng thấy. Hoàn toàn phù hợp cho một bộ phim kinh dị. Thế có Chúa, thế nào ta cũng gặp ác mộng về nơi đó trong mấy tuần tới cho coi.

Ông Groanin cúi người bật cái đèn bên cạnh giường vì nghĩ nó sẽ giúp cải thiện không khí một chút, nhưng kết quả lại ngược lại.

Faustina hét lên thảm thiết:

– Tóc cháu! Chuyện gì xảy ra với tóc cháu vậy?

Philippa giải thích:

– Tụi em nghĩ, có lẽ vài du khách đã cắt vài lọn tóc làm kỉ niệm.

Chị đừng lo. Tóc mọc lại ngay ấy mà.

Lắc đầu, Faustina cắn môi nói:

– Nhưng nhìn chị trắng bệch sao sao ấy. Còn mấy cái quầng đen dưới mắt nữa chứ. Nhìn cứ y như ma cà rồng.

Philippa nhún vai bảo:

– Trời, chứ chị muốn sao. Chị đã không thấy ánh mặt trời suốt mười hai năm rồi còn gì. Ai trải qua những chuyện như vậy thể nào chẳng mang phong cách Gothic.

Faustina thừa nhận:

– Cũng đúng.

Faustina sử dụng ngón tay của Finlay để nhìn thử bên dưới cái chăn che cơ thể cô ở trên giường, và rồi lại hét lớn, khiến ông Groanin tuột tay làm rớt ly nước mà ông vừa tự rót cho bản thân để bình tĩnh lại sau cú sốc vừa rồi.

Faustina sửng sốt hỏi:

– Áo của cháu? Chuyện gì xảy ra với quần áo của cháu? Đừng nói là cháu bị trưng bày ở cái chỗ khủng khiếp đó mà không có mặc quần áo nha.

Cậu Nimrod cho biết:

– Cháu có mặc quần áo ở trong khu hầm mộ. Nhưng Philippa đã giúp cháu cởi chúng ra và quăng đi.

Philippa giải thích rõ:

– Quần áo của chị tàn tạ lắm. Vừa bụi bặm, vừa mục nát. Và bốc mùi nữa. Tụi em không thể để chị mặc đồ như thế. Không phải là trong một khách sạn như thế này.

– Vậy chị sẽ mặc gì đây?

– Cậu Nimrod và em đã mua cho chị vài bộ đồ ở các cửa hàng Venice. Em nghĩ hai cậu cháu mua đúng kích cỡ người chị. Chúng treo trong tủ áo ấy.

Finlay mở tủ áo ra và đưa tay vuốt dọc một dãy quần áo thời trang nhìn có vẻ đắt giá.

Hiện đã bình tĩnh lại, Faustina nói:

– Chúng đẹp lắm, Philippa. Chị chắc chúng sẽ vừa cả thôi. Cảm ơn em.

John vẫn còn cảm thấy được sự mắc cỡ của Faustina, thúc giục:

– Nè, nếu mọi người không phiền, chúng ta có thể bắt tay vào việc được không? Anh nghĩ, nên để cơ thể Finlay chỉ chứa hai người bọn anh càng sớm càng tốt. Chị Faustina ở trong đây cũng không được tiện cho lắm. Tội nghiệp Finlay, hai ngày nay cậu ấy chẳng được tắm tí nào. Cậu ấy không muốn. Không phải là ngay trước mặt chị Faustina.

Faustina nhăn mặt bảo:

– Vớ vẩn. Chị hơi đầu mà để ý mấy chuyện như thế.

Finlay nói với Faustina:

– Mới vừa rồi, chị chẳng để ý chuyện tụi em trông thấy cơ thể không quần áo của chị đấy thôi.

Faustina cãi lại:

– Chuyện đó khác.

Cậu Nimrod can thiệp:

– John nói đúng đó. Có lẽ tốt nhất chúng ta nên bắt tay vào việc. Rồi sau đó hai đứa có thể kể cho cậu nghe về anh Rakshasas. Và về gã “cương thi” của cháu, Faustina.



Faustina nói:

- Nghe cứ như cháu bịa chuyện về gã cương thi ấy vậy.

Cậu Nimrod bảo:

- Nhắc đến nghe, cháu có thật sự chắc chắn về cái từ mà cháu đã nghe được không? Ráng nhớ lại xem. Nó có thể rất quan trọng đó.

Faustina cho biết:

- Cháu nghe được nó trong cái hang động bọn chúng đang làm việc. Ở Trung Quốc. Có một gã đàn ông ở đó, khác hẳn với những người còn lại. Cháu không thể nói rõ gã là ai, ngoại trừ việc gã mặc một bộ áo giáp màu xanh lá.

Cậu Nimrod hỏi lại:

- Áo giáp màu xanh lá?

Faustina kể tiếp:

- Và chính gã ấy là người nói ra từ “cương thi” đó. Nhưng cái từ đó thật sự cũng có phần phù hợp, nếu tính đến cung cách hành động của những gã cương thi. Chú biết đó: cặp mắt trừng trừng như người chết, và di chuyển, cử động như thể bị thôi miên.

Cậu Nimrod cho biết:

- Từ tiếng Hán cho “cương thi” là một từ hoàn toàn khác. *Wui wan xi*.

Faustina nghiền ngẫm trong giây lát rồi lắc đầu bảo:

- Không phải từ đó.

Cậu Nimrod nói:

- Chỉ là, đó không phải là một từ chú nghĩ sẽ nghe thấy ở Trung Quốc. “Cương thi” vốn là phiên bản đọc chệch đi của từ *nzambi*,

nghĩa là “thần”, trong tiếng Bantu của Châu Phi.

Faustina nói cụ thể hơn:

– Có một âm “oong” hay “om” gì đó trong cái từ đó. Và một âm “i” ở cuối từ. Ít nhất cháu có thể chắc chắn về những chi tiết đó.

Cậu Nimrod ướm hỏi:

– Có thể nào, từ cháu nghe được là *Dong Xi* hay không?

Faustina chau mày hỏi:

– *Dong Xi* à?

Cô lặp lại từ đó vài lần, rồi gật đầu bảo:

– Vâng, cháu nghĩ có lẽ chính là nó.

Cậu Nimrod im lặng không nói gì.

Philippa vui vẻ nói:

– Dù sao chúng ta cũng giải quyết được bí ẩn đó rồi. Ít nhất giờ đây chúng ta đã biết được mình đang đối phó với cái gì.

Faustina thắc mắc:

– *Dong Xi* là gì mới được?

Ông Groanin nói ngắn gọn:

– Một chiến binh ma quỷ.

Philippa nói cụ thể hơn:

– Cũng na ná như một cương thi. Chỉ có điều, chúng tệ hơn. Tệ hơn rất nhiều.

Rồi cô kể cho Finlay, Faustina và John nghe về những thứ họ đã khám phá được tại Thư viện Attila. Cô kết luận:

– Hiện tại, tất cả những gì chúng ta phải làm là hiểu được cái đoạn “tìm kiếm xương của người vĩ đại mang tên Ma Ko” nghĩa là

gì.

Ông Groanin lầm bầm:

– Vậy thôi hả? Ta nói, chỉ vậy thôi hả?



## CHƯƠNG 16

### Thông minh hơn một bộ râu bình thường

Từ cặp táp, cậu Nimrod rút ra một ống tiêm nhỏ, bên trong chứa khoảng một muỗng cà phê máu. Finlay ngó nó với một ánh mắt không mấy thoải mái.

Faustina nói:

– Cháu hi vọng chú không định chích cháu một mũi. Cháu ghét kim chích lắm.

Đưa cho Finlay coi rõ hơn cái ống tiêm, cậu Nimrod bảo:

– Không, không. Cháu nhìn nè, không có kim tiêm. Ngoài ra, đây là máu. Chính xác là máu của mẹ cháu, Faustina. Nó sẽ bù đắp cho phần linh hồn bị mất của cháu khi gã bác sĩ Ấn Độ đó rút một mẫu máu thử nghiệm từ cơ thể ngài Thủ tướng Anh lúc đang bị cháu ám. Chú hi vọng, nó sẽ cho cháu thêm một ít màu sắc.

Liếc nhìn xung quanh một vòng, cậu Nimrod nói với ông Groanin:

– Groanin, anh vui lòng kéo mấy bức màn ra giùm nhé. Và mở cửa sổ ra. Chúng ta cần một ít ánh nắng mặt trời trong này.

Faustina thú nhận:

– Nói thật là, cháu vẫn không tin được mình lại làm điều đó. Ý

cháu là, việc chiếm dụng cơ thể Thủ tướng Anh ấy.

Ngồi xuống giường bên cạnh cơ thể của Faustina, cậu Nimrod nói:

– Cứ coi như đó là một phút nông nổi của tuổi trẻ đi. Dù sao, nó cũng không để lại hậu quả nghiêm trọng gì.

Faustina nhăn nhó:

– Chú nghĩ vậy à? Cháu đã bị từ chối khỏi chính cơ thể mình trong suốt mười hai năm đấy.

Cậu Nimrod bảo:

– Chú đang nói về phía ngài Thủ tướng. Sau vụ đó, ông ấy rất biết ơn chú. Đề nghị tấn phong hiệp sĩ cho chú. Dĩ nhiên là chú đã từ chối.

Tất cả mọi người đều tập trung vào trong phòng ngủ để xem chuyện gì sẽ xảy ra. Cậu Nimrod nhỏ một ít máu của bà Jenny Sachertorte vào miệng Faustina, rồi thoa một ít lên miệng và hai má cô, như cách người ta đánh phấn.

Cậu nói:

– Ước gì anh Rakshasas có ở đây. Chú chưa bao giờ trực tiếp làm chuyện này trước đây. Cách làm thì chú biết đấy, nhưng mà...

Cậu tiếp tục thoa một ít máu lên trán và vành tai của Faustina.

– Cơ bản mà nói, cháu chỉ cần một ít máu hỗ trợ thôi.

Rồi cậu đổ phần máu còn lại lên cổ Faustina, ở ngay phía trên xương đòn.

– Ý là một đất nước ấm áp, nên mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn nhiều, dĩ nhiên.

Khi thoa đến giọt máu cuối cùng, cậu Nimrod ngồi thẳng lưng

lại và, như tất cả mọi người ở đó, chờ đợi xem có chuyện gì xảy ra hay không. Có. Làn da Faustina phản ứng như thể máu của mẹ cô vừa đổ lên một tờ giấy thấm. Tất cả máu bị hấp thu vào da mà không để lại một dấu vết nào, và ngay lập tức trả lại cho Faustina màu da khỏe mạnh của một người bình thường. Philippa thở hắt ra một tiếng vì kinh ngạc, trong khi Finlay nhận xét với Faustina:

– Quái dị thật. Chị có chắc chị là djinn mà không phải ma cà rồng không vậy?

Faustina bảo:

– Cậu im miệng giùm chị.

Còn cậu Nimrod thì gật gù một cách hài lòng và nói:

– Ok, có vẻ như nó có hiệu quả.

Finlay hỏi:

– Thế tiếp theo là gì?

Cậu Nimrod cho biết:

– Bây giờ thì mọi chuyện chỉ còn trông cậy vào cháu, Faustina. Nếu anh Rakshasas nói đúng, cháu hiện đã có thể bước lại vào trong cơ thể mình mà không gặp trục trặc gì.

Faustina bảo:

– Ok. Cháu vào thử đây. Mọi người chúc cháu may mắn nhé.

John và Finlay cảm thấy Faustina trượt ra khỏi cơ thể của Finlay, và cả hai cùng thở dài nhẹ nhõm vì đã cảm thấy rộng chỗ hơn. Nhưng căn phòng khách sạn có nhiệt độ ấm áp, và không ai thấy được chuyện gì xảy ra tiếp theo. Faustina nằm xuống giường bên cạnh cơ thể cô, rồi lăn người vào trong nó. Trong một giây, cô đơn giản chỉ nằm yên một chỗ, tận hưởng cảm giác một lần nữa

được là chính mình. Mọi thứ đều có cảm giác y như cũ. Ngoại trừ việc đầu cô ngứa khủng khiếp. Cô cần phải gội đầu gấp. Cô cố nhấc tay lên để gãi đầu. Và không có gì xảy ra. Cô thử nói chuyện. Im lặng. Bắt đầu thấy hơi hoảng loạn, cô cố rời khỏi cơ thể để thử vào lại lần nữa xem sao, nhưng phát hiện ra cô không thể cử động. Trên thực tế, cô bị kẹt cứng một chỗ.

Ông Groanin là người lên tiếng đầu tiên:

– Ok, đáng lẽ đến giờ phải có chuyện gì đó xảy ra rồi chứ.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Đúng là phải thế.

Rồi đưa mắt nhìn Finlay, cậu hỏi:

– Cháu đã cảm thấy Faustina rời khỏi cơ thể, đúng không?

– Vâng ạ.

Cậu Nimrod chỉ đạo:

– John, cháu thử rời khỏi cơ thể Finlay và nhìn xung quanh xem sao. Phòng trường hợp cô bé ở bên ngoài mà chúng ta không thấy.

John biến mất khỏi cơ thể Finlay trong vài phút, và khi quay lại, cậu thông báo không thấy bóng dáng Faustina đâu. Cậu nói:

– Cháu đã thử gọi chị ấy vài lần. Nếu là một linh hồn, chị ấy phải nghe được tiếng cháu mới đúng.

Cậu Nimrod nói:

– Vậy thì chắc Faustina đã ở trong cơ thể. Cô bé đâu còn nơi nào khác để đi.

Cầm lên cây đèn bàn cạnh giường, cậu Nimrod đưa sát vào mắt Faustina, và trông thấy đồng tử của cô hơi hẹp lại một chút. Cậu nói:

– Đúng như cậu nghĩ. Faustina đã vào lại cơ thể. Chỉ có điều cô bé bị tê liệt không cử động được.

Rồi đứng dậy, cậu Nimrod chỉ thị:

– Groanin, anh bế Faustina ra ngoài sân nhé. Để cô bé lên cái ghế dài, ngay dưới ánh mặt trời. Nó sẽ giúp cô bé.

Ông Groanin choàng một cái chăn quanh người Faustina và bế cô ra khoảng sân thoáng mùi hoa nhài bên ngoài. Ở xa đâu đó, một tiếng chuông nhà thờ nặng nề vang lên, như thể đánh dấu sự thất bại trong kế hoạch của họ.

Cúi người xuống kiểm tra mắt của Faustina lần nữa, cậu Nimrod nói:

– Tôi nghĩ có lẽ Faustina nghe được những gì chúng ta nói. Chỉ là, sau chừng ấy năm, cô bé không cử động được các cơ bắp. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu nghĩ kĩ về điều đó. Anh Rakshasas cũng đã cảnh báo một chuyện như thế có thể xảy ra.

John lo lắng hỏi:

– Vậy giờ sao? Chúng ta phải làm gì?

Cậu Nimrod trả lời:

– Chúng ta cần thực hiện một cú sốc phản vệ. Một dạng điều trị trong đó cơ thể Faustina trải qua một phản xạ dị ứng mạnh trước một thứ tương đối vô hại.

Philippa hỏi:

– Ý cậu là, giống như bơ đậu phộng?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Kiểu kiểu như thế.

– Nhưng bằng cách nào mới được? Chị ấy đâu ăn được gì.



Cậu Nimrod móc bóp ra và đưa cho ông Groanin một tấm danh thiếp cùng một xấp tiền. Cậu hướng dẫn:

– Anh Groanin, tôi muốn anh quay lại chỗ chúng ta để xe, và lái xe đến Padua. Đi đến địa chỉ ghi trên tấm danh thiếp này và nói chuyện với một chủ trại nuôi heo địa phương có tên Cesare Medici. Đưa số tiền này cho ông ấy và bảo, ông ấy sẽ có nhiều tiền hơn nữa nếu đi cùng anh thẳng về đây. Nói với ông ấy chúng ta đang cần gấp sự hỗ trợ của những người bạn bé nhỏ của ông ấy. Ông ấy sẽ biết rõ anh muốn nói gì. Anh sẽ dễ dàng nhận ra ông ấy thôi. Ông ấy thường mang một bộ râu rất dài. À, nhắc mới nhớ, anh đừng lo lắng khi thấy ông ấy nhé. Ông ấy có hơi lập dị chút thôi.

Ông Groanin, ngay bây giờ đã thấy lo lắng, hỏi lại:

– Lập dị? Lập dị như thế nào? Định nghĩa của cậu về lập dị thường lập dị hơn nhiều so với định nghĩa của người thường về lập dị. Định nghĩa của cậu về lập dị thường là cái mà phần lớn mọi người gọi là “điên loạn, biến thái”.

John đề nghị:

– Hay để cháu đi chung với ông Groanin, được không? Ý cháu là, Finlay và cháu.

Ông Groanin mỉm cười:

– Cám ơn cháu, Finlay. Ý ta là, John. Hoặc bất cứ đứa nào.

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Cũng được. Cậu và Philippa sẽ đi tham quan đôi chút trong khi chờ đợi mọi người quay lại vậy. Padua cách đây không xa lắm. Cả đi và về chỉ tốn chừng hai, ba tiếng đồng hồ gì đó thôi. À, phải. Hãy chắc mọi người có lấy ít mật ong đặc biệt nhé. Mật ong đặc biệt của Cesare Medici tuyệt nhất trên thế giới đấy.

\* \* \*

Từ khách sạn, ông Groanin và Finlay bắt một chiếc thuyền quay lại bãi đậu xe ở phía đông thành phố, rồi sau đó lái xe về phía nam để đến Padua, thị trấn trung cổ lâu đời nhất của nước Ý, đồng thời cũng là bối cảnh cho một trong những vở kịch ít hài nhất của Shakespeare. Như cậu Nimrod đã dự đoán, họ chỉ tốn chừng một giờ đồng hồ để lái xe đến nơi và tìm được trại nuôi heo của Cesare Medici.

Trên đường chạy xe đến trang trại, ông Groanin hạ thấp kính cửa xe và ngửi ngửi không khí với vẻ ngỡ vực. Ông nhận xét:

– Phải nói là, nơi này có mùi không giống một trại heo cho lắm.

Trông thấy một tấm biển gắn ở cổng, trên đề PROFUMO VEITATO/CẤM NƯỚC HOA, ông lầm bầm:

– Sao lại có người cấm xài nước hoa ở một trại nuôi heo nhỉ? Heo bốc mùi lắm mà.

John gợi ý:

– Có thể bởi vì nước hoa làm heo cảm thấy khó chịu chẳng? Có lẽ ông nên ở lại trong xe khi chúng ta đến đó.

Ông Groanin gạt đi:

– Nếu ta có xức nước hoa, ta có lẽ sẽ đồng ý với cháu. Nhưng ta không có. Ta đang dùng Viola del Pensiero. Một loại nước cạo râu dành cho quý ông khá đắt tiền. Ta đã mua nó tại một cửa hàng miễn thuế ở Venice.

John thắc mắc:

– Nước cạo râu cũng coi như nước hoa cho đàn ông, không phải

sao?

Ông Groanin nghiêm giọng bảo:

– Không phải. Cháu nghĩ ta là người như thế nào mà lại xài nước hoa chứ?

Finlay cho biết:

– Dù sao thì, không phải bản thân mấy con heo bốc mùi. Đó là do thức ăn của chúng. Cháu đã đọc về điều đó trước đây.

John phàn nàn:

– Tớ chẳng nghĩ được gì ngoại trừ mùi nước cạo râu của ông Groanin.

Finlay đồng ý:

– Nó khá nồng, đúng không?

Ông Groanin cần nhắc:

– Để yên cho nước cạo râu của ta. Ta nói, hai đứa có thể để yên không bàn tán gì về nước cạo râu của ta, được không?

Ông Groanin ngừng xe trong sân trại và đưa mắt nhìn xung quanh. Một cô bé chừng sáu tuổi bước ra khỏi nhà và nhìn họ với vẻ mặt tò mò. Cố gắng mở một nụ cười khoe răng thân thiện nhất có thể, ông Groanin, với một thứ tiếng Ý trong chất giọng Manchester khó nghe, hỏi thăm:

– Signor Medici, *per favore*?<sup>[16]</sup>

Cô bé đến gần họ và chỉ tay về phía một vườn đào. Ông Groanin cảm ơn:

– *Grazie*<sup>[17]</sup>.

Bắt đầu bước về hướng được chỉ cùng Finlay, ông Groanin nói:

– Mọi thứ đến giờ có vẻ ổn. Cô bé đó không có vẻ gì lập dị. Hay

nơi này. Một nơi khá được, đúng không? Ngửi mùi hoa đào mà xem.

Finlay và John đồng ý với ông. Nơi này thật sự có vẻ giống một vùng thôn quê yên bình. Chim hót ríu rít, ong kêu vo vo, cùng tiếng chuông nhà thờ văng vẳng ở xa. Đó là nước Ý trong lúc đẹp nhất. Ở phía cuối vườn đào, họ trông thấy một người đàn ông với một bộ râu màu nâu khổng lồ. Họ vẫy tay với ông, nhưng ông không vẫy chào trở lại. Nhưng, rất chậm và rất cứng ngắc, ông bắt đầu đi về phía họ, như thể có một điều gì đó không ổn với cái lưng của ông.

Ông Groanin nhận xét:

– Hai đứa biết gì không? Nimrod nói đúng. Nói về Rumpelstiltskin<sup>[18]</sup>. Signor Medici đúng là có một bộ râu vĩ đại. Có thể giấu cả một tiểu đoàn ở trong đó chứ chả chơi.

Khi họ đến gần người đàn ông, Finlay ngập ngừng nói:

– Có thể chỉ là tưởng tượng của cháu, nhưng mà, hình như bộ râu của ông ấy đang *mọc dài ra* thì phải.

Và ngay khi Finlay đang nói, bộ râu màu nâu dày cộm của Signor Medici có vẻ như mọc dài thêm ít nhất là hơn một tấc, từ độ dài ngang ngực ban đầu xuống tới qua rốn.

John nói:

– Không phải mọc dài ra. Mà là nó đang chuyển động.

Finlay tiếp lời:

– Và đó cũng không phải râu gì. Ít nhất, đó không phải một bộ râu bình thường. Thứ trên mặt và ngực ông ấy là ong. Ong mật.

Mỉm cười gượng gạo với người đàn ông giờ đang đứng ngay trước mặt họ, cậu chào:

– Chào ông. Signor Medici?

Signor Medici, một người khó có thể miêu tả nếu không tính đến cái mũ bờm xờm và những con ong của ông, trả lời lại bằng tiếng Anh:

– Đúng. Tôi có thể giúp gì cho mọi người?

Không khí giờ đã trở nên ồn ào với tiếng vo ve lớn của những con ong. Ông Groanin quay lưng lại định rời đi, và nhận ra chung quanh họ toàn là tổ ong. Cả khu vườn đầy nhóc ong mật.

Signor Medici khuyên:

– Đừng, nếu là tôi, tôi sẽ không thành linh cử động đâu, quý ông người Anh ạ.

Ngay khi đang nói, bộ râu của ông đã thu nhỏ lại dần dần, vì những con ong bắt đầu bay qua đậu trên vai ông Groanin.

– Trên thực tế, tốt nhất anh nên giữ người bất động và đừng hoảng loạn. Chúng sẽ không làm hại anh nếu anh giữ bình tĩnh, ok?

Ông Groanin nhắm nghiền mắt lại khi một bầy ong chừng năm chục ngàn con hạ cánh xuống quanh cái cằm đôi và cái cổ to bự của ông. Thổi phù một con ong ra khỏi miệng, ông lầm bầm:

– Khỉ thật. Giúp tôi với.

Signor Medici khuyên tiếp:

– Và nếu là anh, tôi cũng sẽ không nói chuyện. Phòng trường hợp chúng chui vào miệng và anh nuốt phải một con. Những cú chích bên trong luôn tệ nhất. Chắc là anh đang dùng một loại nước cạo râu nào đó, đúng không?

Finlay trả lời thay:

– Sao ông biết? Ông Groanin xúc nước cạo râu khắp người. Nếu

cháu không lầm, thì ông ấy bảo đó là Viola del Pensiero gì gì đó.

Signor Medici nói:

– Ra là vậy. Anh ấy không thấy tấm bảng cảnh báo trên cổng à?  
Tấm bảng đề PROFUMO VEITATO/CẤM NƯỚC HOA.

– Ông Groanin nghĩ, ông chỉ nói về nước hoa dành cho phụ nữ thôi.

Vừa trả lời, Finlay vừa cố lờ đi một con ong đơn lẻ đang bò trên tóc cậu. Cậu chỉ có thể tưởng tượng được ông Groanin nghĩ gì khi bị ong bao phủ khắp người như thế này. Ông Groanin rên rỉ không thành tiếng khi Signor Medici ngửi thử không khí xung quanh.

Finlay hỏi:

– Ông có thể giúp ông ấy được không, Signor Medici?

Cười khùng khục, Signor Medici bảo cậu:

– Bạn của cháu, anh ấy có mùi y như hoa đào. Đó là thứ những người bạn nhỏ bé của ta thích. Mùi hoa đào.

Tiếng cười trở thành một cái nhún vai.

– Bạn của cháu sẽ ổn cả thôi, nếu như anh ấy không cử động đột ngột. Loài ong không thích những cử động đột ngột. Nhưng không sao, ta có thể giúp anh ấy một tay.

Giờ đây, khi những con ong đã rời khỏi mặt của Signor Medici, Finlay và John có thể thấy được ông có một khuôn mặt nhẵn nhụi và hoàn toàn không có vết ong chích nào. Một người đàn ông nhỏ con mắt xanh, với khuôn mặt tròn trịa như một nhân vật hoạt hình của hãng Warner Brothers. Ông đi tới một cái tủ ong và lấy ra một cái khuôn chứa đựng cả một tảng ong. Ông đặt nó vào trong một thùng các-tông lớn, rồi để cái thùng phía trước mặt ông Groanin.

Sau đó, sử dụng hai bàn tay, Signor Medici bắt đầu nhẹ nhàng gạt những con ong vào trong thùng, và dần dần, ông Groanin mất đi bộ râu kêu vo vo của mình.

Ông Groanin nói:

– Cám ơn Chúa. Tôi cứ nghĩ mình thành bánh nướng rồi. Tôi nói, tôi cứ nghĩ mình thành bánh nướng chắc rồi.

Finlay đùa:

– Vậy thì chúng ta sẽ có bánh nướng và mật ong.

Ông Groanin giận dữ nói:

– Cứ cười đi, cậu nhóc. Nhưng không hài hước gì khi cháu là người có cả một bầy ong trên người. Ta cứ nghĩ, ta chết chắc rồi.

Signor Medici nói:

– Những người bạn nhỏ của tôi, chúng thích mùi nước hoa của anh. Đó là lí do tại sao tôi phải gắn bảng cảnh báo ngoài cổng. Anh không đọc được tiếng Anh à?

John nghĩ thầm: *Ra đây là những người bạn nhỏ mà cậu Nimrod nhắc tới. Ong. Nhưng ong giúp được gì cho chị Faustina nhỉ? Trừ khi cậu Nimrod muốn nói...*

Ông Groanin khẳng khẳng bảo:

– Không có gì không ổn với tiếng Anh của tôi cả. Thứ nhất, tôi là người Anh một trăm phần trăm, như bánh mì và bơ. Và thứ hai, thứ tôi đang dùng không phải là nước hoa.

Lau mồ hôi khỏi cái đầu to lớn của ông bằng khăn mùi soa, ông Groanin nói tiếp:

– Bây giờ thì không còn nữa. Đây là mồ hôi của sự kinh hoàng tột độ, Signor Medici.

Signor Medici hỏi:

- Rốt cuộc thì có chuyện gì mà mọi người đến đây vậy?

Finlay trả lời:

- Tụi cháu đến đây tìm kiếm sự giúp đỡ. Bạn của tụi cháu ở Venice đang cần gấp một cú sốc miễn cảm. Tụi cháu nghe nói những người bạn nhỏ của ông có thể giúp.

Ông Groanin hỏi Finlay:

- Ý cháu là, thứ mà chúng ta đang tìm kiếm là ong hả?

Signor Medici nói:

- *Sì, sì*<sup>[19]</sup>. Không chỉ là một người nuôi ong, tôi còn là một chuyên gia trị liệu bằng ong có bằng cấp hàng hoàng. Nọc độc của loài ong có ích cho tất cả các chứng bệnh: lưu thông máu không đều, viêm khớp, hen suyễn, da liễu, trầm cảm.

Ông Groanin hỏi lại:

- Trầm cảm? Ong thì giúp được gì cho chứng bệnh đó chứ?

Signor Medici cho biết:

- Nếu bị chích vài lần, anh sẽ không còn thời gian suy nghĩ về những vấn đề khác nữa. Anh có mang tiền theo không đấy?

Ông Groanin đưa cho ông ấy xấp tiền mặt. Người đàn ông Ý đếm tiền và gật đầu nói:

- Ok. Tôi sẽ tìm vài người bạn nhỏ, cho chúng vào hộp, sau đó chúng ta có thể khởi hành.

Finlay hỏi:

- Tụi cháu có thể lấy một ít mật ong đặc biệt được không ạ?
- Mật ong đặc biệt? Cháu biết gì về mật ong đặc biệt của ta?



Finlay nói:

– Không ạ. Chỉ là tụi cháu được dặn chắc chắn phải mua một ít thôi ạ.

Signor Medici đếm lại tiền lần nữa, rồi bảo:

– Ok. Chỗ này cũng đủ tiền. Ta sẽ cho cháu một ít mật ong đặc biệt.

Ông Groanin thắc mắc:

– Nó đặc biệt như thế nào mới được?

Signor Medici bật cười:

– Tôi sẽ nói cho anh trên đường đi.



## CHƯƠNG 17

### **Bồng bênh như bướm bay...**

Trong khi ông Groanin, Finlay và John bận đi Padua, cậu Nimrod và Philippa ghé thăm Piazza San Marco, vốn là khu vực công cộng lớn nhất ở Venice – một quảng trường với một giáo đường nổi tiếng, một cung điện, một tháp chuông cao vút bằng gạch mộc, nhiều quán cà phê, ban nhạc biểu diễn ngoài trời, hàng trăm con bồ câu mập mạp, cùng hàng ngàn du khách.

Philippa hỏi cậu Nimrod:

– Để chị Faustina ở đó ổn không cậu? Nằm ngoài sân như vậy?

Cậu Nimrod nói:

– Nếu phục vụ phòng có vào, họ cũng chỉ nghĩ Faustina đang tắm nắng thôi. Dù gì thì, sau mười hai năm trời ở trong nhà, ánh mặt trời nóng ấm sẽ có lợi cho cô bé. Chỉ có mundane mới bị cháy nắng.

Mua một cuốn sách hướng dẫn du lịch và đưa cho Philippa, cậu nói:

– Đây. Để cháu biết được đang đi đâu, thấy gì.

Cô hỏi:

– Cậu không đi cùng cháu à?

Cậu Nimrod từ chối thẳng thừng:

– Ô không. Thứ nhất là, cậu đã tham quan hết nơi này đến mấy lần rồi. Và thứ hai, cậu muốn có một ít thời gian suy nghĩ kĩ lưỡng mọi chuyện.

Cậu ngồi xuống bên ngoài quán Caffè Florian và gọi một bữa ăn xế. Philippa không thích những bữa ăn xế cho lắm. Cho nên, cưỡng lại thôi không nói thẳng với cậu Nimrod là cậu hơi bị khoa trương quá, Philippa làm như cậu Nimrod bảo, cho dù chẳng bao lâu sau cô xém nữa ước mình đừng làm vậy. Trên thực tế, chẳng bao lâu sau, cô xém nữa đã ước mình ở một nơi nào khác chứ không phải Piazza San Marco. Cái nóng không làm cô thấy phiền. Djinn chẳng bao giờ phiền lòng với nhiệt độ cao. Nhưng số lượng người quá nhiều làm cô có hơi bực mình, vì có vẻ như tất cả mọi người đều có ý định muốn xem cùng một thứ mà cô muốn xem. Cô đã phải xếp hàng thật lâu để tham quan điện Doge's Palace, và thậm chí còn chờ lâu hơn nữa để lên được cái tháp chuông.

Cô chưa bao giờ thấy quá nhiều du khách, từ vô số quốc gia khác nhau như thế này. Cô đã bắt đầu hiểu được lí do tại sao cậu Nimrod không hứng thú đi tham quan cái gì mà chỉ muốn ngồi bên ngoài một quán cà phê nào đó để uống trà và nghĩ ngợi. Thậm chí từ đỉnh tháp cao gần một trăm mét, Philippa vẫn có thể dễ dàng thấy được cậu Nimrod trong bộ vét đỏ. Với một nụ cười trên môi, cô nghĩ, cậu Nimrod có lẽ là người dễ dàng nhận ra nhất trên khắp Venice.

Hàng người xếp hàng chờ bên ngoài Giáo đường Thánh Mark đặc biệt dài, và Philippa tình cờ đứng lẫn trong một đoàn du khách cao tuổi người Trung Quốc khá đông. Họ rất thân thiện và lịch sự,

và cô nhanh chóng tự trách bản thân vì đã từng ước cho tất cả mọi người biến hết đi. Tuy nhiên, chỉ có vài người trong đó biết chút ít tiếng Anh, và nếu còn sức mạnh djinn, thế nào Philippa cũng ước gì mình biết tiếng Trung để có thể nói một điều gì đó tốt đẹp với họ, trong khi rục rịch di chuyển từng bước một từ mặt trước đến lối vào ở bên hông tòa giáo đường cổ kính đầy tính lịch sử vĩ đại.

Sau một lúc, đầu óc cô dần lang thang qua những chuyện khác, và cô bắt đầu nghĩ về mẹ mình, tự hỏi bà hiện tại thế nào, và hi vọng Faustina sẽ hồi phục kịp thời để còn đến Babylon tiếp nhận chức vị Djinn Xanh đời tiếp theo. Bà Trump cũng ở trong những suy nghĩ của cô; thật đáng lo khi đến giờ bà vẫn hôn mê chưa tỉnh. Và điều làm cô lo lắng nhất có lẽ là sự biến mất của ông Rakshasas. Liệu có phải, giống như John nghĩ, ông đã chết? Cô không dám hỏi cậu Nimrod nghĩ gì. Và cô cho rằng có lẽ đó là điều cậu đang suy nghĩ: về ông Rakshasas, và về những chiến binh ma quỷ. Nhiều khả năng cậu đang cố tìm ra chân tướng của nhân vật Ma Ko bí ẩn được nhắc tới trong cuốn *Bích Thư* của Hoàng đế.

Và đó là khi cô nghe được cái tên đó.

Không phải một, mà là đến vài lần. Với đầu óc thành linh quay trở về thực tại trong một buổi trưa nóng bức, xém nữa cô tự nhéo mình một cái để chắc chắn không phải đang nằm mơ thấy một trong những du khách Trung Quốc đang nhắc đến từ “Ma Ko”. Thay vào đó, cô gõ nhẹ vào vai người đàn ông Trung Quốc đứng ngay trước mặt và mỉm cười với ông. Ông cúi chào lại cô một cách lịch sự.

– Ma Ko?

Cô nói, và nhún vai, cố gắng biểu đạt ý cô không biết nó là gì.

Ông cười rạng rỡ và lặp lại:

– Ma Ko.

Lần này, cô quăng hai tay lên trời và hỏi rõ:

– Ma Ko? Đó là gì vậy?

Chỉ tay về phía giáo đường, người đàn ông Trung Quốc nói:

– Ma Ko.

– Ma Ko là gì mới được? Giáo đường?

Lại thêm nhiều cú chỉ trở nữa cùng câu khẳng định:

– Ma Ko.

Philippa lắc đầu. Cuốn sách hướng dẫn du lịch của người đàn ông Trung Quốc cũng giống y chang cuốn sách của Philippa, ngoại trừ việc cuốn của cô viết bằng tiếng Anh. Cầm lấy cuốn sách của cô, ông lật đến một trang mô tả về Giáo đường Thánh Mark, và chỉ tay vào một bức tranh khảm của Thánh Mark.

Ông lặp lại:

– Ma Ko.

Philippa hỏi:

– Ý ông là, Mark? Thánh Mark?

Người đàn ông Trung Quốc gật đầu:

– Ma Ko.

Một người đàn ông Trung Quốc khác bị đẩy lùi lại trong hàng chờ về phía cô. Toàn răng và kính, ông mang trên mặt một nụ cười thật to. Có vẻ như ông có thể nói chút ít tiếng Anh.

Ông giải thích:

– Ma Ko. Đó là cách chúng tôi phát âm từ “Mark” trong tiếng

Hoa. Ma Ko, hoặc đôi lúc là Mah Ko, tùy thuộc vào địa phương.

Philippa cảm ơn ông đến vài lần để ông không nghĩ cô là người khiếm nhã. Rồi cô chạy vụt đi tìm cậu Nimrod.

Cô tìm thấy cậu Nimrod ở chỗ cũ, mắt nhắm nghiền, khuôn mặt thông minh đầy vẻ tò mò của cậu với cái mũi hơi khoắn đang hơi nhếch về phía mặt trời như một cái đĩa vệ tinh. Trên bàn là phần còn lại của một đĩa bánh sandwich, bánh nướng, bánh ngọt và vài ấm trà. Kéo một cái ghế ra và xua đi một con bồ câu với cái khăn chùi miệng của cậu Nimrod, Philippa ngồi xuống, ăn ít bánh ngọt, và nhìn cậu đắm đắm trong khi cố kiềm chế cảm giác thắng lợi đang nhảy múa trong lòng.

Cô hỏi:

– Suy nghĩ của cậu đi đến đâu rồi?

Chậm rãi mở mắt ra như thể vừa ngủ dậy, cậu Nimrod nói:

– Cậu đang nghĩ về anh Rakshasas, tội nghiệp. Bị hấp thụ vào cái tuổi của anh ấy. Đó là điều đáng lo nhất.

Thở dài một tiếng, cậu nhấp chút trà và hỏi:

– Chuyện gì với cháu thế? Trông cháu như thể vừa tìm thấy ngọc trai trong một con hàu ấy.

Cô mỉm cười:

– Chính xác. Nói vui vẻ thì là như vậy đó. Ma Ko. Cháu biết đó là ai. Cậu đang nhìn ông ấy đấy.

Cậu Nimrod tiếp tục suy nghĩ trong mấy giây. Rồi cậu dùng lòng bàn tay vỗ trán cái bốp. Âm thanh đó lớn như thể ai đó đã cho cậu một cái tát trong cơn giận dữ, và một cặp tình nhân đang dùng sâm panh ở cái bàn kế bên ném cho Philippa một ánh mắt kì lạ, như thể

họ nghi ngờ cô làm việc đó.

Cậu Nimrod lầm bầm:

– Dĩ nhiên. Thánh Mark. Sao cậu có thể ngó ngán đến mức đó chứ? Cậu – Tổng chỉ huy của Hội Hiệp sĩ dòng Thánh Mark. Ôi đèn ời! Mà sao cháu đoán được vậy?

Philippa kể cho cậu nghe về những khách du lịch người Trung Quốc xếp hàng cùng cô bên ngoài giáo đường, và về việc cô nghe được họ nói chuyện về Ma Ko.

Tặc lưỡi khó chịu với chính mình, cậu Nimrod thú nhận:

– Cậu e là, chuyện xảy ra với anh Rakshasas đã hủy hoại khả năng tập trung của cậu rồi.

Philippa cho biết:

– Dựa theo cuốn sách hướng dẫn du lịch của cháu thì, giáo đường kia chính là nơi cất giữ xương cốt của Thánh Mark.

Cậu Nimrod gật đầu:

– Đúng là trong sách viết thế.

Chỉ vào một bức hình trong sách, Philippa nói:

– Chắc chắn đó là những cái xương được nhắc đến trong cuốn *Bích Thư*. Cậu nhìn nè. Đây là quan tài nơi ông ấy được chôn cất.

Cậu Nimrod nhìn bức hình với vẻ ngờ vực.

Philippa hỏi:

– Sao ạ? Bộ cuốn sách không đúng sao?

Cậu Nimrod bảo:

– Ô, nó đúng, chừng nào đó là điều nó xác nhận. Nhưng nhiều người, trong đó có cậu, lại nghĩ rằng, xác chết của Thánh Mark đã bị thiêu rụi trong trận hỏa hoạn khủng khiếp năm 976. Nó đã được

xác nhận mất tích vào năm 1094, khi chính quyền Venice tiến hành một cuộc tìm kiếm. Vài tháng sau đó, một trận động đất nhỏ xảy ra, và người ta đồn rằng, xác chết của Thánh Mark đã được phát hiện một cách kì diệu.

– Kì diệu?

Cậu Nimrod nhún vai nói tiếp:

– Nói là thuận tiện thì đúng hơn. Cháu không nghĩ vậy sao?

– Nghĩa là mấy cái xương không có ở đó? Cậu muốn nói vậy, đúng không?

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Không, có lẽ chúng thật sự ở đó. Ở đâu đó. Chỉ là, không phải ở trong cái quan tài đá bên dưới bàn lễ thánh thể. Giả thuyết của cậu là, nhiều khả năng chúng nằm lẫn đâu đó trong phòng thánh tích của nhà thờ. Đó là nơi tất cả các di vật đạo giáo được lưu trữ. Xương, răng, tóc, mảnh gỗ, máu, vân vân. Người ta thường cho rằng tất cả các thứ hằm bà lằng đó không thuộc về vị thánh này sẽ thuộc về vị thánh khác. Thánh tích rất được coi trọng thời Trung cổ. Và phòng thánh tích của Giáo đường Thánh Mark là một trong những nơi trữ thánh tích lớn và lâu đời nhất trên thế giới. Cậu đoán là, nếu những cái xương đó có tồn tại, ta sớm muộn gì cũng tìm thấy chúng ở đó thôi. Nếu hoàng đế Nguyên Thành Tông và cuốn *Bích Thư* nói đúng, chúng ta sẽ cần chúng khi đến Trung Quốc.

Philippa hỏi lại:

– Chúng ta sẽ đến Trung Quốc à?

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Ngay khi đã giúp được Faustina. Cậu cũng nghĩ cô bé đó nói



đúng, rằng một chuyện kì lạ nào đó đang xảy ra trong linh giới.  
Một chuyện mà chúng ta cần tìm hiểu kĩ hơn.

\* \* \*

Signor Medici cho biết:

- Bí quyết ở đây là để ong chích mà không để nó chết.

Cậu Nimrod hỏi:

- Có thể làm vậy à?

Signor Medici gật đầu:

- Nếu anh biết mình đang làm gì.

Cậu Nimrod nói:

- Xin lỗi cháu nhé, Faustina. Nhưng chú làm vậy cũng vì muốn tốt cho cháu thôi.

Signor Medici nói trước:

- Tôi chưa bao giờ thực sự hồi sinh ai bằng cách cho ong chích. Đây là lần đầu tiên.

Và giữ một trong những “người bạn nhỏ” của ông bằng một cái cặp nhíp, Cesare Medici ngồi xuống cái ghế dài nơi cơ thể bất động của Faustina đang nằm phơi nắng và hỏi:

- Thế anh muốn cho ong chích cô bé ở chỗ nào? Trên lưng? Trên vai? Vui lòng chỉ định chỗ giùm.

Cậu Nimrod nói:

- Trên dái tai. Anh Rakshasas đã nói với tôi như thế.

Che mắt lại, ông Groanin bảo:

– Ôi, ta nói, tôi không biết có nên nhìn hay không.

Signor Medici hỏi lại cho chắc:

– Trên dái tai à?

Cậu Nimrod gật đầu.

Signor Medici mỉm cười và nói một từ gì đó bằng tiếng Ý – Philippa nghĩ đó là tiếng Ý của từ “dái tai”. Và vẫn giữ ngay đầu con ong bằng cái cặp nhíp, ông gõ gõ ngực nó vài cái, đủ để làm nó nổi giận muốn chích người. Con ong làm nhiệm vụ của nó, chích Faustina gần như ngay lập tức, và chẳng mấy chốc, một vết đỏ hoét hiện lên trên dái tai của cô.

Cấn môi, Philippa thốt lên:

– Ôi.

Cô nhìn thấy người Faustina giật lên một cái, rồi sau đó lại bất động.

Cậu Nimrod nói:

– *Hai con ong hay không. Đó là câu hỏi.*<sup>[20]</sup> Tôi nghĩ nên làm một lần nữa, Signor Medici. Lần này là ở dái tai bên kia.

Người đàn ông Ý gật đầu và gấp ra một con ong khác khỏi cái hộp dụng cụ nhỏ nhỏ mà ông mang theo từ Padua. Philippa quan sát khi ông chuẩn bị công việc của mình với cái cặp nhíp: mỗi con ong sống riêng biệt trong một ngăn nhỏ đầy kính phía trên, với thức ăn là vài giọt mật ong. Giống như những tù nhân nhỏ bé.

Cú chích thứ hai tạo ra một cú giật dữ dội hơn ở đầu của Faustina, như thể ai đó vừa truyền một luồng điện mạnh qua người cô. Như một con ếch trong một thí nghiệm sinh học ở trường. Đó là điều Philippa nghĩ. Cô luôn ghét phần học đó.

Philippa lại thốt lên, lần này lớn hơn:

– Ồi.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi tin tưởng là chúng ta gần được rồi. Một lần nữa sẽ xong. Lần này, ở đằng sau người. Mà khoan, có lẽ không. Tôi nghĩ là nên ở trong cổ tay, Signor Medici.

Philippa đắn đo nói:

– Cháu không biết sao cậu có thể đùa giỡn chuyện như vậy, cậu Nimrod. Nhìn đau chết được.

Signor Medici bảo:

– Ok. Lần này tôi sẽ dùng con ong đặc biệt của tôi. Nó là một con ong cứng đầu. Rất nóng tính. Thật sự có vấn đề về thái độ. Không ngọt ngào và thân thiện như những con ong khác của tôi. Nó thậm chí còn không thích mật ong. Nó không thích bất cứ thứ gì. Đó là lí do tại sao tôi phải giữ nó ở một cái hộp riêng. Tôi gọi nó là Silvio.

Rồi từ một cái hộp khác, ông gấp ra một con ong khác to hơn hai con ong trước đó, với tiếng kêu vo vo nghe như tiếng một cái cửa máy cỡ nhỏ.

Nhìn chăm chú vào con ong, Philippa nhăn mặt khi Signor Medici giữ nó ở trên cổ tay Faustina, rồi hững hờ búng nhẹ nó. Con ong vo vo một cách giận dữ, cong bụng xuống, chống thẳng người vào lớp thịt trên cặp chân sau, và rồi đâm thẳng cái kim của nó vào cổ tay Faustina bằng tất cả sức mạnh, truyền vào trong người cô một lượng nọc ong đáng kể.

– Ui da!

Faustina hét lên một tiếng lớn, chộp lấy cổ tay rồi đến lỗ tai với cả hai tay, và vô tình gạt rớt cái cặp nhíp khỏi tay Signor Medici. Silvio, con ong khó tính, giờ đây đã thoát khỏi sự kiểm soát của chủ nó, đập lên cẳng tay của Faustina và chích cô một lần nữa. Rồi lại thêm một lần nữa.

– Ui da!

Faustina nhảy bật dậy khỏi cái ghế dài, lồm cồm leo lên cái ban công cao và, trông thấy con ong lại đuổi theo cô lần thứ tư, bung người nhảy khỏi khách sạn và lao thẳng xuống dòng kênh Grand bằng một cú nhảy cầu tao nhã.

Cậu Nimrod và Philippa chạy đến gờ ban công và nhìn xuống vừa kịp lúc để thấy Faustina nhô đầu lên khỏi mặt nước và bơi về phía bờ kênh. Một đám đông nho nhỏ đã tụ tập lại nhìn cô. Và với Philippa, số người hiếu kì có vẻ đang tăng lên một cách nhanh chóng. Chộp lấy một cái áo choàng trong phòng tắm, cô chạy vụt ra khỏi cửa và xuống lầu, sẵn sàng để giải cứu Faustina khỏi sự xấu hổ. Cậu Nimrod bật cười.

Cậu bảo:

– Có kết quả, Signor Medici. Nhiệm vụ hoàn thành. Làm tốt lắm. Tốt lắm.

Liếc nhìn xung quanh, Signor Medici nhún vai và nói không mấy vui vẻ:

– Tôi mất con ong giỏi nhất của mình rồi.

Đưa cho ông một xấp giấy bạc nữa, cậu Nimrod nói:

– Đây. Để anh mua cả một tổ ong mới.



## CHƯƠNG 18

### Đau như ong chích

Faustina bước về khách sạn cùng với Philippa. Cô không quan tâm lắm đến việc cô xuất hiện trong kênh Grand có tác động nhạy cảm như thế nào đến các *gondolier* – những người chèo thuyền đáy bằng nổi tiếng của Venice – cũng như biệt danh họ mới đặt cho cô: “*la sirena americana*”, hay “mỹ nhân ngư nước Mỹ”. Tất cả những gì cô quan tâm là cô đã ở trong cơ thể mình một lần nữa, và mọi thứ đều tuyệt vời như không thể tuyệt vời hơn. Cô cảm thấy hạnh phúc muốn điên lên được. Ngay cả cú nhảy cầu xuống kênh Grand cũng trở nên dễ chịu – đặc biệt là khi nó giúp giảm bớt sự đau nhức của năm vết ong chích. Còn tuyệt vời hơn nữa khi cô nhận ra sức mạnh djinn đã quay lại cơ thể. Nội việc cảm nhận được ánh nắng thành Venice nóng bỏng chiếu rọi trên mặt đã nói cho cô điều đó.

Họ đang đi về phía thang máy thì Faustina nghe được một giọng nói mà cô nhận ra.

– Faustina?

– Mẹ?

Jenny Sachertorte ôm choàng lấy đứa con gái mười hai năm không gặp và cố kiềm dòng nước mắt. Faustina vươn tay ôm lại mẹ, không quan tâm mấy đến việc cô có làm mẹ ướt hay không. Cô

hạnh phúc khi gặp lại bà.

- Mẹ, mẹ đang làm gì ở đây vậy?
- Con nghĩ mẹ có thể cách xa con gái mẹ được sao?

Faustina nói:

- Xin lỗi vì đã giận dỗi với mẹ.

Jenny Sachertorte bảo:

- Mẹ biết. Mẹ cũng có lỗi.
- Đó không phải là lỗi của mẹ. Chuyện với Dybbuk. Giờ con đã hiểu. Đó không phải là lỗi của mẹ. Con xin lỗi vì đã trách cứ mẹ. Con xin lỗi về những chuyện con đã làm với Thủ tướng Anh.

- Chúng ta hãy nói về chuyện đó sau nhé.

Faustina thắc mắc:

- Nhưng sao mẹ biết con đang ở đây?

Bác sĩ Sachertorte bảo:

- Nimrod nói cho mẹ, dĩ nhiên. Vừa biết tin đã tìm thấy linh hồn của con, anh ấy đã gọi điện thoại ngay cho mẹ. Ban đầu, mẹ thật sự không dám đến đây, vì sợ nó không thành công. Ý mẹ là, lỡ con không thể quay lại cơ thể thì sao. Nhưng rồi mẹ nhận ra, mẹ phải đến đây, dù kết quả có như thế nào đi nữa.

Faustina cười, nói:

- Xém nữa không thành công đó mẹ. Khi vào lại cơ thể, con bị kẹt cứng một chỗ. Con không thể nhúc nhích được lấy một cái. Con có thể nghe và thấy những gì xảy ra xung quanh, nhưng con bị tê liệt hoàn toàn. Nếu không có sự giúp đỡ của vài con ong, chắc con giờ vẫn vậy.

- Ong?

Bên trong thang máy, Faustina và Philippa giải thích cho bà nghe về Signor Medici và phương pháp trị liệu bằng ong của ông.

Bác sĩ Sachertorte bảo:

– Chưa bao giờ mẹ nghĩ sẽ có ngày mẹ mừng rỡ khi nghe con gái mẹ bị ong chích.

– Con cũng vậy.

Faustina cười phá lên, rồi lại ôm chặt mẹ một lần nữa.

Trong dãy phòng của cậu Nimrod, họ thấy cậu đang uống sâm-panh mừng Faustina tìm lại được cơ thể và sức mạnh djinn của cô. Ông Groanin đang đọc báo và nhấm nháp một tách trà. Finlay và John thì đang xem tivi. Cả hai cậu bé chào đón Faustina với vẻ mặt không nhiệt tình cho lắm, vì mỗi đứa đều đang cố giả vờ với đứa còn lại là chúng không có tình cảm đặc biệt gì với cô, nhưng dĩ nhiên là thất bại thảm hại vì không thể giữ bí mật nào khi hai con người khác nhau cùng chia sẻ một cơ thể. Đó là chưa nói đến chuyện Faustina cũng biết việc đó.

Đứng dậy và trao bác sĩ Sachertorte một cái ôm trù mến, cậu Nimrod bảo:

– Có vẻ như chị có lại con gái rồi đó.

Bác sĩ Sachertorte nói:

– Một điều tuyệt vời, không phải sao?

Ông Groanin bảo với Faustina:

– Ta đứng cả tim khi thấy cháu vọt khỏi ban công đấy, cô nhóc. Nó cách mặt kênh đến chín, mười mét chứ chả chơi. Và nước thì cực bẩn, dĩ nhiên. Ý ta là, chắc cháu cũng biết tất cả các toa lét ở Venice đều đổ thẳng ra đó. Cho nên nó mới bốc mùi như vậy. Nếu

là cháu, ta sẽ đi súc ruột ngay lập tức. Phòng trường hợp nuốt phải một vi khuẩn dạ dày nào. Mà ta phải công nhận, rất may là cháu nhảy khỏi mặt đó và rơi xuống kênh. Nếu là mặt đối diện, cháu thế nào cũng rớt xuống đường. Rồi mọi chuyện sẽ nháo nhào cả lên, chỉ vì vài cú ong chích. Ta chưa bao giờ thấy chuyện như vậy.

Cậu Nimrod cắt ngang dòng lời nhải của ông:

– Không có hậu quả nghiêm trọng nào là được rồi. Đó mới là điều quan trọng nhất.

Bác sĩ Sachertorte nói với cậu Nimrod:

– Tôi rất tiếc về chuyện anh Rakshasas. Thật sự không có hi vọng nào hả Nimrod?

Cậu Nimrod trả lời:

– Tôi e là chúng ta sẽ không chắc được điều đó, chừng nào chúng ta vẫn chưa biết thêm gì về thứ đã hấp thụ anh ấy trong linh giới.

– Vậy có nghĩa mọi người sẽ quay về New York?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Thực tế là không. Tôi nghĩ, có lẽ chúng tôi sẽ ở lại Venice một thời gian. Để nghiên cứu kĩ hơn vài chuyện.

Finlay nói:

– Tuyệt. Cháu thích Venice. Cháu nghĩ Venice là một nơi khá thú vị.

Ông Groanin lầm bầm:

– Cháu nghĩ vậy hả?

Khịt khịt mũi một cách khó chịu, ông rút một cái chai nhỏ ra khỏi túi áo khoác, và chấm một ít nước cạo râu vào sau vành tai.

Finlay hỏi:



– Chị thì sao, Faustina? Chị có ở lại Venice với tụi em mấy ngày không?

Faustina bảo:

– Chị e là không. Chị có kế hoạch khác. Kế hoạch mà chị nghĩ cậu biết rõ.

Finlay gật đầu:

– À, phải. Babylon. Em quên mất.

Cô mời:

– Sao cậu không đến thăm chị khi chị trở thành Djinn Xanh nhỉ? Tại nơi ở chính thức của chị ở Berlin ấy.

Finlay hỏi:

– Ai? Em à?

– Cả hai cậu.

Đến lượt John thắc mắc:

– Có thể hỏi chị? Ý em là, em cứ nghĩ đàn ông con trai bị cấm đến thăm Djinn Xanh chứ.

Faustina cho biết:

– Luật đó chỉ áp dụng ở Babylon thôi, John. Ngoài ra, chị dự định sẽ tiến hành một số thay đổi khi đã là djinn tối cao. Ayesha đã trị vì quá lâu, đến nỗi mọi người đã quên mất những đời trước đó như thế nào. Cậu thấy đó, rất nhiều chuyện về Djinn Xanh mà chúng ta vẫn tin xuất phát từ Ayesha. Và chúng không bắt buộc phải như vậy. Sống ngoài phạm trù Tốt - Xấu là một chuyện. Trở thành như vậy lại là một chuyện hoàn toàn khác. Chị đã nghiên cứu khá kĩ về chuyện đó.

Philippa nói:

– Nhưng em đã ở đó. Ở Babylon. Đã có lúc, em nghĩ mình sẽ trở thành Djinn Xanh. Em vẫn nhớ rõ ảnh hưởng của nơi đó lên đầu óc em. Em thậm chí còn không nhận ra John khi anh ấy đến cứu em nữa.

John gật đầu bảo:

– Đó là sự thật. Lúc đó Philippa cư xử cứ như một con ngốc ấy.

Faustina cho biết:

– Chị đã nghĩ ra một cách để những thứ đó không ảnh hưởng lên chị được.

Trao đổi ánh mắt với bác sĩ Sachertorte, cậu Nimrod nhận xét:

– Nghe có vẻ thú vị đây.

Faustina nói với cậu Nimrod:

– Cháu đã học được nhiều thứ trong suốt mười hai năm sống tách rời khỏi cơ thể. Cháu đã bỏ ra cả hai năm nghiên cứu cuốn *Những quy luật Baghdad*. Không phải cuốn *Những quy luật Baghdad rút gọn* của ông Rakshasas, mà là phiên bản dài hơn. Phiên bản hai trăm cuốn. Nếu Ayesha đọc chúng, bà hẳn sẽ phát hiện trong đó có viết rất nhiều về việc một djinn nữ phải trải qua ba mươi ngày sống ở Iravotum để, về mặt thể xác, trở thành Djinn Xanh Babylon. Nhưng không có quy định gì về việc linh hồn của bà cũng phải ở đó. Chi tiết đó hiển nhiên đến nỗi cháu phải tự hỏi sao không có ai nghĩ đến nó trước đây.

Cậu Nimrod hỏi lại:

– Cháu thật sự cho rằng linh hồn của cháu có thể ở một nơi khác à? Rằng mẹ của chú có thể trở thành Djinn Xanh mà vẫn giữ được tình cảm cho chú và chị của chú, Layla?

Faustina bảo:

– Cháu không cho rằng gì cả. Cháu đang nói nó là một sự thật hiển nhiên. Ngay khi đến Iravotum, cháu sẽ để lại cơ thể ở đó và mang linh hồn đến một chỗ khác, trong vòng ba mươi ngày. Cháu nghĩ có thể cháu sẽ đến núi Olympus. Nghe nói nơi đó rất tốt cho linh hồn.

Cậu Nimrod lắm bả:

– Cho nên cháu mới nói, dù cơ thể cháu có bị ảnh hưởng, linh hồn cháu vẫn giữ nguyên không thay đổi.

– Chính xác. Cháu có thể trở thành Djinn Xanh mà không phải thay đổi gì nhiều. Rất tuyệt, đúng không?

Cậu Nimrod hỏi:

– Nhưng còn khả năng phán xử công bằng, không thiên vị giữa Tốt và Xấu thì sao?

Faustina nói:

– Các vị thẩm phán vẫn làm được điều đó đấy thôi. Họ có thể điều hành pháp luật với một thái độ vô cảm, nhưng bản thân họ không vô cảm. Họ đã làm điều đó suốt hàng trăm thế kỉ đó thôi.

Cậu Nimrod nói:

– Cho nên cháu *có thể* vừa có bánh, vừa được ăn.

– Đúng thế. Rất tuyệt, đúng không?

Quay qua mỉm cười với Philippa, rồi với Finlay/John, Faustina nói:

– Cho nên mấy đứa có thể đến thăm và ở chơi với chị tại Berlin.

Ba đứa trẻ đồng thanh:

– Tuyệt.

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Chú phải nói, đây là tin tốt nhất chú được nghe trong khoảng thời gian này.

Rồi quay qua Jenny Sachertorte, cậu hỏi:

– Chị có biết gì về chuyện này không, Jenny?

Bác sĩ Sachertorte lắc đầu:

– Không. Đây là lần đầu tiên tôi nghe về chuyện này. Phải chi có ai đó phát hiện nó sớm hơn. Anh và Layla sẽ không phải chịu đựng mất mát.

Cậu Nimrod lẳng lặng nói:

– Ừ.

Faustina bảo:

– Nhắc mới nhớ. Tốt nhất cháu nên rời đi ngay bây giờ nếu muốn ngăn cô Layla trở thành Djinn Xanh thay cho cháu. Tiếc là Dybbuk không có ở đây. Cháu rất muốn trông thấy nó trước khi đi.

Dùng tay Finlay chỉ vào tivi, John nói:

– Chị có thể thấy cậu ấy ngay bây giờ đấy chứ. Trên tivi kìa.

Tất cả mọi người chậm rãi đi về phía cái tivi và nhìn cảnh Jonathan Tarot, mặc một bộ áo liền quần màu đen tuyền đính kim cương nổi bật, thực hiện một màn ảo thuật cận cảnh đặc biệt, làm một con chuột hiện ra trên tay một cô gái. Khán giả trong trường quay vỗ tay hoan hô một cách nồng nhiệt.

John nói tiếp:

– Ngoại trừ việc cậu ấy hiện giờ không còn mang tên “Dybbuk” nữa. Giờ đây cậu ấy được gọi là Jonathan Tarot. Và cậu ấy là một ngôi sao nổi tiếng. Khó có thể mở một tờ báo hay một tạp chí nào đó

ra mà không thấy mặt cậu ấy trên đó.

Lắc đầu buồn bã, cậu Nimrod nói với tiếng thở dài:

– Dybbuk, Dybbuk.

Jenny Sachertorte cho biết:

– Tôi đã cố khuyên nó đừng làm thế. Nhưng nó không nghe. Tôi thậm chí còn thử dùng chú trói buộc với nó. Nhưng nó đã trở nên quá mạnh để tôi có thể kiểm soát được, Nimrod à.

Cậu Nimrod nói:

– Dybbuk luôn có một sức mạnh djinn khá lớn trong người. Lớn hơn nhiều so với khả năng phán quyết của nó.

Bác sĩ Sachertorte buồn bã bảo:

– Anh trông chờ gì chứ? Nhìn cha nó là ai đi.

Nói rồi bà mỉm cười xin lỗi với Faustina.

John nhận xét:

– Cậu ấy làm nó nhìn giống một trò ảo thuật thật sự ấy. Nếu mọi người hiểu ý cháu. Giống như nó chỉ là một xảo thuật. Một trò xảo thuật tinh vi. Nhưng chỉ là một trò xảo thuật không hơn không kém.

Philippa nói:

– Nếu mọi người nghĩ đến chuyện nó là sự thật, họ có lẽ sẽ bắt đầu đặt câu hỏi về cả thế giới xung quanh.

Cậu Nimrod gật đầu bảo:

– Nhận xét chuẩn đó, Philippa. Đó chính là mối nguy hiểm thật sự của điều Dybbuk đang làm. Rằng nó sẽ đi quá xa, và mọi người sẽ phát hiện ra nó không phải xảo thuật gì cả.

Trong khi họ đang xem, nhân viên điều khiển camera của đài

truyền hình quay máy về phía những khán giả đang nhiệt liệt vỗ tay khen ngợi một trò ảo thuật đủ sức ấn tượng với tất cả mọi người, ngoại trừ djinn. Trong đó có một người đàn ông tóc nhạt màu với một chòm râu cằm và một cái áo vét trắng nổi bật. Đó là Adam Apollonius.

Cậu Nimrod nói tiếp:

– Dybbuk dường như không nhận ra được nguy hiểm của việc sử dụng tùy tiện sức mạnh djinn. Sử dụng nó một cách vô tội vạ cho những trò ảo thuật rẻ tiền như vậy sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Bác sĩ Sachertorte nói:

– Anh nghĩ tôi chưa nói chuyện đó với nó sao? Nó bảo nó không quan tâm. Và bảo đó là cuộc sống của nó, và nó có quyền làm bất cứ chuyện gì nó muốn.

Rồi bà thở dài bảo:

– Một người mẹ có thể làm gì được chứ? Tôi thì chắc chắn không biết rồi đó. Tôi đâu thể đem cha nó ra dọa nó được nữa. Đặc biệt là bây giờ, khi nó đã biết cha nó không phải cha ruột của nó. Dường như nó không còn quan tâm gì đến lời tôi nói. Sau tất cả những gì tôi đã làm cho nó.

Tất cả mọi người, ngoại trừ ông Groanin, tiếp tục nhìn tivi trong im lặng.

Faustina bỗng vẫy vẫy tay về phía khán đài trên tivi và nói:

– Khoan. Đó chính là gã đàn ông trong cái hang có kim tự tháp và hồ nước bạc. Người mà cháu nghe thấy sử dụng từ *Dong Xi*. Chính là gã.

Faustina chỉ vào gã đàn ông đang ngồi kế bên Adam Apollonius.

Gần như ngay lập tức, máy camera chuyển qua khuôn mặt tươi cười của Dybbuk, và chỉ có Philippa mắt đủ nhạy để nhìn thấy gã thanh niên trẻ tuổi với khuôn mặt cứng ngắc mà Faustina đang nói đến. Và cô nhanh chóng nhận ra cô đã thấy nó trước đây. Tại Giải vô địch Djinnversoctoannular ở New York vào Giáng sinh năm ngoái. Cô đã có ấn tượng mạnh về nó vì số lượng những câu chửi thề tục tĩu nó đã nói khi bị cô đánh bại trong vòng đấu đầu tiên. Lỗi tai cô bắt đầu bốc cháy lần nữa khi cô nhớ lại những cái tên không mấy dễ chịu mà nó đã gọi cô trên đường đi ra khỏi khách sạn Algonquin.

Adam Apollonius đang ngồi cạnh Rudyard Teer, một trong những đứa con của Iblis tộc Ifrit, và là anh trai cùng cha khác mẹ của Dybbuk. Không chỉ vậy, Philippa còn nghĩ cô đã trông thấy Teer ngồi đằng trước một djinn tộc Ifrit khó chịu không kém: Palis Kẻ Liếm Gót. Cô nói tất cả những điều đó cho cậu Nimrod và bác sĩ Sachertorte.

Bác sĩ Sachertorte thú nhận:

– Giờ tôi thật sự lo lắng rồi đó.

Cậu Nimrod trấn an:

– Bình tĩnh nào, quý bà thân mến của tôi. Bình tĩnh lại. Mọi chuyện có thể không giống vẻ ngoài của chúng.

Ông Groanin nói:

– Nimrod nói đúng đó, bác sĩ Sachertorte. Tôi nói, không ích lợi gì khi buồn rầu về một thứ có thể sẽ chẳng nghiêm trọng gì vào phút cuối. Hoàn toàn có khả năng những tên đó chỉ tình cờ có mặt ở đó. Mặt khác, có thể có một kế hoạch đen tối đằng sau sự xuất hiện của chúng trên khán đài. Rằng có thể Dybbuk đang đối mặt với một

nguy hiểm chết người nào đó. Nhưng tôi sẽ không bắt đầu lo lắng về chuyện đó nếu chưa đến lúc. Tôi vừa tìm thấy... Ôi chao!

Ông Groanin với khuôn mặt đỏ gay nhảy bật dậy khỏi cái ghế bành, quăng tờ báo xuống và, nhăn nhó vì đau đớn, chạy vụt vào phòng tắm, đóng sầm cửa lại sau lưng.

Bác sĩ Sachertorte nhận xét:

– Phải nói là, tôi nhẹ nhõm vì điều đó.

John thắc mắc:

– Ông Groanin bảo vừa tìm thấy cái gì cơ?

Cố nín cười, Philippa trả lời:

– Em nghĩ ông ấy vừa tìm thấy con ong thất lạc của Signor Medici.





## CHƯƠNG 19

### Hai Marco<sup>[21]</sup>

Phòng thánh tích của Giáo đường Thánh Mark nằm trên tầng cao nhất của tòa nhà, trong một căn phòng bụi bặm nhìn giống một nhà giam trên một tháp canh nào đó. Có một khung cửa sổ cao rào thanh chắn, và dọc theo các bức tường là những cái tủ gỗ cỡ bự được xếp theo thứ tự ABC, dựa theo tên của những vị thánh có thánh tích lưu trữ trong các ngăn kéo sâu đáy.

Người trông nom các thánh tích là một nữ tu lớn tuổi người Mỹ được biết đến với tên xơ Cristina, người mà John nghĩ nhìn cũng có phần giống một thánh tích. Nhưng John cũng nghĩ bà chắc hẳn phải khỏe mạnh hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của bà: có đến hai trăm bậc thang từ lối vào tầng trệt đến phòng thánh tích, và cơ thể Finlay đã thở không ra hơi khi cậu Nimrod và lũ trẻ leo lên đến nơi.

Ông Groanin chọn ở lại khách sạn, để sẵn sóc một vết ong chích to đùng trên đỉnh đầu nhìn giống ngọn đèn đỏ trên xe cấp cứu. Ông vẫn còn đang hờn dỗi vì John và Finlay đã khoái chơi trò giả tiếng xe cấp cứu mỗi lần ông bước vào phòng. Faustina thì đã cười lố gố đến Babylon, trong khi mẹ cô – bà Jenny Sachertorte – đã đón máy bay về Mỹ sau một màn chia tay đầy cảm động giữa hai mẹ con.

Với vị trí cao cấp Tổng chỉ huy Hội hiệp sĩ dòng Thánh Mark của cậu Nimrod, không mấy ngạc nhiên khi xơ Cristina tiếp đón họ với thái độ nhiệt tình giúp đỡ. Nhưng bà cũng khá thẳng thắn khi nói đến nguồn gốc không rõ của nhiều thứ được gọi là thánh tích ở đây.

Bà thừa nhận:

– Tôi không biết tại sao chúng tôi lại phải mất công cất giữ mó ve chai này. Thật sự không biết. Vì phần lớn những thứ ở đây đều là vậy: ve chai. Chúng tôi có tất cả mọi thứ, từ móng chân của Thánh Blaise đến ráy tai của Thánh Mungo. Lần tổng kết gần đây nhất của tôi, chúng ta có đến ba mươi ba ngón tay của Thánh Anthony, mười lăm ngón chân thuộc về Thánh Munditia, sáu xương đùi của Thánh Bartholomew, và ba hộp sọ của Thánh Barnabas. Răng thì vô số. Chúng tôi có thể thay thế phân nửa số hàm răng giả ở Ý với số răng có ở đây. Có cả đồng thùng đầy nhóc răng với răng.

Cậu Nimrod hỏi:

– Còn Thánh Mark thì sao? Có cái gì của ông ấy ở đây?

Xơ Cristina mỉm cười:

– Ý ông là, ông không tin ông ấy ở bên dưới bàn lễ thánh thể của chúng ta?

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Tôi nghĩ, cũng như nhiều người, tôi có sự nghi ngờ của mình.

Xơ Cristina nhún vai và đi về phía một ngăn kéo với dòng chữ MARCO được sơn khéo léo ở bên ngoài. Mở ngăn kéo ra, bà chỉ vào một mó hỗn độn những xương, răng, lọ đựng máu, lọn tóc, móng tay, móng chân, xương tay, xương chân, và đốt xương sống. Gói gọn trong một miếng vải nhung viền đăng-ten là một hộp sọ hoàn chỉnh

với hai tròng mắt thủy tinh và hàm răng đính ngọc. Thậm chí còn có cả một cái chân bằng vàng được cho là có chứa xương đùi của thánh Mark.

Xơ Cristina nói:

– Khá nhiều lựa chọn, đúng không? Chúng tôi đã kiểm tra phần lớn những thứ này bằng phương pháp xác định niên đại cacbon, và không có cái nào quá một nghìn tuổi. Nói cách khác, phần lớn những thứ này đều là đồ giả. Nhưng chúng tôi vẫn giữ chúng ở đây, vì chúng là một phần của lịch sử, từ cái thời mà thánh tích có ý nghĩa quan trọng với mọi người. Khi những người mộ đạo tin tưởng chúng có sức mạnh chữa lành bệnh cho họ.

Philippa hỏi:

– Có cái gì được giữ ở đây mà bà nghĩ có thể có sức mạnh thật sự không ạ?

Suy nghĩ trong giây lát, xơ Cristina nói:

– Có. Hai cái là cái cháu muốn hỏi có lẽ là những thánh tích của Thánh Mark. Mặc dù bản thân chúng không thể là đồ thật, cái hộp đựng chúng, vốn được chạm khắc tinh xảo và quá lớn để bỏ vừa vào ngăn kéo, lại toát ra một dạng năng lượng nào đó. Đó là điều khiến ta ngạc nhiên nhất.

Philippa thắc mắc:

– Tại sao bà có thể chắc những thánh tích đó không phải đồ thật?

– Vì chúng ta cũng đã kiểm tra chúng bằng phương pháp xác định niên đại cacbon. Để biết được tuổi của chúng. Theo những gì được ghi trong sách, chúng ta đều biết Thánh Mark chết ở Alexandria vào năm thứ tám của triều đại Hoàng đế La Mã Nero,

khoảng năm sáu mươi ba sau Công nguyên.

Nhưng bộ xương đặc biệt này lại có tuổi đời vào đầu thế kỉ 14. Khoảng năm 1320. Cho nên, cháu thấy đó, nó không thể nào là xương của Thánh Mark.

Cậu Nimrod nói lấp lửng:

– Ủ, tôi hiểu ý bà. Hmmm... năm 1320 à. Tôi tự hỏi...

Xơ Cristina nói tiếp:

– Còn một chi tiết nữa. Mỗi cái xương trong tổng số hai trăm lẻ năm cái xương đều có khắc chữ Hán khảm vàng ở phía trên.

– Bà vừa nói hai trăm lẻ năm à?

Xơ Cristina lặp lại:

– Chính xác hai trăm lẻ năm, không hơn không kém.

Cậu Nimrod hỏi:

– Chữ Hán loại nào vậy?

Xơ Cristina cho biết:

– Là chữ số. Dĩ nhiên, không có một tư liệu nào cho thấy Thánh Mark từng đến Trung Quốc. Ai Cập và Jerusalem là những quốc gia phía đông xa nhất mà ông ấy từng đến. Cho nên, bộ xương đó không thể nào là của ông ấy, đúng không?

Cậu Nimrod bảo:

– Đúng là không thể. Nhưng dù sao, nếu bà không phiền, tôi vẫn muốn nhìn thử bộ xương đặc biệt đó một cái. Chỉ để thỏa mãn trí tò mò của tôi thôi.

Xơ Cristina mở khóa một cái tủ lớn, dời các mũ tế, quyền trượng giám mục, tà vạt hình thánh giá, thương, giáo La Mã và cung dài qua một bên, trước khi kéo ra sàn một cái hộp gỗ bụi bặm đủ to để

chứa vài tá súng trường. Finlay đã đề nghị giúp đỡ và bị từ chối một cách lịch sự, không khỏi kinh ngạc trước sức mạnh của vị nữ tu lớn tuổi.

Bà giải thích với Finlay:

– Cháu thật tốt khi muốn giúp bà, nhưng cháu thấy đó, đây là công việc của bà.

Bà mở cái hộp ra, làm lộ ra một cái rương bằng đồng bóng loáng với hoa văn tinh xảo, trên có khắc vô số chữ Hán. Chỉ vào một tấm bảng bằng ngà dính ở cuối rương, xơ Cristina mỉm cười bảo:

– Trên này đề tên của Thánh Mark, bằng tiếng Hán. Ít nhất, đó là điều những người biết tiếng Hán giải thích với chúng tôi. Dù với tôi, có thể nó chỉ nói “Sản xuất tại Đài Loan”.

Cậu Nimrod đưa tay vuốt dọc theo tấm bảng tên bằng ngà cùng hai chữ Hán ghép thành từ “Mark”.

Cậu Nimrod nghĩ xơ Cristina nói đúng. Đầu ngón tay của cậu phát hiện ra cái rương có chứa một dạng năng lượng kì lạ nào đó, nhưng điều ngay lập tức thu hút sự chú ý của cậu lại là họa tiết phía trên nắp rương.

Xơ Cristina nói:

– Như ông có thể thấy, đây là biểu đồ bộ xương người. Nhìn cách mà tất cả các loại xương được nhận dạng xem. Thú vị, đúng không?

Philippa đồng ý:

– Nhìn giống thứ mà sinh viên y khoa hay sử dụng ấy. Rồi điện thoại vang lên, và xơ Cristina đi ra trả lời nó.

Cậu Nimrod hạ thấp giọng nói để vị nữ tu lớn tuổi không nghe được:

– Cậu nghĩ nó không chỉ đơn giản như vậy. Mỗi cái xương dường như tương ứng với một chữ số của họa tiết trên nắp.

Vừa nói, cậu vừa chỉ về hình vuông chứa ba mươi sáu chữ số được khắc trên nắp rương ở ngay phía trên phần đầu bộ xương.

Philippa hỏi:

– Nó là hình gì vậy cậu?

Cậu Nimrod trả lời:

– Nếu cậu không lầm, đó là một ma phương<sup>[22]</sup> Trung Quốc. Nghe nói, ma phương được phát minh bởi một djinn hùng mạnh vài thế kỉ trước. Và những hình vuông như thế này thường được đặt bên dưới lớp đá lót nền của những ngôi nhà ở Trung Quốc để mang lại sự may mắn. Nhưng chúng thỉnh thoảng cũng được sử dụng như một kí gửi ước. Các cháu biết đó, là điều ước có thể tồn tại độc lập khỏi một djinn. Thỉnh thoảng tốt, và thỉnh thoảng xấu. Và có thể tồn tại trong một khoảng thời gian không hạn định. Chỉ là, cậu chưa bao giờ nghe nói đến một cái kéo dài như thế này.

Finlay hỏi:

– Nhưng nó có thể làm được gì chứ?

Cậu Nimrod nói:

– Phải chi anh Rakshasas có ở đây. Anh ấy biết rõ hơn về những thứ này. Cậu nghĩ nó được gọi là *chuan dai zhe*. Cậu không chắc lắm nó nghĩa là gì. Cậu chỉ biết hộp xương này được thiết kế để mang đến một thông điệp nào đó. Cậu tin là, chúng ta cần phải vẽ một ma phương trên sàn, với tất cả các con số điền đúng vị trí, rồi đặt mỗi cái xương vào ô tương ứng trên họa tiết. Thông điệp sẽ xuất hiện sau đó. *Bằng người*.

Philippa hỏi lại:

– Cậu muốn nói là người mà mấy cái xương này thuộc về à?

Cậu Nimrod gật đầu:

– Chính xác.

Finlay bảo:

– Chú đùa đấy à? Vài con số ngớ ngẩn có thể làm được điều đó à?

Cậu Nimrod nói:

– Trái ngược với suy nghĩ của cháu, chữ số chính là cơ sở của mọi vấn đề. Và vì thế, nó còn là cơ sở của tất cả trí tuệ bao phủ các vấn đề.

John nhận xét:

– Thảo nào cuốn *Bích Thư* đó lại nhắc tới xương của Mark cụ thể như vậy.

Cậu Nimrod đồng ý:

– Quả là vậy.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng nếu không phải là *Thánh Mark*, vậy cái người tên Mark này là ai mới được?

Cậu Nimrod nói:

– Venice, Trung Quốc, năm 1320. Cháu không đoán được à? Chúa ơi, thời buổi này họ dạy gì cho mấy đứa ở trường vậy?

Xo Cristina đang kết thúc cuộc điện thoại.

Cậu Nimrod bảo:

– Câu hỏi là, làm cách nào chúng ta có thể lắng nghe câu chuyện

của người mang thông điệp mà không để xơ Cristina kính mến của chúng ta thấy được? Nó có thể gây một cú sốc cực lớn cho bà. Bà thậm chí có thể hoảng sợ. Không phải ngày nào bà cũng nhận được thông điệp chuyển giao từ chính miệng một người đã chết gần bảy trăm năm.

Finlay hỏi thẳng:

– Sao chú không hô biến bà ấy đến một nơi nào đó. Chú là djinn mà.

Cậu Nimrod lắc đầu bảo:

– Ở tuổi bà ấy à? Chú nghĩ là không.

John gợi ý:

– Hay để một trong tụi cháu cầm di động của cậu ra ngoài. Rồi gọi điện cho xơ Cristina, bảo có một món đồ chuyển phát khẩn cấp đang chờ bà ngoài cửa trước. Tốn mười lăm phút để leo lên đến đây. Tính cả đi và về, bà ấy có thể vắng mặt đến ba mươi phút. Dư thời gian cho chúng ta.

Khẽ cắn môi, cậu Nimrod nói:

– Cậu thật sự ghét phải bắt một phụ nữ lớn tuổi vận động nhiều như cháu nói, John à. Tuy nhiên, cậu không thấy một biện pháp thay thế nào khác thực tế hơn mà không liên quan đến sức mạnh djinn.

Philippa đưa ra thêm một lời biện minh khác giải thích cho việc họ định làm:

– Dù gì xơ Cristina dường như rất khỏe.

Cậu Nimrod bảo:

– Cậu nghĩ tốt nhất nên để cậu gọi điện, vì cậu có thể nói tiếng



Ý.

Đến giờ thì xơ Cristina đã hoàn thành cuộc điện thoại của bà. Quay lại với cậu Nimrod và lũ trẻ, bà nói:

– Ok, tôi nói đến đâu rồi nhỉ?

Cậu Nimrod mỉm cười lịch sự:

– Tôi xin phép một phút được không?

Cậu rời khỏi phòng, và một phút sau, chuông điện thoại lại vang lên trong phòng thánh tích. Xơ Cristina bắt điện thoại, lắng nghe, tặc lưỡi lớn tiếng, cúi kính nói bằng tiếng Ý, rồi đặt điện thoại xuống. Cậu Nimrod quay lại phòng với vẻ mặt có phần hối lỗi, nhưng xơ Cristina không nghi ngờ gì việc cậu đứng đằng sau cú điện thoại đó. Sau khi xin phép mọi người “một khoảng thời gian đủ để đi xuống tận đó rồi lại quay ngược lên tận đây”, bà ra khỏi phòng, để lại cậu Nimrod, Philippa cùng Finlay/John với cái rương đồng đựng xương.

Cậu Nimrod hỏi:

– Có ai mang phấn theo không?

Không ai có, vì thế cậu Nimrod sử dụng sức mạnh djinn để làm một viên phấn hiện ra trong tay. Rồi cậu quỳ xuống trên hai tay hai chân và bắt đầu vẽ một cái ma phương Trung Quốc trên cái sàn nhà bằng đá của phòng thánh tích Giáo đường Thánh Mark.

Đầu tiên, cậu Nimrod vẽ một hình vuông gồm ba mươi sáu ô, với những đường gạch thẳng đến nỗi gây ấn tượng mạnh với Philippa.

Cậu Nimrod lẩm bẩm giải thích:

– Thực sự đó là năng khiếu bẩm sinh của tất cả các djinn. Khả năng vẽ đường thẳng và đường tròn tuyệt đối. Khó hơn nhiều so với

cháu nghĩ. Đó là một chuyện người thường không bao giờ có thể làm được.

Tỏ vẻ ngạc nhiên, Finlay nhận xét:

– Một khả năng rất hữu ích đây.

Cậu Nimrod nói tiếp:

– Cậu nghĩ, cậu nên vẽ một hình to. Vì mỗi ô vuông sẽ chứa năm, sáu cái xương bên trong.

Khi hình vuông ba mươi sáu ô của cậu đã hoàn tất, cậu Nimrod bắt đầu đánh số vào các ô, từ số một đến số ba mươi sáu, bắt đầu với hai mươi bảy ở góc dưới bên trái và kết thúc với mười ở góc trên bên phải. Vừa làm, cậu vừa cho biết:

– Dĩ nhiên, xét trên phương diện toán học, điều thú vị nhất về ma phương là, bất kể đi theo hướng nào – ngang, dọc, hay chéo – tổng của các con số trong mỗi hàng luôn là một trăm mười một.

Cậu đứng dậy, phủi bụi phấn khỏi tay, bước lùi lại thưởng thức tác phẩm của mình và tuyên bố:

– Ok, xong rồi.

John quan sát cái hình và bảo:

– Nhìn chẳng có vẻ ma thuật gì cả.

Cậu Nimrod nói:

– Đó là vì cháu nhìn nhưng không thấy.

Philippa cho biết:

– Cháu nhận ra một thứ. Nếu mỗi hàng cộng lại ra đúng một trăm mười một, vậy có nghĩa tất cả các con số trong hình cộng lại sẽ được sáu trăm sáu mươi sáu.

Cậu Nimrod khen:

– Chính xác. Quan sát tốt lắm, Philippa.

Finlay trầm trồ hỏi:

– A, đó không phải là con số ma quỷ sao? Tượng trưng cho một thứ gì đó độc ác?

Cậu Nimrod trả lời:

– Đúng. Nhưng một con số không cứ nhất thiết phải tượng trưng cho ma quỷ, Finlay à. Cũng tương tự với điều tốt. Người Trung Quốc coi sáu-sáu-sáu là một trong những con số may mắn nhất. Cái cách mà cháu sử dụng những con số mới là vấn đề. Sáu-sáu-sáu là cái mà các nhà toán học gọi là một số dư. Nó là số tam giác. Nó còn là cơ số. Và là số thứ tự. Sáu trăm sáu mươi sáu còn là tổng bình phương của bảy số nguyên tố đầu tiên.

Finlay bảo:

– Thú vị thật.

Nói thì nói vậy, nhưng cậu cũng không rõ số nguyên tố là gì, ngoại trừ việc cậu đã học về nó ở trường.

John cho cậu biết:

– Số nguyên tố là số chỉ chia hết cho 1 và cho chính nó.

Finlay khẳng khái:

– Tôi biết số nguyên tố là gì mà.

John bảo:

– Không, cậu không biết. Cho đến khi tôi nói với cậu.

Finlay nói:

– Nghe nè, nếu cậu tiếp tục làm khách trong cơ thể tôi, tôi nghĩ cậu nên ngừng đọc suy nghĩ của tôi được rồi đó.

John bảo:

– Tớ cũng muốn lắm chứ. Nhưng cậu cũng biết chuyện đó không dễ mà.

Finlay thừa nhận:

– Ồ, cũng đúng. Xin lỗi.

Cậu Nimrod vẫn đang nói về số 6-6-6, và việc nếu viết nó ra dưới dạng chữ số La Mã DCLXVI sẽ dùng đến tất cả những kí hiệu số La Mã thấp hơn một nghìn, theo thứ tự ngược lại giá trị của chúng: D=500, C=100, L=50, X=10, V=5 và I=1.

Philippa cho biết:

– Cháu còn chú ý đến một điều nữa. Có chính xác mười tám cặp số cộng lại thành ba mươi bảy.

John nói ngang phè:

– Thì sao?

Nhưng cậu Nimrod thì lại gật gù một cách hăng hái và bảo:

– Xuất sắc. Và?

Cô nhún vai nói:

– Nó rành rành thế mà.

Finlay bảo:

– Không rành rành với tớ.

John thừa nhận:

– Anh cũng vậy. Anh vẫn còn đang bận nhớ ra ai sống năm 1320.

Philippa cho biết:

– Mười tám lần của ba mươi bảy chính là sáu trăm sáu mươi sáu

á.

Cười toe hài lòng với phát hiện của mình, cô bảo:

– Thảo nào người ta gọi nó là ma phương.

Nhặt lên một thứ nhìn giống xương ống chân – xương đùi – cô đưa nó cho Finlay và nói:

– Có một số từ một đến ba mươi sáu trên mỗi cái xương. Cái này số hai mươi bảy.

Finlay đặt cái xương xuống giữa cái ô ở góc dưới bên trái.

Khi công tác đặt xương vào ma phương của họ đã tiến hành được một nửa, cậu Nimrod nói:

– Cậu hi vọng cách này có hiệu quả. Xơ Cristina đã nói chỉ có hai trăm lẻ năm khúc xương trong cái hộp này. Trong khi một bộ xương người hoàn chỉnh phải có hai trăm lẻ sáu cái.

John bảo:

– Cháu đoán, tất cả sẽ phụ thuộc vào việc khúc xương nào bị mất.

Tiếp nhận cái hộp sọ từ tay Philippa, cậu Nimrod cẩn thận đặt nó vào ô số 1, bên cạnh một mớ đốt sống.

John nhận xét:

– Cái này giống một game show quái dị nào đó. Chúng ta phải đoán bộ xương này của ai trước khi nó lắp ráp lại.

Finlay bảo:

– Cho dù nó có tập hợp lại, tớ vẫn không thấy làm sao nó có thể nói chuyện khi không có cơ bắp, lưỡi, cùng tất cả những thứ khác.

Cậu Nimrod nói:

– May cho chúng ta đây là một ma phương, chứ không phải một

trò ô chữ trên tạp chí *Times*.

Từ một cái túi lụa nhỏ có đánh số, Philippa đổ ra lòng bàn tay những cái xương bé xíu, mỗi cái nhỏ hơn cả móng tay cô, và hỏi:

– Máy cái này bị nứt ra khỏi một cái xương lớn hơn à?

Cậu Nimrod cho biết:

– Đó là xương ở bên trong lỗ tai. Có ba cái ở mỗi tai: xương búa, xương đe và xương bàn đập.

Rồi cậu cẩn thận đặt chúng xuống hộp số 1 theo hướng dẫn của Philippa, giờ đang liếc nhìn vào trong cái rương bằng đồng và tuyên bố nó hiện đã trống trơn.

Cô nói:

– Đó là những cái xương cuối cùng. Hai trăm lẻ năm cái. Y như xơ Cristina đã nói.

Họ đứng dậy và bước lùi khỏi cái ma phương.

Philippa hỏi:

– Giờ sao cậu?

Cậu Nimrod nhún vai:

– Cậu không biết. Chúng ta thiếu một thứ gì đó. Có lẽ là khúc xương bị mất.

Finlay bảo:

– Như cháu đã nói, nhìn nó chẳng có vẻ ma thuật gì cả.

John nói:

– Trên thực tế, tổ nghi tổ mới là người nói câu đó.

Finlay thừa nhận:

– Đúng là cậu nói. Nhưng cậu đã sử dụng miệng tổ.

John làu bàu:

– Thế là tớ sẽ ăn mừng khi được trở lại cơ thể mình. Giờ đây tớ cảm thấy y như một cái nút chặn vuông trong một cái lỗ tròn<sup>[23]</sup> ấy.

Cậu Nimrod lập tức hỏi lại:

– Cháu vừa nói gì, John?

– Cháu nói, cháu là một cái nút chặn vuông trong một cái lỗ tròn.

Cậu Nimrod reo lên:

– Đúng. Dĩ nhiên là thế.

Rồi lập tức quỳ xuống bên cạnh cái rương đồng, cậu rút một cái kính lúp ra khỏi túi áo và kiểm tra tỉ mỉ họa tiết trên nắp rương. Một phút trôi qua, cậu lắc đầu và thở dài nói:

– Không có gì. Thật không hiểu được. Cậu chắc chắn phải là nó mà.

Philippa hỏi:

– Là cái gì mới được?

Cậu Nimrod cho biết:

– Cầu phương hình tròn. Một vấn đề từng được đưa ra bởi các nhà hình học cổ đại.

John đề nghị:

– Để cháu xem thử.

Cậu nhìn cũng như cậu Nimrod, không thấy gì. Nhưng ngay sau đó, mặt trời Venice xuất hiện ngay phía trước cửa sổ phòng thánh tích, quăng một tia nắng vụt thẳng vào trong phòng, và phản chiếu sáng rực trên cái rương đồng đựng xương. Và, trong một giây buồn chán, John và Finlay tự giải trí bằng cách dùng cái kính lúp của

cậu Nimrod để hội tụ ánh mặt trời vào nắp rương. Dần dần, một mùi khét tỏa ra trong không khí. Một cụm khói hiện ra trên nắp rương, và một dòng sáp nóng chảy mỏng mảnh trôi khỏi cái nắp kim loại và chảy xuống sàn.

John gọi to:

- Mọi người nhìn này. Có một thứ khác trên nắp rương.
- Khá lắm, John.

Cậu Nimrod khen ngợi, rồi dùng khăn mùi soa lau đi phần sáp nóng chảy còn lại. Cậu bảo:

– Hóa ra, khi họa tiết này được khắc xong, người ta không có lau chùi sạch lớp sáp.

Cậu nghiêng cái nắp bằng đồng một chút để nó bắt ánh sáng nhiều hơn và thông báo:

– Nhìn này. Y như cậu nghĩ. Có một hình tròn vòng quanh cả hình vuông, ngoại trừ bốn góc. Hình trên sàn của chúng ta vẫn chưa hoàn chỉnh.

Cậu nhặt viên phấn lên và tiến đến cái ma phương trên sàn.

– Câu hỏi là, cái hình tròn này phải chính xác như thế nào? Nói một cách nghiêm túc, phần hình tròn nằm bên ngoài hình vuông cần bằng đúng phần hình vuông nằm bên ngoài hình tròn. Bình thường, cậu sẽ không thử làm điều này mà không có sự hỗ trợ của một hộp com-pa cùng một cái máy tính bỏ túi.

Cậu bắt đầu vẽ.

– Tuy nhiên, chúng ta không có thời gian để chần chừ.

Cậu tiếp tục vẽ hình tròn của mình.

– Bằng cách này, những người như Leonardo da Vinci đã thử mô



tả hai thứ: sự tồn tại vật chất hay trần tục trong hình vuông, và sự tồn tại tinh thần bên trong hình tròn.

Khép kín hình tròn, cậu Nimrod đứng dậy và nói:

– Đây, như vậy chắc là được rồi. Tốt nhất nên đứng lùi lại đi, mấy đứa.

Ngay khi cậu vừa vẽ xong hình tròn, vài chuyện đáng kể xảy ra gần như ngay lập tức. Đầu tiên, tất cả các con số biến mất; sau đó các ô vuông lần lượt chìm vào trong sàn nhà, như thể những phím của một máy đánh chữ bị nhấn xuống bởi ngón tay của một người khổng lồ vô hình. Các khúc xương giữ nguyên trạng thái bất động trong một giây, và rồi bắt đầu bốc khói như thể bị nung nóng, cho đến khi đám khói một phần che giấu việc những cái xương đang tự lắp ráp lại. Nhưng dần dần, lớp khói tan biến làm hiện ra một người đàn ông nằm trên sàn với hai tay, hai chân giơ ra bốn phía. Philippa bỗng nhớ đến hình vẽ nổi tiếng của Leonardo da Vinci mà cô nghĩ cậu Nimrod vừa nói đến: đó chính là hình vẽ trên bìa cuốn sách sinh vật của cô ở trường. Ngoại trừ việc người đàn ông này mặc trang phục của nước Ý đầu thế kỷ 14, một bộ trang phục có vẻ đắt tiền may bằng chất liệu tơ lụa với cổ áo khoác đính lông thú. Ông ngồi dậy và cố rời khỏi sàn, nhưng ông đã già. Trông thấy ông đang gặp chút khó khăn trong việc đứng dậy, John bước đến định giúp một tay.

Người đàn ông gất lên:

– Không. Đừng chạm vào ta. Vì ta vẫn chưa hoàn toàn là chính mình.

Cuối cùng cũng đã đứng dậy, ông hạ thấp giọng xuống và, với một tiếng rên, nói thêm:

– Tốt nhất cháu không nên chạm vào ta, con trai. Tình trạng hiện tại của ta có thể làm cháu bị thương đấy.

Ông đứng thẳng dậy, đuổi người một chút, thở hắt ra một hơi, gật đầu hài lòng và đưa mắt nhìn xung quanh. Ông không phải một hồn ma, mà là một người còn sống đang hoảng, dù có một thứ gì đó trên khuôn mặt ông chỉ có thể hình dung bằng từ “siêu nhiên”. Tuổi khoảng chừng bảy mươi, ông có một bộ râu dày cộm và một khuôn mặt nhân hậu. Ông ngập ngừng mỉm cười với Finlay/John, rồi với cậu Nimrod và Philippa. Hít một hơi không khí, ông gật đầu lần nữa và hỏi:

– Chúng ta đang ở Venice, đúng không?

Cậu Nimrod trả lời:

– Đúng vậy.

Người đàn ông nói:

– Cái mùi này. Không thể lẫn vào đâu được. Không có nơi nào giống như Venice.

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi hoàn toàn đồng ý. Cho phép tôi tự giới thiệu, thưa quý ngài đáng kính. Tên tôi là Nimrod. Đây là cháu gái tôi, Philippa, và bạn của cháu, Finlay. Cơ thể Finlay còn là ngôi nhà tạm thời của cháu trai tôi, John.

Người đàn ông cúi chào kính cẩn.

Cậu Nimrod nói tiếp:

– Các cháu, cậu rất vinh dự được giới thiệu với các cháu nhà thám hiểm nổi tiếng nhất của mọi thời đại. Philippa, Finlay, John. Đây chính là Marco Polo vĩ đại.



## CHƯƠNG 20

### Những con số

Bước vào dãy phòng hạng nhất của Jonathan Tarot trên tầng mái của khách sạn Cimento dell' Armonia ở New York, Adam Apollonius vẫy vẫy một tờ giấy trên tay và nói:

– Cháu đã thấy tổng số khán giả chưa? Quá tuyệt vời.

Giờ là mười một giờ sáng, nhưng Jonathan vẫn đang nằm ườn trên giường. Một trong những điều tuyệt nhất về cuộc sống mới của cậu là không ai bắt cậu phải thức dậy vào buổi sáng, hay phải đi tắm, hay phải mặc áo thun sạch, hay phải ăn sáng như thế nào. Cậu đi ngủ trễ, coi tivi trong phòng và gọi bất cứ món gì cậu thích từ phục vụ phòng. Cậu thậm chí có xe limousine và tài xế riêng chờ sẵn ngoài khách sạn. Điều đó cũng không có nghĩa cậu muốn đi đâu vào mấy ngày này. Cậu quá nổi tiếng để có thể đi quanh các con đường ở New York. Vì thứ nhất, cậu gần như luôn xuất hiện trên tivi. Và thứ hai, poster của cậu có mặt ở khắp mọi nơi. Nên thay vào đó, cậu có một trợ tá riêng tên Julian, công việc chính của anh ta là đi mua bất cứ thứ gì cậu muốn ngoài cửa hàng: đĩa CD, tạp chí, bánh kẹo, DVD, quần áo, máy tập luyện. Phần lớn những thứ có được, cậu chỉ xài một lần rồi vứt. Mẹ cậu thể nào cũng kinh hồn trước sự phí phạm như vậy. Và dĩ nhiên, đó là một trong những

lí do cậu làm điều đó.

Jonathan hỏi:

– Tổng số khán giả là gì?

Apollonius cho biết:

– Một số liệu xếp hạng. Đó là số người đã xem show truyền hình mới nhất của cháu. Có khoảng một trăm mười triệu tivi gia đình ở Mỹ. Cháu chiếm được bốn mươi một phần trăm tỉ lệ khán giả. Một trăm bốn mươi ba triệu fan hâm mộ. Không thể tin được. Chắc chắn tất cả trẻ em Mỹ đều đón xem chương trình đó. Các nhà quảng cáo hạnh phúc đến phát điên vì cháu. Cháu là ngôi sao bụi nhất kể từ thời Elvis. Họ muốn một chương trình đặc biệt khác, càng sớm càng tốt.

Jonathan ngáp dài. Khi người khác bắt đầu nói về tỉ lệ phần trăm các loại, cậu lại nhớ đến trường học, và thường nó khiến cậu muốn với tay lấy bánh vòng, bánh pizza, bánh nướng xốp – một cái gì đó để ném về phía họ. Thỉnh thoảng cậu cũng cầm đồ ném người khác. Từ khi trở thành một ngôi sao truyền hình cỡ bụi, Jonathan trở nên kém kiên nhẫn hơn với mundane cùng các cuộc nói chuyện chán ngán, ngu ngốc của họ. Cậu đã ném rất nhiều bánh pizza vào những người làm việc cho cậu. Nhưng Adam Apollonius thì khác. Jonathan luôn luôn đối xử lịch sự với gã, và chưa bao giờ ném pizza vào gã. Ngay cả vào những lúc gã nhạt nhẽo, như hiện tại. Có một điều gì đó về tay ảo thuật gia này đòi hỏi lòng kính trọng của cậu. Dĩ nhiên, cậu vẫn hoàn toàn không biết gì về danh tính thật của người thầy, người bạn mới của cậu; nhưng có lẽ, có một phần nhỏ trong tiềm thức của Dybbuk nhận ra đồng loại, hay cụ thể hơn là cha ruột của cậu.

Apollonius nói:

– Bây giờ, chúng ta có thể bắt tay vào việc kiếm tiền nghiêm chỉnh. Và ta muốn nói là thật sự nghiêm chỉnh. Ví dụ như, hàng triệu đô la.

Tiền bạc không làm Jonathan cảm thấy hứng thú mấy và cậu cố ngăn một cú ngáp nữa nhưng không thành công. Tiền bạc có ý nghĩa rất nhiều với mundane, dĩ nhiên, cho nên cậu không mấy ngạc nhiên khi thấy Apollonius nhắc về nó suốt. Ít nhất xét trên phương diện này, gã dường như cũng giống những mundane khác.

Apollonius bảo cậu:

– Cậu nhóc, dù thích hay không, tất cả những chuyện ồn ào này đều là vì tiền. Như một bài hát nói, nó là thứ làm trái đất xoay vòng.

Dĩ nhiên, ban đầu Iblis không tin điều đó, và gã cũng không hứng thú với tiền bạc chẳng kém gì Jonathan/Dybbuk. Nhưng vì mục đích của kế hoạch gã lập ra, và vì sự thao túng Dybbuk là trung tâm của kế hoạch, gã cần phải giả vờ hứng thú.

– Ok, về chương trình đặc biệt tiếp theo, ta đang nghĩ, có thể chúng ta nên nhắm tới một tiết mục có sự tham gia của một lượng lớn khán giả. Như tất cả mọi người cùng sử dụng sức mạnh ý chí để bẻ cong một cái muỗng chẳng hạn.

Jonathan nhếch mép mỉa mai:

– Bẻ cong muỗng hả? Mọi người đều thấy tiết mục đó rồi. Và nó dở tệ.

Apollonius khôn khéo để Jonathan nghĩ rằng chính cậu đang có một ý tưởng mới, bảo:

– Một thứ khác vậy.

– Ví dụ như?

– Ta không biết. Cháu mới là thiên tài ở đây, không phải ta. Nhưng nó nên là một thứ gì đó mà trẻ con phải bỏ tiền tham gia, dĩ nhiên.

Jonathan hơi bị hấp dẫn, hỏi lại:

– Ví dụ như?

Apollonius nói:

– Ta đang nghĩ, có lẽ, chúng ta có thể khiến chúng mua một ma phương Trung Quốc đơn giản. Một tờ giấy nhựa đơn giản có đánh số phía trên. Với giá mỗi cái khoảng một đô, chúng ta có thể thu về khoảng bảy mươi, tám mươi triệu đô. Chúng ta chỉ tốn chừng vài xu để sản xuất nó. Bọn trẻ sẽ đặt nó lên sàn, rồi ngồi xuống một trong các ô vuông, trong ô số 4 – đó là một con số quan trọng – sau đó tất cả sẽ cùng tập trung suy nghĩ để giúp cháu thực hiện màn ảo thuật ấn tượng nhất từng được biết đến. Cháu thấy thế nào?

Jonathan nói:

– Nghe hay hơn bẻ cong nữa.

Apollonius bảo:

– Ta chỉ lấy ví dụ bẻ cong nữa. Nhưng ý tưởng của cháu tốt hơn nhiều.

– Ý tưởng của cháu?

– Điều khiển sự vật bằng ý chí tập thể.

Jonathan gật đầu và đề xuất:

– Như thế này được không? Cháu có thể biến mất. Trực tiếp. Trên tivi. Không có đạo cụ hỗ trợ.

Búng tay cái chóc, cậu bảo:

- Như thế này.
- Tuyệt. Ta thích thế. Cháu có thể làm được điều đó không?
- Chắc chắn rồi. Không thành vấn đề.
- Nhưng hãy cố làm nó hoành tráng hơn là...

Đến lượt Apollonius búng tay cái chóc.

- ... chỉ như thế này.

Jonathan bảo:

- Sao cũng được.

Cậu ngồi dậy và đi lang thang vào cái phòng tắm lát đá cẩm thạch khổng lồ, định tắm một cái, nhưng rồi lại đổi ý. Khoác vào cái áo choàng bằng khăn bông dày cộm, cậu dùng điện thoại trong phòng tắm gọi phục vụ phòng để đặt vài món ăn sáng. Khi nhân viên phục vụ hỏi cậu muốn dùng gì, cậu bảo cứ việc mang hết tất cả các món lên phòng cậu. Điều đó có vẻ đơn giản hơn nhiều so với việc phải quyết định về một thứ đơn giản như bữa sáng.

Cậu nói thêm:

- Và nhanh lên, ok? Tôi đói rồi.

Cậu ra khỏi phòng tắm, bật tivi lên và quăng mình xuống ghế sofa.

Lúc này cậu mới hỏi Apollonius:

- Chú bảo cháu nên biến mất hoành tráng hơn nghĩa là sao?
- Ý ta là, hãy để sự biến mất thật sự của cháu kéo dài hơn vài giây.

Jonathan bảo:

– Biến mất là biến mất. Một phút trước chú ở đó, và phút tiếp theo thì không. Còn có gì khác?

Apollonius nói:

– Chúng ta không phải đang hành nghề “suyt- suyt” hay “giữ-kín-bí-mật”, nhóc ạ. Nó được gọi là ngành biểu diễn, và có lí do hẳn hoi. Không, nếu cháu muốn biến mất chỉ như vậy, chúng ta muốn có thời gian thưởng thức nó. Cháu có thể xoay tròn tại chỗ một lúc trước đó chẳng hạn. Tạo ra một màn trình diễn có trước có sau.

Nghĩ về gợi ý đó, Jonathan dự tính cậu có thể tạo ra một ngọn gió lốc, đứng trên nó, rồi biến mất trong một cụm khói.

Tay không ngừng chuyển từ kênh này sang kênh khác cho đến khi tìm được một trong những chương trình tivi của chính cậu, Jonathan bảo:

– Chắc chắn rồi. Không thành vấn đề.

Apollonius hỏi cậu:

– Cháu có bao giờ nghe nói đến những Dervish<sup>[24]</sup> xoay vòng chưa?

Jonathan nhún vai:

– Có. Hình như cháu đã thấy mấy người đó trên *National Geographic*. Có lẽ vậy.

Apollonius cười toe. Gã chắc về điều đó. Gã đã để một tờ *National Geographic* có bài viết về những dervish xoay vòng xứ Mevlevi trong phòng tắm của Jonathan chỉ vì mục đích đó.

Jonathan hỏi:

– Có phải đó là những tay Trung Đông quay mòng mòng trong một vòng tròn không?



– Cháu nói cứ như họ vung vẩy túi xách trên một sàn disco ở Cocoa Beach ấy. Không, những người này thật sự tập trung vào việc đó. Dervish là những nhân vật thần bí với niềm tin rằng tốc độ xoay tròn của họ càng nhanh, hiệu ứng thôi miên của điệu nhảy càng mạnh hơn, và họ sẽ đến gần hơn thế giới tiếp theo. Dervish có nghĩa là “cửa vào”. Cửa vào thế giới tiếp theo.

– Thật à?

Apollonius nói:

– Xoay nhanh sẽ trở thành khoảng không gian trống rỗng nơi con người và thần thánh có thể gặp gỡ. Khi sức hút của điệu múa mạnh mẽ hơn, cú xoay sẽ trở thành phân tử, thiên hà và sự gọi nhớ tâm linh của sức mạnh trung tâm vũ trụ. Thậm chí có thể thay đổi sức mạnh trung tâm vũ trụ.

Jonathan lại ngáp dài một cái. Lần này là vì từ *phân tử*. *Phân tử* là một từ làm cậu nhớ đến môn hóa, môn học cậu không ưa thứ nhì ở trường, chỉ sau môn toán. Tất cả những kí hiệu nhỏ xíu ngớ ngẩn tượng trưng cho những thứ ngớ ngẩn. Đó là điều tệ nhất về trường học, chấm hết. Cậu phải học rất nhiều kí hiệu ngớ ngẩn của những thứ không hữu ích gì cho bất kì ai. Đặc biệt là với những người có sức mạnh djinn.

Apollonius nhận ra gã đã giải thích quá lố. Tốt nhất nên làm đơn giản những chuyện mà Jonathan có thể tâm. Không phải vì cậu là một kẻ ngu ngốc. Sự thật khác xa. Đơn giản chỉ vì cậu rất dễ chán.

Cho nên, gã nói với cậu:

– Cháu biết không, ý tưởng của cháu thật tuyệt vời.

– Chú nghĩ vậy à?

– Dĩ nhiên. Trẻ con thường thích quay mòng trong vòng tròn.

Cháu không làm thế khi còn nhỏ à? Quay vòng vòng như một dervish cho đến khi chóng mặt và té ngã.

Jonathan chán phải nhớ lại những kí ức thời thơ ấu nên nói cho qua chuyện:

– Cháu nghĩ là có.

Apollonius đề nghị:

– Để chú mang ý tưởng vĩ đại của cháu tiến xa hơn một bước nhé. Nếu cháu không ngại.

– Chú cứ nói đi.

– Chúng ta sẽ kết hợp điệu nhảy của dervish với ma phương. Bọn nhóc sẽ được hướng dẫn cách nhảy múa như một dervish thật sự khi mua một ma phương. Có thể tăng giá lên hai đô một cái. Sau đó, khi chương trình được chiếu trên tivi, chúng ta sẽ yêu cầu tất cả lũ trẻ ngồi vào ô số 4 và tập trung sức mạnh ý chí của chúng để giúp cháu xoay tròn nhanh hơn và nhanh hơn, cho đến khi cháu biến mất.

Jonathan gật đầu.

Apollonius nói tiếp:

– Vậy, như thế này được không? Khi lũ nhóc thấy cháu biến mất sau khi xoay tròn như một dervish, chúng ta sẽ mời lũ nhóc làm điều tương tự.

Cười khùng khục, gã bảo:

– Biết đâu được? Có thể chúng ta sẽ gợi ý là, sức mạnh toán học trong một ma phương đơn giản có nhiều đến nỗi nó nhân lên sức mạnh ma thuật của cháu, đủ để làm tất cả lũ nhóc cũng biến mất theo cháu. Ý ta là, cháu có biết tổng các con số trong mỗi hàng của

ma phương là một trăm mười một? Và các hàng cộng ra số sáu-sáu-sáu? Và nếu cháu nhân sáu-sáu-sáu lên với số hàng ngang, dọc và chéo, cháu sẽ được một trăm bốn mươi bốn nghìn, chính là số người được chọn lên thiên đường?

Nhún vai một cách ngây thơ, gã kết thúc câu nói:

– Hay một thứ tương tự như thế.

Jonathan nhăn mặt khi nghe nhắc đến toán học, và mắt cậu đại ra trước phép nhân dài hơi Apollonius vừa thực hiện. Cậu không chắc sáu trăm sáu mươi sáu nhân sáu nhân sáu nhân sáu có bằng một trăm bốn mươi bốn nghìn hay không. Nhưng cậu biết chắc rằng, cậu không muốn làm fan của mình thất vọng.

Jonathan hỏi:

– Rắc rối vậy để làm gì? Ý cháu là, lũ nhóc đảng nào cũng không biến mất. Vậy mục đích của việc đó là gì?

Apollonius nói:

– Không có mục đích. Hoàn toàn không có mục đích gì cả. Chỉ cho vui thôi. Gọi nó là quảng cáo cường điệu. Gọi là là chương trình tivi hấp dẫn. Gọi nó là chương trình biểu diễn.

– Nhưng lũ nhóc sẽ thất vọng khi chúng không thật sự biến mất, không phải sao?

Apollonius trấn an:

– Không sao. Chúng ta chỉ cần giải thích trên website là vì niềm tin của chúng không đủ mạnh. Hoặc có thể là vì chúng xoay không đủ nhanh. Kiểu kiểu như thế.

Lắc đầu, gã bảo:

– Đảng nào thì chúng cũng sẽ không đổ lỗi cho cháu đâu, nhóc.

Chúng sẽ đổ lỗi cho bản thân. Đó là lỗi của chúng. Không phải của cháu.

Rồi gã lại nhún vai nói:

– Với lại, ai sẽ phân nân sau khi cháu biến mất chứ? Ý ta là, chúng sẽ thấy một thứ chúng chưa bao giờ được thấy trước đó, đúng không? Một màn ảo thuật biến mất nhìn không giống ảo thuật. Cháu thấy thế nào?

Cảm thấy hứng thú với ý tưởng đó, Jonathan gật đầu bảo:

– Tốt. Không đạo cụ. Không áo choàng để núp bên dưới. Không hầm sâu khâu để lọt xuống. Không kĩ xảo hình ảnh. Chúng ta có thể để cháu biểu diễn trên một sàn xi măng cứng ở đâu đó. Chúng ta sẽ để vài nhân viên cầu đường dùng búa khoan khoan qua sàn trước đó để nhấn mạnh độ thật của nó. Với vài nhân viên FBI đứng canh để chắc chắn không có kĩ xảo camera hay kính giả nào.

Apollonius nói:

– Ta thích ý tưởng của cháu đó. Rất táo bạo. Chưa hề có ai làm một điều tương tự trước đó. Houdini? Ai là Houdini? Đứng kế cháu, nhóc, ông ấy chỉ như một tay nghiệp dư mà thôi.

Có tiếng gõ cửa từ bên ngoài phòng. Đó là nhân viên phục vụ phòng với vài cái xe đẩy tay chất nặng bữa sáng của Jonathan.

– Cháu làm điều đó như thế nào vậy, nhóc?

Jonathan lấy cho mình nửa tá xúc xích, sáu lát thịt xông khói, bốn cái bánh kẹp bơ sữa, một ít xi-rô quả phong, ba phần trứng chiên, cùng một ít cam vắt và nhe răng cười với Apollonius.

Cậu nói:

– Tập luyện. Chỉ là tập luyện thôi.



## CHƯƠNG 21

# Câu chuyện của Marco Polo

Phần đầu ngón út của Marco Polo bị mất. Nhìn thấy Philippa đang chú ý đến chi tiết đó, ông nhấc tay lên với vẻ ngượng ngùng.

Philippa vội giải thích:

– Cháu không có ý khiếm nhã gì cả. Chỉ là, tụi cháu này giờ vẫn thắc mắc tại sao ông chỉ có hai trăm lẻ năm khúc xương, thay vì hai trăm lẻ sáu cái. Bây giờ thì tụi cháu biết tại sao rồi.

Ông giải thích:

– *Questo?*<sup>[25]</sup> Ta đã mất nó trong trận chiến Curzola năm 1298. Khi ta chỉ huy một chiến thuyền hải quân Venice. Một quả đại bác Genoa đã phát nổ gần tay ta. Cháu thấy đấy, việc đó xảy ra ngay sau chuyến đi Trung Quốc đầu tiên của ta. Trong cuộc đời, ta đã may mắn và vinh dự có cơ hội trở thành đại sứ cho Đại hãn Hốt Tất Liệt vĩ đại của Trung Quốc. Và ngay khi đã chết, ta vẫn là đại sứ của ngài, vì tất cả những sự khoan dung, độ lượng ngài đã dành cho ta. Trong suốt triều đại của ngài cũng như sau đó, Đại hãn đã phái đi nhiều tử sứ như ta. Đến bốn góc trời của thế giới đã biết. Để cảnh báo mọi người về mối nguy hiểm tiềm tàng ẩn nấp trong vương quốc của ngài.

– Đó là lí do tại sao Trung Quốc đóng cửa với thế giới, với khách

nước ngoài trong một thời gian dài như vậy. Để bảo vệ thế giới khỏi những chiến binh ma quỷ. *Dong Xi*. Nếu đây thật sự là lí do tại sao ta được triệu hồi từ giấc ngủ gần hai trăm năm, vậy thì ta ở đây để kể cho mọi người nghe một câu chuyện, và để đề nghị giúp mọi người một tay. Nếu không, vui lòng hãy trả xương của ta vào lại trong rương, nơi mọi người đã tìm thấy chúng, và không làm phiền ta nữa.

Cậu Nimrod nói:

– Chúng tôi thật sự đang tìm kiếm sự hỗ trợ của ông để chống lại những chiến binh ma quỷ. Và chúng tôi sẽ rất vinh dự được nghe câu chuyện của ông. Đúng không, mấy đứa?

Philippa gật đầu:

– Vâng ạ. Nhưng cháu cũng muốn biết tại sao ông có thể nói được tiếng Anh chuẩn như vậy.

Marco Polo cho biết:

– Cái chết là thứ thể thông hành quan trọng nhất cháu có thể đạt được. Khi cháu chết, tất cả những bí ẩn được giải mã. Bao gồm bí ẩn vận hành của tiếng Anh.

Gật đầu về phía cái ghế của xó Cristina, Marco Polo hỏi:

– Mọi người có phiền nếu ta ngồi xuống không? Đó là một câu chuyện dài.

Đẩy cái ghế có bánh lăn về phía nhà thám hiểm vĩ đại, cậu Nimrod mời:

– Mời ngồi.

Trong một giây, Marco Polo ngấm nghĩa cái ghế, có phần hứng thú bởi những cái bánh xe dưới chân ghế. Rồi ông ngồi xuống và bắt

đầu câu chuyện của mình.

– Hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc là Tần Thủy Hoàng. – Marco Polo phát âm rành mạch tên vị hoàng đế – Tần Thủy Hoàng. Ngài sống trước Đại hãn Hốt Tất Liệt nhiều thế kỉ. Trước ngài, không có Trung Quốc. Thay vào đó là bảy nước tách biệt, trong đó nhà Tần là nước lớn nhất, cũng là nước thiện chiến nhất. Và chẳng tốn nhiều thời gian trước khi vị vua đầy tham vọng của nhà Tần nuốt chửng những nước láng giềng như tằm ăn lá dâu.

– Có thể nói được ngài là một người như thế nào từ cách ngài xưng hiệu: Tần Thủy Hoàng. Nó có nghĩa là “hoàng đế đầu tiên, Thiên đế, người hùng mạnh nhất trong vũ trụ”. Danh hiệu vĩ đại là thế nhưng, Tần Thủy Hoàng vẫn e sợ một thứ: cái chết. Ngài muốn được sống vĩnh cửu như các vị thần, và để đạt được điều đó, ngài đã sử dụng nhiều bí dược để kéo dài tuổi thọ. Không loại nào thành công. Nhưng ngài đã nghe đến một loại thuốc trường sinh có thể giúp ngài hoàn thành ước nguyện. Vì thế, hoàng đế đã triệu hồi tất cả những người thông thái nhất vương quốc đến hoàng cung – khoảng bốn trăm sáu mươi người – và lệnh cho họ đi tìm nó. Ngài đã có lựa chọn sáng suốt, vì, là đệ tử của triết học gia vĩ đại Khổng Tử, đây là những nho sĩ có đầu óc rất thực tế, rất nhạy bén. Họ không tin vào thuốc trường sinh, hay thậm chí là vào cuộc sống sau cái chết. Họ chỉ tin tưởng vào những gì được chứng minh một cách thỏa đáng. Và, theo lí luận của hoàng đế, với một cái đầu đa nghi, họ sẽ không dễ dàng bị lừa gạt đi tin một thứ là thuốc trường sinh khi nó không tồn tại.

– Cần nói thêm, dưới triều đại của ngài, Tần Thủy Hoàng đã nghiêm cấm tất cả các loại sách trong vương quốc, nhằm ngăn chặn thần dân của ngài nảy sinh ý tưởng vượt quá địa vị của họ. Điều đó

có nghĩa các nho sĩ không mấy kính yêu hoàng đế của họ. Nhưng họ không có cách nào khác ngoại trừ vâng lệnh, vì tất cả sự bất phục đều bị xử tử ngay lập tức.

– Một trong số đó là Yên Vũ. Một nho sĩ trẻ tuổi nhưng rất khôn khéo. Ông đã bí mật đọc nhiều cuốn sách về thành phố Baghdad vĩ đại, nằm cách Trung Quốc hàng trăm dặm về phía tây. Ông đã đọc về những điều kì diệu đã xảy ra ở đó. Yên Vũ quả quyết rằng, nếu thuốc trường sinh thật sự có tồn tại, nó chắc chắn sẽ ở Baghdad. Vì thế, đó là nơi ông đến.

– Khi đến đó, ông đã vô cùng kinh ngạc trước những gì được thấy. Phụ nữ rất xinh đẹp, các cửa hàng sách đầy ắp những cuốn sách thú vị, và các học giả ông gặp gỡ ở đó đều rất thông thái. Điều đáng kinh ngạc nhất ông thấy được là ở phố buôn. Có một gánh xiếc ở đó. Trong số những diễn viên gánh xiếc có những người ăn lửa, có một cô gái nuốt kiếm xinh đẹp, và một người đàn ông có thể nén giọng nói của mình vào một con chó, một cái cây hay một cái chai. Đó là người chúng ta thường gọi là “diễn viên nói giọng bụng”. Chỉ vì Tần Thủy Hoàng căm ghét ý tưởng thần dân của ngài giải trí xa xỉ, những thứ như gánh xiếc không hề tồn tại ở Trung Quốc.

– Yên Vũ bị những diễn viên đó gây ấn tượng mạnh đến nỗi, ông nửa tin rằng họ thật sự sở hữu sức mạnh siêu nhiên; rằng, chắc hẳn họ sẽ biết đến một thứ như thuốc trường sinh. Diễn viên gánh xiếc nghĩ Yên Vũ là một gã ngốc và cười nhạo ông. Chỉ có cô gái nuốt kiếm, vốn cũng là người Trung Quốc, thú nhận với ông rằng không có bí mật vĩ đại nào về những chuyện họ làm. Chỉ là tập luyện. Giờ đây, gã diễn viên nói giọng bụng, người đem lòng yêu cô gái nuốt kiếm, lo sợ Yên Vũ sẽ chiếm lấy tình cảm của cô. Cho nên, gã nói với Yên Vũ có thể tìm thấy thuốc trường sinh ở sa mạc bên



ngoài Baghdad. Bằng cách này, gã hi vọng Yên Vũ sẽ lạc đường và bỏ mạng ngoài sa mạc.

– Yên Vũ suýt chết. Trên đường tìm kiếm thuốc trường sinh ngoài sa mạc, ông hết sạch nước và nhanh chóng trở nên khát cháy. Nhưng, khi đang ngắc ngoải bò trên những đụn cát, ông thấy một cái chai cổ cao hi vọng nó đựng đầy nước rồi nhặt nó lên lắc thử. Cái chai trống rỗng. Giơ tay lên định ném nó đi trong cơn tuyệt vọng, ông bỗng nghe thấy một tiếng nói phát ra từ trong chai. Giọng nói trong chai bảo với Yên Vũ rằng, gã là một djinn, cầu xin Yên Vũ giải phóng cho gã, và hứa hẹn sẽ cho ông ba điều ước nếu làm vậy.

– Khát nước điên cuồng, Yên Vũ, ngờ rằng đầu óc đang chơi khăm mình, nghĩ rằng ông chẳng có mấy lựa chọn ngoài việc đồng ý và rút cái nút chặn nắp chai ra. Từ trong chai, một cụm khói lớn bay ra, và nhanh chóng tụ hội lại thành một djinn. Gã cảm ơn Yên Vũ và nói sẽ giữ lời hứa cho ông ba điều ước.

– Điều ước đầu tiên của Yên Vũ là có nước, dĩ nhiên. Nhưng trước khi nói điều ước thứ hai, ông kể cho djinn nghe về hoàng đế Tần Thủy Hoàng và ước muốn biết được bí mật về sự sống vĩnh cửu của ngài. Vị djinn trả lời rằng, không ai có thể sống trên trái đất vĩnh viễn, tuy nhiên họ có thể sống trên thiên đàng nếu muốn, và nhiều khả năng, điều hoàng đế muốn biết chính là bí mật của việc sống tốt đẹp sau khi chết, hoặc có lẽ là cách thống trị cuộc sống sau cái chết. Để làm được điều đó, hoàng đế cần nước miếng của djinn và cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư*, cuốn sách cổ đại nhất và thông thái nhất. Hai thứ có thể giúp Tần Thủy Hoàng đạt được ước nguyện. Khởi cần nói cũng biết điều ước thứ hai của Yên Vũ là có được cuốn sách cùng nước miếng djinn. Vị djinn vui mừng được nhờ một đồng

nước miếng vào trong cái chai và đưa nó cho Yên Vũ, vì gã không muốn nhìn thấy cái chai đã giam cầm gã nhiều năm qua một lần nào nữa.

– Ngay khi điều ước của ông được thực hiện và cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư* đã yên vị trên tay, Yên Vũ nhận ra ông đang ở trong một tình huống khó xử. Vì ông nhớ ra hoàng đế rất ghét sách vở. Làm sao ông có thể dâng lên hoàng đế một cuốn sách mà không đồng thời từ bỏ mạng sống? Rồi ông nảy ra một ý tưởng. Nhớ đến tài năng của tay diễn viên nói giọng bụng ở gánh xiếc, Yên Vũ quyết định rằng, nếu quảng giọng nói của mình vào một cái chai, ông có thể thu hút được sự chú ý của hoàng đế. Hay hơn nữa, ông có thể đọc tất cả những thứ vở vắn trong sách – vì đó là cách Yên Vũ nhìn nhận về những chuyện liên quan đến cuộc sống sau cái chết – và sử dụng giọng nói trong chai để kể lại nội dung của nó cho vị hoàng đế cả tin, và vẫn giữ nguyên cái đầu trên cổ. Và đó là điều ước thứ ba của ông: có được kĩ năng của một diễn viên nói giọng bụng.

– Và như vậy, vũ trang với cuốn sách, tài năng quảng giọng nói mới có cùng cái chai chứa nước miếng djinn, Yên Vũ, người yêu quý người dân đất nước mình và không dám bỏ mặc họ trước sự tàn bạo của vị hoàng đế nhà Tần, đã quay lại Trung Quốc. Ông đã hi vọng rằng, với chai nước miếng, cuốn sách và khả năng quảng giọng nói của mình, ông có thể giúp hoàng đế thấm nhuần dần tư tưởng Khổng Tử, và trở thành một vị vua tốt hơn. Đó không phải là một mong ước vô lí. Và một giải pháp thực tế cho đất nước của ông. Nhưng, như chúng ta đã biết, nó cũng là sai lầm của Yên Vũ, vì có nhiều thứ trên thế giới này hơn là triết học Khổng Tử – chắc chắn hơn nhiều so với những gì Yên Vũ có thể mơ tưởng tới.

– Về đến Trung Quốc, Yên Vũ được tin những nho sĩ khác đã trở

về trước ông và, vì không có gì đáng giá có thể đưa ra sau một hành trình dài hơi, họ đều bị hoàng đế ác quỷ Tần Thủy Hoàng chôn sống. Lấy hết can đảm, Yên Vũ tiến về phía hoàng cung, dâng cái chai lên cho hoàng đế. Ông cho biết nó chứa đựng thuốc trường sinh, tuy nhiên, không giống suy nghĩ của mọi người, nó không phải một thứ để uống, mà là một nhà tiên tri thông thái, người biết hết tất cả mọi bí mật của sự sống. Sau đó, ông ném giọng của mình vào trong chai, rồi tuyên bố nó sẽ không trả lời với hoàng đế mà chỉ với người đã tìm ra nó, nghĩa là Yên Vũ.

– Trong một lúc, hoàng đế nổi giận đùng đùng và đe dọa sẽ chôn sống Yên Vũ, cho đến khi giọng nói trong chai nhắc nhở ngài rằng, không ai cấm ngài lắng nghe điều nó nói với Yên Vũ: nghĩa là, bí mật về cách một người có thể thống trị vĩnh viễn trong cuộc sống sau cái chết. Và nhận ra điều giọng nói vừa nói có lý, cũng như bị thuyết phục rằng việc thống trị các vị thần trên thiên đàng tốt hơn nhiều so với việc thống trị những người tầm thường, ngu ngốc trên trái đất, Hoàng đế nhà Tần đã tha mạng cho Yên Vũ. Trên thực tế, khi ý tưởng được thống trị các vị thần ngày càng tăng cao, Tần Thủy Hoàng thậm chí còn phong Yên Vũ làm thừa tướng đầu tiên.

– Cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư*, cuốn sách mà Yên Vũ được vị djinn đưa cho, viết rằng, ai muốn thống trị cuộc sống sau cái chết chỉ cần trang bị trong mộ của mình một số hình nhân chiến binh để phục vụ sau khi chết. Nghĩ rằng ông có thể phân tán sự chú ý của hoàng đế với một chuyện có vẻ vô hại như thế này – nó sẽ giúp vị thừa tướng mới nhậm chức có thể thoải mái chấn chỉnh lại đất nước – Yên Vũ đã hướng dẫn Tần Thủy Hoàng chế tạo những chiến binh sẽ chiến đấu cho ngài sau khi chết. Những chiến binh này được làm từ đất nung (một loại gốm chống thấm nước) và nước miếng djinn,

sau đó được đốt ở một nhiệt độ cao trong những lò nung khổng lồ. Dĩ nhiên, Yên Vũ chưa bao giờ nghĩ đến việc những gì được viết trong cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư* hoàn toàn là sự thật.

– Thế rồi, Yên Vũ nói với hoàng đế rằng, khi đội quân đất nung được hoàn thành, giọng nói trong chai sẽ cho biết phần cuối cùng của nghi lễ để mang chúng đến một cuộc sống vĩnh hằng. Nhưng sau đó, quá bận rộn với việc điều hành đất nước một cách công bằng, đúng đắn, Yên Vũ đã quên mất công việc ông đã giao cho vị hoàng đế cả tin của mình. Ngài dường như khá vô hại khi bận tâm với những thứ vớ vẩn mà giọng nói trong chai đã cho biết. Tuy nhiên, Tần Thủy Hoàng chưa bao giờ là một người làm việc nửa chừng và, sau nhiều năm, ngài đã nắm trong tay một đội quân đất nung với quân số lên đến chừng tám nghìn. Yên Vũ đã thất kinh khi phát hiện ra điều đó, vì ông đã hoàn toàn không biết có một lượng lớn nông dân bản cùng bị buộc phải làm việc trong công trình kiến tạo lăng mộ ngầm và đội quân đất nung của hoàng đế. Nhưng điều kinh khủng hơn hẳn còn chưa đến.

– Tái mặt trước kích cỡ thật sự của đội quân đất nung, Yên Vũ muốn ngay lập tức ngăn lại sự điên cuồng này của hoàng đế, tuyên bố đã đến lúc giọng nói trong chai cho biết phần cuối cùng của nghi thức. Và, cần phải nói rõ, Yên Vũ, vốn chỉ tin vào những gì mình thấy được, chưa bao giờ bỏ công đọc đến khúc cuối của cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư*. Nhiều nho sĩ mắc tật dễ bị phân tâm và hay có lối tư duy một chiều. Nếu có đọc hết cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư* này (và có lẽ nên gọi nó là *Tử Vong Thư* mới đúng), chắc chắn ông sẽ không bao giờ đề cập đến đội quân đất nung. Vì trang cuối cùng của cuốn sách mô tả rằng, mỗi chiến binh đất nung cần để chiến đấu trong cuộc sống sau cái chết chỉ có thể trở thành *Dong Xi*, hay sinh vật,

của hoàng đế, nếu được bón cho linh hồn của mười đứa trẻ còn sống. Yên Vũ kinh sợ vô cùng, vì dù không nghĩ đội quân khổng lồ của hoàng đế có cơ hội được mang qua thế giới bên kia, ông cũng biết rõ nếu hoàng đế phát hiện ra chuyện này, ngài chắc chắn sẽ ra lệnh hy sinh tám vạn đứa trẻ – chính là tổng số trẻ em ở Trung Quốc vào thời điểm đó.

– Nhưng một lần nữa, tài xoay xở của Yên Vũ lại trở nên hữu dụng. Khi Tần Thủy Hoàng ra lệnh mang cái chai ra và yêu cầu nó nói với Yên Vũ – đó là cách đón nhận lời tiên tri từ cái chai thường làm – giọng nói “bảo” với Yên Vũ rằng giờ đây, khi đội quân *Dong Xi* đã hoàn thành, tất cả những gì cần làm còn lại là hoàng đế uống một lượng lớn thủy ngân và chết đi, để ngài có thể một lần nữa sống lại, mạnh mẽ hơn trước, và bắt đầu công cuộc chinh phục thiên đàng.

– Nếu là người khác có lẽ sẽ nhận ra sơ hở hiển nhiên trong điều mà giọng nói trong chai đã đề nghị. Nhưng với hoàng đế, nó lại hoàn toàn hợp lí, và trước sự nhẹ nhõm của mọi người, ngài đã làm y như Yên Vũ nói. Ngài đã uống một lượng thủy ngân đủ để giết chết một con ngựa và qua đời. Tất cả trẻ em ở Trung Quốc được cứu thoát. Yên Vũ sau đó ra lệnh chôn cất Tần Thủy Hoàng trong lăng mộ cùng với đội quân đất nung của ngài, với sự khác biệt quan trọng là phần cuối của nghi lễ *Dong Xi* không bao giờ được hoàn tất. Năm mộ chôn cất đội quân khổng lồ của những chiến binh ma quỷ sau đó được che lấp cẩn thận dưới hàng tấn đất, với tất cả các lối vào bị niêm phong kín mít để không ai có thể tìm ra chúng. Và, theo thời gian, hoàng đế Tần Thủy Hoàng dần rơi vào quên lãng.

John nói:

– Mọi người biết gì không? Cháu cá đó chính là những chiến

binh đất nung đã được phát hiện bởi một số công nhân người Trung Quốc năm 1974. Một vài cái trong số đó đã được cho mượn đến các bảo tàng trên khắp thế giới.

Philippa gật đầu bảo:

– Bao gồm bảo tàng Met.

John nói tiếp:

– Dĩ nhiên, cái cháu thấy chính là một trong những chiến binh đất nung đó. Thứ đã hấp thụ ông Rakshasas. Cháu không biết tại sao không nhận ra điều này sớm hơn.

Philippa bảo:

– Tất cả những rắc rối các bảo tàng gặp phải trong thời gian qua – các vụ trộm ngọc bích, cùng các vụ ma ám – chúng đều xảy ra sau khi bảo tàng tiếp nhận các chiến binh này.

Marco Polo cắt ngang:

– *Per favore*<sup>[26]</sup>. Nhưng câu chuyện của ta vẫn chưa kết thúc.

Cậu Nimrod nói:

– Xin lỗi. Xin mời ông tiếp tục câu chuyện.

Macro kể tiếp:

– Yên Vũ đã sống rất lâu. Nhưng về già, ông bắt đầu quan tâm những thứ một thời từng tin tưởng. Đó là chuyện thường xảy ra khi người ta già đi và cái chết đến gần hơn. Ý nghĩ về cuộc sống sau cái chết trở nên ngày một hấp dẫn hơn. Cùng lúc đó, Yên Vũ bắt đầu lo lắng rằng, một ngày nào đó, đội quân chiến binh ma quỷ có thể bị phát hiện, và sử dụng để làm công cụ chinh phục thiên đàng, như hoàng đế Tần Thủy Hoàng từng dự định. Vì thế, Yên Vũ đã đọc cuốn *Sinh Mệnh Sinh Thư* lần nữa và, sử dụng phần nước miếng

djinn còn lại, tạo ra năm tấm kim bài hiệu lệnh. Với một tấm kim bài này, một người có thể đòi hỏi sự thuận phục tuyệt đối từ tất cả những người khác, cũng như từ những chiến binh ma quỷ. Trước khi chết, Yên Vũ đã để lại năm tấm kim bài đó cho các triều đại hoàng đế tiếp theo của Trung Quốc.

Macro cho biết:

– Đó là điều đại hãn Hốt Tất Liệt đã nói cho ta. Để ta có thể kể lại cho mọi người nghe điều mà một thời chỉ có hoàng đế Trung Quốc được biết đến. Để giúp bảo vệ thế giới, Đại hãn đã đưa cho ta một trong năm tấm kim bài đó. Và ta đã mang nó về lại Venice.

Kể đến đây, Marco Polo thở dài một tiếng nặng nề. Philippa nghĩ, nó là một tiếng thở dài tích lũy qua bảy trăm năm.

Vì đi sau tiếng thở dài đó là một lời thú nhận kinh khủng cùng một lời xin lỗi muộn màng.

Marco Polo nói:

– Tấm kim bài đó đáng lẽ sẽ được đặt vào trong cái rương đồng này, cùng với xương của ta, để ta có thể nói lên thông điệp và chuyển giao nó cho mọi người bây giờ. Nhưng không may, ta đã làm mất nó. Ở đâu đó tại Venice.

Finlay không thể ngăn lại tiếng hét giận dữ:

– Ông làm mất tấm kim bài hiệu lệnh của Hốt Tất Liệt hả?

John hỏi như không tin vào tai mình:

– Ông kể cho tụi cháu một câu chuyện như thế. Và rồi ông nói với tụi cháu là ông đã đánh mất thứ duy nhất có thể giúp tụi cháu đánh bại cái đám chiến binh ma quỷ kia? Ông không nghĩ nó nghe ngớ ngẩn như thế nào hả?

Xoắn hai tay vào nhau trong sự hối hận khôn cùng, Macro bảo:

– Các cháu không biết ta cảm thấy có lỗi như thế nào đâu.

Nghĩ ngay đến ông Rakshasas, John nói:

– Ông *cảm thấy có lỗi*? Một trong lũ chiến binh ma quỷ đó đã hấp thụ một người bạn thân của cháu. Cháu không thấy có cách nào khác để mang ông ấy quay lại, trừ khi có tấm kim bài đó.

Cậu Nimrod đón nhận tin tức với sự bình tĩnh, cũng giống như Philippa. Giờ có nổi giận với Marco Polo cũng không có ích lợi gì. Vì thứ nhất, ông là người lớn tuổi. Và thứ hai, họ có thể thấy rõ Marco Polo vẫn đang tự trách móc bản thân, dù việc đã xảy ra bảy trăm năm trước.

Cho nên, cậu Nimrod lên tiếng:

– Xin ông đừng để ý lũ nhỏ. Trẻ con tuổi này thường không biết nói năng lễ phép với người lớn tuổi và có danh tiếng như ông. Chúng tôi sẽ rất biết ơn nếu ông có thể nói rõ đã đánh mất tấm kim bài như thế nào.

Macro cho biết:

– Khi đó, tôi đang đi thuyền về nhà ở Cuzzio, Cannaregio tại Venice, để cất tấm kim bài vào hầm lưu trữ của một nhà băng ở đó. Tấm kim bài nằm trong một cái túi nhung. Khi tôi đang bước lên bờ, một đợt sóng thành linh đập vào, khiến tôi trượt chân. Tấm kim bài đã tuột ra khỏi túi và rơi xuống kênh. Một số thanh niên địa phương đã lặn tìm nó trong nhiều ngày sau đó, nhưng không có kết quả. Nước quá bẩn, và lớp bùn dưới đáy quá dày. Không còn tấm kim bài hiệu lệnh, tầm quan trọng trong thông điệp của tôi bị giảm hẳn. Nhưng tôi có thể làm được gì chứ? Tôi e là nó đã thất lạc vĩnh viễn.



Cậu Nimrod nói:

– Nếu nó *đã* thất lạc vĩnh viễn, tôi e rằng chúng ta cũng xong luôn rồi.



## CHƯƠNG 22

### Đấu lý

Là một thế giới bí mật chỉ được biết đến bởi djinn, Iravotum nằm sâu trong lòng đất của nơi từng một thời là Babylon, và hiện nay là đất nước Iraq. Đó là một nơi kì lạ và đáng sợ, mà cả John cùng Philippa đều có thể dễ dàng công nhận. Cả hai vẫn còn bị ám ảnh bởi kí ức về Iravotum cùng những thứ chúng đã thấy ở đó. Và sẽ luôn như vậy.

Khi con người ước một điều xấu, hay ước trong cơn giận dữ, đôi lúc những điều ước đó sẽ trở thành hiện thực, và Iravotum là nơi đến của những điều ước khắc nghiệt đó, với hi vọng được chữa lại cho lành. Hiếm khi điều đó xảy ra. Nhưng không phải chỉ có những điều ước bất thường như thế mới kết thúc ở Iravotum. Khi một djinn già hoặc non trẻ mơ những giấc mơ khủng khiếp, đôi lúc những giấc mơ đó sẽ trở thành hiện thực ghê sợ, và những con quái vật từ đầu óc ngủ mơ của họ cũng sẽ đến Iravotum.

Iravotum còn là nơi một djinn – không phân biệt phe Thiện hay phe Ác, nhưng theo quy định từ cổ xưa luôn là một djinn nữ – phải đến để có thể trở thành vị djinn hùng mạnh nhất, Djinn Xanh Babylon vĩ đại; đó là chỗ ở tâm linh của bà, và là nơi mà, cứ cách một khoảng thời gian nhất định, bà sẽ phải quay về để hồi phục

bản thân. Vì đó là nơi tồn tại Cây Logic, họ hàng gần của hai cái cây nổi tiếng: Cây Hiểu biết Thiện và Ác, và Cây Sự Sống.

Tất cả mọi thứ ở Iravotum đều chịu ảnh hưởng của Cây Logic. Không khí ngập tràn hương hoa ngọt ngào của nó – những đóa hoa, giống như quả của nó, nở rộ quanh năm. Ngay cả nguồn nước địa phương cũng chịu ảnh hưởng của rễ cây. Người ta biết rất ít về việc tại sao Cây Logic có thể tác động đến đầu óc và trái tim của một djinn. Nhưng có một điều chắc chắn là, nó chỉ mất ba mươi ngày để biến djinn thành một sinh vật của Logic, một người hoàn toàn lãnh đạm với khái niệm đúng hay sai.

Một triết gia nổi tiếng từng nói, Logic chỉ cần quan tâm đến chính nó, và mọi thứ khác đứng kề bên nó đều trở nên vô nghĩa. Đó là cách thực thi luật pháp của djinn. Nhưng không phải lúc nào cuộc sống cũng chỉ quay quanh việc làm những chuyện hợp logic. Sự tự do được làm những điều sai cũng quan trọng không kém sự tự do được làm những điều đúng. Đó là cái khiến cuộc sống trở nên thú vị. Và hầu hết mọi người đều đồng ý rằng, việc trở thành Djinn Xanh đòi hỏi một sự hy sinh đáng kể của cả djinn phe Thiện và phe Ác. Vì đó không phải là một việc nhỏ khi bạn ngừng là chính mình – dù bạn là một Marid nhân hậu, hay là một Ifrit quỷ quyết – và trở thành một người khác. Có thể nói, tiến trình trở thành Djinn Xanh gần như là từ chối sự sống.

Đặt chân đến Iravotum, điều đầu tiên bà Gaunt làm là đi ra vườn để ngắm nhìn Cây Logic, thứ bà biết sẽ có tác động mạnh đến bà, và biến bà từ một người phụ nữ nhân hậu, hạnh phúc, người là mẹ của hai đứa trẻ xinh xắn, vui tươi, thành một sinh vật dửng dưng với tất cả mọi chuyện – trừ việc thực thi công bằng cho djinn.

Đó là một cái cây có vẻ ngoài kì lạ, nhìn không giống bất cứ thứ

gì khác trên trái đất. Khác biệt đầu tiên là nó rất già – già hơn nhiều so với cây củ tùng vĩ đại có tuổi thọ cao nhất từng được biết đến – với lớp vỏ xanh xám cứng như san hô, và những tán lá rìa nhọn hoắc mang một sắc xanh kì lạ. Không những thế, một trong những cái rễ khổng lồ mọc trời lên mặt đất của nó nhìn rất giống một cái đầu sư tử dữ tợn, trong khi một cái khác lại mang khuôn mặt của một phụ nữ xinh đẹp. Thật sự, càng nhìn cái rễ cây, Layla Gaunt càng chắc chắn đó chính là khuôn mặt của Ishtar, vị Djinn Xanh Babylon đầu tiên, người một thời từng được tôn thờ như nữ hoàng của thiên đàng, cũng là người có biểu tượng là sư tử và màu xanh.

Điều tiếp theo Layla Gaunt làm là cho bà Glumjob thôi việc, ban tặng bà ba điều ước – một việc mà Ayesha, người tiền nhiệm của Layla, đã quên làm – và gửi bà về lại quê hương của bà ở Greenville, Bắc Carolina. Một sự đền bù có phần công bằng cho bốn mươi lăm năm trung thành phục vụ. Ngoài ra, Layla có mang theo bạn đồng hành tương lai của bà, một cậu bé nhà nghèo người Pháp Guiana tên gọi Galibi, hiện tại cậu đang bị giam giữ trong một trạng thái bất động giống như một con búp bê voodoo<sup>[27]</sup> vì dính chú hình nhân độc ác của Iblis. Ngay khi trở thành Djinn Xanh và đủ mạnh để giải trừ sức mạnh của Iblis, Layla dự định sẽ mang Galibi ra khỏi cái hộp các tông của cậu, và biến cậu lại thành một cậu bé bình thường. Rồi bà sẽ dạy dỗ cậu và cuối cùng, sau vài năm phục vụ, trả cậu về với thế giới bên ngoài. Ít nhất đó là kế hoạch của bà.

Cố gắng không nghĩ đến những gì bà để lại sau lưng ở New York, Layla lao đầu vào việc chuẩn bị cho khoảng thời gian ba mươi ngày trước mắt, cũng như cho giây phút bà chính thức trở thành

Djinn Xanh Babylon. Bà lên kế hoạch thay đổi lâu đài treo nổi tiếng – sở dĩ nó được gọi như vậy vì từng treo lơ lửng ở rìa một vách đá. Vì không thích thú lắm với độ cao, Ayesha đã sử dụng sức mạnh của bà để biến đổi lâu đài được Hoàng đế Nebuchadnezzar xây dựng cho Ishtar thành một phiên bản copy hoàn chỉnh đến từng chi tiết của Ngôi nhà Osborne, vốn là nơi ở của Nữ hoàng Victoria trong nhiều năm.

Ngôi nhà Osborne không hợp “gu” của Layla Gaunt. Nó quá đậm chất “mệnh phụ phu nhân”, với những tấm rèm cửa kiểu cách, nệm tua, những bức tranh sơn dầu u ám và những vật dụng hoa hòe hoa sói. Cho nên, Layla quyết định sẽ thay thế Ngôi nhà Osborne bằng một thứ khác. Lâu đài nguyên gốc của Ishtar vẫn là một lựa chọn, dĩ nhiên. Nó luôn ở đó, như nền tảng cho tất cả những lâu đài khác được tạo ra bởi vị Djinn Xanh tối cao. Nhưng tất cả các djinn đều có một “ngôi nhà mơ ước” trong đầu, và nó thường được lấy làm hình mẫu khi họ trang trí nội thất bên trong cái gọi là cây đèn thần của mình, một nơi dĩ nhiên có bên trong rộng lớn hơn nhiều so với vẻ bề ngoài. Ngôi nhà mơ ước của cậu Nimrod là Tòa nhà Hoàng gia Brighton nổi tiếng trên bờ biển Anh; của ông Rakshasas là một thư viện lâu đời nổi tiếng ở quảng trường St. James của London. Nhưng ngôi nhà mơ ước của bà Layla Gaunt lại là một thứ hoàn toàn khác.

Bà vẫn luôn yêu thích một ngôi nhà có tên gọi Fallingwater, xây dựng bởi kiến trúc sư nổi tiếng Frank Lloyd Wright vào năm 1939. Căn nhà được xây trên một hệ thống các “mâm” bệ đỡ ban công bằng bê-tông cốt thép ngay phía trên thác Bear Run, một dòng thác chảy xiết của dãy núi Allegheny. Từ khi trông thấy bức hình của căn nhà lúc còn nhỏ, bà Layla đã muốn sống trong đó. Đây là cơ hội của bà, và nó có vẻ chỉ là một sự đền bù nho nhỏ cho những gì bà

buộc phải từ bỏ.

Rất may, Ayesha có một thư viện phong phú với nhiều sách về kiến trúc sư nổi tiếng nhất nước Mỹ cùng nhiều hình ảnh về căn nhà nổi tiếng nhất của ông. Và Layla có thể nghiên cứu chúng một cách cẩn thận trước khi phá hủy Ngôi nhà Osborne và tập trung toàn bộ sức mạnh djinn của bà vào việc tạo ra kiến trúc thay thế nó. Đó là một công việc kéo dài vài tiếng đồng hồ, và khiến bà cảm thấy kiệt sức đến nỗi phải dời lại công tác chỉnh trang nội thất cùng thêmثاث đồ gia dụng đến mấy ngày sau. Nhưng ba tuần sau đó bà đã có thể cảm thấy thoải mái như ở nhà, một việc dĩ nhiên là do ảnh hưởng của Iravotum. Bà Layla thật sự sẽ không bao giờ có thể cảm thấy thoải mái như ở nhà mà không có chồng và hai đứa con yêu dấu, chưa kể đến bà Trump, con mèo Monty cùng những người bạn New York thông thái của bà.

Giọng một cô bé vang lên:

– Cháu thích căn nhà của cô. Nó rất là hài hòa. Cháu tán thành. Cháu không chắc mình sẽ chọn sống trong một ngôi nhà như thế. Ai biết được? Có thể cháu sẽ làm vậy.

Layla đang đọc báo trong cái phòng khách lộng lẫy mới được kiến tạo của bà, ngược mặt lên khỏi bức hình Jonathan Tarot in trên báo và nhìn chăm chăm vào Faustina như một con mèo.

Bà hỏi:

– Cháu đang làm cái quái gì ở đây thế?

Faustina nhận xét:

– Cô có cách chào đón một người hơn mười hai năm không gặp hay thật đấy.

Layla thừa nhận:

– Ta đã quên cháu chỉ biến mất.

Faustina nói:

– Hầu hết mọi người đều nghĩ vậy. Nhưng không phải, em trai cô – chú Nimrod – cùng con trai và con gái cô thì không vậy. Họ là người đã giải cứu cháu.

Layla hỏi, giọng có vẻ ngạc nhiên:

– Giải cứu? Ý cháu là, cháu không phải một trong những điều ước không xác định tồn tại trong khu rừng ở bên kia vách tường lâu đài à?

Giơ tay ra, Faustina nói:

– Không. Cháu là thật. Cô có thể tự mình kiểm tra nếu muốn.

Layla nắm lấy tay cô, và Faustina khẽ rung mình. Tay của Layla cứng ngắt, lạnh lẽo, và Faustina có thể tưởng tượng được trái tim của bà cũng trong một tình trạng tương tự.

Layla nói nhạt thếch:

– Ừ, cháu là thật. Làm cách nào vậy? Cháu rốt cuộc cũng tìm lại được cơ thể à?

Faustina bảo:

– Vâng. Hay nói đúng hơn, người tìm được là họ.

– Ồ, tốt cho cháu.

– Cô không hỏi cháu gia đình cô như thế nào à?

Layla lạnh nhạt hỏi:

– Gia đình ta như thế nào?

– Tốt. Họ gửi đến cô tình yêu của họ. Cùng hi vọng sớm gặp lại cô.

Layla không nói gì.

Faustina nói tiếp:

– Như cháu đã nói, chú Nimrod và Philippa đã tìm ra cơ thể cháu. Nó nằm trong một hầm mộ ở đâu đó tại Ý. Rồi John và ông Rakshasas đi tìm linh hồn cháu ở nhà dì cháu trên đảo Bannerman. Họ là những người tuyệt vời. Đặc biệt là John. Cậu ấy rất dũng cảm. Cũng rất đẹp trai. Cháu nghĩ cô tự hào về họ lắm.

Layla bảo:

– Có vẻ như họ đi tìm quá nhiều phiền phức để cứu vãn một việc do cháu tự gây ra cho bản thân, Faustina. Điều gì khiến cháu làm một chuyện ngu ngốc như thế lúc đó vậy? Âm Thủ tướng ấy?

– Một phút nông nổi của tuổi trẻ chẳng?

– Cháu giống y thằng em trai của cháu.

– Không hoàn toàn là thế.

– Ồ, ta hi vọng cháu đã học được bài học của mình. Cháu nên ăn mừng may mắn là họ đã bỏ công đi tìm cháu. Tại sao họ làm vậy?

Faustina trả lời:

– Họ hi vọng cháu thay thế cô. Trở thành Djinn Xanh Babylon.

Layla nói:

– Và điều gì khiến họ nghĩ ta muốn được thay thế? Ta thích nơi này.

Bà đưa mắt nhìn xung quanh, nghe được tiếng thác chảy và gập đầu hài lòng.

– Chỗ này khá tuyệt, cháu không nghĩ vậy sao?

Faustina bảo:



– Có lẽ cô đã quên một chuyện. Cháu là người được chỉ định. Không phải cô.

Layla nói:

– Đó là trước khi cháu biến mất. Trước khi cháu bị coi như đã chết, Faustina.

– Và rõ ràng cháu không có chết, cô Gaunt.

– Layla. Gọi ta Layla được rồi. Vậy, chúng ta sẽ đứng ở đâu trong chuyện này đây?

– Cô nói đi, *Layla*.

Layla lạnh lùng nói:

– Ta sẽ nói, cháu đã quá trễ. Buổi trình diễn vẫn cứ tiếp tục thế thôi. Ta hiện đã là Djinn Xanh. Nếu ta là cháu, ta sẽ nói với bản thân rằng mình đã may mắn trốn thoát, rồi rời khỏi đây và sống một cuộc sống như mong muốn.

– Cháu không đồng ý với chuyện đó.

Layla nhún vai, hoàn toàn không quan tâm đến phản đối hết sức bình thường của Faustina.

Faustina đề nghị:

– Hãy giải quyết chuyện này theo logic.

– Cháu cứ việc.

– Cô đã hứa với Ayesha sẽ đảm nhận vị trí sau khi bà qua đời, đúng không?

– Đó là một lời hứa trang trọng được đưa ra trong buổi trò chuyện cuối cùng giữa ta và bà ấy.

– Nhưng cháu đã lập một lời thề trước cô, và đã được chỉ định bởi chính Ayesha. Bản thân cháu không nhớ chuyện đó. Nhưng mẹ

cháu luôn nói cháu đã lập một lời thề.

– Mẹ cháu ra sao rồi?

– Mẹ rất lo lắng. Cho em trai cháu, Dybbuk.

– Phải rồi. Lo lắng là đúng. Thằng bé đó chính là rắc rối. Quả táo không rơi xa khỏi cây.

– Ý cô là?

Layla cười mỏng tanh:

– Cha nào con nấy. Nhớ lời ta, chuyện này sẽ kết thúc trong nước mắt. Nó sẽ sử dụng hết sức mạnh của mình, và rồi...

Bà búng tay một cái.

– ... Bụp. Như thế này. Ngọn lửa djinn cháy trong người nó sẽ tắt. Cháu đã từng thấy một djinn mất hết sức mạnh chưa?

– Chưa.

– Một cảnh tượng đáng buồn. Như trông thấy một con sư tử mất nanh. Rất thảm hại.

Faustina ngồi xuống cái ghế đối diện Layla và nói:

– Chúng ta đang đi lạc khỏi vấn đề. Chúng ta đang nói về việc cháu được đích thân mẹ của cô chỉ định làm Djinn Xanh. Đó là lí do tại sao cô được mời đến nghi lễ đó. Lời lẽ cũng đã được nói ra rồi. Những lời quan trọng. Còn cả một lời thề. Cháu thề. Không phải cô. Cháu nghĩ chắc cô còn nhớ?

– Không có gì không ổn với trí nhớ của ta.

– Và cô đã ở đây bao lâu rồi?

– Hai mươi sáu ngày.

– Vậy thì mọi thứ không như cô tuyên bố. Cô còn năm ngày nữa mới trở thành Djinn Xanh thật sự. Chúng ta có thể đồng ý về điều

này không?

– Ta không thể bắt lỗi logic của cháu được, cô bé.- Cô có cuốn *Những quy luật Baghdad* nào ở đây không?

– Dĩ nhiên. Cháu nghĩ ta là ai? Một kẻ tập sự à?

– Chỉ là một người giả đồ thôi.

– Điều đó cần phải xem tiếp mới biết.

Faustina nói:

– Cháu đã nghiên cứu *Những quy luật Baghdad* trong nhiều năm trời. Chính xác là mười hai năm. Cháu nghĩ cháu có thể đọc ngược các điều luật. Nhiều cái trong đó sẽ có lí hơn theo cách đó. Nếu cô không ngại, cho phép cháu trích dẫn lại phần 459, tiểu khu 18, điều khoản 14, đoạn 12, dòng thứ 6: “Một lời thề trang trọng được lập ra với hai djinn làm chứng và được đóng dấu chỉ định sẽ luôn đứng trước một lời hứa trang trọng đưa cho một djinn làm chứng.” Cô có thể coi lại nếu không tin cháu.

Layla bảo:

– Ô, ta tin cháu. Câu hỏi ở đây, hai djinn làm chứng của cháu là ai?

– Mẹ cháu. Và cô.

– Ta là một trong những nhân chứng chống lại chính ta, đúng không?

Faustina hỏi:

– Cô có phủ nhận việc mình ở đó không?

– Nếu ta phủ nhận thì sao?

– Nếu nói dối thì logic ở đâu ra chứ? Cô đã ở đó khi cháu lập lời thề. Không phải sao?

– Logic của cháu hoàn hảo không chê vào đâu được. Ta chấp nhận thất bại. Lập luận của cháu tốt hơn ta. Dù phải nói ta tự hỏi sao cháu muốn vậy. Ý ta là, muốn trở thành Djinn Xanh. Ta nghĩ một cô bé ở tuổi cháu sẽ muốn có một cuộc sống tốt hơn chứ. Như tự do sống chẳng hạn.

Faustina không trả lời thắc mắc đó. Đó là chuyện riêng của cô.

Cô hỏi bà Gaunt:

– Cô sẽ làm gì?

– Tạo ra một ngọn lốc gió. Bay về nhà.

Faustina bảo:

– Cháu nghĩ tốt nhất cô nên rời khỏi đây càng sớm càng tốt. Vì những lí do hiển nhiên.

– Ta đồng ý.

Đứng dậy, bà Gaunt nói thêm:

– Có một thằng bé trong một hộp các-tông đầu đó trong chỗ này. Nó là nạn nhân của chú hình nhân do Iblis tạo ra. Cháu có lẽ nên bỏ thời gian phục hồi nó lại cuộc sống bình thường khi đủ mạnh. Ta đã định cho nó làm bạn đồng hành của ta ở đây.

Faustina gật đầu bảo:

– Chắc chắn rồi. Không thành vấn đề. Con gái cô đã nói với cháu rằng, để phản lại tác động của Cây Logic, cô phải chờ cho đến khi ra khỏi Iravotum, và rồi uống thật nhiều nước vào.

Bà Gaunt nói:

– Cảm ơn. Ta sẽ thử làm điều đó.

Bắt tay với Faustina, bà chúc:

– Chúc cháu may mắn.

Rồi bà Gaunt bước ra khỏi căn nhà mà bà chỉ mới vừa hoàn tất.

Layla mua một hộp khăn giấy và một chai nước khoáng loại lớn ở một quán cà phê nhỏ ở trung tâm thành phố Baghdad. Bà uống cả chai nước, và rồi ói ra một chất có vẻ độc hại có màu sắc và độ sệt như dầu nhớt. Với mỗi phần thần ngôn – vì đó chính là tính chất của thứ chất nhờn sản sinh dưới tác động của Cây Logic – bị phun ra, một phần của bà Layla cũ được phục hồi, cho đến khi bà lại có thể nhận ra chính mình. Ngay lập tức, bà nhớ chồng, nhớ con, và nhớ ngôi nhà của bà. Nhớ cùng cực. Bà chờ đến buổi tối và đi đến một bãi đỗ xe, nơi bà bắt tay vào việc tạo ra một ngọn lốc gió mạnh mẽ. Vài phút sau, bà đã bay dọc qua bầu trời đêm, hướng về phía New York.

Lộ trình trên không của bà đưa bà về phía đông, băng qua Vạn Lí Trường Thành, Bắc Kinh và Nhật Bản, rồi đến Thái Bình Dương. Trong khi bay, có đôi lúc bà bật khóc vì sung sướng khi nghĩ đến chuyện sắp được trở về nhà. Người mẹ nào lại không trông đợi được đoàn tụ với gia đình mình? Trái tim bà ngập tràn hi vọng và trông mong. Và Layla không thể nào ngờ đến việc, một trong ba điều ước mà con gái bà đã ban cho một viên cảnh sát New York khiêm nhường đang sắp sửa ảnh hưởng nặng nề kế hoạch của bà.

Viên cảnh sát đã nói với Philippa:

– Cháu muốn biết điều ước thứ ba của ta phải không? Ta ước cho không ai ở thành phố New York này có thể ăn món *pâté de foie gras*. Đó là điều ta ước. Rằng không ai có thể ăn *pâté de foie gras*.

Đó là điều viên cảnh sát đã ước, và đó là điều Philippa đã thực hiện. Cô đã không thể nào biết được một việc có vẻ nhân ái như vậy lại để lại hậu quả. *Những hậu quả thảm họa*. Vì, như vẫn thường

nói, đôi lúc việc thực hiện điều ước cho con người sẽ có những kết quả không ai thấy trước, cũng như không ai dự đoán được. Ngay cả với một điều ước với một mục đích tốt. Như ông Rakshasas vẫn ưa nói: “Có một điều ước cũng giống nhóm một ngọn lửa. Ai đó bị khói làm cho cay mắt ầu cũng là điều hợp lý.”

Và, trong trường hợp đặc biệt này, không có khói nếu không có một đám cháy to.

Giờ đây, bởi vì Philippa đã làm toàn bộ nguồn cung cấp *pâté de foie gras* của New York biến mất, các đơn vị nhập khẩu của Mỹ phải đặt hàng khẩn cấp một tấn *pâté de foie gras* từ Pháp.

Vì chuyện đó, nhà cung cấp người Pháp ở Périgord đã chuyển nguồn cung cấp *pâté de foie gras* từ những khách hàng nghèo hơn, xa hơn, ở những nơi như French Guiana, qua cho New York.

Rồi, vì tiến sĩ Pierre Chartreuse ở French Guiana không nhận được hộp *pâté de foie gras* mà ông đặt cho sinh nhật của mình, ông đã xách súng ra và bắn hạ một con bồ câu cho bữa tối, vốn cũng là một trong những món ẩm thực hàng đầu ở Pháp.

Tiếp theo, vì con bồ câu đã bị giết, nó không ăn những quả mọng mà nó đã tìm được trên nhánh cây gần tổ.

Bởi vì những quả mọng này không bị bồ câu ăn, nó trở thành thực phẩm cho một con chuột mà đáng lẽ sẽ chết vì đói.

Và bởi vì con chuột sống sót nhờ vào những quả mọng trên, nó sau đó đã gặm đứt một sợi dây bên trong một tên lửa của Pháp được hoạch định phóng một vệ tinh vào không gian.

Giờ đây, vì sợi dây bên trong tên lửa bị hỏng, hệ thống dẫn đường của tên lửa bị chập mạch.

Cuối cùng, vì cái tên lửa Pháp này bị trục trặc, nó phóng thích

khỏi vệ tinh sớm hơn dự kiến và rớt xuống bên trong núi lửa Kilauea ở Hawaii, ngọn núi lửa hoạt động lớn nhất thế giới. Nhiên liệu chậm đông của tên lửa làm lớp dung nham trong núi lửa lạnh đi, khiến nó đóng vảy lại và sản xuất ra một hiệu ứng nổi áp suất chỉ phát tác khi đạt đến áp suất nổ. Cùng lúc đó, một vụ lún đất lớn bên dưới mặt nước làm gia tăng gấp đôi kích thước lò dung nham. Và tất cả những việc này tạo ra một vấn đề lớn cho Layla Gaunt, vì lịch trình bay về nhà của bà đang mang bà đến ngay phía trên miệng núi lửa Kilauea ở độ cao khoảng một trăm năm mươi hai kilomet. Ngay khi nó chuẩn bị bùng nổ trận phun núi lửa lớn nhất được biết đến từ sau vụ núi lửa chôn vùi đảo Krakatoa năm 1883.



## CHƯƠNG 23

### Kim bài hiệu lệnh

Cậu Nimrod ngáp ngừng liếc nhìn Marco Polo, rồi lại ngó cái đồng hồ đeo tay của cậu. Cậu đã hi vọng nhắc nhở nhà thám hiểm cổ đại của thành Venice biến mất bằng cách lấy ra một miếng vải và lau chùi hình vẽ ma phương đã làm ông tạm thời sống lại. Nhưng Marco Polo lại không có vẻ tiếp thu gợi ý gì, và họ biết rõ xơ Cristina có thể quay lại đây bất cứ lúc nào. Finlay hiện đã bồn chồn đứng trước cửa, mắt trông chừng cái cầu thang dài ngoằn dẫn lên phòng thánh tích.

Là một quý ông người Anh, cậu Nimrod thường tránh đi sự khiếm nhã và những hành động lỗ mãng, nhưng lần này, cậu không còn cách nào khác ngoài việc nói thẳng ra là Marco Polo nên đi – theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Vừa xoa xoa tay, vừa đá đá cái rương đồng trống rỗng từng chứa những cái xương của Marco Polo một cách đầy ẩn ý, cậu Nimrod lên tiếng:

– Ồ... ừm... cậu chắc là tất cả chúng ta đều rất cảm ơn quý ngài Marco Polo vĩ đại đã đến nói chuyện với chúng ta hôm nay. Đúng không, các cháu?

Ráng gấn một nụ cười gượng gạo trên khuôn mặt, Philippa nói:



– Ê? À, vâng, đúng thế ạ.

John/Finlay đồng thanh:

– Cám ơn ông. Câu chuyện của ông về Yên Vũ và *Dong Xi* rất thú vị ạ.

Cậu Nimrod gật gật đầu:

– Thú vị, đúng không? Nhưng chúng ta không nên giữ chân ông lâu hơn nữa, các cháu nhỉ? Cậu chắc là, ông còn cả một ngàn lẻ một chuyện cần phải làm.

Cậu Nimrod nở một nụ cười đầy mong đợi với Marco Polo. Im lặng một lúc, cậu nói thêm:

– Cho nên, hãy thể hiện sự cảm kích của chúng ta và nói tạm biệt theo cách thông thường đi nào.

Cậu Nimrod bắt đầu vỗ tay và, với không mấy phấn khích, Philippa cùng Finlay/John vỗ theo.

Lại một sự im lặng kéo dài. Trong suốt thời gian đó, Marco Polo vẫn ngồi yên trên cái ghế công sở của xó Cristina.

Cậu Nimrod tuyên bố với một thái độ dứt khoát mà cậu hi vọng sẽ giúp truyền đạt được suy nghĩ của cậu:

– Thông điệp đã chuyển giao. Hoàn toàn. Tuyệt đối. Đầy đủ. Không hơn không kém.

Marco Polo lơ đãng nói:

– Có lẽ tôi đã không nói rõ. Tôi không chỉ là một người đưa tin bình thường. Tôi còn có nhiệm vụ phải giúp mọi người tiêu diệt những chiến binh ma quỷ. Tôi không thể rời đi chừng nào chúng còn chưa biến mất. Không phải là bây giờ.

Cậu Nimrod mỉm cười một cách gượng gạo.

Finlay thông báo:

– Xơ Cristina đang trên đường lên đây. Cháu thấy bà ấy đang lên. Chúng ta sẽ nói gì với bà ấy về Marco Polo đây?

Cậu Nimrod lầm bầm:

– Hmm...

Finlay giục:

– Sử dụng sức mạnh của chú đi. Biến chúng ta ra khỏi đây. Hoặc biến ông ấy thành, cháu không biết nữa, dơi chẳng hạn, hoặc một cái gì đó. Nhưng làm gì đó đi chú.

Philippa hỏi cậu của cô:

– Cậu đang nghĩ gì vậy?

Đến giờ phút này, họ có thể nghe được tiếng bước chân của xơ Cristina đang từ từ bước lên các bậc thang ở bên ngoài.

Cậu Nimrod nói:

– Cậu đang nghĩ, xơ Cristina sắp sửa phát hiện ra, có nhiều điều về thế giới này hơn những gì bà biết. Nếu có thể vượt qua được mấy bậc thang ngoài kia, cậu nghĩ chắc bà ấy cũng có thể chịu được cú sốc của điều chúng ta sắp sửa nói, cháu nhỉ?

Xơ Cristina xuất hiện trên cửa vào phòng thánh tích, với hơi thở chỉ hơi hỗn loạn một chút. Trước sự ngạc nhiên của Finlay/John và Philippa, bà đang cầm một gói đồ được gói rất đẹp trên tay. Và Philippa đoán là cậu Nimrod chắc hẳn đã dàn xếp để một gói đồ gửi tặng xơ Cristina xuất hiện dưới nhà, để chuyến đi của người phụ nữ lớn tuổi không chỉ là kết quả của một trò đùa độc ác.

Bà nói một cách hạnh phúc:

– Mọi người nhìn nè.

Philippa khen ngợi:

– Đẹp quá.

Cô bắt được ánh mắt của cậu Nimrod, và cậu lén gật đầu đồng ý với cô.

Vẫn chưa chú ý có một người lạ đang ngồi trên ghế của bà, xơ Cristina nói tiếp:

– Không biết đây là gì nhỉ? Từ nhỏ đến giờ ta chưa từng nhận được một món quà được gói đẹp như thế này.

Bà nhanh chóng mở gói đồ ra. Bên trong nó là một hộp chocolate Venice đắt tiền. Và sau đó bà nhìn thấy Marco Polo.

– Ô, tôi xin lỗi nhé. Tôi không biết mọi người có bạn.

Marco Polo lịch sự đứng dậy và cúi chào.

Cậu Nimrod nói tỉnh rụi:

– Xơ Cristina, hộp xương đã trở thành quý ngài đây. Chúng đã tự lắp ráp lại khi chúng tôi bày chúng ra sàn nhà.

Cậu nói như thể việc một nhân vật lịch sử nổi tiếng quay về từ cõi chết là một chuyện tự nhiên nhất trên đời.

Xơ Cristina hỏi:

– Ông không định nói, quý ngài đây thật sự là Thánh Mark chứ?

– Không, không. Đây là Marco Polo.

Marco Polo lại cúi chào lần nữa một cách rất lịch thiệp.

– Ý ông là, đây *chính là* Marco Polo? Người đã đến Trung Quốc?

– Đúng vậy.

– Ô, chúa ơi. Thật tuyệt. Ông có muốn dùng chocolate không, Marco Polo?

Marco nói:

– Có, xin cảm ơn.

Bà mở hộp và đưa ra trước mặt Marco những thỏi chocolate sữa nhỏ xinh hình chữ nhật được gói trong giấy trắng vàng.

Bà cho biết:

– Tôi rất hâm mộ quyển sách của ông. Và bộ phim họ làm về cuộc đời ông.

Marco lịch sự cười đáp lễ, dù dĩ nhiên ông chưa bao giờ xem một bộ phim nào. Ông lấy một thỏi chocolate, ngẩng nhìn nó trong vài giây rồi giơ nó lên cho cậu Nimrod và lũ trẻ xem.

Ông nói:

– Một tấm kim bài. *Madonna*<sup>[28]</sup>, phải chi đây là nó. *Quando si viene al dunque*<sup>[29]</sup>... mọi thứ sẽ dễ dàng hơn cho chúng ta.

Rồi ông gỡ lớp giấy gói ra và bỏ tọt miếng chocolate vào miệng.

Xơ Cristina mời tất cả mọi người ăn chocolate. Mỗi người lấy một miếng. Finlay và John ăn lần lượt từng miếng.

Xơ Cristina nhận xét:

– Tôi phải nói, hôm nay đúng là một ngày đặc biệt. Không phải ngày nào cũng có thể gặp mặt Marco Polo đâu.

Marco Polo bảo:

– Tôi cũng vậy. Không phải ngày nào cũng có người được gọi lên từ cái chết. Xơ Cristina nói:

– Đúng là không. Một việc khích lệ tinh thần rất nhiều, thật đấy. Với một người ở tuổi của tôi. Vì, nếu giờ ông có mặt ở đây, có nghĩa còn có một cái gì đó để trông đợi sau khi chết. Ông dùng chocolate nữa không?

Marco gật đầu:

– *Si, per favore*<sup>[30]</sup>. Món này rất ngon. Nhưng không ngon bằng kem. Bà đã dùng thử món kem chưa? Tôi đã mang công thức món đó về từ Trung Quốc.

Mút ngón tay mình, ông nói thêm:

– Kem rất là *squisito*... rất là ngon.

Xơ Cristina đồng ý:

– À vâng. Tôi cũng rất thích kem.

Quay nhìn cậu Nimrod, John hỏi:

– Có một điều này cháu cứ thắc mắc mãi. Không phải cậu nói Marco đã chết cách đây bảy trăm năm sao?

Cậu Nimrod trả lời:

– Đúng thế. Ông ấy chết vào năm 1324. Có đúng như vậy không, Marco?

– Đúng. Sao lại hỏi vậy?

Finlay/John nhìn vẫn có vẻ như không hiểu một điều gì đó. Lần này quay sang Marco Polo, John nói:

– Chỉ là một điều ông vừa nói. Về việc hôm nay là một ngày đặc biệt. Và cả điều ông đã nói khi nãy. Về việc ông được triệu hồi sau một giấc ngủ hai trăm năm. Cháu nghĩ, đáng lẽ ông phải nói giấc ngủ bảy trăm năm mới đúng chứ.

Lấy thêm miếng chocolate nữa, Marco Polo lắc đầu bảo:

– Không, không. Ta đã được triệu hồi một lần trước đây. Vào năm 1820, ta nghĩ vậy. Ngay tại căn phòng này. Ta đã kể câu chuyện của ta cho một linh mục trẻ. Nhưng lúc đó không có hiểm họa nào từ chiến binh ma quỷ, nên ta chỉ ở lại đủ lâu để kể xong

câu chuyện rồi quay lại cái rừng của ta.

Cậu Nimrod hỏi:

– Bao gồm cả đoạn về tấm kim bài? Về mục đích của nó, và về việc ông đã làm rớt nó xuống kênh và không tìm được?

– Ừ, cả đoạn đó.

Finlay nói:

– Cho cháu tò mò chút nhé: khi ông nói tấm kim bài đó đòi hỏi tất cả phải thuần phục, ông đang nói đến sự thuần phục như thế nào cơ?

Vỗ mạnh lòng bàn tay vào nhau, như thể đang lập một lời thề, Marco Polo cho biết:

– *Giuererei di averlo*<sup>[31]</sup>. Không ai có thể chống cự lại sức mạnh của nó, dù muốn hay không. Loại sức mạnh như vậy. *Sức mạnh siêu nhiên*. Người tìm được tấm kim bài gần như có thể làm được tất cả mọi chuyện với nó. Tiến lên mọi địa vị mong muốn, bất chấp phẩm chất như thế nào.

Cậu Nimrod hỏi:

– Ông có nhớ tên của vị linh mục ấy không?

Marco Polo lắc đầu:

– Không. Nhưng đó là một người khá có duyên trong việc ăn nói. Chúng tôi đã trò chuyện với nhau trong một thời gian dài.

Cậu Nimrod hỏi tiếp:

– Vậy ông có nhớ người đó nhìn như thế nào không?

Marco làm một vẻ mặt đăm chiêu đúng chất Ý và nhún vai khi ông cố nghĩ ra một lời miêu tả phù hợp. Ông nói rất mơ hồ:

– Nhìn giống một linh mục.

Lấy một cuốn sách xuống khỏi kệ, xó Cristina mở nó ra đưa cho Marco Polo xem. Bên trong là bức hình của một linh mục. Bà hỏi:

– Phải người này không?

Marco nhìn vào cuốn sách và gật đầu:

– Tôi nghĩ vậy.

Nhìn vào bức hình, cậu Nimrod đọc to dòng tiêu đề bên dưới:

– Hồng y Daniele Marrone.

Marco nói:

– Nhưng ông ấy không phải là một hồng y khi gặp tôi.

Xó Cristina lẩm bẩm:

– Vậy là, câu chuyện xưa đó có thể là sự thật.

– Câu chuyện xưa nào cơ?

Xó Cristina có vẻ lưỡng lự. Rồi lắc đầu, bà bảo:

– Tôi xin lỗi, nhưng không. Đó không phải một câu chuyện dài, nhưng tôi không thể kể nó ở đây. Tại Giáo đường Thánh Mark. Kể chuyện về Hồng y Marrone ở một nơi như thế này có vẻ gì đó không phù hợp.

Suy nghĩ trong giây lát, bà nói tiếp:

– Hãy đến gặp tôi tại phòng hai mươi ba ở Accademia trong một giờ nữa.

\* \* \*

Nằm ở bên kia kênh Grand, Gallerie dell' Accademia sở hữu bộ sưu tập tranh nghệ thuật Venice lớn nhất từng được biết đến. Và

phòng thứ hai mươi ba của phòng tranh là nơi trưng bày tranh ảnh của những nhân vật quan trọng trong lịch sử Venice: vài vị công tước Venice uể oải, tiếng Ý gọi là “Doge”; nhà thiên văn học Galileo; nhà soạn nhạc Vivaldi và Monteverdi; tay sở Khanh khét tiếng Casanova; Hoàng đế Napoleon; nhà thơ Lord Byron; cùng rất nhiều nhân vật khác mà Philippa, John và Finlay chưa nghe nói đến bao giờ. Trong số đó có bức tranh của Hồng y Daniele Marrone, họa vào năm 1820. Và xơ Cristina đang đứng chờ họ ngay trước bức tranh đó.

Bà chỉ vào người đàn ông trong bức tranh, người đang mặc bộ áo thụng đỏ thẫm của các Hồng y trong Giáo hội Công giáo Roma. Đứng trước một thư viện ộp gỗ sồi, ông đang đọc một cuốn sách lớn treo lủng lẳng một thẻ đánh dấu trang bằng lụa xanh, và ở cuối thẻ là một tấm mề đay bằng vàng. Đó là một người đàn ông cao lớn, tóc nhạt màu nhưng hói, với một lúm đồng tiền sâu ở cằm.

Xơ Cristina cho biết:

– Bức họa Hồng y Daniele Marrone được thực hiện bởi họa sĩ vĩ đại người Ý Niccolò Pollo. Nhưng trước khi trở thành hồng y, đức cha Marrone – đó là danh hiệu của ông khi đó – là một trong những người tiên nhiệm của tôi trong vai trò người trông nom thánh tích của Giáo đường St. Mark. Tôi không cảm thấy thoải mái khi nói thẳng về ông trong một nơi ông từng đóng góp nhiều công sức như vậy. Và, khi tôi bảo “nói thẳng”, tôi muốn nói là, ông ấy không giống một linh mục cho lắm. Ông ấy quá quan tâm đến việc sống thoải mái để có thể tập trung vào những vấn đề mang tính tâm linh.

– Cha Marrone là bạn thân của Lord Byron, một người từng được miêu tả là “điên cuồng, xấu xa, không nên quen biết”. Đặc biệt



là một linh mục, không nên dây vào ông ấy. Hai người bọn họ thường đi uống rượu, rồi sau đó rủ nhau nhảy vào kênh Grand để xem ai là người bơi qua kênh đầu tiên. Giống như Lord Byron, Cha Marrone là một tay bơi kì cựu. Người ta đồn rằng ông có thể nín thở trong suốt bốn phút, và rằng ông thường thích đi bơi ban đêm.

– Tất cả mọi người đều có thể thấy rõ sự nghiệp linh mục của Cha Marrone sẽ không đi đến đâu. Nhưng rồi, vào năm 1816, ông làm một chuyến đi đến Rome, và không lâu sau được phong chức Giám mục. Không ai có thể nói được tại sao. Mà sự nghiệp của ông vẫn chưa ngừng lại ở đó. Ông nhanh chóng trở thành Tổng Giám mục, sau đó là Hồng y. Người ta đồn rằng ông thậm chí có thể trở thành Giáo hoàng, nhưng ông đã từ chối vị trí đó vì quá lười. Ông cũng trở nên rất giàu có. Chính Hồng y Marrone là người bỏ tiền tu bổ lại Giáo đường Thánh Mark năm 1820. Nhưng một lần nữa, không ai có thể nói được gia tài của ông từ đâu mà đến, và cho đến tận ngày hôm nay, nó vẫn là bí ẩn lớn nhất của Venice.

Xo Cristina nói tiếp:

– Có vài người cho rằng ông đã khám phá ra một nguồn của cải bí mật nào đó tại phòng thánh tích. Nhưng không có gì bị mất, và không có lời buộc tội nào được chứng minh.

Và nhìn Marco Polo, bà bảo:

– Tôi đang nghĩ, nếu Cha Marrone chính là người đã nghe câu chuyện của ông lần đầu tiên, vậy có lẽ ông ấy cũng chính là người đã tìm thấy tám kim bài bị mất của ông.

John nói:

– Dĩ nhiên. Với một người có khả năng nín thở trong bốn phút thì việc đó dễ như ăn cháo ấy chứ.

Finlay hỏi:

– Ông có nói với ông ấy đã đánh rơi nó ở chỗ nào trên kênh không?

Marco gật đầu:

– *Ma certo*<sup>[32]</sup>. Dĩ nhiên. Dù sao ông ấy cũng là một linh mục. Chúng ta không được phép giữ bí mật với linh mục.

Cậu Nimrod hỏi:

– Việc sở hữu tám kim bài hiệu lệnh có thể giải thích sự thăng tiến nhanh chóng của ông ấy trong giáo hội được không?

Marco Polo trả lời:

– Được chứ. Không có giới hạn nào về tầm ảnh hưởng của tám kim bài lên con người. Bản thân tôi có thể trở thành Doge của Venice nếu muốn. Tôi nghĩ, năm tám kim bài đó có lẽ là một trong những lí do làm nên một Hốt Tất Liệt vĩ đại. Sức mạnh của ngài ấy luôn có phần siêu nhiên mà.

Cậu Nimrod nói:

– Câu hỏi là, nếu có tám kim bài, Cha Marrone đã làm gì với nó?

Xơ Cristina bảo:

– Câu trả lời cho câu hỏi đó có thể nằm ở đây.

Bà dẫn họ qua bức tranh tiếp theo, bức tranh mô tả về lâu đài của những công tước thành Venice. Phía trước tòa lâu đài rực rỡ ánh hoàng kim trong ánh nắng Venice, bốn người dân thường có vẻ đang xem xét một trong những viên đá đặt nền, phía trên có ghi một công thức toán học nhìn có vẻ vô lí:

$$XI + I = X$$

Xơ Cristina cho biết:

– Bức tranh này là của Riccardo Furbogigione. Và nội dung của nó là về lâu đài của các Doge ở Venice. “Lâu đài Hoàng kim” là tên gọi của nó. Người ta nói rằng nó không phải là một bức tranh đặc biệt gì. Thậm chí có người còn bảo nó tẻ nhạt. Tuy nhiên, đây là bức tranh được đặt vẽ bởi Hồng y Marrone. Và ở đây, tại Venice này, người ta luôn đồn rằng nó cất chứa một bí mật vĩ đại. Bí mật của Hồng y Marrone. Dĩ nhiên độ chính xác của bức tranh không cao. Họa sĩ đã sử dụng ánh mặt trời phản chiếu khỏi mặt kênh để làm tòa lâu đài nhìn có vẻ có nhiều vàng hơn thực tế. Ngoài ra, tòa lâu đài thật ngoài đời cũng không có viên đá đặt nền như trong hình. Càng không có họa tiết đó trong tòa nhà.

Philippa nhận xét:

– Nếu đây là chữ số La Mã, vậy thì phép tính trên hoàn toàn vô nghĩa. Mười một cộng một là mười hai, chứ đâu phải mười.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Chính xác như thế. Thú vị thật.

Finlay thăm thì:

– Lại bế tắc.

Cậu Nimrod nói:

– Ánh vàng của tòa lâu đài dường như muốn nói với chúng ta một điều gì đó.

Philippa bảo:

– Vàng. Kim. Có thể tám kim bài đang giấu đâu đó trong đó.

Xơ Cristina cho biết:

– Còn có một dãy số khó hiểu ở bên dưới bức tranh. Không ai biết được chúng nghĩa là gì.

John hỏi:

– Có thể là một mật mã chẳng?

Xo Cristina bảo:

– Nhiều khả năng là vậy. Rất nhiều học giả đã thử giải mã nó. Nhưng không ai thành công. Dường như bí mật của Hồng y Marrone đã chết cùng ông.

Họ lại dành một chút thời gian ngắm nghía bức tranh. Rồi cậu Nimrod quay lại bức tranh của Hồng y Marrone. Những người còn lại đi theo cậu.

Đứng cạnh bức tranh ở khoảng cách gần nhất mà hệ thống bảo vệ của phòng tranh cho phép, Finlay nhìn chăm chăm vào cái thẻ đánh dấu trang và nói:

– Cái thẻ đánh dấu trang này trong quyển Kinh thánh của Hồng y ấy, ở trên nó có viết gì đó thì phải.

Cậu Nimrod hỏi:

– Cháu đọc được không, con trai?

Finlay căng mắt ra nhìn, và cái đầu đưa sát về phía trước đến nỗi mũi cậu gần như đụng vào bức tranh.

– Trên đó viết, “*Aurum - dii - tango*”.

Cậu Nimrod lặp lại:

– *Aurumdii tango*. Tiếng Latinh. Nó có nghĩa là “tôi chạm vào vàng của thánh thần”.

Finlay nhún vai:

– Học tiếng Latinh cũng có lợi nhĩ.

John gật đầu:

– Rõ ràng rồi. Ông Dan Marrone của chúng ta đúng là có tấm kim bài. Và ông ấy muốn ai đó biết ông có nó.

\* \* \*

Tạm biệt xơ Cristina, họ bắt một chiếc taxi nước về lại khách sạn. Cậu Nimrod đặt một phòng khác cho Marco Polo, rồi họp mặt cùng lũ trẻ trên dãy phòng tầng mái, nơi chúng vừa kể lại toàn bộ những chuyện biết được cho ông Groanin.

Cậu Nimrod nói:

– Quan trọng là hiện giờ chúng ta phải giải mã cho được bí ẩn trong bức tranh và tìm ra tấm kim bài. Rõ ràng chúng ta không có thời gian để trì hoãn. Nhưng chuyện cũng quan trọng không kém là chúng ta cũng cần đến Trung Quốc càng sớm càng tốt và tìm ra cái nơi Faustina đã mô tả.

Finlay thắc mắc:

– Cháu không hiểu. Tại sao những chuyện đó lại quan trọng chứ?

John bảo:

– Cháu cũng đồng ý với Finlay. Tất cả những gì cháu muốn làm hiện giờ là quay về New York và chờ mẹ cháu trở lại.

Cậu Nimrod kể cho hai cậu bé nghe về điều mà cậu và Philippa đã phát hiện ra trong cuốn *Bích Thư*, cũng như việc nó có liên hệ như thế nào với điều Marco Polo đã nói với họ. Cậu bảo:

– Không nên bỏ qua những lời cảnh báo từ quá khứ. Có chuyện nghiêm trọng gì đó đã xảy ra trong linh giới. Và chúng ta đã biết

chắc, những chiến binh ma quỷ đứng đằng sau nó. Chúng ta phải tìm ra lí do tại sao.

Finlay vẫn thắc mắc:

– Nhưng nếu đó là chuyện xảy ra trong linh giới thì có liên quan gì đến chúng ta chứ? Ý cháu là, các linh hồn đều đã chết, đúng không? Đối với họ còn có chuyện gì tồi tệ hơn được nữa?

Cậu Nimrod nói:

– Rất nhiều chuyện tồi tệ hơn có thể xảy ra cho họ. Và cho cả chúng ta. Linh giới có thể ảnh hưởng đến thế giới vật chất theo những cách mà cháu không thể nào hiểu rõ được. Không phải vô tình mà người ta gọi nó là “thế giới bên kia”. Hãy thử nghĩ về nó như một đồng xu. Cháu không thể có mặt sấp mà không cần mặt ngửa. Đó là lí do tại sao chúng ta phải đến Trung Quốc.

Ông Groanin làu bàu, giọng không mấy vui vẻ:

– Trung Quốc hả?

Cậu Nimrod lặp lại:

– Trung Quốc. Nhưng chúng ta sẽ phải chia đôi lực lượng. Groanin, anh sẽ cùng tôi, Finlay và John đi Trung Quốc.

Tôi tin rằng có ai đó đã giải mã bí mật của những chiến binh đất nung cổ đại, và đang sử dụng chúng cho mục đích cá nhân.

Philippa hỏi:

– Vậy còn cháu?

– Cậu muốn cháu ở lại đây, Venice, cùng Marco Polo và thử xem cháu có thể giải mã bí ẩn của bức tranh hay không. Việc tìm ra tấm kim bài rất quan trọng. Tốt hơn hết, cậu sẽ làm một cái passport cho Marco Polo, phòng trường hợp hai người cần đi đâu để tìm nó.

Philippa hỏi:

– Cậu không thấy như vậy hơi nguy hiểm à? Ý cháu là, mọi người đến Trung Quốc mà *không có* tấm kim bài hiệu lệnh?

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Có lẽ. Nhưng đó là điều chúng ta cần làm, Philippa à. Có thể chúng ta chỉ đi thám thính thôi. Thu thập tin tức.

Ông Groanin buồn bực nói:

– Tôi ghét Trung Quốc. Họ ăn thịt chó ở Trung Quốc.

Cậu Nimrod thở dài:

– Groanin à, anh có đến Trung Quốc bao giờ đâu.

Ông Groanin nhìn cậu Nimrod với ánh mắt van nài và hỏi:

– Tôi không thể ở lại đây với Philippa sao, thưa ngài? Tôi không nghĩ *ý tưởng* đi Trung Quốc đồng ý với cái dạ dày của tôi. Ở Ý đã đủ tệ rồi. Tôi với chả dầu ô liu. Vì Chúa, họ còn bỏ tôi vào cả bánh mì và bơ. Tôi có thể giúp Philippa giải câu đố trong bức tranh. Tôi giỏi trò ô chữ. Cậu biết điều đó mà. Không ai hoàn thành trò ô chữ trên *Daily Telegraph* nhanh bằng tôi. Thật đó.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Tôi xin lỗi, anh Groanin, nhưng không. Sau trận đấu vật giữa anh và thiên thần Sam, có thể thấy rõ anh sẽ có ích hơn cho chúng ta trong vai trò vệ sĩ. Chúng ta có thể sẽ cần đến sức mạnh trong cánh tay đặc biệt của anh nếu phải đối đầu trực tiếp với những chiến binh ma quỷ.

Ông Groanin lớn tiếng than thở:

– Tôi đang sợ điều đó đây. Cá là chúng ta đến đó chưa đầy năm phút sẽ thấy ngay món thịt chó trong thực đơn. Tôi có thể thấy

trước điều đó. Nhớ lấy lời tôi đấy.

Philippa trấn an:

– Ôi, ông Groanin, ở Trung Quốc người ta không có ăn thịt chó đâu. Đó chỉ là tin đồn vớ vẩn thôi.

Ông Groanin hỏi lại:

– Không? Thật hả?

Rồi im lặng trong giây lát, ông gật đầu bảo:

– Vậy thì không sao. Chỉ là ông rất thích chó. Ông từng có một con chó. Khi còn trẻ.

John gật gù:

– Thế giới đúng là nhỏ.





## CHƯƠNG 24

### **Ông và Hải Âu**

Ngay khi Layla rời khỏi ngôi nhà Fallingwater ở Iravotum, Faustina cũng bắt tay vào việc chuẩn bị rời đi. Nếu không cần thiết, cô không muốn linh hồn mình phải ở cái nơi kì quái này thêm một phút nào nữa, vì sợ một điều không dễ chịu gì đó sẽ xảy ra cho cô, như đã xảy ra cho Layla.

Kế hoạch của Faustina là kiếm một cái giường thoải mái, nằm xuống đó, rồi để cơ thể lại hấp thu bầu không khí cần thiết ở Iravotum để trở thành Djinn Xanh, trong khi mang linh hồn đi một chỗ khác trong ba mươi ngày. Nhưng cô nên đi đâu nhỉ? Không cần hỏi cũng biết cô sẽ phải nhập vào một sinh vật sống khác trong khoảng thời gian đó, nếu không, cô sẽ không bao giờ có thể trở lại là chính mình. Vậy cô nên mượn tạm hình dạng nào đây?

Kinh nghiệm đã dạy cho Faustina biết phải cẩn thận khi mượn cơ thể người. Việc nhập vào Thủ tướng Anh đã để lại một kết quả thảm hại mà cô không bao giờ muốn thấy nó lặp lại lần nữa. Nhưng nếu không phải con người, vậy cô sẽ lấy hình dạng của sinh vật nào? Từ khi đến Iraq, cô đã gặp nhiều bằng chứng cho thấy đất nước này có vẻ nguy hiểm cho tất cả mọi sinh vật sống, chứ không riêng gì con người. Thứ duy nhất sống khỏe ở đây là bò cạp, nhưng

Faustina theo bản năng ghét cay ghét đắng loài động vật này, vì chúng độc hại với djinn hơn là với con người. Cho nên bò cạp bị loại ra khỏi lựa chọn của cô ngay từ đầu, và, vì lí do tương tự, tất cả các loại nhện cũng vậy. Cô cũng không thích rắn. Thế còn lựa chọn nào khác? Khá nhức đầu vì phải đắn đo suy nghĩ mãi, cô quyết định để cho thần may mắn quyết định thay mình. Nói một cách khác, cô sẽ để cho vận mệnh quyết định – một hành động mang đầy phong cách djinn, dĩ nhiên.

Faustina nằm xuống cái giường lớn của Layla và nhắm mắt lại. Sau một, hai phút tập trung suy nghĩ, cô nhắc linh hồn của mình lên khỏi cơ thể và bay lên cao xuyên qua trần nhà bê tông của Fallingwater, xuyên qua không khí, cho đến khi chạm đến cái trần vô hình của thế giới ngậm rộng lớn Iravotum. Rồi thẳng qua các địa tầng đá dày đặc và lớp đá phiến cùng cát nóng chảy dày đến vài trăm cây số, cho đến khi linh hồn cô một lần nữa đắm mình trong ánh nắng sớm mát rượi của Babylon.

Trong một lúc, Faustina để linh hồn thoải mái trôi đi, tận hưởng cảm giác tự do trong làn gió hiu hiu ngoài trời sau những giây phút phải xuyên mình qua không gian tối đen, chật chội trong lòng đất. Nhưng cùng lúc đó, cô vẫn không ngừng tìm kiếm một vị “chủ nhà” thích hợp. Rất nhanh chóng, cô từ chối một con mèo con, một con dê, một con chim chích, và một người đàn ông với một cái khăn xếp màu đen. Cuối cùng, cô quyết định chọn một con ong mật. Ong là một sinh vật cần cù và vô hại. Ngoài ra, Faustina vốn rất thích mật ong. Nhưng đó là một lựa chọn có ảnh hưởng không lường trước được và kéo dài – nó là kết quả của việc cô lấy hình dáng của một con ong, trong khi lỡ tai cô vẫn còn sót lại một ít nọc độc của ong.

Vì vĩnh viễn về sau, Faustina sẽ kêu vo vo mỗi khi cảm thấy

hạnh phúc.

Cùng thời điểm đó, Layla Gaunt đang trông mong giây phút được gặp lại gia đình bà lần nữa, và tận hưởng chuyến bay về nhà trên lốc gió. Như thường lệ, bà trang trí phương tiện di chuyển bằng gió của mình đậm chất không trung, hay nói cách khác, nội thất bên trong ngọn lốc gió có tất cả những tiện nghi hiện đại cùng sự trang nhã hợp thức của một chiếc tiểu cơ cá nhân đắt tiền. Nhưng là một djinn mạnh mẽ và có kinh nghiệm, Layla không cần phải tốn nhiều công sức cho việc tập trung điều khiển lốc gió. Khái niệm về chế độ tự bay, trong đó một máy bay thông thường sẽ được tự động điều khiển bằng máy tính, cũng được djinn biết đến, ngoại trừ việc họ gọi nó là một “*idée fixe*”. Bên trong suy nghĩ của một djinn đang điều khiển lốc gió, “*idée fixe*”, hay “ý tưởng cố định” theo tiếng Pháp, tồn tại như một suy nghĩ độc lập; và cách hoạt động của nó sẽ dễ giải thích hơn nếu bạn hiểu được rằng, với cấu tạo não bộ khác biệt, một djinn có thể cùng một lúc suy nghĩ ít nhất hai chuyện. Khi điều kiện thời tiết thuận lợi, một djinn có thể đồng thời vừa lái lốc gió, vừa xem phim, đọc báo, hay thậm chí là ngủ.

Trước khi rời Baghdad, Layla đã bỏ ít thời gian kiểm tra thời tiết và biết được điều kiện bay trên Thái Bình Dương gần như hoàn hảo. Độ che phủ của mây thấp, gió nhẹ và, ngay ở độ cao thấp, tầm nhìn xa vẫn tuyệt vời. Được bao bọc trong không gian ấm cúng của ngọn lốc gió cá nhân, Layla vụt qua bầu trời như nữ thần Nut thời hiện đại.<sup>[33]</sup>

Layla để một mắt vào bộ phim chiếu trên chuyến bay, mắt còn lại vào cuốn tạp chí hoa mỹ của bà, và một “*idée fixe*” ở đâu đó đằng sau bộ não. Bà, hay nói đúng là tất cả mọi người, chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện né tránh bầu không gian quanh đảo Kilauea.

Không có một bản báo cáo nào về hoạt động núi lửa dạo gần đây, có nghĩa những nhà nghiên cứu núi lửa đang làm việc trên miệng ngọn núi lửa lớn nhất thế giới sắp nhận được sự ngạc nhiên lớn nhất trong cuộc đời họ.

Thật ra thì, nó còn là sự bất ngờ cuối cùng trong đời họ.

Bên trong ngọn núi Kilauea to lớn, hiệu ứng nổi áp suất tự động giải phóng. Nói cách khác, nó đã đạt đến áp suất nổ, và rồi phun trào với hiệu ứng đặc biệt. Vụ nổ đầu tiên phóng cả bốn kilomet khối tro và đá lên cao cả ngàn mét, nối đuôi bởi một đám mây khí gas siêu nóng bốc cháy mà các nhà nghiên cứu núi lửa gọi là dòng chảy mảnh vụn.

Như chúng ta đã biết, djinn được tạo ra từ ngọn lửa, và có khả năng kháng nhiệt rất mạnh. Nhưng “nhiệt” đó không phải là “nhiệt” từ một dòng mảnh vụn với độ nóng vượt quá 800 độ C. Không những vậy, những từ như “mây” và “dòng chảy” không đủ để mô tả tốc độ di chuyển của một dòng mảnh vụn đầy khí gas nóng. Một tốc độ thường vượt quá một trăm năm mươi dặm một giờ. Chính dòng mảnh vụn này đã đốt cháy thành tro cơ thể Layla Gaunt. Đốt nó như sấy giòn một miếng khoai tây chiên. Hoàn toàn.

Bất cứ ai khác sẽ bị giết chết nếu không phải là djinn. Giống như những nhà nghiên cứu núi lửa tội nghiệp kia. Và xét theo một mặt nào đó, Layla Gaunt đã bị giết, vì cơ thể mà chồng và hai đứa con của bà biết đến giờ đây đã biến mất hoàn toàn, trở thành một miếng tro tàn bay trong không khí chỉ trong tích tắc. Nhưng linh hồn của bà vẫn còn sống sót. Giây phút ngọn núi lửa phun trào, “*idée fixe*” của Layla nắm quyền kiểm soát, và, như một chiếc ghế tự phóng trong máy bay quân sự, bắn vọt linh hồn bà lên độ cao an toàn trên tầng bình lưu. Chỉ chậm một giây nữa thôi, linh hồn bà

sẽ bị đốt thành nguyên tử, như cơ thể bà. Một dòng mảnh vụn có thể làm được điều đó.

Phải mất vài phút trước khi một Layla không còn cơ thể đoán được chuyện gì đã xảy ra và tập hợp bản thân – hay nói đúng hơn là những gì còn lại của bản thân – thành một cụm sương mù mờ ảo. Ở độ cao như thế này, Layla có lẽ sẽ nhanh chóng trôi dạt vào không gian và vĩnh viễn thất lạc. May mắn là, chưa đầy một tiếng đồng hồ sau vụ phun trào núi lửa, một con chim bay vào đám mây Layla, cho phép bà sở hữu cơ thể nặng mười hai kí của nó – vì đó không phải là một con chim bình thường, mà là một con hải âu. Và trong vương quốc chim chóc, hải âu, loài chim tên tuổi gắn liền với ngọn gió, có thể coi như một ngôi sao.

Layla cảm ơn sự may mắn của mình, và cố nhìn vào mặt tích cực của vấn đề. Quay về New York gặp lại gia đình trong hình dáng một con hải âu không thật sự là ước muốn bà có trong đầu, nhưng ít nhất bà vẫn chưa chết. Linh hồn bà vẫn còn sống và, trong khi *Những quy luật Baghdad* rất khát khe về việc nhập vào cơ thể người mà không xin phép trước, bà vẫn có thể lấy hình dạng của một con mèo hay một con chó ở New York. Tất cả những gì bà phải làm là về đến đó. Và điều này có nghĩa bà đã may mắn hơn rất nhiều vì đang trong cơ thể một con hải âu. Hải âu là những nhà du hành đường xa vĩ đại nhất hành tinh. Nếu loài hải âu có một kế hoạch bay thường xuyên, chúng sẽ làm các hãng hàng không phá sản.

Đối với một con hải âu, không có gì dễ dàng hơn một chuyến bay băng qua nửa vòng Thái Bình Dương và cả lục địa Bắc Mỹ. Layla bay cao hơn, sử dụng sự kết hợp của trọng lực và năng lượng mặt trời, bà bắt đầu tính toán vị trí của mình.

Vĩ độ của bà là 21.18 độ bắc; kinh độ của bà là 157.51 độ tây. Bà lên đường bay cho New York: vĩ độ 40.45 độ bắc và kinh độ 73.59 độ tây. Theo bản năng, bà tính toán khoảng cách phải bay là 495.641.857 dặm. Tốc độ trên đường bay của bà chỉ hơn bảy mươi dặm một giờ. Bà sẽ về đến nhà chỉ trong hai ngàn chín trăm hai mươi ba ngày.

Hải âu là loài chim có khả năng định vị cực kì chuẩn xác.



## CHƯƠNG 25

### Những cái hố

Khi bà Gaunt, hiện giờ là một con hải âu, đang bay trên bầu trời Hawaii, thì cách đó khoảng bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy dặm về phía tây, em trai bà, cậu Nimrod, đang bay ra khỏi Venice trong một ngọn lốc gió cùng John/Finlay và ông Groanin.

Ở phía trên Đông Âu, bầu trời ẩm áp với những đám mây xanh trong. Và họ đã có một hành trình tốt đẹp trong vài giờ, cho đến khi cách biên giới Trung Quốc vài dặm, họ trông thấy trên đường chân trời đỏ thẫm ở đằng xa một cái gì đó nhìn giống đám mây hình nấm đen ngòm của một vụ nổ hạt nhân, với một khác biệt lớn: đám mây này có vẻ đang di chuyển không phải theo chiều thẳng đứng mà theo chiều ngang.

Finlay thắc mắc:

– Cái gì vậy?

Ông Groanin nói:

– Nếu ta là Moses, ta sẽ nói đó là một cột mây dẫn đường cho chúng ta đi đúng hướng. Nhưng ta không phải. Cho nên nó cũng không phải.

Cậu Nimrod bảo:

– Cứ bình tĩnh. Đó chỉ là một cơn bão nhiệt đới. Nó sẽ không làm

phiền chúng ta.

Ông Groanin hỏi lại:

– Chẳng phải cậu đã bảo thời tiết hoàn toàn thuận lợi sao? Tôi nói, chẳng phải cậu đã bảo bay bằng lốc gió sẽ không gặp trở ngại nào về thời tiết hay sao?

Cậu Nimrod trả lời:

– Tôi đã nói vậy. Và thời tiết cũng thuận lợi mà. Nhưng bão nhiệt đới có thể thành hình xuất hiện vào thời điểm này trong năm. Đặc biệt ở khu vực này của trái đất. Vùng Đông Bắc của lưu vực sông Hằng luôn là địa bàn quen thuộc của những cơn bão nhiệt đới. Chúng ta chỉ phải bay vòng qua nó. Thế thôi.

Cậu Nimrod điều chỉnh đường bay lại để đảm bảo an toàn. Nhưng vào phút sau đó, cậu rất ngạc nhiên khi Finlay/John, với cặp mắt nhạy bén của Finlay, thông báo cơn bão có vẻ vẫn đang hướng về phía họ.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Lạ thật. Các cơn bão thường không thay đổi đường đi đột ngột như thế. Bản chất của chúng là những cơn gió xoáy, nói cách khác, là những cơn gió xoay quanh một khu vực có áp suất không khí thấp.

Finlay hỏi:

– Ó, thế chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó ngang đường chúng ta?

Cậu Nimrod đùa:

– Chúng ta tiêu chứ sao.

Rồi bật cười ha hả trước vẻ mặt lo lắng thấy rõ của hai/ba người bạn đồng hành, cậu Nimrod nói:



– Nó sẽ không ngáng đường chúng ta đâu. Muốn làm vậy, nó phải được điều khiển bởi một trí thông minh nào đó. Cho nên, không có gì đáng lo đâu.

Nói thì nói vậy, nhưng để cẩn thận, cậu Nimrod vẫn điều khiển ngọn lốc gió bay cao hơn, để họ không chỉ đi vòng qua cơn bão mà còn bay vượt qua nó. Nhưng cơn bão lớn hơn cậu nghĩ. Lớn hơn rất nhiều. Và họ nhanh chóng nhận ra rằng, họ sẽ không thể bay vượt qua nó. Vòng qua nó cũng không. Khuôn mặt cậu Nimrod bắt đầu hiện lên vẻ lo lắng.

John hỏi:

– Chúng ta có thể bay lên cao cỡ nào?

Cậu Nimrod bảo:

– Không cao bằng cơn bão đó, cậu e là vậy. Có lẽ tốt nhất chúng ta nên quay lại. Tránh bão một chốc thôi. Để đảm bảo an toàn. Nói thật, cậu không hiểu lắm. Bao nhiêu năm trời bay bằng lốc gió, chưa bao giờ cậu gặp chuyện như thế này.

Cẩn môi do dự khi cột mây to dần ngày càng dày đặc hơn và tối sầm lại, cho đến khi nó nhìn giống một con rắn hổ mang khổng lồ đen ngòm, cậu nói tiếp:

– Bình thường các cơn bão đều rất dễ dự đoán. Ý cậu là, dù sao chúng cũng chỉ là những luồng không khí nóng xoay theo đường tròn.

Ông Groanin lầu bầu:

– Không cần nói với tôi chuyện đó. Đi mà nói với cơn bão kia kìa.

John nói:

– Ông Groanin nói đúng đó cậu. Hình như cơn bão đó giờ đang

truy đuổi chúng ta.

Ông Groanin cần nhân:

– Ước gì tôi đi máy bay. Tôi ghét những thứ như thế này. Phản tự nhiên. Nếu con người có khả năng cưỡi lốc gió, Chúa trời sẽ khiến chúng ta trở thành nhà tiên tri như Elijah, hay thần linh như Apollo, và rồi ngài sẽ hết việc để làm.

Đến giờ phút này, cơn bão nhiệt đới đã cách họ khoảng một, hai dặm – một khoảng cách có thể được coi là khá xa, nếu không phải vì bản thân cơn bão cao đến ba, bốn dặm. Và cậu Nimrod buộc phải công nhận John đã nói đúng: cơn bão có vẻ như đang truy đuổi họ. Ngoại trừ việc cậu biết những cơn bão bình thường không hành xử như vậy.

Trừ khi...

Tăng tốc ngọn lốc gió lên mức tối đa với hi vọng chạy thoát khỏi cột mây đen hiểm ác, cậu Nimrod cho biết:

– Còn một khả năng khác...

Và cậu phải hét to, vì cơn bão giờ đây đã ở gần họ đến mức họ có thể nghe được tiếng những luồng gió vận tốc năm trăm dặm một giờ phát sinh từ nó.

– ... Khả năng có ai đó đang điều khiển cơn bão. Ai đó không muốn chúng ta đến Trung Quốc.

Finlay la to để hỏi lại:

– Ý chú là, một djinn khác?

Ông Groanin cúi kính gất lên:

– Dĩ nhiên đó không phải là Charles Lindbergh rồi. Ta nói, dĩ nhiên Nimrod đang nói đến một djinn khác.

Rồi quay sang cậu Nimrod, ông hỏi:

– Cậu có thể làm cái này bay nhanh hơn nữa được không?

Cậu Nimrod bảo:

– Tôi đã bay nhanh nhất có thể rồi. Ở đây không có đủ không khí để bay nhanh hơn.

Mồ hôi đang đổ đầm đìa trên trán cậu Nimrod khi cậu tập trung tất cả sức mạnh djinn của mình vào việc điều khiển ngọn lốc gió, hết queo lượn hướng này lại zig-zag hướng kia với hy vọng cậu có thể đưa mọi người trốn thoát.

John quay đầu nhìn lại và phát hiện trái tim Finlay đang ở trong cuống họng của cậu. Đến lúc này, cậu đã gần như có thể chạm vào cơn bão. Cậu đã cảm thấy nó đang tham lam hút lên rìa ngọn lốc gió như một cái máy hút bụi khổng lồ. Vài tấc nữa thôi họ cũng sẽ bị cuốn vào nó như những cái lá khô. Và nếu không làm, hình như cậu vừa thấy hình dáng mập mờ của một ai đó đang ngồi trong cột mây đen kịt.

John hét lên:

– Cậu Nimrod, làm gì đó đi cậu! Một phút nữa, nó sẽ nuốt chửng chúng ta mất.

Cậu Nimrod không trả lời. Giờ đây, cậu không dám tách ra một phần nhỏ suy nghĩ nào để trả lời câu hỏi của đứa cháu, khi mà cậu cần tập trung tất cả năng lượng tinh thần để điều khiển ngọn lốc gió.

Nhìn chằm chằm vào cơn bão, ông Groanin la lối:

– Lần sau đến Trung Quốc – nếu như có lần sau – thì là tôi sẽ làm theo lời của bài hát: chậm chậm mà đi thuyền.

Cậu Nimrod reo lên:

– Groanin, anh đúng là một thiên tài. Sao tôi không nghĩ ra chuyện đó nhỉ? Dĩ nhiên rồi! Đó là cách để chúng ta sản sinh ra nhiều không khí nóng ở trong ngọn lốc gió này và bay nhanh hơn. *Chúng ta có thể hát.*

Ông Groanin hét lên như không tin vào tai mình:

– Tôi? Hát? Tôi không thể hát. Tôi nói, tôi không thể hát. Chính xác hát cái gì mới được?

Cậu Nimrod hét lớn đáp trả:

– Không quan trọng. Hát gì cũng được. Nhưng phải hát như thể mạng sống của chúng ta phụ thuộc vào nó. Mà tôi e đó cũng là sự thật.

Rồi cậu Nimrod bắt đầu hát bài quốc ca của nước Anh ở âm lượng lớn nhất có thể và, vì bản thân không biết nên hát cái gì bây giờ, ông Groanin cũng hát quốc ca Anh.

Nếu là bình thường, John sẽ hát quốc ca Mỹ. Nhưng dĩ nhiên, đây không phải là cơ thể cậu, nên John quyết định nhường lại lựa chọn quốc ca cho Finlay, người dĩ nhiên mang quốc tịch Anh. Để sản sinh ra càng nhiều không khí nóng càng tốt có vẻ đòi hỏi một sự nhất quán trong lời ca của họ, cho nên, gạt qua một bên suy nghĩ chính trị của cậu về vua và nữ hoàng, Finlay nghĩ tốt nhất nên hát cùng với cậu Nimrod và ông Groanin.

*“Chúa cứu rỗi Nữ hoàng nhân từ của chúng ta, Nữ hoàng cao quý  
sống lâu trăm tuổi của chúng ta, Chúa cứu rỗi Nữ hoàng!*

*Gửi đến bà chiến thắng,  
Hạnh phúc và Huy hoàng,*

*Để dẫn dắt chúng ta mãi mãi; Chúa cứu rỗi Nữ hoàng!”*

Chẳng bao lâu, cả ba người bọn họ đã đồng thanh hát “*Chúa cứu rỗi Nữ hoàng!*” với âm lượng hết cỡ và một thái độ hăng hái đến nỗi John tội nghiệp cảm thấy như cậu đang bị bỏ ngoài rìa.

Cậu Nimrod hét lên:

– Đền ơi, tôi cảm thấy nó có tác dụng đó. Tiếp tục hát đi.

Hai mươi phút trôi qua. Rồi nửa tiếng. Và cố gắng giữ khoảng cách chỉ vài mét với cơn bão nhiệt đới to đùng đang đe dọa hủy diệt họ, họ vẫn tiếp tục hát quốc ca Anh. Cả sáu đoạn. Lần nữa, lần nữa, và lần nữa.

Không khí nóng làm ngọn lốc gió của họ phồng ra, chậm rãi tiếp thêm sức mạnh cho nó. Nửa tiếng trở thành một tiếng. Rồi sau đó thành chín mươi phút. Cơn bão gầm rú, giờ nhanh múa vuốt lần cuối hòng cuốn lấy họ nhưng không thành công, và ngọn lốc gió bắt đầu gia tăng khoảng cách dần dần. Đầu tiên là vài tấc. Rồi tấc trở thành mét. Và mét cộng lại thành cây số. Cho đến khi, chắc chắn rằng cơn bão hiểm ác đã bị bỏ lại sau lưng, cậu Nimrod thông báo họ đã có thể ngừng hát.

Trong vài phút, không ai nói lời nào. Tất cả còn bận hồi phục hơi thở, cho dây thanh quản nghỉ ngơi và vuốt mồ hôi khỏi trán.

Finlay là người lên tiếng đầu tiên:

– Cháu mà nghe bài hát đó lần nữa, chắc cháu sẽ giết ai đó quá. Nhiều khả năng là chính bản thân cháu.

Ông Groanin hỗn hển bảo:

– Ta cũng vậy.

John cho biết:

– Nhắc đến chuyện giết người, mới vừa rồi, có người đã muốn giết *chúng ta*. Chắc hẳn đã thấy một dáng người bên trong cơn bão đó.

Finlay bảo:

– Có lẽ là một ai đó không muốn chúng ta đến Trung Quốc.

Cậu Nimrod nói:

– Có vẻ là vậy.

John hỏi:

– Nhưng ai mới được?

Cậu Nimrod trả lời:

– Cậu không biết. Nhưng chắc hẳn họ đã tốn công vô ích.

Rồi chỉ tay xuống dưới, cậu Nimrod bảo:

– Nhìn kia!

Dưới chân họ vài trăm dặm là một thứ nhìn giống phần cột sống xương xẩu lộ ra ngoài của một con rồng xanh dài thườn thượt.

John reo lên:

– Ôi! Là Vạn Lí Trường Thành của Trung Quốc.

Finlay gật gù nhận xét:

– Thế này mới đáng gọi là một bức tường chứ.

Ông Groanin lầu bầu:

– Ta lại thấy, thế giới này có quá nhiều bức tường hơn cần thiết. Chỉ tổ khiến người ta ra không được, mà vào cũng không xong. Ta không quan tâm nó lâu đời thế nào. Điều tốt nhất có thể làm với một bức tường như thế này là xử lí nó như bức tường ở Berlin: đập nó xuống cho xong.

Cậu Nimrod cười cười bảo:

– Anh làm tôi ngạc nhiên quá đấy, Groanin. Tôi chưa bao giờ biết anh ham muốn chế độ dân chủ như thế.

Ông Groanin bảo:

– Có ham muốn chế độ dân chủ hay không thì tôi không biết. Nhưng tôi giờ có một ham muốn. Cái vụ ca hát này làm tôi đói đến nỗi, tôi giờ có thể ăn hết cả một con ngựa chứ chẳng chơi. Tôi nói, tôi có thể ăn hết cả một con ngựa đấy.

\* \* \*

Mức thêm cho mình một tô cơm nghi ngút khói, Finlay nói:

– Thế mà cháu cứ nghĩ ông không thích món ăn ngoại quốc đấy, ông Groanin.

Họ đang dùng bữa tối tại nhà hàng Shikua Urchi trên Phố Ăn Vặt của thành phố Tây An, thủ đô của Trung Hoa cổ đại. Sở dĩ khu phố đẹp như tranh vẽ này mang tên như vậy là vì nó có đến gần một trăm cửa hàng ăn các loại từ đầu đường đến cuối đường, tất cả đều đầy ắp khách hàng người Trung Quốc đang hớn hở đồ đầy bụng với vô số món ăn đặc sản khác nhau. Nhà hàng Shikua Urchi nằm ở góc đường bên kia của Most Wonderful Hotel, khách sạn họ đang ở tại Tây An.

Chúi đầu vào một cái tô chứa đầy những thứ nhìn giống chân gà chiên, ông Groanin bảo:

– Thường thường là vậy. Nhưng đây là một trường hợp ngoại lệ đặc biệt. Thứ nhất, lần này ta không mang theo thức ăn trẻ em dự

trữ. Thứ hai, sách hướng dẫn du lịch đã nói, ở khu vực này của Trung Quốc, đây là nhà hàng tốt nhất. Và thứ ba, sau những gì đã xảy ra với chúng ta chiều nay, ta có thể ăn hết một con ngựa. Ta nói, ta có thể ăn hết một con ngựa.

Finlay nhắc:

- Ông đã nói câu đó mấy lần từ khi chúng ta hạ cánh rồi.

Cậu Nimrod mở miệng:

- Sách hướng dẫn lần này nói đúng đấy. Tây An là thủ đô của ẩm thực Trung Quốc, ví dụ như món *chow chow* anh đang ăn, anh Groanin. Chưa kể tới những món đặc sản Tứ Xuyên, như món lẩu mà Finlay gọi. Và tôi có thể cam đoan đây là nhà hàng tuyệt nhất ở Tây An.

Với vẻ mặt đắc ý, ông Groanin nói với Finlay:

- Đấy. Hết thắc mắc chưa?

Cậu Nimrod nói tiếp:

- Tây An cũng là nơi Faustina lạc tới khi linh giới bị dao động. Và là quê nhà của những chiến binh đất nung nổi tiếng. Đó là lí do tại sao chúng ta có mặt ở đây. Ngay khi xong bữa tối, chúng ta sẽ đi nhìn chúng một cái. Chúng đã được trưng bày tại phòng triển lãm địa phương từ khi được một số nông dân tình cờ phát hiện năm 1974. Khoảng tám ngàn chiến binh Trung Quốc, cùng với xe ngựa và chiến mã của họ.

Ông Groanin cười khùng khục:

- Gì? Không có con chó Trung Quốc nào à? Thế mà tôi cứ nghĩ họ sẽ để thêm vài cặp chó Trung Quốc ở đó chứ. Dì Florence của tôi từng có một cặp chó sứ Trung Quốc trang trí trên lò sưởi. Ở quê tôi nhà nào cũng vậy.



Cậu Nimrod bảo:

– Máy con chó sứ đó không được làm tại Trung Quốc, anh Groanin à. Chúng được làm tại Staffordshire. Cho thị trường Anh quốc yêu thích chó. Chứ bản thân người Trung Quốc không thích chó cho lắm. Đó là lí do tại sao anh sẽ không thấy nhiều chó nuôi ở Trung Quốc. Phần lớn trường hợp chúng chỉ được nuôi để lấy thịt.

Đang ăn uống hăng say, ông Groanin khựng lại trong vài giây và hỏi:

- Thịt? Cậu vừa nói chó được nuôi để lấy thịt hả?
- Đúng.
- Nhưng Philippa bảo đó chỉ là tin đồn nhằm thôi mà.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Philippa thì biết gì chứ? Tôi không nghĩ cháu nó đã đến Trung Quốc. Đúng không, John?

John gật đầu và nói thêm:

- Nó thậm chí còn không thích món ăn Trung Quốc.

Với vẻ mặt không mấy vui vẻ, Groanin liếc mắt nhìn đĩa chân gà mà ông đang ăn nãy giờ. Có điều chúng không phải là chân gà. Trừ khi những con gà này cao cả mét. Có đuôi. Và cá tính. Và có đeo vòng cổ.

- Cậu không định nói...

Cậu Nimrod gật đầu.

Ông Groanin phun một miếng thịt lớn ra khỏi miệng. Nó bay vèo từ bên này sang bên kia nhà hàng và kẹt vào một cái bể kính đầy nhóc những con cá vàng giờ đang hoảng loạn. Nuốt nước miếng, ông Groanin gất lên:

- Nhưng cậu nói đây là *chow chow* mà.
- *Chow chow* tiếng Hoa có nghĩa là “chó”.

Khẽ thở dài, cậu Nimrod nói:

- Anh Groanin à, thật sự xin lỗi, nhưng tôi nghĩ anh sẽ không để ý đến chuyện đó. Chẳng phải ở Ấn Độ, anh đã từng ăn rất nhiều thứ mà bình thường anh sẽ không ăn sao?

Ông Groanin bảo:

- Đúng vậy. Nhưng lúc đó tôi là một người Ấn. Với một cái dạ dày Ấn. Còn bây giờ tôi đã trở lại là người Anh.

Cậu Nimrod nói tiếp:

- Anh cũng đã nói, anh đói đến mức có thể ăn hết cả một con ngựa đấy thôi. Anh đã ăn thịt ngựa rồi. Món khai vị mới này anh đã gọi đấy. Nên tôi mới nghĩ, chắc anh cũng không phản đối vấn đề đạo đức về việc ăn thịt chó.

Dùng tay che miệng với vẻ mặt như muốn ói đến nơi, ông Groanin lầu bầu:

- Đó chỉ là một cách nói tượng trưng thôi. Tôi nói, đó chỉ là một cách nói tượng trưng. Vả lại, thịt ngựa với thịt chó là hai khái niệm hoàn toàn khác.

Cậu Nimrod gạt đi:

- Vớ vẩn. Trên cơ bản, bất cứ động vật nào di chuyển, nó đều có mặt trên thực đơn của nhà hàng Shikua Urchi này. Đó chính là ý nghĩa của từ *shikua urchi*. Bốn chân, hai cánh. Chó, ngựa, bò, cừu, và heo. Người ta phải đi hàng trăm cây số để được đến ăn ở đây. Chúng ta đã rất may khi đặt được bàn. Rắn, thỏ, bồ câu, cáo, mèo. Và chuột, dĩ nhiên.

Ông Groanin phản đối:

- Nhưng chuột là loài dơ bẩn.

Cậu Nimrod nhún vai:

– Heo cũng vậy thôi. Và điều đó cũng đâu có làm anh ngừng ăn thịt heo xông khói với trứng cho bữa sáng khi còn ở London, đúng không? Ở Trung Quốc, một cân thịt chuột còn đắt gấp hai lần thịt heo hay thịt gà. Có thể nói, thịt chuột được coi như một món ẩm thực đắt giá.

Ông Groanin hiện giờ đã trắng bệch cả mặt, lấm bầm:

- Heo khác chứ.
- Món thịt chuột ở đây ngon tuyệt vời. Ngon hơn tất cả các món heo.

Thình lình, ông Groanin bật dậy khỏi bàn tay che miệng, chạy vụt ra khỏi nhà hàng.

John/Finlay cũng đã ngừng ăn. Finlay thều thào hỏi:

- Làm ơn nói với cháu là chú chỉ đang nói đùa đi.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Rất tiếc, nhưng đó là sự thật. Món lẩu đậu cay xè mà cháu đang ăn có tên *ping shu guo*, và nguyên liệu chính của nó là một con chuột mập nhiều mỡ. Người ta dùng đuốc đốt trụi lông nó, rửa sạch, cắt ra thành miếng, tắm ướp rồi nướng nó lên. Ngon tuyệt.

John đã từng ăn thịt châu chấu, thật sự không mấy để ý đến chuyện cậu vừa ăn một con chuột. Dù sao nó cũng khá ngon, tuy không bằng châu chấu. Và chuột cũng chẳng phải loài động vật quý hiếm cần được bảo vệ gì cho cam. Nhưng dù sao, John cũng đang ở bên trong cơ thể Finlay, cũng lập tức nhận ra da dày của Finlay

hoàn toàn không đồng ý với ý tưởng ăn thịt một con chuột. John đã cố hết sức nói chuyện với Finlay và xoa dịu cảm giác ghê tởm đó, nhưng chẳng ích gì. Và một, hai phút sau đó, cậu đã đứng ngoài Phố Ăn Vặt bên cạnh ông Groanin và nôn thốc nôn tháo trước ánh mắt tò mò pha lẫn buồn cười của vài người Trung Quốc đã thấy họ chạy trốn chết ra khỏi nhà hàng.

Một, hai phút sau đó, cậu Nimrod bước ra và buồn bã nhìn những người bạn đồng hành của cậu.

Cậu Nimrod nói:

– Tuy từng nghe nói nếu ăn quá nhiều chuột sẽ bị chảy máu mũi, nhưng điều này quá mức lộ bịch. Tôi sẽ không bao giờ có thể chường mặt ở đây lần nữa.

Rồi thở dài một tiếng, cậu chỉ tay ngược lên con đường sáng rực ánh đèn nê-ông và bảo:

– Đi thôi. Chúng ta nên đến phòng triển lãm. Giờ này chắc nó đã đóng cửa rồi.

\* \* \*

Trên thực tế, có ba phòng triển lãm, mỗi cái bao phủ một hố chôn to lớn nơi hàng ngàn chiến binh đất nung được tìm thấy. Phòng triển lãm chứa cái hố chôn chính, là một tòa nhà trông có vẻ hiện đại, có kích cỡ và hình dạng của một nhà để máy bay. Phòng triển lãm đóng cửa vào ban đêm và cậu Nimrod đã một lần nữa sử dụng cái chìa khóa xương bé nhỏ để họ có thể đột nhập vào trong. Finlay/John nghiên cứu một cuốn sách hướng dẫn bằng tiếng Anh khi họ đang trên đường đi qua quầy quà lưu niệm và hướng về khu

vực chính của phòng triển lãm.

Hướng cây đèn pin chúng vừa mua từ một cửa hàng kim khí mở cửa khuya về phía không gian vang vọng sâu trong tòa nhà, Finlay/John dần dần cảm nhận được sự vĩ đại của những gì được tìm thấy ở đây. Với kích cỡ gần gấp đôi một sân bóng đá, phòng triển lãm này rộng lớn đến nỗi ánh sáng từ cây đèn pin của chúng không thể nào với tới trần nhà cũng như bốn vách tường.

Trong cái hố ngay bên dưới chân họ đứng sừng sững hai trăm lẻ bốn người lính tiên phong, và đằng sau là một đội quân khoảng sáu ngàn người với kích cỡ lớn hơn người thật một chút. Một vài cái đã mất đầu hoặc tay, nhưng tất cả đều đứng ngay hàng thẳng lối, quay mặt về phía đông, như thể sẵn sàng để hành quân về một nơi nào đó theo mệnh lệnh của Hoàng đế họ Tần độc ác vào bất cứ lúc nào. Tất cả mọi thứ – những bức tượng đất nung và cái hố – đều phủ cùng một màu xám tro bụi, giống như màu của cái chết.

Rùng mình khi mùi ẩm mốc của ngôi mộ cổ tấn công khoang mũi nhạy cảm của ông, cũng như khi hàng ngũ chiến binh đất nung đầu tiên đập vào tầm mắt, ông Groanin phản nản:

– Tại sao chúng ta cứ phải viếng thăm những nơi như thế này vào ban đêm thế? Mò mẫm trong bóng tối như thế này luôn làm tôi nổi cả gai óc. Và xem cái cách bọn họ trừng trừng nhìn chúng ta với ánh mắt trống rỗng như thế kia. Tôi nói, vậy không nổi gai óc mới là lạ đó. Cứ như thể chúng ta đang xâm phạm một cái gì đó riêng tư.

Ông Groanin không hề quá lời. Nơi này đúng là dễ khiến người ta nổi cả gai óc. Thế nhưng, là một ngôi mộ lớn và khác thường thế này, nó không cho phép người ta dừng lại dù chỉ một giây suy nghĩ.

Leo qua rào ngăn cách, cậu Nimrod bảo:

– Hai người cứ đứng đó nhé. Tôi cần nhìn kĩ hơn một chút.

Ông Groanin hỏi:

– Nhìn kĩ cái gì mới được?

Cậu Nimrod nói:

– Tôi cũng không biết. Có lẽ tôi sẽ biết khi thấy nó.

Rồi cậu Nimrod nhảy xuống cái hố để có thể đứng ngang với những chiến binh đất nung.

John dặn:

– Cậu cẩn thận nhé. Cháu không muốn cậu cũng bị hấp thụ như ông Rakshasas tội nghiệp đâu.

Ông Groanin cũng nói:

– Tôi có thể nhắc là chúng ta không có tấm kim bài hiệu lệnh không? Nimrod nè, tôi nghĩ John nói đúng đấy. Nếu một trong số những bức tượng này sống lại, cậu sẽ bị kẹt cứng cho coi.

Nhưng cậu Nimrod vẫn khẳng khái:

– Chúng ta chưa thể rời đi được.

Rồi cậu rọi ánh đèn pin lên xuống thân hình của chiến binh gần nhất. Dù đã trải qua hơn hai ngàn năm, bức tượng vẫn được bảo quản tốt đến kinh ngạc. Cậu Nimrod cẩn thận chạm vào nó trước khi gõ nhẹ thân tượng bằng cây đèn trên tay. Âm thanh phát ra có vẻ cứng chắc và trống rỗng, như thể đó là một chiếc vại Trung Quốc nặng trĩu.

Cậu Nimrod nhận xét:

– Anh chàng này có phần giống anh đấy, Groanin. Tôi không nghĩ nó sẽ hấp thụ cái gì. Những người dưới này đều là đất nung

rắn.

Ông Groanin làu bàu:

– Ồ, hài hước lắm.

John nói:

– Dù là gì thì đó cũng là chuyện đã xảy ra. Ông Rakshasas bị hút vào cơ thể của chiến binh ma quỷ ở Dendur và không bao giờ bước ra.

Cậu Nimrod bảo:

– Ủ, cậu biết cháu không nói xạo mà. Nhưng mấy cái này có vẻ hoàn toàn vô hại.

Tất cả mọi người ngược nhìn lên khi một cái gì đó bay vụt qua đầu họ và, có phần bất ngờ trước cử động đột ngột đó, cậu Nimrod làm rơi cây đèn pin.

Rơi cây đèn pin của ông lên trần nhà mờ mờ phía trên, ông Groanin lo lắng hỏi:

– Cái gì thế?

Vừa cúi người xuống để nhặt cây đèn pin lên khỏi cái sàn hố lót gạch, cậu Nimrod vừa nói:

– Chắc chỉ là một con dơi thôi.

Ông Groanin lăm bầm:

– Nó nên cẩn thận một chút. Tôi cá là người Trung Quốc cũng ăn thịt dơi.

Cậu Nimrod chột nói:

– Chờ đã.

Ánh mắt cậu đã bắt được một cái gì đó khi cậu đang nhặt cây đèn lên. Cậu chĩa luồng sáng mạnh mẽ của cây đèn pin dọc theo

sàn hồ.

– Nhìn này. Hai người rọi đèn theo tôi, được không?

Ông Groanin và Finlay/John tập trung ánh đèn của mình vào một khe hở giữa những hàng lính, nơi có vài dấu chân trên lớp bụi dày ở sàn hồ, như thể sáu, bảy chiến binh đất nung đã bước ra khỏi hàng ngũ và đi về cuối hồ.

Cậu Nimrod lẩm bẩm:

– Lạ thật.

Lo lắng đưa mắt nhìn xung quanh, ông Groanin nói:

– Chỉ lạ thôi á? Tôi nói, mấy cái bức tượng mà biết đi đi lại lại thì còn hơn cả lạ mới đúng.

Vẫn đứng trên đài quan sát dành cho khách tham quan giữa các hàng tượng đất với ánh sáng đèn pin tập trung về phía cậu Nimrod, Finlay/John và ông Groanin cẩn thận tiến về phía cuối phòng triển lãm, trong khi vị djinn người Anh đi theo dấu chân trong lòng hồ.

Cậu Nimrod cho biết:

– Lạ thật. Dấu chân ngừng đột ngột trước bức tường gạch này. Cứ như thể chúng đi xuyên qua nó.

Chiếu đèn ngược lên bức tường, cậu Nimrod vuốt tay dọc theo bề mặt bụi bặm của nó, và rồi chặc lưỡi lớn tiếng như muốn thông báo cậu đã tìm thấy một cái gì đó.

Finlay hỏi:

– Gì vậy chú?

Dùng mu bàn tay chà đi một ít bụi bặm, cậu Nimrod cho biết:

– Chữ viết.

Rồi cậu xuýt xoa:



– Không thể tin nổi.

Đến lượt John hỏi:

– Nó viết gì vậy cậu?

Cậu Nimrod nói:

– Một câu hiệu lệnh nào đó. Chỉ có điều, nó viết bằng tiếng Hoa. Vậy mới lạ, vì cậu nhớ những câu hiệu lệnh thần bí thế này chỉ có trong các mộ ở Trung Đông. Cậu chưa bao giờ thấy chúng xuất hiện ở Trung Quốc.

Ông Groanin thất kinh:

– Cái gì? Ăn thịt đồng chí hả?<sup>[34]</sup> Rốt cuộc có cái gì mấy người ở đây không ăn không?

Cậu Nimrod sửa lại:

– Không phải *ăn thịt đồng chí*. Là *thần bí*. Có nghĩa là “sâu kín”, “huyền bí”. Anh Groanin kính mến, bộ não anh sao chỉ toàn nghĩ đến thức ăn không vậy?

Vị quản gia lầm bầm:

– Vì cái bụng của tôi không có gì chứ sao. Bữa tối mới này đã không còn gì rồi.

Nhưng cậu Nimrod chẳng nghe ông Groanin phàn nàn. Cậu cho biết:

– Những cái từ này. Chúng tương tự như câu hiệu lệnh mà Alibaba đã dùng để mở cửa hang trong truyện *Alibaba và bốn mươi tên cướp*. Cái câu kiểu này mà xuất hiện ở Trung Quốc thì quá kì.

John hỏi lại:

– Ý cậu là câu chuyện trong *Nghìn lẻ một đêm* ấy à?

– Ừ. Mấy từ tiếng Hoa này dịch ra là “Vùng ơi, mở ra”.

Ông Groanin vội nhắc:

- Làm ơn đừng nói câu đó.

Nhưng ngay khi vị quản gia đang nói, cậu Nimrod đã đọc những từ tiếng Hoa đó lên theo một cách phù hợp với một câu hiệu lệnh thần bí. Cậu nói lớn:

- *Kai shen.*

Ngay lập tức, một cánh cửa bí mật trên bức tường gạch âm âm hé mở, làm lộ ra một lối đi vừa dài vừa tối. Rọi đèn vào bên trong, cậu Nimrod thông báo:

- Những dấu chân đi vào trong này. Và chúng có vẻ đi khá xa về hướng tây.

Kiểm tra cái bản đồ trên cuốn sách hướng dẫn của cậu, John cho biết:

- Cháu cá là đường hầm này dẫn thẳng đến lăng mộ Tần Thủy Hoàng. Nó cách nơi chúng ta đang đứng chừng nửa dặm về phía tây, ở bên kia sông Vị Hà.

Finlay cho biết thêm:

- Vì một lí do nào đó, lăng mộ này vẫn chưa được khai quật. Và còn có một phòng triển lãm khác ở hố chôn thứ tư vẫn chưa hoàn thành. Tại sao đến giờ nó vẫn chưa hoàn thành nhỉ?

Ông Groanin nhún vai:

- Chắc tám ngàn chiến binh dân đầy chỗ này, họ nghĩ thế là đã là quá đủ với họ.

Lờ đi lời giải thích của ông Groanin, cậu Nimrod thừa nhận:

- Ồ, chú cũng đang thắc mắc chuyện đó đây. Khá kì lạ, đúng không?

Finlay đoán thử:

- Có lẽ một cái gì đó làm họ sợ chẳng?

Ông Groanin bảo:

- Ta không thể tưởng tượng ra một cái gì trên quả đất này có thể hù dọa những người dám ăn cả chó và chuột.

Finlay gợi ý:

- Có lẽ là một thứ không ở *trên* mặt đất. Mà ở bên dưới nó.

Cậu Nimrod nói:

- Chắc chắn chúng ta không thể tìm ra câu trả lời nếu chỉ đứng ở đây.

Ông Groanin hỏi:

- Cậu không nói định một mình đi vào đó chứ?

Cậu Nimrod mỉm cười:

- Dĩ nhiên là không rồi, anh Groanin. Anh sẽ đi cùng tôi mà.
- Nó có thể là một cái bẫy đó.
- Có thể. Cho nên, John, Finlay, tốt hơn hết hai đứa nên quay lại khách sạn Most Wonderful ở Tây An, và chờ chúng ta ở đó. Phòng khi có chuyện xảy ra thôi.

Vừa nói, cậu Nimrod vừa quăng cái hộp nhỏ xíu đựng cái chìa khóa xương cho Finlay. Cậu chụp lấy nó và nhét vào túi áo.

- Hai đứa có thể sẽ cần cái chìa khóa này để quay lại đây.

Finlay/John phản đối:

- Sao tụi cháu phải chờ bên ngoài?

Để trấn an ông Groanin, cậu Nimrod nhanh chóng nói thêm:

- Dĩ nhiên sẽ không có chuyện gì xảy ra. Chỉ có kẻ ngốc mới mơ

tưởng đến việc đánh bại một djinn trong một cuộc đối đầu.

Ông Groanin cần nhân:

– Vậy tại sao ngài lại muốn tôi đi theo chứ, thưa ngài?

Cậu Nimrod cười bảo:

– Anh là quản gia của tôi mà. Một quý ông Anh quốc không bao giờ đi đâu mà thiếu mặt quản gia.

– Nếu ngài nói thế, thưa ngài.

Cậu Nimrod giục:

– Đừng đứng đó than thở mãi thế, anh Groanin. Xuống đây đi.

– Tốt thôi, thưa ngài. Nếu đó là điều ngài muốn.

Ông Groanin trèo qua rào ngăn cách và trượt xuống theo một vách hố. Ông tiếp đất dưới lòng hố bằng mông, nhưng đứng dậy mà không phàn nàn gì và cố gắng phủi đi lớp bụi đất bám đầy trên người.

Liếc nhìn lối đi tối om trước mặt, ông hỏi:

– Tôi dẫn đường nhé, thưa ngài?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không, anh Groanin, tốt nhất nên để tôi đi trước. Chỉ để đề phòng.

Finlay/John đứng nhìn hai người bạn đồng hành của chúng tiến sâu vào lối đi bí mật, cho đến khi cánh cửa đó đóng sập lại sau lưng họ. Rồi chúng nán lại đó trong vài phút nữa.

Finlay hỏi John:

– Cậu thật sự muốn quay lại khách sạn hả?

John trả lời:

– Làm gì có. Tổ nghĩ chúng ta nên đợi ở đây vài phút nữa, rồi lên đi theo họ. Chỉ để trông chừng họ. Đảm bảo họ không gặp rắc rối nào.

\* \* \*

Leo qua lớp rào cản và trượt xuống cái hố đậm mùi ẩm mốc, Finlay/John cẩn thận để mắt đến những chiến binh đất nung, phòng trường hợp một trong số đó thành linh sống lại và hành động hung hăng, giống như gã chiến binh ma quỷ của Đền Dendur tại bảo tàng Metropolitan ở New York. Finlay nhận xét:

– Ông Groanin nói đúng. Nơi này cứ như hố địa ngục ấy.

John không cần lắng nghe vì dĩ nhiên, ở trong cơ thể Finlay, John có thể biết được những điều Finlay muốn nói ngay trước khi cậu nói ra.

Finlay nghĩ thầm trong đầu:

– Đề nghị của cậu được đó. Từ giờ trở đi, chúng ta chỉ cần trao đổi suy nghĩ của nhau thôi.

John nghĩ:

– Cậu có nghe thấy gì không?

Tắt cây đèn đi, Finlay nghĩ:

– Cậu biết tổ có nghe thấy mà. Ai đó đang đến đây.

Finlay/John khom người xuống núp đằng sau một trong những bức tượng khi hệ thống đèn điện trong phòng triển lãm bật sáng và tiếng bước chân của một người Mỹ vang lên trên đài quan sát phía trên đầu họ. Chúng biết đó là một người Mỹ vì chủ nhân của tiếng

bước chân đang nói chuyện điện thoại.

Một giọng nói nghe có vẻ khá trẻ sang sảng vang lên:

– Cha, là con, Rudyard đây. Cha biết việc lão Nimrod và đám hề ngu ngốc của lão thoát khỏi cơn bão của con phải không? Giờ thì chúng đang ở phòng triển lãm tại Tây An. Và cha biết gì không? Tất cả bọn chúng vừa bước thẳng vào cái bẫy chúng ta giăng ra cho chúng. Đúng thế. Chúng vừa đi vào đường hầm “Vùng ơi, mở ra”. Y như dự đoán của cha. Vâng. Như lũ chuột chui đầu vào rọ.

Một tiếng cười không lấy gì làm dễ chịu vang lên.

– Con cá là chúng sẽ có một bất ngờ thú vị khi đến hồ bạc. Con thật sự muốn thấy khuôn mặt của chúng khi nhận ra nơi này hoạt động như thế nào.

John cẩn thận thò đầu ra từ chỗ ẩn nấp, và trông thấy một thằng con trai tóc đỏ, mặt trắng bệch khoảng chừng mười lăm tuổi, gã mặc một bộ đồ kiểu Tàu màu sậm với mắt kính đen. Cậu chỉ thấy nó có một lần duy nhất, tại Giải vô địch Djinnversoctoannular ở khách sạn Algonquin, New York vào tháng Mười Hai năm ngoái. Nhưng đó là một khuôn mặt cậu khó có thể quên được. Thằng con trai đang nói chuyện điện thoại là một djinn, một Ifrit, và hoàn toàn là một sản phẩm kinh dị của tạo hóa. Philippa đã dễ dàng đánh bại nó trong trận đấu đầu tiên của cô và, y như dự đoán, nó đã chứng tỏ mình là một kẻ chiến bại xấu tính, xấu miệng. Đó chính là Rudyard Teer, một trong vô số đứa con trai của Iblis.

– Mà cái Chiến dịch Ma Phương thế nào rồi cha? Vậ à? Tuyệt. Thằng nhóc Dybbuk đó ngu thật. Con biết nó cũng là con trai của cha. Nhưng cha cũng phải công nhận nó là một thằng khờ chứ. Thôi được, thôi được, nếu cha nói thế. Nó là anh em cùng cha với

con, ok. Nhưng theo con, nó chỉ thông minh bằng nửa con thôi. Thôi cha à, quên chuyện đó đi. Con lấy được những số Keyfitz cuối cùng cho cha rồi nè.

Finlay hỏi thăm:

– Số Keyfitz là gì vậy?

John im lặng thú nhận:

– Tớ cũng không biết.

Rudyard Teer nói tiếp:

– Chúng ta đã giải quyết được chín mươi tỷ linh hồn. Đúng thế. Chín mươi tỷ linh hồn bị hấp thụ bởi những chiến binh ma quỷ của cha. Cha thấy tuyệt không? Chỉ còn thiếu sáu tỷ nữa là chúng ta có thể dọn dẹp sạch cái linh giới ồn ào này để chuẩn bị cho chiến dịch của cha. Cha? Cha, tín hiệu điện thoại của cha chập chờn quá. Con không nghe lắm chứ? Cha không muốn con bận tâm đến sáu tỷ linh hồn đó hả? Ok, cha. Lời cha là lệnh mà. Và cha nói đúng đó. Sáu tỷ là quá ít để cản trở kế hoạch của chúng ta. Ok, cha. Mai con gọi nhé. Tạm biệt.

Vẫn cười to, Rudyard Teer bước ngược ra cửa. Vài giây sau, hệ thống đèn trong phòng triển lãm vụt tắt, và những chiến binh đất nung cùng hai thằng bé ẩn nấp sau lưng chúng một lần nữa chìm vào bóng tối.

Finlay nghĩ:

– Tất cả chuyện này là sao?

John trả lời:

– Tớ vẫn đang nghĩ về nó đây.

Finlay bảo:

– Chúng ta phải cảnh báo chú Nimrod.

John hỏi:

– Nếu đi theo cậu Nimrod qua cánh cửa đó, chẳng phải chúng ta cũng bước vào cùng một cái bẫy sao?

– Ồ, cũng đúng.

John phân tích:

– Này nhé, cậu cũng biết cậu Nimrod là một djinn rất, rất mạnh. Và ông Groanin có một cánh tay siêu khỏe. Chúng ta phải tin tưởng họ có thể tự lo cho bản thân, nhưng nếu họ không thể, chúng ta cũng không thể giúp được gì. Ý tớ là, tớ không có chút sức mạnh djinn nào trong người hiện giờ. Và cậu chỉ là một cậu nhóc loài người bình thường.

Finlay gật đầu:

– Tớ không thể phản đối lập luận nào của cậu.

John nói tiếp:

– Nếu Rudyard Teer nghĩ chúng ta đang trên cùng một chiếc thuyền với cậu Nimrod và ông Groanin, trong khi chúng ta ở ngoài đây, điều đó có nghĩa chúng ta có một lợi thế. Một lợi thế mà chúng ta sẽ mất đi nếu đi qua cánh cửa “Vùng ời, mở ra” như họ. Tớ nghĩ, việc tốt nhất chúng ta có thể làm là quay lại khách sạn, chờ ở đó, và hi vọng Philippa có thể giải mã bí ẩn bức họa Hồng y Marrone ở Venice, từ đó tìm được tấm kim bài hiệu lệnh. Theo tớ thấy, nếu muốn đuổi theo cậu Nimrod và ông Groanin, tốt hơn hết chúng ta nên có sẵn đồ nghề để đào họ ra khỏi bất cứ cái hố nào họ lỡ chân lọt vào. Tấm kim bài của Marco Polo là thứ duy nhất có thể làm được điều đó.



Finlay hỏi:

– Lỡ Philippa làm không được thì sao? Ý tớ là, lỡ như em gái cậu không giải mã được bí ẩn trong bức tranh?

John tuyên bố chắc nịch:

– Nếu có người giải mã được câu đố đó, thì đó chính là Philippa. Em gái sinh đôi của tớ có trong đầu một bộ não to bằng một trái bóng rổ. Đặc biệt là sau khoảng thời gian nó bị cấm cung ở Babylon để trở thành Djinn Xanh đời tiếp theo. Nhưng tớ không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó không giải được câu đố đó. Thật sự không. Từ những gì thằng Rudyard Teer kia vừa nói, tớ nghĩ việc Philippa có thể giải mã bức tranh hay không là một vấn đề mang tính sống còn. Trên thực tế, nó có thể còn quan trọng hơn thế.



## CHƯƠNG 26

# Săn Ngỗng trời

Tại phòng tranh Gallerie dell'Accademia ở Venice, Philippa ngồi một mình trước bức tranh cung điện bằng vàng của các Doge. Bốn người nông dân đang sẫm soi viên đá đặt nền với phép tính cộng chữ số La Mã có phần vô lí trong bức tranh nhìn có vẻ cũng lâm vào bế tắc như cô. Cô bẻ bộ não của mình sang đông rồi lại sang tây, chắc chắn rằng câu trả lời nằm trong lời giải của phép toán thoát nhìn có vẻ không thể nào giải được  $XI + I = X$ . Và vì không thể giải được, nên tìm ra đáp án sẽ không phải là một việc dễ dàng gì. Làm sao 11 cộng 1 lại có thể bằng 10 chứ? Không hợp lí chút nào. Dĩ nhiên, vấn đề nằm ở đó. Nếu hợp lí, nó sẽ không còn là một câu đố. Cô đã bỏ ra cả ngày chỉ để nhìn vào bức tranh và suy nghĩ về nó.

Philippa chỉ có một mình trong phòng tranh Gallerie vì cô đã bảo Marco Polo ở lại khách sạn để không làm cô bị phân tán tư tưởng. Sau khi nếm thử món kem Ý – ông quả quyết mình chính là người mang công thức món đó từ Trung Quốc về đây vào cuối thế kỉ thứ 13 – Marco Polo đã nói liên tục không dứt về việc nó ngon hơn món kem Trung Quốc như thế nào. Nói thẳng ra thì Philippa cũng không mấy ngạc nhiên trước nhận xét đó. Bản thân cô cũng khá thích món kem Ý mà. Marco Polo còn rất say mê món pasta<sup>[35]</sup>, cà phê, cocktail Bellini, và dĩ nhiên không thể thiếu phụ nữ thành

Venice, một trong những đóa hoa xinh đẹp nhất của nước Ý. Tuy nhiên, ông lại không hứng thú lắm với truyền hình. Ông đã tuyên bố:

– Có lẽ sẽ tốt hơn nếu người ta không phải lúc nào cũng chiếu cùng một thứ trên tivi. Thằng nhóc phù thủy Jonathan Tarot gì ấy, nó thật sự làm ta phát bực.

Philippa cũng không có ý định phản đối ý kiến này.

Xo Cristina xuất hiện vài lần ở phòng tranh Gallerie và hỏi thăm tình hình đến đâu rồi. Bà thậm chí còn mang cho Philippa một cuốn sách về bí ẩn của Hồng y Marrone được viết bởi một người mang tên Michel Bustinadité, và nó đã giúp cô có thể dễ dàng ghi chú lại những chữ số được sơn dọc theo phần đáy bức tranh:

**3376 619 77345 35007 32135 3704 0705**

**3751 1704 539076 535509 335 06 07734**

Tự hỏi không biết đây có phải là một dạng mật mã nào đó hay không, giống như những con rắn nhảy múa trong bức tranh đã mang cô, John và Dybbuk vào một chuyến phiêu lưu đến Kathmandu và Lucknow, Philippa đã bỏ ra vài giờ cố gắng sắp xếp những chữ số thông dụng nhất với những chữ cái phổ biến nhất để giải mã. Phương pháp này mang đến cho cô một thông điệp bắt đầu bằng “ee”, và vì từ duy nhất bắt đầu bằng hai chữ e mà cô có thể nghĩ ra là “eel”<sup>[36]</sup>, cô không nghĩ mình đã đi đúng hướng. Ở Venice làm gì có con lươn nào.

Mệt mỏi vì phải động não liên tục suốt mấy tiếng đồng hồ, Philippa nằm vật xuống cái ghế dài lót da thoải mái – giống như một cái giường – và sau một lúc, cô ngủ thiếp đi.

Philippa thức dậy với một cái cổ đau ê ẩm. Đầu cô đã trượt khỏi

ghế trong khi ngủ, và khi cô mở mắt ra, tất cả mọi thứ đều lộn ngược. Vì một lí do gì đó, bức tranh nhìn theo chiều này có vẻ hợp lí hơn. Nghĩ mình còn đang mơ ngủ, Philippa lúc lắc đầu và ngồi dậy. Phải một, hoặc hai phút sau đó, cô mới tỉnh linh nhận ra dù đã thử nhìn ngắm bức tranh theo nhiều cách, nhiều hướng, cô vẫn chưa hề thử nhìn nó theo chiều lộn ngược.

Lột áo khoác ra, Philippa cuộn nó lại làm gối, đặt nó lên sàn, sát bên vách tường. Đưa lưng về phía bức tranh, cô đặt đầu vào cái nệm đã chiến, và rồi đá chân lên cao để trông cây chuối bằng đỉnh đầu. Philippa hi vọng cô có thể tránh được sự soi mói của một trong những nhân viên phòng tranh đủ lâu để tìm ra lời giải cho câu đố mà cô đang cảm thấy sắp nắm được trong tay đến nơi.

Khi cảm giác máu dồn xuống đầu xuất hiện cũng là lúc Philippa đột ngột hiểu ra ý nghĩa của công thức toán học La Mã bí ẩn trong tranh. Cô thầm thì:

– Eureka! Tìm ra rồi!

Và đúng là cô đã tìm ra nó. Khi nhìn theo chiều lộn ngược,  $XI + I = X$  trở thành  $X = I + IX$  – một phép tính dĩ nhiên hoàn toàn hợp lí, vì 10 bằng 1 cộng 9. Điều này có nghĩa, bức tranh chỉ có nghĩa như một thông điệp khi nó bị lộn ngược. Và chắc chắn nó đồng nghĩa với việc, những chữ số ở dưới đáy bức tranh cũng nên được đọc theo chiều lộn ngược.

Với tâm trạng đầy phấn khích, Philippa thả người xuống sàn, mò ra tờ giấy mà cô đã dùng để ghi chú lại những chữ số ở đáy bức tranh, và quay nó một vòng một trăm tám mươi độ để phần đáy tờ giấy trở thành phần đầu. Và chỉ sau một, hai giây, cô nhận ra họa sĩ của bức tranh đã thực hiện cùng một mẹo vặt ngớ ngẩn mà John

từng có lần làm cho cô xem với một cái máy tính bỏ túi: khi bạn bấm vào số 07734 rồi lật ngược máy tính lại, bạn sẽ có từ *hello*.

Thông điệp bí ẩn của Hồng y Marrone thì dài hơn và không được tường minh cho lắm.

Thông điệp đó như sau:

**HELLO GO SEE BOSSES GLOBES HOLI ISLE**

**SOLO HOLE SEIZE LOOSE SHELL BIG GLEE**

XIN CHÀO. ĐI XEM NHỮNG ĐỊA CẦU CỦA CÁC ÔNG CHỦ.

ĐẢO THÁNH. LỖ ĐƠN. CHIẾM LẤY VỎ LÔNG LÈO. VUI SƯỚNG LỚN.

Dĩ nhiên, đọc được thông điệp là một chuyện, còn hiểu được nó lại là một chuyện hoàn toàn khác. Rõ ràng đây là những từ chỉ phương hướng. Và nhiều khả năng là về một thứ gì đó có liên quan đến lâu đài hoàng kim. Tuy nhiên, Philippa cũng hiểu rõ cô cần tham khảo một cái đầu lão làng, gạo cội. Cô quyết định quay lại Giáo đường Thánh Mark và nhờ đến sự hỗ trợ của xơ Cristina.

Vội vã băng qua quảng trường Thánh Mark – đuổi chạy tán loạn bấy bô câu đang thơ thẩn ở đó – Philippa nhìn thấy bên ngoài lâu đài là một dãy người đứng xếp hàng dài nhất cô từng thấy, và dường như kéo dài đến tận kênh Grand. Cô dừng lại trong giây lát để tự khen ngợi bản thân vì đã thông minh chọn tham quan lâu đài trước đó. Và đó là lúc cô chợt nhận ra một số câu trong thông điệp bí ẩn kia có lẽ cũng không khó hiểu cho lắm. Ai khác ngoài các vị công tước thành Venice có thể là *ông chủ* của Venice được chứ? Và chẳng phải lâu đài của các Doge có hai trong số những quả địa cầu to nhất mà cô từng thấy hay sao?

Hồng y Marrone dường như đang nói với cô:

– Xin chào, đây là nơi để bắt đầu. Còn nơi nào khác tốt hơn để bắt đầu cuộc tìm kiếm một báu vật màu nhiệm ngoài một phòng bản đồ cổ đại?

Thay đổi hướng đi ở giữa quảng trường, Philippa hòa vào dòng người đứng xếp hàng ngoài lâu đài. Sau một tiếng đồng hồ chờ đợi, cuối cùng cô cũng có thể chạy lên cầu thang, băng qua lâu đài để đến phòng bản đồ, nơi cô nhớ có trưng bày hai quả địa cầu.

Có thể nói những quả địa cầu này lớn hơn những quả cầu Philippa từng thấy rõ. Mỗi quả cao ngang ngửa một cây piano tử, to bằng một chiếc xe hơi, và mang màu của vải da cũ. Nhiều khả năng chúng rất đắt giá. Chắc chắn chúng rất cổ.

Philippa đi vòng vòng quanh hai quả cầu như một điêu khắc gia xem xét tác phẩm của mình và tự hỏi tại sao có người cần đến hai quả địa cầu khổng lồ, dù là ở trong một lâu đài. Được chế tạo vào thế kỷ thứ 18 và được đặt cạnh nhau trên sàn nhà lát cẩm thạch, hai quả địa cầu được bảo vệ bởi một hàng rào nhỏ bằng kim loại để ngăn khách tham quan chạm vào chúng. Đó chính xác là điều Philippa muốn làm. Không thì làm sao cô có thể tìm được đảo thánh? Còn có một vấn đề khác: với chiều cao không vượt quá đường xích đạo của hai quả địa cầu là mấy, làm sao cô có thể tìm kiếm trên hai bán cầu bắc?

Hiện tại, cô đành phải tìm kiếm trên hai bán cầu nam trước. Xích lại gần nhất có thể, cô từ từ đi vòng vòng xung quanh hai quả địa cầu để tìm kiếm một thứ mà đến giờ cô vẫn chưa biết chính xác là gì. Tuy nhiên, cô tự tin rằng Hồng y Marrone chắc hẳn sẽ để lại một gợi ý nào đó trên hai quả địa cầu về đảo thánh.

Khi cuộc tìm kiếm trên hai bán cầu nam kết thúc, Philippa bắt

đầu cân nhắc việc quay lại khách sạn rủ Marco Polo đi chung để cô có thể đứng trên vai ông, nhưng rồi lại loại bỏ ý tưởng đó. Marco đã quá già để có thể làm một việc như thế. Ngoài ra, lâu đài cũng sắp đóng cửa đến nơi. Không có thời gian để quay về khách sạn, rồi xếp hàng chờ lần nữa. Cái cô cần hiện giờ là một cái cầu thang...

Ngay khi ý nghĩ cuối cùng này vừa xuất hiện trong đầu Philippa, một người thanh niên cao ngang ngửa một cái cầu thang bước vào trong phòng bản đồ. Có nước da đen với nét mặt dễ nhìn, anh mặc cái áo thun của New York Giants, khiến Philippa nghĩ đến việc anh là một cầu thủ bóng đá. Cụ thể là một cầu thủ bóng đá người Mĩ. Cô đi theo anh vòng quanh căn phòng một lúc, chú ý việc cuốn sách hướng dẫn du lịch của anh được viết bằng tiếng Anh, rồi bắt đầu tiếp cận.

Cô mỉm cười rạng rỡ và chào:

– Hi. Anh đến từ Mĩ hả?

Người thanh niên mỉm cười lại:

– New York. Như áo anh đã nói. Em thì sao, cô bé?

– New York. Ừm... em đang tự hỏi, không biết có thể nhờ anh một chuyện được không ạ?

– Tất cả vì đồng hương New York.

Cô cho biết:

– Em đang cần nhìn phần đỉnh của hai quả địa cầu này. Chỉ có điều em lùn quá. Anh có thể nhắc em lên không ạ? Trên vai anh ấy.

Người thanh niên cười sáng khoái:

– Dĩ nhiên là được. Sao không chứ?

Rồi anh quỳ xuống đất và bảo:

– Em leo lên đi. À, anh tên John Nevada.

Ngay cả một người như Philippa cũng đã nghe nói đến John Nevada.

– Cầu thủ bóng đá?

– Ừ.

– Rất vui được gặp anh, John. Em là Philippa Gaunt.

Philippa trèo lên vai Nevada, và rồi khẽ kêu ré lên một tiếng khi anh đứng thẳng dậy, mang cô lên đến độ cao hơn hai mét một. Ở độ cao này, cô có thể dễ dàng trông thấy đỉnh của hai quả địa cầu.

– Hi vọng em không quá nặng.

Công kênh Philippa chậm chậm đi vòng quanh hai quả địa cầu, Nevada bảo:

– Đâu có nặng gì. Mà, em đang tìm cái gì vậy?

Cô thú nhận:

– Em cũng không biết chính xác. Nhưng em chắc chắn sẽ biết một khi thấy nó.

Nevada đưa mắt nhìn cô và nói:

– Hi vọng đây không phải là một trò đùa.

– Không có. Em hoàn toàn nghiêm túc đấy. Anh thấy đó, em phải viết về hai quả địa cầu này. Một bài luận nộp cho trường. Chỉ là, có hơi khó nghiên cứu chúng nếu em chỉ có thể trông thấy một nửa dưới của chúng.

Rồi cô bịa đại một lí do:

– Em chỉ muốn biết kĩ thuật làm bản đồ của thế kỉ thứ 18 chính xác như thế nào thôi.



Anh gật đầu:

- Ra vậy. Thế nó chính xác thế nào?
- Châu Âu nhìn vẫn giống nhau ạ.
- Đó cũng là điều anh nghĩ từ khi bước chân vào đây.

Philippa chợt gọi:

- Khoan. Anh ngừng ở đây một chút giúp em.

Rồi cô cúi người về phía trước để có thể nhìn kĩ hơn. Một cái gì đó màu vàng trên đỉnh một quả địa cầu đang lấp lánh trong ánh nắng chiếu qua cửa sổ lâu đài. Đó là một hình thập tự vàng nhỏ xíu được sơn trên quả địa cầu. Ở ngay bên ngoài bờ biển phía tây của Scotland.

Chắc chắn là nó. Một vị hồng y có thể đánh dấu một đảo thánh bằng gì khác ngoài một hình thập tự chứ? Và một hình thập tự vàng đại diện cho một tấm kim bài. Điều đó cũng hoàn toàn hợp lí. Một khi quay lại khách sạn, cô sẽ lên Internet tìm kiếm thông tin về đảo thánh đó, và xem thử còn có manh mối nào khác để soi sáng phần còn lại trong thông điệp của Marrone.

Cô nói với Nevada:

- Em nghĩ em xem đủ rồi ạ.

Nevada quỳ xuống để cô leo xuống khỏi bờ vai to lớn của anh.

Philippa bảo:

- Cám ơn anh nhé. Nhờ anh, em đã tìm được nhiều điều thú vị.

Đứng thẳng dậy lần nữa, Nevada cười nói:

- Không thành vấn đề. Công việc của anh vốn là mang đến sự khai sáng mà.

Cảm thấy khá là tự hào với bản thân và hào hứng bởi khám phá

mới nhất, Philippa nhanh chóng quay về khách sạn và đi thẳng đến trung tâm thương mại, chọn đăng nhập vào một máy vi tính và bắt đầu tìm kiếm thông tin về đảo thánh trên Internet.

Chỉ có hai hòn đảo thánh trên thế giới: một nằm ở ngoài bờ biển Đông Bắc nước Anh, và một – cái mà cô đang tìm kiếm – nằm ở vịnh Firth xứ Clyde, bên ngoài bờ biển phía tây miền Trung Scotland, bên trong vịnh Lamlash trên đảo lớn Arran. Hòn đảo này có một lịch sử lâu đời như một địa điểm linh thiêng, với một dòng suối được tương truyền có khả năng chữa bệnh. Nó còn nổi tiếng với một hang động của một ẩn sĩ thế kỉ thứ 16 có tên Thánh Laserian.

Hang động của một ẩn sĩ?

Philippa nhìn lại bức thông điệp được cất giấu trong những chữ số viết ngược. Nếu ẩn sĩ là một người chọn cách sống đơn độc, thỉnh thoảng là trong một hang động, vì niềm tin tôn giáo của mình, vậy thì điều đó có thể giải thích câu “Lỗi đơn” trong thông điệp được chăng?

Chắc chắn phải là thế, dù cùng lúc, Philippa nghĩ đến việc một hòn đảo ở Scotland tách biệt có vẻ là một nơi quá xa để lặn lội từ Venice đến giấu tấm kim bài hiệu lệnh. May mắn là, cuốn sách của Michel Bustinadité có nhắc tới việc, về cuối đời, Hồng y Marrone đã có một kì nghỉ tại đảo Arran. Từ chi tiết đó, Philippa đã quyết định có lẽ cô và Marco nên bỏ công bay đến Scotland và tìm tấm kim bài ở đó.

Philippa đặt hai vé máy bay. Hai giờ sau, cô và Marco Polo đã trên đường đến sân bay Venice. Marco đã rất bất ngờ khi biết sân bay thành Venice được đặt theo tên ông. Và còn bất ngờ hơn nữa khi biết họ sẽ du hành đến Scotland trên một chiếc máy bay.

Ông hỏi Philippa:

– Đi máy bay thì mất bao lâu để bay từ đây đến Trung Quốc?

Philippa trả lời:

– Khoảng mười, hay mười hai tiếng đồng hồ ạ.

Ông lắc đầu bảo:

– Ta đã mất đến mười tháng để đến được đó đấy. Vậy có lẽ cũng may cho ta. Ta không thể tưởng tượng được có ai đó hứng thú với quyển sách du hành của ta nếu ta chỉ mất có mười tiếng để đến Trung Quốc.

Philippa bảo:

– Cháu nghĩ đó chính là điểm dở của thế giới ngày hôm nay. Nó dường như quá nhỏ bé.

Trước khi lên máy bay, Philippa gọi điện cho cậu Nimrod để thông báo tin tốt cho cậu, tuy nhiên cô đã thất vọng khi điện thoại không kết nối được. Cho nên, cô đã gọi về nhà với hi vọng nhận được vài tin tốt về mẹ mình. Và dù vẫn không có tin tức gì về bà Gaunt, ít nhất Philippa được nói chuyện với cha. Ông Gaunt phục hồi từ chú trói buộc Methuselah đủ để thực hiện một cuộc đối thoại đúng nghĩa với con gái.

Muốn dành bất ngờ thú vị cho cha, Philippa không cho ông biết bà Layla đang trên đường về nhà – như vậy có lẽ là tốt nhất, sau chuyện đã xảy ra. Cô chỉ nhận xét chung chung vài câu về Venice, Scotland và Trung Quốc. Ông Gaunt nói với cô rằng, ông rất nhớ cô và John, và giục cô nhanh về nhà. Điều này khiến cô phải rơi lệ, vì cô thật sự nhớ nhà, nhớ cha mẹ, và nhớ cả ông anh sinh đôi. Sức mạnh djinn cũng là một thứ cô rất nhớ, không phải vì cô muốn làm gì đặc biệt với nó, mà vì nó mang đến cho cô cảm giác khỏe mạnh

và sự tự tin, những thứ mà cô đã không cảm thấy trong một thời gian dài.

Trước sự ngạc nhiên vô cùng của Philippa, Marco Polo không có vẻ lo lắng mấy trong chuyến bay đầu tiên của ông. Dù vậy – không tính chuyện ông vốn nổi danh là một nhà thám hiểm vĩ đại – Marco nhanh chóng tiết lộ rằng ông là một bạn đồng hành khó tính. Ông than phiền về hầu hết mọi thứ: có quá nhiều người trên xe buýt ra sân bay; ghế ngồi trên máy bay quá nhỏ; bữa ăn giữa chuyến bay chẳng có vị gì hết; rượu cứ như giấm; du hành bằng máy bay quá chán vì chẳng có gì để xem ngoài... không khí. Suốt chuyến bay, nhiều lúc Philippa nghĩ cô sẽ phát điên lên vì ông phàn nàn quá nhiều.

Nhưng chỉ đến khi họ đặt chân xuống phi trường với cái tên không mấy sáng tạo Glasgow City Airport của Scotland, Philippa mới biết những lời phàn nàn của Marco Polo suốt chuyến bay so với hiện tại chỉ là chuyện nhỏ: Scotland quá ẩm ướt và quá lạnh lẽo; người ở đây mặt mày khó chịu và bốc mùi rất lạ; không ai mặc vải len kẻ ô vuông như trong mong đợi của ông; Glasgow xám xịt, bụi bặm và không có đủ ánh mặt trời; thức ăn – đặc biệt là món kem – vừa rẻ vừa dở; không khí nồng nặc mùi bia; trong taxi đầy mùi nước xịt phòng và mùi thuốc lá – phải thừa nhận rằng ấy là một hỗn hợp mùi không mấy dễ chịu; ông không thể hiểu được một từ tiếng Anh nào được nói ở Scotland.

Philippa khó lòng phản đối lời phàn nàn cuối cùng này. Ngay cả cô cũng phải công nhận, thật khó để hiểu được thứ tiếng Anh sút sọ được nói bởi người Scotland. Tài xế của chiếc taxi họ thuê chở họ đến Ardrossan ở hướng tây nam – từ đó họ dự định đáp phà ra đảo – đặc biệt khó giao tiếp. Thân thiện, nhưng hoàn toàn không có

khả năng thực hiện một cuộc đối thoại nào với họ. Ông dường như không gặp rắc rối nào trong việc hiểu được những gì Philippa nói. Vấn đề là, cô không thể nào hiểu nổi ông nói lại với họ những gì.

Đến thị trấn Ardrossan nhỏ bé sau một chuyến đi mệt mỏi vì những hiểu lầm trong ngôn ngữ kéo dài một tiếng đồng hồ, Philippa và Marco Polo đáp phà đến đảo Arran. Một tiếng đồng hồ du hành trên biển nữa, họ cuối cùng cũng đến được hòn đảo trước khi trời tối, và qua đêm tại khách sạn Broons ở Brodick, hải cảng chính của hòn đảo.

Giống khách sạn, buổi sáng ngày hôm sau chào đón họ với sự lạnh lẽo không hiểu khách. Mặt trời chiếu xuống những căn nhà màu sa thạch một thứ ánh nắng gay gắt hằn học, khác xa với ánh nắng thành Venice. Tuy nhiên, ở khía cạnh nào đó, nó cũng rất xinh đẹp. Họ thuê một chiếc xuồng nhỏ với động cơ lắp ngoài, và lướt qua làn nước biển lạnh lẽo, phẳng lặng như gương để đến đảo thánh. Philippa cảm thấy như họ đang du hành đến rìa thế giới, và Marco Polo càng làm trầm trọng thêm suy nghĩ đó khi khẳng khẳng định trái đất hình dẹp và họ chắc chắn sẽ chết khi thuyền của họ rút khỏi rìa đại dương. Nhưng rồi, sau một lúc, hòn đảo hiện rõ trước mắt họ trong cái thở phào nhẹ nhõm của Marco.

Đảo thánh thuộc quyền sở hữu của các thầy tu Tây Tạng, và có một thiền viện Phật giáo to lớn. Điều này làm Philippa cảm thấy hơi lạ và – sau những gì đã xảy ra với cô tại Jayaar Sho Ashram ở Ấn Độ – có phần ngờ vực. Giống như những tín đồ của guru Masamjhasara, các thầy tu ở Peace Centre trên đảo thánh cũng mặc áo chùng màu cam và tập yoga rất nhiều. Nhưng sự tương tự chỉ có chùng ấy. Những thầy tu ở đây rất tử tế, hiếu khách, và thủ lĩnh tinh thần của họ, Thầy Yes, một người Trung Quốc, có vẻ đặc

biệt hài lòng khi được nói chuyện bằng ngôn ngữ mẹ đẻ với Marco, mặc dù, vì những lí do hiển nhiên, Philippa nghĩ tốt nhất Marco không nên nói ra tên thật của ông.

Cô và Marco chỉ nói với Thầy Yes rằng họ muốn đến thăm hang động của ẩn sĩ Thánh Laserian xứ Leighlin, và Thầy Yes đã cử một thầy tu dẫn đường cho họ đến cái hang ở phía bên kia hòn đảo.

Khi họ đang hết lên đồi rồi lại xuống dốc, Philippa nói với Marco:

– Cháu chưa bao giờ thấy được mục đích của việc làm một ẩn sĩ. Ý cháu là, chính xác các ẩn sĩ làm gì để trở nên thần thánh vậy?

Marco cười bảo:

– Ta nghĩ mục đích ở đây là không làm gì nhiều. Ngăn cản bản thân không ăn chơi phí thời gian thôi.

Philippa nhận xét:

– Việc đó đúng là quá dễ nếu họ sống trong một hang động, trên một hòn đảo tách biệt ở Scotland.

Marco thâm thì:

– Ta nghĩ họ chỉ là những người ít có khả năng chống lại cám dỗ. Đó có lẽ là lí do đầu tiên khiến họ đến những nơi như thế này.

– Ý kiến hay!

Họ tìm thấy cái hang ở gần bờ biển. Không có gì nhiều để nhìn ngắm, và thật khó để tưởng tượng ra ai đó sống ở đây, ngoại trừ một vị hồng y muốn cất giấu một thứ đồ quý giá. Nó được che phủ bởi rêu, cỏ và một tảng đá dẹp lớn hình tròn nhìn như thể nó là địa điểm làm tổ yêu thích của loài ngỗng trời từ thời thượng cổ. Đến quá gần tổ bảo đảm sẽ khiến bọn ngỗng kêu rít hung hăng liền.

Marco quỳ xuống, chắp hai tay vào nhau, và sau một hoặc hai

phút, vị thầy tu dẫn đường cho họ lịch sự rời đi. Thêm mấy phút nữa trôi qua, rồi Marco giục:

– Ok, chúng ta đã ở đây. Phần tiếp theo của thông điệp là gì? Cháu nói đi.

Philippa bảo:

– Cháu xin lỗi. Sau những gì ông nói ở trên thuyền – về trái đất hình dẹp – cháu cứ nghĩ ông đang cầu nguyện.

Marco nói:

– Không. Ta chỉ làm vậy để đuổi người dẫn đường của chúng ta đi chỗ khác thôi. Người ta luôn để cho cháu yên nếu cháu nhìn như đang cầu nguyện.

– Ông thật thông minh!

Không cần phải giở tờ giấy ghi thông điệp bí ẩn trên bức họa Hồng y Marrone ra đọc lại, Philippa nói:

– CHIẾM LẤY VỎ LỎNG LÈO. VUI SƯỚNG LỚN.

Đưa mắt nhìn xung quanh, Marco hỏi:

– Cháu có thấy cái vỏ nào ở đây không?

Philippa lắc đầu:

– Không ạ.

Cái hang khá nhỏ, và Marco buộc phải cúi người để đi vào trong. Ông nhận xét:

– Vị Thánh Laserian này chắc phải thấp lắm đây.

Philippa bảo:

– Nhưng cháu nghĩ ông ấy phải là một người dai sức lắm. Ông nghĩ ông ấy có cửa hay tường nào chặn ở lối vào không? Để ngăn gió, mưa và nước biển tạt vào ấy?

Marco cho biết:

– Ta nghĩ là không. Vào cuối thế kỉ thứ 13, khi ta còn sống, châu Âu đầy ắp những ản sĩ. Vài người trong đó suốt ngày đứng ngoài trời. Những người khác thì ngồi trên một cây cột. Cũng không ít người chọn cách tự nhốt mình trong một nhà giam. Khá điên khùng, gần như tất cả. Ta nghĩ họ đều thích một chút gió, một chút mưa. Để tự khảo nghiệm bản thân.

Một cơn gió vỗ vào mặt họ với những giọt mưa lạnh như băng, như thể linh hồn của Thánh Laserian đang cố nhắc nhở họ về khoảng thời gian khổ hạnh của ông. Bầy ngỗng trời làm tổ trên nóc hang kêu gào âm ỉ như một chiếc taxi New York, cảnh báo họ biết điều mà giữ khoảng cách với nó.

Chạm tay vào một số chữ viết cổ đại trên vách hang, Philippa lẩm bẩm:

– Không biết đây là ngôn ngữ gì nhỉ?

Marco nói:

– Ta không biết. Nhưng ta dám nói những dòng chữ này được viết ở đây từ trước khi Thánh Laserian đến trú ngụ.

Ngừng lại trong giây lát, ông hỏi:

– *Bene*<sup>[37]</sup>. Cháu nghĩ chúng ta nên làm gì bây giờ?

Rút một cái xẻng ra khỏi ống tay áo khoác, Philippa nói ngắn gọn:

– Đào.

Marco hỏi:

– Cháu lấy cái này ở đâu ra thế?

Philippa thú nhận:



– Cháu mượn tạm nó từ vườn của các thầy tu.

Rồi quỳ xuống đất, cô bắt đầu đào bới.

Nửa tiếng trôi qua. Và rồi một tiếng. Philippa tìm thấy một đồng xu cổ, một cái nút áo, và một mảnh sắt rỉ nhìn như thể nó từng thuộc về một cái hàng rào sắt. Nhưng không có dấu hiệu gì của một cái vỏ, hay một tấm kim bài hiệu lệnh. Bực bội và nản chí, cô ra khỏi cái hang và ném mảnh sắt rỉ ra biển.

Cô nói:

– Cháu không hiểu. Chúng ta biết Hồng y Marrone đã đến đây nghỉ. Có một hình thập tự vàng đánh dấu đảo thánh trên quả địa cầu trong lâu đài các Doge. Và chỉ có một hang động ẩn dật trên cái đảo thánh này. Chúng ta chắc chắn đã đến đúng nơi. Nhưng không có một cái vỏ lỏng lẻo nào để chiếm lấy cả.

Marco gợi ý:

– Hay là có người đã vô tình nhặt được nó rồi?

Philippa lắc đầu:

– Hồng y Marrone quá khôn khéo để chuyện đó có thể xảy ra. Ông ấy chỉ muốn tấm kim bài được tìm thấy. Bởi những người giải được những manh mối của ông.

Marco bảo:

– Vậy có lẽ cháu đã nhầm lẫn gì đó. Trong trường hợp đó, chúng ta đã phải chịu đựng một hành trình khốn khổ và lặn lội tới tận đất nước bị Chúa từ bỏ này mà không được gì.

Rồi thở dài, ông nói:

– Chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy tấm kim bài. Đây đúng là một cuộc săn ngỗng trời.

- Ông vừa nói gì cơ?
- Ta nói, chúng ta đã lặn lội đến tận đây mà không được gì.
- Không, không phải. Ông nói một thứ khác cơ...

Có một cái gì đó vừa gõ nhẹ trong đầu Philippa. Nhưng đó là gì mới được?

- ... Một thứ gì đó có liên quan.

Marco chỉ nhún vai mà không nói gì.

Philippa nói:

– Cháu không nhầm lẫn gì cả. Không thể nào. Nhưng có lẽ ai đó đã nhầm lẫn chẳng. Người viết cuốn sách về Hồng y Marrone. Michel Bustinadité. Cháu đã sử dụng cuốn sách của ông ấy làm tư liệu tham khảo về những chữ số bên dưới bức tranh – những chữ số đã đưa cho chúng ta thông điệp khi bị lộn ngược – vì không giống ông ấy, cháu không thể tự tay chạm vào bức tranh đó.

Cô bắt đầu lục túi tìm cuốn sách.

– Nhưng nếu ông ấy đã nhầm lẫn khi chép lại chúng, vậy có khả năng chúng ta đang tìm sai thứ.

Tìm thấy cuốn sách mà xơ Cristina đã đưa cho cô khi còn ở Venice, Philippa cúi đầu vào nghiên cứu một bức ảnh chụp cận cảnh những chữ số bên dưới bức tranh trong một lúc lâu, và rồi huýt sáo một tiếng lớn.

Marco hỏi:

- Gì thế?

Cô cho biết:

– Cái số 35007 này. Nó rất mờ. Nhưng đó không phải là số 7. Là 6! 35006. Ông nhìn nè.

Marco thừa nhận:

– Cháu nói đúng. Nhưng nó giúp ích được gì cho chúng ta chứ?

Philippa tuyên bố:

– Được nhiều chứ ông.

Rồi cô viết chữ số 35006 lên giấy và lộn ngược nó lại.

– Thứ chúng ta cần tìm không phải là vỏ “lông”. Mà là vỏ “ngỗng”<sup>[38]</sup>. Ông thấy không? Tấm kim bài không ở trong hang. Nó ở trên nóc hang.

Họ do dự đưa mắt nhìn con ngỗng làm tổ trên nóc hang có kích cỡ của một con chó chăn cừu Đức – hoặc có thể một người chăn cừu Đức – con ngỗng nằm trong cái tổ to nhất trên tảng đá. Và cảm nhận được mối nguy hiểm, nó rít lớn và đập cánh như một lời cảnh báo. Tiếng đập cánh nghe như ai đó rũ một cái khăn đi biển nặng nề trong gió.

Philippa và Marco Polo tiếp tục nhìn. Và càng nhìn, Philippa càng nghĩ đó chính là một nơi hoàn hảo để che giấu một thứ quý báu gì đó. Đặc biệt khi loài ngỗng trời nổi tiếng về sự hung dữ khi đang bảo vệ tổ.

Philippa cho biết:

– Cái tổ của con ngỗng to đùng đằng kia là nơi chúng ta cần tìm.

Marco gật đầu đồng ý:

– Ngỗng là một loài xấu tính. Nhưng ăn cũng rất ngon.

Con ngỗng trừng mắt nhìn hai người bọn họ với cặp mắt tròn và sáng như viên bi, đầy ngờ vực. Philippa không nghi ngờ gì chuyện nó sẽ tặng cho họ những cú mổ đau điếng nếu dám đến quá gần. Một cú mổ, hoặc một cái gì đó tệ hơn. Đòn đập cánh nặng nề từ một

con ngỗng trời có thể làm gãy tay người chứ chẳng chơi.

Philippa hỏi:

– Làm sao chúng ta có thể dời con ngỗng đi chỗ khác đủ lâu để kiểm tra cái tổ bên dưới đây?

Philippa là một cô bé thông minh, nhưng không tàn nhẫn, đặc biệt là với những chuyện có liên quan đến động vật.

Nhưng Marco Polo, người đến từ một thời đại khác, lại không có những trói buộc về đạo đức như vậy.

Ông nói:

– Dễ thôi.

Rồi ông bắt đầu ném đá con ngỗng.

Con ngỗng đứng dậy, rít lớn, ăn một cục đá vào ngực, đập đập cánh, ăn thêm một cục đá ném khá chuẩn nữa vào đầu và, trước khi Philippa kịp phản đối sự tàn nhẫn của Marco, nó bay đi với bộ dạng có vẻ không bị thương tổn mấy.

Marco giục:

– Đi thôi. Hãy xem chúng ta có gì ở đó. Trước khi nó quay lại.

Họ cố hết sức di chuyển cái tổ cùng những quả trứng bên trong qua một bên, để con ngỗng mẹ tí nữa có thể quay về chăm sóc. Cố gắng của họ gặp nhiều trở ngại từ số lượng phân ngỗng trên tảng đá; và chẳng mấy chốc, họ không mấy vui vẻ khi nhận ra con ngỗng đã làm tổ trên địa điểm đặc biệt này trong một thời gian rất, rất dài. Philippa một tay bịt mũi, một tay bắt đầu dùng xẻng đào bới.

Cô bảo:

– May là cháu có mang theo cái này. Cháu ghét phải làm việc này bằng tay không lắm.

Tảng đá bên dưới cái tổ lõm xuống theo hình cái đĩa, và sau một khoảng thời gian hì hục đào lớp phân ngỗng đổ đi, cuối cùng họ cũng thấy được một tảng đá hình vuông, giống nút chặn bể chứa, nhìn như thể nó đã được cố ý đặt ở đó để che giấu một thứ gì đó.

Cầm lấy cái xẻng, Marco nạy tảng đá cho lỏng ra, rồi nhấc nó lên. Bên dưới nó là một cái lỗ sâu. Philippa rất ghét ý tưởng phải đưa tay vào lỗ, nhưng cô hít một hơi thật sâu, thò tay vào trong lỗ, sờ soạng chung quanh một lúc, và rồi rút ra một vật thể hình chữ nhật được gói kín trong lớp vải dầu và da thuộc. Đó là một vật nặng, và nhìn nó như thể đã ở đây trong ít nhất một trăm năm.

Philippa hét lên một cách đắc thắng:

– Đúng! Đúng, đúng, đúng! Chúng ta đã tìm được nó. Cháu chắc chắn về điều đó.

Marco nhận xét:

– Nhìn kích cỡ thì đúng là vậy thật.

Lùi vào dưới sự che chắn của cái hang, họ mở gói đồ ra. Bên trong là một vật thể có kích cỡ như một thanh chocolate lớn, với những chữ viết tiếng Hán phủ đầy trên bề mặt. Lấp lánh bên dưới ánh mặt trời buổi sáng lạnh lẽo và khắc nghiệt của Scotland, nó nhìn giống như một thứ gì đó rơi xuống từ thiên đàng. Đó chính là tấm kim bài hiệu lệnh.

Nước mắt thấm ướt khóe mắt, Marco hỗn hển nói:

– Sau chừng đó thế kỉ, ta đã nghĩ mình sẽ không bao giờ được trông lại nó. Bây giờ, nhờ có cháu, ta cuối cùng cũng được toại nguyện.

Nhưng ông không chạm vào tấm kim bài.

Lau tay, Philippa giục:

– Ông nhặt nó lên đi.

Marco thú nhận:

– Nó luôn làm ta cảm thấy bất an. Ta nghĩ đó có lẽ là một trong những lí do ta đánh mất nó lần trước. Trách nhiệm gánh vác một sức mạnh lớn lao như thế quá nặng nề đối với ta. Không, cháu hãy giữ nó đi.

Vốn đã quá quen chịu trách nhiệm về sức mạnh, Philippa nhắc tấm kim bài lên. Nó khá nặng. Không chỉ với trọng lượng. Có một cái gì đó về nó – một cảm giác như luồng điện chạy trong người – khiến cô cảm thấy mình đang nắm trong tay một sức mạnh siêu nhiên. Như sức mạnh djinn.

Cô hỏi Marco Polo:

– Cái này quyền năng như thế nào mới được?

Marco cho biết:

– Không ai có thể cưỡng lại nó. Bất cứ việc gì cháu yêu cầu, nó sẽ được thực hiện. Những người cháu ra lệnh, họ sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc phục tùng mệnh lệnh của cháu. Tấm kim bài này là vậy. Luôn luôn là vậy.

Cô nói:

– Ok, giờ đã tìm ra nó rồi, tốt nhất chúng ta nên nghĩ cách quay lại Trung Quốc thôi.

Marco bảo:

– Đó là một hành trình ta đã thực hiện trước đây. Nhưng giờ đây, khi cháu có tấm kim bài hiệu lệnh trong tay, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

Marco thở dài và đi lang thang xuống sát bờ biển, hít một hơi thật sâu và phóng tầm mắt ra xa. Philippa nghĩ nét mặt ông thể hiện nỗi buồn.

Ông nói:

– *Va bene*<sup>[39]</sup>. Thật tốt khi được quay lại thế giới sự sống sau ngàn ấy năm. Ta rất trân trọng nó. Nhưng công việc của ta ở đây đã hoàn thành. Thông điệp đã được chuyển giao, và tấm kim bài hiệu lệnh đã thuộc quyền sở hữu của cháu. Đến lúc ta phải đi rồi.

Marco Polo có thể là một người bạn đồng hành kinh khủng, nhưng thành lĩnh viễn cảnh phải một thân một mình đến Trung Quốc khiến Philippa có cảm giác tệ hơn đến vô cùng. Cô nài nỉ:

– Ông đừng đi mà. Không phải là bây giờ. Cháu nghĩ ông sẽ hứng thú với một chuyến đi đến Trung Quốc chứ.

Marco nói:

– Nó từng là vậy. Nhưng giờ thì không. Ngoài ra, ta không nghĩ mình có thể đối mặt với một chuyến bay mười tiếng đến Trung Quốc. Ta không biết sao người khác có thể làm được điều đó. Dù sao thì, ta đã thực hiện lời hứa với Đại hãn. Giờ ta chỉ muốn được nghỉ ngơi. Hi vọng cháu sẽ thích Trung Quốc như ta đã từng thích.

Ông cúi xuống, hôn lên hai má của Philippa theo kiểu người Latinh và chào tạm biệt:

– Arrivederci, cara mia<sup>[40]</sup>.

Philippa cố hỏi:

– Nhưng cháu biết nói gì với Thầy Yes và các thầy tu khác đây? Thế nào họ cũng thắc mắc chuyện gì đã xảy ra với ông.

Marco bảo:

– Không. Họ sẽ không hỏi. Nếu cháu không muốn họ hỏi. Cháu sẽ thấy rằng người khác sẽ làm đúng như những gì cháu muốn, Philippa. Chẳng nào cháu còn nắm giữ tấm kim bài hiệu lệnh. Chúc may mắn, con của ta. Cháu là một cô bé rất xuất sắc. Chúc may mắn và thượng lộ bình an!

Cô lo lắng hỏi:

– Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra với ông?

Marco bình tĩnh trả lời:

– Chuyện gì có thể xảy ra cho ta mà chưa từng xảy ra chứ?

Ông ngồi xuống bãi biển, rồi nằm xuống và ngược nhìn bầu trời, như thể đây là một ngày mùa hè nóng bức và ông là một người đàn ông không có lấy một điều bận tâm trên đời.

Philippa nói:

– Ông không thể ở đây.

Marco cho biết:

– Ta sẽ không ở đây lâu đâu. Dù gì ta cũng là một đứa con thành Venice. Biển cả sẽ đến đón ta đi.

Philippa đưa mắt nhìn xung quanh, không biết chắc đang tìm kiếm cái gì. Và rồi cô thấy nó. Ngoài biển. Đó là một con sóng lớn cao khoảng hai, ba mét đang đều đều tiến về phía bãi biển nơi Marco Polo đang nằm. Di chuyển như một bầy ngựa hoang, nhìn nó như thể đang mang theo một mục đích vĩ đại nào đó.

Cô lo lắng nói:

– Một con sóng lớn đang đi đến đây. Ông sẽ bị ướt nếu cứ nằm đó.

Nhưng Marco chỉ thở dài và nhắm mắt lại:



– Bene<sup>[41]</sup>.

Bản năng khiến Philippa lùi lại khu vực an toàn của tảng đá phía trên hang và chờ đợi. Trong một giây, cô nghĩ đến chuyện dùng tấm kim bài hiệu lệnh để bảo Marco rời khỏi bãi biển và cùng cô đi Trung Quốc. Nhưng chuyện đó có vẻ không công bằng sao ấy. Ngoài ra, cô có thể thấy rõ ông hoan nghênh chuyện sắp sửa xảy ra.

Vài giây sau, con sóng cao to đập vào bãi biển với một tiếng âm lớn, nuốt chửng Marco Polo cùng tất cả những hòn đá, vũng nước đọng bao phủ xung quanh ông. Và khi đợt sóng xám xịt, hỗn loạn đó lặng lẽ rút khỏi bờ, nhà thám hiểm già đã biến mất. Philippa đứng tại chỗ trong một khoảng thời gian dài, dõi mắt về phía biển, tìm kiếm dấu vết của ông trên những đợt sóng nhấp nhô và đường chân trời mờ sương. Nhưng không có gì. Như thể ông chưa từng ở đây. Như thể biển cả đã đòi lại ông.

Philippa vẫn đứng đó một lúc lâu, mặt ướt đẫm với hơi nước từ biển cả và những giọt nước mắt mặn chát, không thể nào phân biệt vị nào với vị nào. Rồi cô lau mặt và, với tấm kim bài hiệu lệnh an toàn cất trong túi, quay lưng đi ngược về thiền viện ở bên kia hòn đảo.

Nếu tấm kim bài có sức mạnh như Marco đã nói, cô nghĩ mình có thể có mặt ở Trung Quốc trong chưa đầy hai mươi bốn tiếng đồng hồ tới.



## CHƯƠNG 27

### Ma Phương

Ma Phương Jonathan Tarot (với những hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện về cách xoay tròn như một dervish) bán được hơn một trăm triệu bản tại các cửa hàng trên khắp thế giới. Nó được coi như món “đồ chơi” bán chạy nhất mọi thời đại. Những ai không thể đến cửa hàng mua có thể trực tiếp lên website của Jonathan Tarot và tải về một hình vẽ mà họ có thể vẽ trên sàn. Cả tờ giấy ma phương được bán ra (với mặt sau dán băng dính để có thể dán xuống sàn) lẫn hình vẽ tải trên mạng đều có kích thước chính xác là 2,82m x 2,82m. Rất ít người, hoặc có thể là không có ai, đoán được ý nghĩa to lớn thật sự đằng sau kích thước đặc biệt này. Và trẻ em trên khắp thế giới – đó là chưa kể đến không ít người lớn – đã cẩn thận thực hiện các bước chuẩn bị để có thể sử dụng sức mạnh ý chí tập thể của chúng “hỗ trợ” Jonathan Tarot biến mất khỏi một tầng mái bê-tông của một bãi đỗ xe ở New York trong một chương trình truyền hình trực tiếp.

Dĩ nhiên, mục đích thật sự của trò ảo thuật này độc ác hơn nhiều. Nhưng điều đó không có gì đáng ngạc nhiên nếu biết được kẻ đứng đằng sau nó là Iblis, người hiện đang chiếm hữu cơ thể của Adam Apollonius. Độc ác và khá tinh vi.

Bất cứ ai đã từng nghiên cứu về djinn đều biết rằng, trong vũ trụ tồn tại một trạng thái cân bằng sức mạnh giữa May Mắn và Xui Xẻo. Nó được gọi là Sự Điều Bình. Đôi lúc May Mắn có nhiều hơn, và đôi lúc Xui Xẻo lại vượt qua, tuy nhiên, phần lớn thời gian Sự Điều Bình luôn chiếm ưu thế. Quay lại vấn đề về djinn: họ là những người có khả năng điều khiển vận may. Họ có thể khiến bạn May Mắn, hoặc họ có thể khiến bạn Xui Xẻo, tùy thuộc vào khuynh hướng ban đầu ước bẩm sinh của họ. Nhưng số lượng djinn trên thế giới lại khá ít – quá ít để có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến Sự Điều Bình theo bất cứ hướng nào.

Tuy nhiên, con người lại là một chuyện khác. Họ có khả năng tác động đến Sự Điều Bình lớn hơn rất nhiều so với djinn. Vì con người có số lượng nhiều hơn. Đó là lí do tại sao sức mạnh ý chí của con người – đặc biệt là sức mạnh ý chí của trẻ em, những người có năng lượng sống cực kì mạnh mẽ – chính là nguồn sức mạnh lớn nhất trong vũ trụ. Dĩ nhiên, trên thực tế, sức mạnh này chưa bao giờ tổng hợp lại được thành một khối vì, trong những vấn đề chung chung thông thường, con người luôn nghĩ theo những hướng khác nhau dựa trên mối quan tâm riêng của họ, chứ không phải như một chỉnh thể thống nhất về ý chí. Ít nhất, họ chưa bao giờ hành động như một chỉnh thể thống nhất về ý chí, cho đến khi Iblis áp ủ kế hoạch khủng khiếp của gã để mang lại sự đối lập của tình trạng hỗn loạn thông thường trong suy nghĩ về những vấn đề chung của con người, và tạo ra một ý chí thống nhất, duy nhất, và lớn nhất từng được biết đến trong vũ trụ kể từ thời kì hồng hoang của nhân loại. Gã thậm chí còn có tên cho nó: sự “Nội Chuyển Lực Âm”. Truyền hình là sân khấu lí tưởng cho vở kịch của gã, đặc biệt là khi tất cả mọi người chỉ có thể tập trung vào một chương trình duy

nhất. Trên trái đất, tivi là thứ có khả năng khiến một trăm triệu bộ não suy nghĩ về cùng một vấn đề trong chính xác cùng một thời điểm. Một chương trình truyền hình như vậy chưa bao giờ tồn tại. *Cho tới bây giờ*. Jonathan Tarot là con ách chủ bài của Iblis, vì chương trình truyền hình của cậu là cái mà tất cả mọi người sẽ xem cùng một lúc, nhờ vào phép màu mang tên vệ tinh. Nó sẽ là chương trình truyền hình khiến tất cả mọi người suy nghĩ về cùng một vấn đề trong chính xác cùng một thời điểm.

Và nếu tất cả những chuyện đó đều được thực hiện, điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

Những câu như “Sự Điều Bình sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi Nội Chuyển Lực Âm”, hay “sự Xui Xẻo sẽ thống trị vũ trụ”, là còn quá nhẹ để mô tả về hậu quả khủng khiếp của kế hoạch mà Iblis đang nung nấu. Sự kinh hoàng thực sự của điều sắp sửa xảy ra là một từ mà những djinn phe Thiện chỉ dám nói thầm với nhau. Nó là một lời nguyên lợi dụng khuynh hướng tự nhiên của nhân loại: ước cho một điều tốt, và rồi tạo ra một điều hoàn toàn đối nghịch. Vì vậy mà, một người ước cho màu đen sẽ kết thúc với màu trắng; ước cho ánh sáng sẽ chỉ mang lại bóng tối. Đó chính là điều Iblis đang lên kế hoạch. Dĩ nhiên, djinn cũng có tên gọi cho nó. Djinn luôn có tên gọi cho tất cả mọi thứ. Họ gọi trạng thái này, trạng thái mà trong đó trật tự tự nhiên của vũ trụ bị đảo ngược, là trạng thái “Enantodromia”<sup>[42]</sup>.

Những từ to tát. Với những hệ quả còn to tát hơn. Cho tất cả mọi người trên thế giới.

Tất cả những chuyện này sẽ trở thành hiện thực thông qua sức mạnh toán học của ma phương và điệu múa của những dervish xoay tròn. Và, dĩ nhiên, qua Jonathan Tarot.

Vào buổi tối mà tiết mục ảo thuật đặc biệt của Jonathan Tarot, với tên gọi *Vị dervish biến mất*, truyền hình trực tiếp trên tivi, mọi người rời trường học, công sở sớm hơn thường lệ để chắc chắn có thể kịp về nhà đón xem chương trình.

Họ vẽ hoặc mở ra Ma Phương Jonathan Tarot ở phía trước tivi và ngồi vào ô số 4, con số đại diện cho sự chết chóc của người Trung Quốc, và chờ đợi.

Vào giờ phát sóng chương trình, các rạp chiếu phim, nhà hát và nhà hàng trên toàn thế giới trống trơn không một vị khách vì tất cả mọi người đều ở nhà để xem tivi và tham gia vào cái mà giới truyền thông gọi là “kì công khổng chế vật thể bằng suy nghĩ lớn nhất mọi thời đại”. Số lượng khán giả xem truyền hình đêm nay thậm chí còn lớn hơn cả *tổng số lượng* khán giả của Thế vận hội Olympic, Superbowl và Cúp FA.

Hầu hết người lớn vẫn giữ thái độ ngờ vực, và nghĩ rằng tất cả chuyện này chỉ là kĩ xảo. Không ai có thể tự nhiên mà biến mất vào không khí. Nó chỉ là một trò ảo thuật. Một kì công về ảo thuật. Và cũng phải thừa nhận rằng nó có lẽ sẽ là một trò ảo thuật hay ho, nếu xét đến những trò ảo thuật trước đây của Jonathan Tarot. Nhưng nó cũng chỉ là một trò ảo thuật, không hơn không kém. Đó là điều người lớn nói.

Dĩ nhiên không cần nói cũng biết, khi trở thành người lớn, người ta thường mất đi khả năng tin tưởng vào mọi thứ. Chỉ có trẻ em mới có thể thật sự tin tưởng vào khả năng thành công của chuyện sắp sửa xảy ra, giống như chúng tin tưởng vào Tiên Răng và ông già Noel. Chỉ có trẻ em mới tin rằng, chúng thật sự có thể đồng loạt tập trung suy nghĩ vào một thứ và nhờ đó giúp Jonathan biến mất khỏi một nóc nhà Manhattan. Trẻ em trên toàn thế giới tin tưởng

vào Jonathan Tarot. Đó là điều Iblis trông chờ.

Khi chương trình được phát sóng, không khí sôi sục như một luồng điện. Vào đúng bảy giờ tối, Jonathan Tarot đi lên một nóc nhà ở Manhattan và đứng vào trong một ma phương khổng lồ, đúng như Adam Apollonius bảo cậu. Vài chiếc trực thăng vùn vụt trên bầu trời đã quay lại toàn bộ sự kiện, đồng thời cũng để chứng minh không có kĩ xảo nào từ trên không. Một công nhân xây dựng dùng máy khoan khoan khoảng đất trong ô số 4, nơi Jonathan dự định sẽ đứng để thực hiện màn ảo thuật, để chứng minh cái nóc nhà này hoàn toàn bằng bê tông đặc cứng. Một số khách mời là ngôi sao truyền hình và người nổi tiếng ngồi xuống thành một vòng tròn xung quanh ma phương để chắc chắn không có đạo cụ nào hỗ trợ cho sự biến mất của Jonathan.

Người nổi tiếng duy nhất không có mặt ở đó là Adam Apollonius. Jonathan hoàn toàn không biết Apollonius hiện đang trên đường đến Tây An, Trung Quốc, để có thể trực tiếp chỉ đạo bước tiếp theo trong kế hoạch độc ác của tộc Ifrit.

Rồi, vào chính xác tám giờ tối, giờ phương Tây, Jonathan, vận bộ trang phục Elvis chói lọi nhất, rực rỡ nhất của cậu, quay về máy camera đang chiếu khuôn mặt bánh trai rạng ngời của cậu tới hàng triệu trẻ em và nói:

– Xin chào các bạn. Hoan nghênh đến với chương trình truyền hình đặc biệt của tôi. Và nó sẽ là một chương trình thật sự đặc biệt. Có ai đó đã từng nói rằng, với đủ niềm tin, bạn có thể dời non lấp bể. Hãy hi vọng như thế. Bởi vì tối nay, tôi sẽ cho cả thế giới thấy một thứ chưa từng được thấy trên truyền hình trực tiếp. Tôi sẽ cho cả thế giới thấy rằng, với đủ niềm tin – niềm tin của các bạn vào tôi – một thứ có thể biến mất vào không khí.

– Đây không phải là một kĩ xảo. Đây không phải là một ảo ảnh. Không có hộp hay túi lụa để tôi trốn vào. Không có cửa ngấm dưới chân. Như các bạn đã thấy, cái nóc nhà này hoàn toàn làm bằng bê tông đặc. Không có gương để đánh lừa thị giác. Không có bệ xoay để xoay vòng. Không có dây thép trên không để nhắc tôi lên. Trên thực tế, không có bất kì đạo cụ nào cả. Thay vào đó, các bạn sẽ có được một hệ thống đèn pha cực mạnh để có thể thấy rõ từng chi tiết một. Những điều các bạn sắp thấy và rồi không thấy nữa sẽ là thật. Không phải một ảo ảnh theo nghĩa thường của từ “ảo ảnh” đâu. Thứ duy nhất tôi cần để hỗ trợ tôi tối hôm nay là cái ma phương Trung Quốc này, cùng sức mạnh ý chí tổng hợp của tất cả các bạn để khai thác sức mạnh toán học của nó và cung cấp cho tôi đủ năng lượng để có thể biến mất. Thế thôi. Và với những ai nói rằng điều đó là không thể, hãy nhìn vào khoảng không gian này. Khoảng không gian này, ngay tại đây. Jonathan cười tự tin và chỉ tay vào ma phương dưới chân cậu.

– Các dervish cổ đại tin tưởng rằng xoay nhanh thân hình theo một vòng tròn là cách để đạt được sự khai sáng. Rằng nó sẽ mở ra cánh cửa cho phép cơ thể đạt được một loại năng lượng nào đó. Từ “dervish” có nghĩa là “cửa vào”. Với sự giúp đỡ của các bạn, các chàng trai và các cô gái, đó là cửa vào mà tôi dự định mở ra tối nay. Năng lượng từ suy nghĩ của các bạn sẽ giúp tôi xoay nhanh hơn. Sức mạnh từ suy nghĩ của các bạn sẽ đi vào cánh tay phải giờ cao của tôi, rồi rời khỏi cánh tay trái hạ thấp của tôi để thâm nhập vào cái nóc nhà này. Và khi xoay tròn, tôi sẽ biến mất qua cánh cửa đó để đi vào một thế giới khác.

Jonathan Tarot nghĩ tất cả những điều đó hoàn toàn vô vẩn. Là một djinn, có thể biến mất là chuyện hiển nhiên rồi. Cậu cố che đi

nụ cười chế nhạo cùng sự coi thường đối với những khán giả trẻ tuổi của mình. Với cậu, phần lớn những điều buồn cười mà cậu vừa nói chỉ là một gợi ý của Adam Apollonius để kích thích tinh thần của lượng khán giả truyền hình lớn nhất từ trước đến giờ, để kiếm rất nhiều tiền cho Adam Apollonius, và để biến cậu, Jonathan Tarot, thành người nổi tiếng nhất thế giới. Nổi tiếng hơn cả John Lennon, Elvis, Houdini và tất cả những người nổi tiếng khác cộng lại. Ít nhất, đó là điều cậu nghĩ.

Jonathan Tarot nói tiếp:

– Tuy nhiên, tối nay, có thể chúng ta còn lập được một kì tích khác vĩ đại hơn sự biến mất của riêng bản thân tôi. Nếu tôi có thể thành công bước qua cánh cửa để vào một thế giới khác, tôi muốn tất cả các bạn cũng thử làm như tôi.

Sử dụng sức mạnh của ma phương, tôi muốn tất cả các bạn cùng xoay tròn như một dervish trên ô số 4. Có lẽ các bạn cũng sẽ biến mất như tôi. Hãy hi vọng như thế. Tuy nhiên, ngay bây giờ, tất cả những gì tôi muốn các bạn làm là ngồi đó, nhìn tôi xoay tròn, và, sử dụng sức mạnh ý chí tập thể của các bạn, *cầu* cho tôi tiến vào trạng thái hư vô.

Jonathan vỗ hai bàn tay đeo đầy nhẫn vào nhau và bước vào ô số 4.

– Ok, chúng ta bắt đầu nào.

Dưới cái vẫy tay của cậu, một ban nhạc Thổ Nhĩ Kỳ bắt đầu chơi một loại nhạc lâng lâng thôi miên xoay tròn để làm tăng không khí huyền bí. Đó cũng là ý tưởng của Adam Apollonius. Thôi miên là một phần quan trọng trong kế hoạch tập trung lượng lớn khán giả của gã. Dĩ nhiên, Jonathan không cần nó. Cậu không cần bất cứ



thứ gì ngoài sức mạnh djinn.

Jonathan xoay vài vòng về phía bên phải, với một tay giơ lên và một tay hướng xuống, y như cách các dervish vẫn làm trong bộ phim Apollonius cho cậu coi. Họ luôn bắt đầu bằng một vòng xoay về phía tay phải. Adam Apollonius đã dặn rất kĩ về điều đó. Rồi cậu gục đầu xuống ngực, nhìn mặt đất, rồi sau đó nhìn lên trời. Và chỉ xong khi hoàn thành bảy vòng xoay, cậu mới đổi vị trí tay và bắt đầu xoay về phía bên trái, theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Ngược chiều kim đồng hồ luôn là hướng di chuyển thoải mái nhất của cái ác.

Trong khi Jonathan Tarot xoay và xoay, hàng triệu trẻ em tập trung tinh thần để làm cậu biến mất với tất cả năng lượng sống của chúng. Dần dần, cậu bắt đầu xoay nhanh hơn theo tiết tấu nhạc, và những khách mời nổi tiếng vỗ tay hoặc lúc lắc những món đồ trang sức đắt giá của họ. Hai phút trôi qua. Rồi ba phút. Không ai có thể nghi ngờ khả năng biểu diễn của Jonathan Tarot. Hay tốc độ xoay của cậu. Cậu y như một trái bông vụ. Đó là một màn trình diễn ấn tượng. Ngay cả những người đa nghi nhất cũng nín thở theo dõi.

Sau một lúc, đối với tất cả những khán giả đang xem chương trình trực tiếp trên nóc nhà hoặc qua tivi, cơ thể Jonathan Tarot dường như bắt đầu mờ đi, rồi một luồng khói mỏng cuộn dần quanh cơ thể cậu, như thể tốc độ của điệu xoay đang sản sinh nhiệt. Dĩ nhiên, nhiệt là một phần của việc này. Dù sao thì, djinn cũng được tạo ra từ lửa, và khi một phép hóa thể xảy ra, lửa chính là thứ biến cơ thể thành khói.

Những khán giả trên nóc nhà há hốc miệng vì kinh ngạc. Một vài người đứng bật dậy để có thể thấy rõ hơn. Những người khác, không tin nổi bằng chứng rành rành ngay trước mặt, phải gỡ kiếng

ra lau chùi và đeo vào lại. Hình dáng mờ ảo của Jonathan Tarot trở nên không còn giống hình người, mà giống một đám mây hơn. Vài người bắt đầu hét lên thích thú và reo hò theo cách người Mĩ vẫn thường làm khi muốn thể hiện sự ủng hộ nhiệt liệt nào đó. Một, hai người huýt sáo. Những người khác bắt đầu vỗ tay như điên. Và một số ít người cổ vũ. Vì tất cả mọi người đều có thể thấy rõ – hoặc không thấy, tùy theo cách bạn nhìn vào nó – Jonathan Tarot thật sự đang biến mất vào vũ điệu xoay tròn vù vù, và vào một đám khói đang dần dần tản đi.

Hàng triệu khán giả ở nhà cảm thấy quai hàm rớt xuống đất và mắt lồi ra khỏi đầu. Tất cả mọi suy nghĩ đều dồn về cùng một hướng. *Cậu ấy đã biến mất. Thật sự biến mất. Chúng ta đã làm được điều đó. Chúng ta đã làm một người biến mất vào không khí.*

Và. *Nếu cậu ấy có thể, vậy thì chúng ta cũng có thể biến mất.* Vì thế chúng đứng bật dậy. Hàng triệu trẻ em. Trên khắp thế giới. Chúng đứng dậy và bắt đầu đơn lẻ nhảy vũ điệu xoay tròn của dervish, với vòng xoay càng ngày càng hẹp lại. Xoay tròn, cho đến khi chúng bắt đầu cảm thấy chóng mặt, nhưng vẫn tiếp tục xoay. Và vì tất cả bọn trẻ đều làm việc đó cùng một lúc với cùng một nửa suy nghĩ trong bộ não nửa mơ nửa tỉnh của chúng, sức hút trọng lực của điệu nhảy trở nên mạnh mẽ hơn, vòng xoay trở thành phân tử, thiên hà, và tiềm thức tinh thần của sức mạnh ở trung tâm vũ trụ. Và hiệu ứng mà Iblis dự đoán trước đã xảy ra.

Chúng biến mất.

Nhưng không phải cơ thể của chúng biến mất. Iblis không cần những thứ đó. Có lấy được cơ thể nhỏ bé của lũ trẻ cũng chả được gì. Nhưng linh hồn mạnh mẽ của trẻ em lại là một chuyện hoàn toàn khác. Đó mới là cái Iblis đang theo đuổi.

Và linh hồn trẻ em – hàng triệu linh hồn – trượt khỏi cơ thể và rơi, không ai thấy được, qua cánh cửa dervish tạo ra bởi vũ điệu xoay tròn làm mẫu của Dybbuk cùng sức mạnh toán học cất chứa trong ma phương Trung Quốc, vào thế giới nằm song song với thế giới sự sống: linh giới.

Thường thì, thế giới linh hồn là một nơi rất đông đúc, như chúng ta vẫn biết. Dĩ nhiên, nó đầy ắp những hồn ma. Một nhà khoa học kiêm toán học tên Keyfitz đã từng ước lượng số người từng sống trên trái đất là chín mươi sáu tỷ. Và đó là số lượng hồn ma thường quanh quẩn trong linh giới, nếu không có sự xuất hiện của các chiến binh ma quỷ. Họ chắc chắn sẽ làm trở ngại tiến trình vận chuyển những linh hồn trẻ em đến nơi mà Iblis đã chuẩn bị sẵn cho chúng. Đó là lí do tại sao gã đã làm chuyện đó. Vì gã cũng không cần gì những linh hồn đã cạn kiệt hoàn toàn năng lượng sống.

“Diệt chủng” chỉ là từ nói về việc sát hại người còn sống. Và không có từ nào dùng để nói về việc sát hại người đã chết. Nếu đó không phải là một sự mâu thuẫn về mặt từ ngữ, Iblis và con trai của gã đã mắc tội diệt chủng khi tiêu diệt hàng tỷ hồn ma và linh hồn. Sử dụng những chiến binh ma quỷ cùng một lượng nhỏ nước miếng djinn hòa vào trong lớp đất nung tạo ra chúng, Iblis đã phóng xuất hàng ngàn tên vào linh giới, khiến khoảng chín mươi tỷ linh hồn bị hấp thụ. Chỉ với sáu tỷ linh hồn còn sót lại, Iblis có dư chỗ để di chuyển linh hồn của hàng triệu trẻ em đến Tây An mà không gặp trở ngại gì.

Sức hút mãnh liệt không cưỡng lại được, giống như nam châm, đã kéo Faustina qua linh giới và đến tận Tây An vài tháng trước giờ đây đang làm điều tương tự với linh hồn của hàng triệu đứa trẻ còn sống. Khi chúng bị cuốn đi bởi một đợt sóng thần vô hình, sự

kinh hoàng không thể nào mô tả được hết của bọn trẻ không dừng lại cho đến khi chúng bị đẩy đến cội nguồn của nó: một kim tự tháp khổng lồ nằm ngay trung tâm lăng mộ bí ẩn của Tần Thủy Hoàng. Vì đó là nơi Iblis dự tính lưu trữ linh hồn của chúng và năng lượng mà chỗ linh hồn chứa đựng cho bước tiếp theo của kế hoạch.

Trong lúc đó, ở thế giới vật chất, nhiều bậc phụ huynh nghĩ rằng con của họ chỉ bị ngất xỉu vì quá cuồng nhiệt khi chúng kiến ai đó thật sự biến mất. Vì, không nghi ngờ gì nữa, đó chính là chuyện đã xảy ra. *Jonathan Tarot đã biến mất*. Những người khác thì nổi giận và buộc tội con họ đang giả vờ bị thôi miên. Hầu hết mọi người không biết được sự khác biệt. Vài người bế con lên và cố lắc cho chúng tỉnh dậy.

Về khuya, sự huyên náo và hỗn loạn bắt đầu bùng nổ. Trên khắp thế giới, các ông bố và các bà mẹ dần dần nhận ra thực tế của vấn đề: rằng con họ không chết nhưng bị hôn mê bất tỉnh. Các bệnh viện và phòng khám nhanh chóng chật cứng những phụ huynh với vẻ mặt căng thẳng cùng những “Người đẹp ngủ trong rừng” của họ. Các bác sĩ tâm thần, các bà đồng cốt, các linh mục, giáo sĩ Do Thái, thầy tế Hồi giáo... được gọi đến. Các Tổng thống và Thủ tướng triệu tập nội các. Một tình trạng báo động khẩn cấp về y tế được công bố trên toàn thế giới.

Các bác sĩ thực hiện các cuộc xét nghiệm và đồng ý với một kết luận duy nhất: đây là trường hợp của một sự thôi miên tập thể. Các chuyên gia về y học lên tivi và trấn an các ông bố, bà mẹ ở khắp mọi nơi rằng triệu chứng này sẽ thuyên giảm theo thời gian. Rằng con cái của họ sẽ tỉnh dậy. Những phụ huynh đang sắp phát điên lên vì lo lắng được khuyên phải giữ bình tĩnh. Và phải kiên nhẫn chờ đợi.

Cả thế giới nín thở và cầu nguyện.

Trong lúc đó, Jonathan Tarot bị buộc tội gánh vác một phần trách nhiệm về chuyện đã xảy ra, đã bị cảnh sát thành phố New York bắt tạm giam. Dĩ nhiên, Jonathan chào đón lực lượng cảnh sát tinh nhuệ nhất của New York ập vào gian phòng của cậu ở khách sạn Cimento dell'Armonia với một thái độ vừa buồn cười, vừa khinh bỉ và đã nghĩ đến việc dùng sức mạnh djinn để trốn thoát. Tuy nhiên, cậu đã kinh hoàng nhận ra cậu không thể làm điều đó. Ban đầu, cậu cho rằng đó là vì cậu đang mệt. Hay thậm chí là bị bệnh. Phải đến vài ngày sau đó, cậu mới có thể biết rõ định mệnh khủng khiếp mà số phận đã dành cho cậu.



## CHƯƠNG 28

### Thụ thập thông tin

Finlay nhận xét:

– Chú Nimrod và ông Groanin đáng lẽ giờ này phải quay về đây rồi mới đúng.

John nghĩ:

– Đồng ý. Chắc chắn có chuyện gì đó đã xảy ra cho họ.

Finlay nghĩ:

– Cái thằng gọi điện thoại mà chúng ta thấy mới nãy đây. Tộc Ifrit.

– Rudyard Teer.

– Ừ, là cái thằng đó. Nó nghĩ chúng ta cũng sẽ rơi vào bẫy của nó. Nó có thể nào đi tìm chúng ta không?

– Nó có biết mặt cậu đâu mà lo, Finlay. Nó chưa bao giờ thấy cậu trước đây. Nó chỉ có thể nhận ra tớ. Tớ và em gái tớ.

– Nếu em cậu đến đây.

Finlay đã gọi điện cho khách sạn Gravelli ở Venice, và chúng chỉ biết được Philippa và Marco Polo đã trả phòng. Nhưng Philippa đã không nghĩ đến việc để lại tin nhắn về nơi cô đang đến. Hay về việc cô đang làm.

John nghĩ:

– Philippa sẽ không trả phòng khách sạn, trừ khi nó đã giải mã được bí ẩn trong tranh.

– Vậy sao em cậu chưa có mặt ở đây?

– Tổ đoán là, khi hiểu được nội dung của thông điệp, nó và ông Marco phải đi đâu đó để lấy tấm kim bài. Nhiều khả năng là nơi tay Hồng y ngốc nghếch kia giấu nó.

– Nếu em cậu đến đây với tấm kim bài...

John cắt lời:

– Chắc chắn là vậy. Tổ cam đoan thế. Nếu hiện giờ tổ đang ở trong cơ thể của mình, cá là tổ có thể cảm nhận được điều đó tận trong xương tủy.

Finlay nghĩ:

– Được rồi. Khi em cậu đến đây với tấm kim bài đó, sẽ tốt hơn nhiều nếu chúng ta biết rõ cần phải làm gì tiếp theo. Nên chuẩn bị tinh thần cho cái gì. Việc đó gọi là gì nhỉ?

– Thu thập thông tin.

– Chính xác. Đó là lí do tại sao chúng ta đã đến đây trước em cậu, nhớ không? Và ai có thể thu thập thông tin tốt hơn một điệp viên vô hình chứ?

– Đúng ha. Tổ có thể ra khỏi cơ thể cậu, quay lại phòng triển lãm trong hình dạng linh hồn và đi vào thăm dò cái đường hầm “Vùng ời, mở ra” đó. Đến khi tổ trở về, có lẽ Philippa cũng đã xuất hiện ở đây với tấm kim bài hiệu lệnh rồi cũng nên.

Hài lòng vì John đã đồng ý với kế hoạch của cậu, Finlay tiếp lời:

– Và đến lúc đó chúng ta cũng đã biết rõ cần phải làm gì tiếp

theo.

John tán thành:

– Nghe có vẻ hợp lí đó. Ít nhất là hợp lí hơn việc chúng ta ngồi chết dí một chỗ ở đây và chờ Philippa xuất hiện.

Finlay gật đầu:

– Đúng thế. Mà, cậu có nghĩ sẽ bị bệnh lần nữa không? Nó gọi là gì nhỉ? Chứng say-linh-hồn ấy?

John bảo:

– Tớ không nghĩ mình sẽ đi lâu đâu. Trong khi triệu chứng đó có lẽ chỉ xảy ra khi tớ rời khỏi cơ thể một khoảng thời gian quá dài thôi. Ngoài ra, tớ nghĩ cả hai chúng ta cũng cần có một ít thời gian ở riêng, đúng không?

– Tớ mừng là cậu nghĩ vậy, vì tớ cũng cần được ở một mình một lúc lắm. Tớ đang bắt đầu cảm thấy mình giống như một... Cái đó gọi là gì nhỉ? Khi ai đó có hai nhân cách ấy?

– Một người bị bệnh tâm thần hả?

– Chính xác.

John bật cười:

– Ok. Khi nào cậu sẵn sàng thì bảo tớ nhé.

– Cậu đi đi.

John cho biết:

– Tớ sẽ có thể thấy cậu và nghe cậu nói, nhưng dĩ nhiên cậu sẽ không thể. Chừng nào tớ chưa quay lại. Cho nên, tớ hi vọng cậu không phiền nếu lát nữa tớ bước thẳng vào người cậu. Để tiết kiệm thời gian ấy mà.

Finlay:



- Cứ thoải mái. Và John, nhớ cẩn thận nhé.
- Chắc chắn rồi.

Cuối cùng, John bước ra khỏi cơ thể của Finlay với một cảm giác mãnh liệt như được giải phóng. Nó giống như việc cởi bỏ một bộ tuxedo, hay cởi nút của một cái cổ áo chật ních. Cậu cảm thấy như thể mình có thể hít thở lần nữa và, nếu đang sở hữu một lá phổi thật sự, cậu chắc chắn sẽ thở dài một tiếng đầy mãn nguyện.

Cảm thấy cậu bạn djinn rời đi, Finlay đột ngột thấy hơi chóng mặt, và buộc phải ngồi xuống một cái ghế để khỏi bị ngã gục. Nó làm cậu nhận ra, cậu đã trông cậy vào linh hồn của John nhiều như thế nào trong việc thực hiện những hoạt động thể chất thông thường, như đi lại và cúi xuống nhặt đồ.

Sau một lúc, cậu nằm dài ra ghế và, vì không nghĩ được việc gì khác để làm, cũng như cảm thấy khá tự do, thoải mái sau một thời gian dài, cậu ngủ thiếp đi.

Về phần John, cậu lững thững trôi xuống cầu thang, xuyên qua cánh cửa chính của khách sạn – không phải mở cửa ra, dĩ nhiên – và thẳng tiến về phía phòng triển lãm.

Giờ là ban ngày nên phòng triển lãm hiện đang đông ngẹt khách tham quan – trong đó đông nhất là khách Mỹ – ai cũng xôn xao bàn tán về số lượng khổng lồ của những bức tượng đất nung trong hố số 1. John im lặng lướt đi phía trên đầu họ, vượt rào chắn và xuyên qua hàng ngũ những chiến binh cứng đờ để đến cuối hố. Ở đó, cậu dừng lại trong giây lát, đưa mắt nhìn bức tượng gần nhất tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy nó có thể rời khỏi vị trí và cố hấp thụ cậu, sau đó quay lại đối mặt với phần tường cất chứa cánh cửa bí mật mà cậu Nimrod đã phát hiện ra trước đó.

Cậu nhận ra thật may khi mình có thể đi xuyên qua tường và cửa các loại, vì cậu thật không thể nhớ nổi cái từ tiếng Hoa mà cậu Nimrod đã nói để mở ra cánh cửa “Vùng ời, mở ra” như trong câu chuyện của Alibaba. Cậu tự trách bản thân một chút vì đã bất cẩn quên mất một thứ quan trọng như vậy.

Đi xuyên qua cánh cửa bí mật, John tiến vào trong cái đường hầm nhìn có vẻ dài đến vài trăm thước, hoặc có thể hơn. Là một linh hồn đồng nghĩa với việc cậu không cần đến đèn đuốc thấp sáng gì: tất cả các hồn ma và linh hồn có thể nhìn rõ trong bóng tối. Tinh thần cảnh giác tăng cao vì giờ cậu đã bước vào bẫy của tộc Ifrit – dù có thể vô hình trước mắt người thường, cậu không nghĩ nó đủ để bảo vệ cậu khỏi tộc Ifrit – cậu chậm chậm bay dọc theo đường hầm, thật sự hi vọng có thể trông thấy cậu Nimrod và ông Groanin từ phía bên kia đường hầm đi ngược lại. Tuy nhiên, cái đường hầm có vẻ trống rỗng. Hoặc ít nhất, nó không có gì cậu có thể trông thấy.

Nhưng những gì cậu có thể nghe thấy lại là một chuyện khác. Hoàn toàn khác.

Đầu tiên, John nghĩ cậu đang nghe thấy âm thanh tông cao, vang dội của hàng ngàn, hoặc có thể là hàng triệu con chim trong một hang động lớn ở phía trước mặt. Nhưng khi đến gần hơn và tiếng động trở nên rõ hơn, cậu cảm thấy nó giống tiếng người hơn. Giống như tiếng của một bầy trẻ con đông đảo ở sân trường trong giờ ra chơi, giờ giải lao, hay bất cứ từ ngữ nào trẻ em Trung Quốc dùng để gọi khi không có tiết. Ngoại trừ việc không có gì vui vẻ, vô tư lự trong tiếng ồn đó. Hoàn toàn không. Đó là âm thanh của sự tuyệt vọng.

John cảm thấy như thế, nếu cậu có cơ thể, chắc hẳn tóc gáy của

cậu sẽ dựng đứng cả lên. Biết chắc cậu đang đến gần một nơi khủng khiếp, nơi hàng triệu linh hồn đi lạc đang quần quai trong đau khổ, cậu bay chậm lại. Giờ phút này, tiếng ồn kia đã trở nên đinh tai nhức óc, và tất cả bản năng của cậu đang kêu gào bảo cậu hãy quay lại. Nhưng như thường lệ, linh hồn của John luôn đầy lòng quả cảm. Cậu vẫn bay về phía trước, dù sợ hãi điều cậu có thể sẽ thấy ở cuối đường hầm: tội nhân bị đẩy xuống những hố sâu không đáy bằng những cây giáo nhọn; những người khác bị những cây kèn khổng lồ thổi thẳng vào mặt; những con quỷ và quái vật mình người đầu chim hung hãn. Hieronymus Bosch<sup>[43]</sup>. Địa ngục.

Vì thế, có thể tưởng tượng được sự ngạc nhiên của cậu khi, đến cuối đường hầm, cậu nhìn xuống một cái hang khổng lồ và không thấy bất cứ ai. Ít nhất không có hàng triệu linh hồn bị tra tấn. Cũng không có những cái hố đầy chông nhọn. Chỉ có một cái kim tự tháp màu xanh lá khổng lồ bao quanh bởi một cái hồ bạc. Và đi tuần xung quanh nó là hàng trăm chiến binh ma quỷ – giống y như gã chiến binh đất nung mà cậu đã gặp ở Đền Dendur tại New York.

Cố gắng ngăn những âm thanh kinh tởm bay vào tai, John phóng khỏi đường hầm và băng qua lòng hồ bạc dị thường. Hồ trông như không chứa nước vì dường như chẳng có chút chiều sâu nào, và căn cứ vào những dao động lạ thường trên mặt nước, cậu có thể nói mặt hồ giống hệt một lớp gương.

Cái kim tự tháp ở giữa hồ có kích cỡ ngang ngửa Đại Kim tự tháp Khufu ở Ai Cập. Tuy nhiên, nó có vẻ còn mới hơn rất nhiều, và được cấu tạo bởi những viên đá có màu xanh kì lạ. Nhưng đó không phải là điều kì lạ nhất về tòa kim tự tháp này. John nhanh chóng nhận ra nó chính là nguồn gốc của tiếng động đinh tai nhức óc đang bao trùm cả cái hang. Từ bên trong kim tự tháp phát ra âm

thanh của hàng triệu trẻ em bị xếp chồng lên nhau, như thể đây là phân xưởng đầy nhóc cá mè. Một lần nữa, John cảm thấy một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng khi cậu nghe rõ một giọng nói bị bóp nghẹt vang ra từ trong kim tự tháp, một giọng nói không phải tiếng Hoa.

Giọng nói dường như thuộc về một cô bé người Mỹ van nài:

– Cứu. Cứu em với. Em muốn về nhà. Làm ơn thả em đi. Làm ơn, em không muốn ở đây. Một chuyện gì đó đã xảy ra khi em đang coi tivi. Giúp em với!

Dù cố hết sức, John cũng không thể xuyên qua bức tường trơn láng của kim tự tháp và giúp đỡ giọng nói đó. Kim tự tháp màu xanh này đã được chế tạo từ một thứ vật liệu gì đó mà linh hồn không thể xuyên qua. Bay lên cao, John nhìn thấy phần đỉnh chóp của tòa kim tự tháp có vẻ được làm từ kim cương hay một thứ gì đó tương tự, và nó gần như chạm vào cái trần đá sần sùi của cái hang. Nổi trí tò mò, cậu quan sát kĩ hơn chỗ tiếp xúc giữa phần đỉnh chóp với phần còn lại của kim tự tháp, và nhận ra trên thực tế, có một khe hở mỏng bằng sợi tóc giữa hai phần.

Làm mỏng một ngón tay linh hồn của cậu lại, John thử luồn nó vào trong khe hở. Đó không phải là một ý kiến hay ho gì. Một luồng điện khổng lồ bật ra từ phần đỉnh chóp kim cương giạt cho cậu choáng váng và hất tung cậu vào không khí như một con ruồi bị vợt quật trúng trước khi rơi xuống mặt hồ bên dưới. Phải mất vài phút John mới có thể tỉnh táo lại. Ban đầu, cậu nghĩ cú sốc điện đã làm hỗn loạn các giác quan của cậu. Vì cái mà cậu thấy là ông Groanin, đứng cách đó vài thước, bị một đám chiến binh ma quỷ vây kín xung quanh. Chúng bất động, im lìm, giống như những bức tượng ở trong hố, nhưng có thể thấy rõ bất cứ cố gắng trốn thoát nào từ

giữa vòng vây của chúng sẽ làm chúng sống lại lần nữa.

Ông Groanin không nói tiếng nào. Ông không cử động. Đôi mắt ông mở to, nhưng dường như không nhìn vào bất cứ thứ gì. Cậu Nimrod thì không thấy bóng dáng đâu cả. Trong một lúc, John tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho ông Groanin. Rồi cuối cùng cậu mới nghĩ ra, cách tốt nhất để biết được là nhập vào cơ thể vị quản gia và đọc suy nghĩ của ông, giống như cách cậu đã làm với Finlay.

Thật cẩn thận, John trượt qua giữa chân của một trong những chiến binh ma quỷ và bước vào cơ thể ông Groanin.

Trí óc của ông Groanin lập tức chào đón cậu:

– Cám ơn Chúa, viện binh cuối cùng cũng đã tới. Ta đã phải đứng trơ ra ở đây không biết bao lâu rồi. Cứ mỗi lần thử di chuyển, ta lại ăn đập từ một trong những gã người đất ngu ngốc kia. Cháu có mang tấm kim loại mệnh lệnh gì gì đó theo để giải cứu tất cả chúng ta khỏi cái nơi khốn khổ khốn nạn này không đấy?

John thú nhận:

– Philippa vẫn chưa mang nó đến ạ.

Ông Groanin rên rỉ:

– Tuyệt. Viện binh tuyệt vời thật. Ta nói, viện binh tuyệt vời thật đấy, cậu nhóc.

Bất chấp sự phàn nàn không dứt của ông Groanin, John vẫn có thể tìm kiếm trí nhớ của vị quản gia để biết được rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra cho ông và cậu Nimrod sau khi đi vào đường hầm “Vùng ời, mở ra” đằng sau hố chôn cất. Cậu cũng biết được chính xác tại sao đầu óc của ông Groanin lại hỗn loạn thành một mớ như thế này. Đây là những gì cậu tìm được.

Đi theo cậu Nimrod đến cuối đường hầm, ông Groanin lầm bầm:

– Cái kim tự tháp này làm gì ở đây vậy? Ai Cập đâu có ở gần chỗ này. Tôi nói, Ai Cập cách đây xa tít mù khơi mà.

Cậu Nimrod cho biết:

– Việc sử dụng kim tự tháp làm lăng mộ trước giờ vẫn rất quan trọng trong nhiều nền văn minh khác nhau, chứ không riêng gì Ai Cập. Người Maya, Aztec và Campuchia cũng đều sử dụng thiết kế hình kim tự tháp cho những lăng mộ quan trọng và những nơi linh thiêng của họ. Tôi nghĩ, kim tự tháp này chắc là lăng mộ của Tần Thủy Hoàng. Người mà Marco Polo đã kể với chúng ta trong câu chuyện của Yên Vũ. Vị hoàng đế tin tưởng ông cùng đội quân đất nung của ông có thể thông qua phần chóp đỉnh kim cương của kim tự tháp để đi vào thế giới của các vị thần.

Rồi cậu lắc đầu vì kinh ngạc và nói tiếp:

– Mặc dù tôi chưa bao giờ thấy một kim tự tháp làm từ ngọc bích. Nó phải vô giá lắm đây. Ngọc bích là một thứ kì lạ. Anh biết không, sức mạnh djinn không thể xuyên qua nó.

Họ tiến đến phần rìa của cái hồ vây quanh kim tự tháp. Cậu Nimrod cúi xuống và khẽ chạm vào mặt nước bằng một ngón tay.

Cậu bảo:

– Bất tiện rồi đây.

Groanin hỏi:

– Cái gì bất tiện?

Cậu Nimrod nói:

- Groanin, tôi nghĩ tốt nhất anh nên quay lại khách sạn.
- Tại sao?

Thử nhún phần mũi giày vào trong nước, ông Groanin phát hiện nó vẫn khô ráo khi nhấc lên. Ông bảo:

– Cái hồ này đâu có sâu lắm. Và có vẻ cũng chẳng ướt át gì. Tôi biết chắc sẽ không thể nào bị chết chìm trong đây. Mà, rốt cuộc nó là gì vậy? Nó chắc chắn không phải nước.

– Là thủy ngân, anh Groanin. Đôi lúc còn được gọi là quỹ ngân. Nó là một chất liệu tuyệt vời để dẫn đường cho sức mạnh djinn, và là một trong những lí do tại sao các nhà giả kim thời trung cổ lại hứng thú với nó đến thế. Nhưng nó cũng phát ra một loại hơi độc tác động chậm với con người. Nếu ở dưới này quá lâu, anh có thể phát điên. Hoặc tệ hơn. Đó là lí do tại sao anh nên quay lại.

- Ngài thì sao?
- À, yên tâm, tôi sẽ ổn cả thôi.

Ông Groanin, tuy đôi lúc có giả vờ nhát gan nhưng thật ra cũng rất can đảm, kiên quyết nói:

– Dù có ra sao, tôi vẫn sẽ ở lại, thưa ngài. Hi vọng chúng ta sẽ không ở lâu dưới này. Và theo kinh nghiệm của tôi, có khùng khùng một tí cũng chẳng sút mẻ ai cả.

Cậu Nimrod mỉm cười:

- Anh đúng là một đồng đội gan lì.

Trong khi họ thận trọng băng qua cái hồ bạc, ông Groanin nhận xét:

– Thủy ngân chắc lại là một thứ khác vô hại với djinn các ngài, đúng không? Giải nhất của xổ số cuộc đời. Tôi thấy, làm djinn như ngài sướng thật. Đã có một thời tôi từng nghĩ, chỉ cần làm một người Anh là đủ rồi.

Cậu Nimrod thừa nhận:

– Ừ. Thủy ngân hoàn toàn vô hại với một djinn như tôi.

Một giọng nói cắt ngang:

– Ta sẽ không bảo nó hoàn toàn vô hại. Không chính xác. Một chút cũng không.

Quay phát lại, cậu Nimrod và ông Groanin mặt đối mặt với một thằng con trai vận một bộ áo giáp kì lạ cùng tông màu với tòa kim tự tháp ngọc bích. Đó là Rudyard Teer, và đồng hành cùng nó là một, hai tá chiến binh ma quỷ. Chúng có vẻ ngoài tương tự những bức tượng bất động mà cậu Nimrod và ông Groanin đã thấy trong hố chôn cất, nhưng lại rất khác biệt: cơ thể chúng cử động một cách máy móc, cứng ngắc như những con rô-bốt, và trông chúng đầy hung tợn mặc dù khuôn mặt của chúng vẫn giữ nguyên vẻ vô hồn.

Không một giây chần chừ, cậu Nimrod hô lớn từ trọng tâm của mình:

– QWERTYUIOP!

Rõ ràng cậu có ý định lập tức tung một đòn phủ đầu nào đó lên thằng con trai mà, vì là con của Iblis, cậu biết nó là một kẻ địch nguy hiểm. Nhưng không có gì xảy ra. Và trông thấy vẻ mặt ngạc nhiên của cậu Nimrod, Rudyard Teer bật cười ngạo nghễ.

Nó nói:



– Sức mạnh của người không xi nhê gì với ta đâu, Nimrod.

Trông thấy những chiến binh ma quỷ chộp lấy tay ông Groanin, cậu Nimrod lại cố thả phóng một tia sức mạnh djinn về phía chúng, nhưng một lần nữa, không có chuyện gì xảy ra. Và giây tiếp theo, chúng cũng chộp lấy cậu.

Thằng con cả của Iblis nói thêm:

– Những chiến binh *Dong Xi* của ta cũng vậy.

Ông Groanin cố gắng sử dụng cánh tay siêu mạnh của mình để chống lại những chiến binh ma quỷ, nhưng chúng quá đông, và cả ông cùng cậu Nimrod nhanh chóng thất thủ.

Mỉm cười khoái trá, Teer cho biết:

– Thật ra, điều đó không hoàn toàn là sự thật. Vấn đề là người không có một chút sức mạnh djinn nào khi người và những chiến binh *Dong Xi* đứng trên cái hồ thủy ngân này. Như tất cả chiến binh đất nung của ta, cái hồ này có chứa một ít nước miếng djinn. Cha ta đã đặt một chú trói buộc đặc biệt vào thủy ngân. Một *adligare*. Nó hoạt động như một djinn chú.

Cậu Nimrod lầm bầm bảo:

– Ta biết *adligare* là gì, cảm ơn.

– Nó khiến người phải tuân theo ý chí và mệnh lệnh của ta. Giống như lũ chiến binh ma quỷ này.

Rudyard Teer chỉ tay vào cậu Nimrod và, trong suốt một, hai phút sau đó, bắt cậu phải chạy tới chạy lui một chỗ, chỉ để chứng minh lời nói của nó.

– Thấy ta muốn nói gì chưa? Ta có thể bắt người làm bất

cứ thứ gì.

Nó lại chỉ tay, và lần này cậu Nimrod đặt hai tay lên cổ ông Groanin rồi bắt đầu xiết chặt.

Rudyard lại nở nụ cười điên loạn như con nít của nó và nói:

– Nếu muốn, ta có thể làm người xiết chết hẳn.

Khuôn mặt ông Groanin bắt đầu chuyển qua màu đỏ, rồi sang màu tím.

– Và người không thể làm gì khác ngoài tuân lệnh.

Thở hổn hển vì đã cố sức bóp nghẹn không khí ra khỏi cổ vị quản gia của cậu, cậu Nimrod nói:

– Được rồi, Rudyard. Ta hiểu ý cậu rồi.

Rudyard Teer bỏ tay xuống, và thành linh cậu Nimrod có thể bỏ tay ra khỏi cái cổ của ông Groanin. Ông Groanin lập tức cúi gập người về phía trước, vừa cố hít lấy không khí vào trong phổi, vừa ho sù sụ.

Cậu nói với ông:

– Tôi xin lỗi về chuyện đó, anh Groanin.

– Không sao, tôi hiểu mà, thưa ngài.

Quay qua Rudyard Teer, cậu Nimrod hỏi:

– Và tại sao sức mạnh djinn của cậu vẫn còn nguyên? Vì bộ giáp bằng ngọc bích này, đúng không?

Rudyard Teer nói:

– Đúng thế. Chúng ta đã đặc biệt đặt may nó từ một tay thợ may chuyên nghiệp ở Hồng Kông. Giống đến cả họa tiết so với những bộ áo các tay hoàng đế Trung Quốc từng mặc. Người có biết, có tất cả hai ngàn một trăm năm mươi sáu

miếng ngọc bích gắn trên bộ áo này? Cha ta giống một sử gia chứ hả. Ông đã có giả thuyết rằng hoàng đế Trung Quốc đã làm bộ áo ngọc bích này để có thể phòng chống sức mạnh djinn.

Cậu Nimrod bảo:

– Thế nào mà các bảo tàng trên khắp thế giới liên tục báo mất ngọc bích. Ta vẫn luôn thắc mắc về chuyện đó. Đáng lẽ ra ta nên đoán được tộc Ifrit đứng đằng sau các vụ trộm.

Rudyard Teer kiêu ngạo nói:

– Đúng thế. Đáng lẽ người nên đoán trước.

Cậu Nimrod nhú mày nói:

– Để xem. Đầu tiên, cậu gửi chiến minh ma quỷ vào linh giới để thanh trừng nó, hấp thụ hàng tỷ hồn ma tội nghiệp không có sức chống cự để có đủ chỗ tiến hành kế hoạch của cậu. Rồi dưới danh nghĩa cho mượn, cậu đưa vài chiến binh đất nung đến các bảo tàng trên khắp thế giới. Để chúng có thể thả ra một số linh hồn mà chúng đã hấp thụ, và hù dọa tất cả mọi người chạy khỏi bảo tàng đủ lâu để cậu và người của cậu có thể lấy trộm những món đồ tạo tác bằng ngọc bích quý giá. Cậu cần rất nhiều ngọc bích để làm bộ áo lót bích này. Và làm cậu không bị tác động bởi sức mạnh của những djinn khác, như ta.

Rồi lắc đầu, cậu Nimrod bảo:

– Đúng là không ai có thể hi vọng gì khác vào một bộ tộc cống hiến cuộc đời cho tất cả những gì kinh khủng nhất trên thế giới. Nhưng mà... Trộm ngọc bích? Hủy diệt hồn ma? Cha cậu nên tự xấu hổ với bản thân mới đúng.

– Đẳng nào chúng chẳng đã chết, đúng không? Ai rảnh mà đi quan tâm đến chúng chứ? Vài tử hồn ma thì có là bao so với kế hoạch dành cho cả vũ trụ của cha ta?

Cậu Nimrod nhếch mép cười nhạt:

– *Vũ trụ* cơ đấy. Coi bộ tham vọng của Iblis càng ngày càng lớn đấy.

– Tốt nhất người nên tin vào điều đó, Nimrod.

– Nếu ta không lầm, tòa kim tự tháp này chính là trung tâm của cái kế hoạch vĩ đại mà các người đang mơ tưởng đến.

– Xem ra người cũng không đến nỗi ngu ngốc như vẻ ngoài, Nimrod. Cha ta vẫn bảo người là djinn dối địch khôn ngoan nhất.

Nimrod nhún nhún vai:

– Quá khen. Quá khen.

Rudyard Teer nói:

– Nếu vậy ta thế nào? Djinn đã bắt được người.

Cậu Nimrod cười cười:

– May mắn chăng?

Nhấc tay lên, Rudyard Teer đang định làm một trò hạ nhục danh dự khác với tù nhân djinn của nó thì bị phân tâm bởi một tiếng rền vang lớn của một cây kèn trumpet khổng lồ vô hình. Có lẽ đó là may mắn cho cậu Nimrod.

– Người biết gì không, kẻ khôn ngoan? Tiếng kèn trumpet đó có nghĩa người đến vừa kịp lúc để thấy được kết quả của tất cả những việc này. Các người có hai ghế ngồi hạng nhất để chứng kiến tội ác vĩ đại nhất từng được thực hiện.

Cậu Nimrod phê phán:

– Chỉ vì vậy thôi à? Một tội ác? Tại sao djinn tộc Ifrit các người lại hứng thú với tội ác như vậy chứ? Ta không hiểu. Suy nghĩ của các người quá ngớ ngẩn. Và hoàn toàn thiếu cặn.

Rudyard Teer cười bảo:

– Ta không nói về một tội ác chống lại bất cứ đạo luật ngu xuẩn nào của lũ mundane. Ta đang nói về một tội ác chống lại cả vũ trụ. Cha ta sẽ thay đổi tính chất của vũ trụ vĩnh viễn. Người đang thấy cái kim tự tháp này nạp đầy năng lượng. Và rồi chúng ta sẽ lật úp nó lại.

Cậu Nimrod chau mày:

– Enantodromia. Không thể nào? Cậu chỉ nói đùa thôi, đúng không?

– Ta hoàn toàn nghiêm túc.

– Nhưng để làm được chuyện đó, cậu cần có nguồn năng lượng mạnh nhất trong vũ trụ. Mạnh hơn cả năng lượng nguyên tử. Năng lượng sống, ở một tỷ lệ khổng lồ chưa từng được biết đến. Không thể nào.

Nở một nụ cười kinh khủng, Rudyard Teer chỉ tay về phía tòa kim tự tháp và nói:

– Người đoán đúng rồi đó, đồ mũi to. Hãy nhìn đi!

Ông Groanin giải thích với John khi linh hồn của cậu bé djinn đã hoàn thành việc tìm kiếm trí nhớ ngắn hạn của ông:

– Nó rất kinh khủng. Cháu nghĩ bây giờ đã là ồn lăm rồi à? Thế thì cháu nên ở đây lúc đó. Nó không khác gì địa ngục. Giống như một cơn bão của sự hoảng loạn ập vào nơi này. Tất cả những gì ta

có thể nghe thấy là tiếng gào thét và khóc lóc đầy sợ hãi của những đứa trẻ khi phần chớp đỉnh của cái kim tự tháp mở ra và bắt đầu bị lấp đầy bởi những linh hồn nhỏ bé đó. Giống như một bể chứa nhiên liệu. Ông ọc, ông ọc khi chúng bị cuốn vào trong, đứa này xếp chồng lên đứa kia. Nó kéo dài đến hàng giờ. Ta không biết chúng đến từ nơi nào, nhưng nhìn số lượng, chắc chắn chúng phải đến từ khắp nơi trên thế giới. Đó là tất cả những gì ta biết. Ta e rằng, ta không biết được gì nhiều. Đầu óc của ta không được tỉnh táo như bình thường. Ta xin lỗi, John. Ta cảm thấy rất mơ hồ, thật đấy. Giờ nghĩ lại, có rất nhiều chuyện ta không tài nào nhớ nổi. Và còn nhiều chuyện hơn nữa ta đã quên. Ta cảm thấy mình như một gã ngốc ấy.

John nghĩ:

– Chắc chắc là ảnh hưởng của hơi thủy ngân. Thế nào trí óc của ông lại hỗn loạn như vậy. Khó trách ông cảm thấy như một gã ngốc, ông Groanin. Chúng ta phải mang ông ra khỏi đây. Càng sớm càng tốt.

Ông Groanin phản đối:

– Đừng lo cho ta. Cháu phải chặn bọn chúng lại. Chúng đang định lật sập một trong những điều luật cơ bản nhất của vũ trụ. Để khai thác khuynh hướng tự nhiên của nhân loại là ước cho một điều tốt, và rồi tạo ra một điều hoàn toàn đối nghịch. Không ai trong chúng ta sẽ biết mình ở đâu. Không ai trong chúng ta sẽ biết nên ước theo hướng nào.

– Cậu Nimrod đang ở đâu vậy ông?

– Chúng đã mang cậu ấy đi chỗ khác.

Dõi theo ánh mắt ông Groanin về hướng một cánh cửa dẫn vào

tòa kim tự tháp ngọc bích, John hỏi:

- Trong đó hả?
- Ta nghĩ vậy.

Ông Groanin cố tập trung những suy nghĩ bị tác động bởi hơi thủy ngân của mình để nhớ nhiều hơn, nhưng vô ích. Đầu óc ông vẫn đang rối thành một cục. Ông chỉ có thể cho biết:

- Iblis đã nói một điều gì đó để trả thù cậu ấy.
- Iblis cũng ở đây hả? Ông đã thấy hắn?
- Ừ. Mà không. Ta không chắc. Hắn nhìn không giống Iblis. Nói thẳng ra, hắn nhìn giống cái gã ảo thuật gia trên tivi hôm bữa. Adam Apollonius gì gì đó. Nhưng thằng Rudyard Teer luôn miệng gọi hắn là “cha”.

John nghĩ:

- Thảo nào... Chắc hẳn Iblis đã chiếm lấy cơ thể đó để tiện bề thao túng Dybbuk tội nghiệp đây mà. Cậu ấy lúc nào cũng hành xử như cái gã ảo thuật gia ngớ ngẩn đó mà.
- Nói chung là, cái gã đó xuất hiện khi cái kim tự tháp được lấp đầy chừng một nửa. Nè, cháu không nghĩ Iblis sẽ giết cậu ấy chứ? Ta không biết phải làm gì ngoài việc trông nom Nimrod đâu.
- Sẽ không ai bị giết bởi bất cứ ai đâu, ông Groanin.

John đặt suy nghĩ đó lên phía trước tâm trí của cậu, để nó có thể là điều cuối cùng ông Groanin có thể nhớ về cậu. Nhưng ở sâu trong lòng, cậu đang nghĩ việc Philippa có thể càng sớm càng tốt đến lăng mộ hoàng đế với tám kim bài hiệu lệnh trong tay là một vấn đề thật sự mang tính sống còn. Và nghĩ lại điều đó lần nữa, John quả quyết nó thậm chí còn quan trọng hơn thế.

- Tốt nhất cháu nên đi. Tìm Philippa. Mang em nó quay lại đây.
- Hi vọng tấm kim bài hiệu lệnh thật sự có hiệu quả.

Ông Groanin không quen nói chuyện với người lạ ngay trong đầu của mình. Người bình thường ít ai quen. Và nó còn đặc biệt khó hơn cho ông Groanin vì, như cậu Nimrod đã nói, hơi thủy ngân không mùi vị có tác động mạnh đến đầu óc của con người, khiến họ trở nên hỗn loạn. Cho nên, ấy là những lời cuối cùng của ông Groanin *nói thành lời*.

Thình lình, những chiến binh ma quỷ dường như sống lại và cùng bước tới trước một bước. Một trong số đó chụp lấy tay ông Groanin, và có lẽ ông sẽ rất đau nếu không phải đó là cánh tay siêu mạnh của ông. Tên thứ hai quay gót và phát ra một thứ âm thanh đục ngầu, như một con đười ươi to xác hung bạo, như thể đang cố yêu cầu viện trợ từ tòa kim tự tháp ngọc bích.

Nó la lên:

- Ô - ô - ô! Ô - ô - ô!

Trong một giây, John nghĩ chúng đã phát hiện ra cậu. Nhưng rồi, cậu nhận ra việc ông Groanin nhắc tới tấm kim bài hiệu lệnh dường như đã tác động lên những chiến binh này. Cậu quyết định ngồi yên tại chỗ, hi vọng sẽ thu thập được nhiều thông tin hơn.

Rudyard Teer bước ra khỏi kim tự tháp. Đi sau lưng nó là Adam Apollonius, cũng mặc một bộ giáp bằng ngọc bích. Những chiến binh đứng lùi lại khi Iblis và con trai gã tiến đến gần ông Groanin.

Iblis nói:

- Nghe đồn người vừa nói ra những từ ma thuật.

Ông Groanin giả tảng:



– Từ ma thuật nào cơ? Tôi nói, ông đang nói về từ ma thuật gì?

Iblis bảo:

– Người thấy đấy, những chiến binh *Dong Xi* của ta, chúng chỉ biết tiếng Hoa. Nhưng ta đã lập trình để chúng thức dậy khi nghe nhắc tới một số câu và từ khóa tiếng Anh cụ thể. Ngay cả trong một ngôn ngữ lạ. Một trong những từ khóa đó là “kim bài hiệu lệnh”. Câu hỏi là, người biết gì về tấm kim bài đó? Và tại sao người mới vừa rồi lại nhắc đến nó?

Ông Groanin nói:

– Đó là hai câu hỏi.

Iblis trợn mắt:

– Đừng đùa với ta, Jeeves, hay bất cứ cái tên gì. Cơ thể mundane ta đang sử dụng thuộc về một ngôi sao rất, rất nổi tiếng ở Las Vegas. Người biết điều đó có nghĩa là gì không? Nghĩa là, nó không có một chút khái niệm hài hước nào. Người có biết Phép dò tâm là gì không?

Thở dài một cách mệt mỏi, ông Groanin bảo:

– Tôi không biết nó là gì. Nhưng tôi chắc chắn ông sẽ nói với tôi ngay ấy mà.

Lắc đầu, Iblis cười nói:

– Gã mập, mày có một cái miệng lấu cá đấy. Từ cái miệng như thế phải phát ra một cái gì đó mới đúng. Ta cá đôi lúc chúng thậm chí làm mày phải ngạc nhiên, đúng không?

John biết Phép dò tâm là gì. Đã có một lần bản thân cậu bị trúng Phép dò tâm. Nhưng ngay cả khi cậu bắt đầu im lặng mà giải thích cho ông Groanin biết, đó là một phép trói buộc djinn với mục đích

tìm ra những thứ làm ông khó chịu rồi làm chúng xuất hiện trong miệng, cậu đã cảm thấy có cái gì đó gãy giữa và bò ngược lên cuốn họng của vị quản gia.

Ông Groanin phun nước miếng phì phì và kéo một cái gì đó ra từ bên dưới lưỡi. Nó bấu vít lấy cằm của ông trong giây lát, rồi mới rút xuống sàn. Ông Groanin liếc nhìn xuống vừa kịp lúc để thấy một con gián mập ú đang lùi đi chỗ khác, ngay cả khi một thứ khác đang bò lổm ngổm trong miệng ông. Ông Groanin ho khan và nôn ọe mấy cái, trước khi phun ra sàn một con chuột cống nhỏ. Nó nhanh chóng được nối đuôi bởi một con nhện ăn thịt nhóp nháp bò lên mặt ông và an vị trên đỉnh đầu ông. Ông Groanin hét toáng lên.

Búng con nhện văng ra chỗ khác, Iblis nói:

– Tao nghĩ tốt nhất mày nên nói ra tất cả mọi chuyện, đúng không? Trước khi những con vật bự hơn xuất hiện.

John biết ông Groanin không thể nào chịu đựng nổi một sự tra tấn như vậy. Và nghĩ rằng việc cậu bị tóm có thể ngăn ông Groanin nói cho Iblis biết về Philippa và tấm kim bài hiệu lệnh, cậu chuẩn bị xuất đầu lộ diện. Ngay cả khi suy nghĩ đó vừa hình thành trong đầu cậu, vật thể tiếp theo trào ngược lên cổ họng ông Groanin là một miếng bông cải xanh. Vì rau củ là thứ mà John ghét vô cùng.

John nói:

– Được rồi, được rồi, ông bắt được tôi rồi. Sự thật là có hai người bọn tôi trong cơ thể này. Một là ông Groanin, quản gia của cậu Nimrod. Còn lại là tôi, John Gaunt. Cháu trai của cậu Nimrod.

Đắc ý dắm tay vào không khí, Rudyard Teer nói:

– Một giá hai món.

Ông Groanin hỏi lại:

– Một cái gì cơ?

Iblis bảo:

– Nó nói, một giá tiền mua được hai món.

Rồi Iblis vẫy tay và thăm thì một thứ mà John nghĩ là từ trọng tâm của gã. Không khí xung quanh ông Groanin đột nhiên trở nên rất lạnh. Một lớp băng mỏng xuất hiện trên cơ thể của những chiến binh, và ông Groanin có thể thấy được hơi thở của mình ở trước mặt.

John đoán Iblis đã giảm nhiệt độ xuống để có thể dễ dàng phát hiện ra cậu nếu cậu cố trốn đi khỏi cơ thể vị quản gia.

Iblis nói tiếp:

– Từ sau lần gặp cuối, tao đã mong chờ được gặp lại mày đấy nhóc. Rất mong chờ. Và giờ mày đã ở đây. Đáng lẽ tao nên biết Phép dò tâm đã phát hiện hai đứa bọn mày trong đó khi trông thấy miếng bông cải xanh xuất hiện. Hiếm khi có người ghét hai thứ hoàn toàn khác nhau như chuột nhắt và bông cải.

John nói:

– Tôi không biết à nha. Chẳng phải ông khác xa một miếng bông cải xanh sao?

Mở một nụ cười rắn độc, Iblis gật đầu với những chiến binh ma quỷ và ra lệnh:

– Dẫn nó đi. Dẫn nó vào trong kim tự tháp. Chúng ta sẽ nhanh chóng biết được chính xác nó biết gì về tám kim bài hiệu lệnh.



## CHƯƠNG 29

### **Cô gái phải được phục tùng**

Như Marco Polo đã dự đoán, tấm kim bài hiệu lệnh có thể làm hành trình đến Trung Quốc của Philippa trở nên rất dễ dàng. Ít ra, nó đã có thể trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Vấn đề là, Philippa vốn không quen với việc ra lệnh cho người khác. Là một người theo chủ nghĩa dân chủ rất tôn trọng người khác, nếu không muốn nói là hiền như cừu, phải mất một thời gian dài Philippa mới có thể hiểu rõ sức mạnh thật sự của món cổ vật Trung Quốc cô đang nắm trong tay, cũng như biết cách sử dụng nó một cách hiệu quả nhất. Đơn giản mà nói, cô chỉ cần bảo người khác phải làm gì. Tuy nhiên, rắc rối lớn nhất với việc bảo người khác làm gì là việc họ sẽ làm chuyện đó ngay lập tức – tấm kim bài chưa bao giờ thất bại trong bất cứ mệnh lệnh nào – và Philippa nhanh chóng nhận ra, việc ra mệnh lệnh cũng đầy bầy rập không khác gì việc ước một điều ước. Cuối cùng cô cũng hiểu được tại sao Marco Polo lại có vẻ e ngại trước sức mạnh khổng lồ ẩn chứa bên trong tấm kim bài như vậy. Nó đòi hỏi người sử dụng phải suy nghĩ một cách đầy đủ và cẩn thận về hệ quả của việc đưa ra mệnh lệnh. Và cô cũng bắt đầu đồng cảm với sự đơn độc và gánh nặng trách nhiệm của chính quyền và các nhà lãnh đạo – của các vị Tổng thống và Thủ tướng.

Lấy ví dụ, trong một giây khó chịu hiếm hoi, cô đã bảo một gã

đàn ông kì quái, người đã leo đéo bám theo cô suốt ở phi trường Heathrow tại London, biến đi cho khuất mắt, và cô đã kinh ngạc hết sức khi chứng kiến gã bước vào trong một tủ chứa dụng cụ lau dọn rồi đóng cửa lại sau lưng. Philippa cũng ngạc nhiên không kém khi chị nhân viên quầy đăng kí thủ tục sau khi được cô chúc “có một ngày tốt lành” đã lột giày ra, để chân lên bàn và bắt đầu giở một cuốn tạp chí ra đọc.

Dĩ nhiên việc sở hữu tấm kim bài hiệu lệnh cũng có cái lợi của nó: bất chấp không có một tấm vé máy bay nào trong người, Philippa vẫn có ghế ngồi tốt nhất trong khoang hạng nhất trên chuyến máy bay đến Bắc Kinh (vì dường như không có chuyến bay trực tiếp nào từ London đến Tây An). Rồi cô được cho vào phòng chờ của khoang hạng nhất và, một vài phút trước khi máy bay cất cánh, cô đã đi vào buồng lái, nơi cô nói với phi công trưởng, phó lái và hoa tiêu rằng đã có sự thay đổi trong điểm đến cuối cùng của họ. Cô không thích làm như vậy, vì biết nó sẽ bất tiện như thế nào cho những hành khách khác của chuyến bay, nhưng cô nghĩ đó là một cái giá đáng phải trả nếu thế giới đang thật sự bị đe dọa bởi những chiến binh ma quỷ.

Một hoặc hai phút sau đó, chiếc máy bay cất cánh, chở họ bay qua bầu trời London, và chẳng mấy chốc đã đến eo biển Manche. Đó là một ngày trời xanh trong không một gợn mây, và cô có thể nhìn thấy ở xa bên dưới một đàn chim biển đang lượn lờ trên Vách Đá Trắng Dover<sup>[44]</sup>. Thành linh, cô cảm nhận được một cảm giác kì lạ từ sâu bên trong xương tủy của cô: rằng mẹ cô đã đến Mỹ và đang trên đường trở về nhà. Và, trong một giây, cô thử hình dung ra cảnh bà Gaunt đặt chân đến New York, vẫn xinh đẹp, lộng lẫy như thường lệ.

Dù gì thì điều đó chỉ đúng có một nửa. Cảm giác có phần kì lạ của Philippa chỉ chính xác một phần. Sau một chuyến bay dài hơn qua phân nửa địa cầu, bà Gaunt thật sự đã về đến Công viên Trung Tâm của thành phố New York vào đúng thời khắc đó. Nhưng Philippa khó có thể biết được trong suốt cuộc đời bà, đây là lúc mẹ cô nhìn kém lộng lẫy nhất. Trên thực tế, Philippa có thể sẽ không nhận ra bà. Dù cho có nhìn kĩ một triệu năm cũng không.

Bà Gaunt đã có một cú hạ cánh vụng về, đúng như tính cách của loài hải âu, một loài chim phù hợp cho những chuyến bay chứ không phải cho đất liền. Nhưng, bất chấp chuyến trở về không mấy hoành tráng, bà Gaunt đã định hướng tốt đến phía bắc của phố Transverse, và bà gần như đã đáp xuống ngang hàng với giao điểm của đường số 77 và đại lộ số 5, nơi đánh dấu phần rìa phía đông của Công viên Trung tâm.

Khó mà thấy được hải âu ở New York, và một cặp phụ huynh thích tìm tòi về chim chóc đã chỉ cho những đứa con lơ dềnh của họ thấy “con chim hải âu lớn chân đen”. Nhưng bà Gaunt không mấy để ý đến họ. Ngay khi hồi phục lại tinh thần sau cú hạ cánh loạn choạng, bà nhắc linh hồn của mình ra khỏi con hải âu, trả cơ thể lại cho nó, và bay thẳng về nhà. Dọc theo con đường mà bà biết rõ như lòng bàn tay. Băng qua đại lộ Madison. Băng qua khách sạn Carlyle nổi tiếng. Dĩ nhiên, nếu là một Ifrit, chắc hẳn bà đã trộm lấy cơ thể một mundane phù hợp nào đó dọc trên đường đi. Nhưng Marid là tộc djinn luôn tuân thủ *Những quy luật Baghdad* về vay mượn cơ thể của loài người. Cho nên, chỉ có mỗi linh hồn thuần khiết của bà đi vào cánh cửa màu đen to lớn của căn nhà số 7, đường 77 phía đông.

Faustina Sachertorte đã kể cho bà nghe hầu hết những chuyện

xảy ra ở New York trong khoảng thời gian bà sống tại Iravotum. Vì thế, bà đã biết được tác động khủng khiếp của chú trời buộc Methuselah đối với chồng bà, việc ông đang được Marion Morrison chăm sóc, cũng như việc hai đứa con của bà đã đến Ý, và có lẽ đến cả Trung Quốc cùng với cậu Nimrod và ông Groanin.

Bà tìm thấy một ông Gaunt già hơn nhiều so với trí nhớ của bà, dĩ nhiên, nhưng không đến nỗi già yếu, hom hem như khi cặp sinh đôi mới trở về từ chuyến đi Ấn Độ. Ngoài trừ vài sợi tóc bạc cùng vài nốt da nâu đen trên tay, bà đoán ông sẽ sớm trở lại bình thường hoàn toàn.

Bà biết được nhiều hơn về những chuyện đã xảy ra khi trượt vào cơ thể đang say ngủ của chồng mà không làm ông thức giấc – vì bà sợ tiến độ hồi phục của ông sẽ bị chậm lại một khi biết được người vợ mà ông từng yêu quý đã một đi không trở lại – và tìm kiếm kí ức ngắn hạn của ông để lấp đầy lỗ hổng trong những chuyện bà đã biết.

Bà vui mừng khi phát hiện cơ thể của con trai bà đang ở nhà chờ đợi linh hồn của nó trở về, nhưng rồi bà kinh hoàng khi biết được số phận nghiệt ngã của ông Rakshasas. Điều khiển cơ thể mộng du của ông Gaunt đi lên lầu và vào trong phòng của John, bà tìm thấy hai người bọn họ vẫn ở đó: John vẫn nằm trên giường, và ông Rakshasas vẫn đang ngồi trên cái ghế bành yêu thích của John.

Có làn da ấm áp khi bà chạm vào, cơ thể John có vẻ ngoài của một đứa trẻ đang say ngủ. Nhưng với ông Rakshasas, đó lại là một chuyện khác. Làn da của vị djinn già lạnh ngắt và cứng như đá. Bà Gaunt có thể cảm nhận rõ một điều gì đó nghiêm trọng đã xảy ra với linh hồn của ông, và ông có lẽ đã chết.

Thở dài một tiếng và để cơ thể chồng ngồi xuống, bà Gaunt cảm thấy rất buồn vì biết sẽ không bao giờ có thể gặp lại ông Rakshasas, cũng như biết John và Philippa sẽ đau khổ đến dường nào khi phát hiện ra chuyện này. Nếu như chúng vẫn chưa biết. Có thể bản thân chúng cũng đang gặp nguy hiểm gì đó. Bà Gaunt quyết định, bà sẽ cố gắng tìm ra hai đứa con, ngay khi nào bà giải quyết được vấn đề thiếu cơ thể của mình – bà không mấy hứng thú với việc trở thành một con chó, một con mèo, hay bất cứ động vật nào khác khi vừa là một con hải âu không bao lâu trước đó. Cứ nhớ lại trải nghiệm đó là bà muốn phát bệnh, với một vị giác không mấy dễ chịu trên đầu lưỡi (của chồng bà). Đó là vị mặn nồng của muối (hải âu uống nước biển), và vị hôi thối của những cái đầu cá thải ra từ một cái tàu chở dầu trên biển (bà đã phải nuốt chúng và ọa ra vài lần) để có đủ sức cho một chuyến bay dài băng qua nước Mĩ. Bà Gaunt hứng một ly nước lọc từ vòi nước trong phòng ngủ và nhanh chóng uống cạn.

– Anh rời giường làm gì thế?

Bà Gaunt quay đầu chồng về phía cửa. Đó là Marion Morrison, nữ y tá djinn của ông.

Sử dụng giọng nói của chính mình, bà Gaunt vươn tay ra và tự giới thiệu:

– Chúng ta chưa gặp nhau nhỉ. Tôi là Layla Gaunt. Tôi chỉ đang mượn tạm cơ thể chồng một lát, cho đến khi có thể nghĩ ra nên làm gì với cơ thể mình. Hay nói đúng hơn, nên làm gì khi thiếu cơ thể. Chị thấy đấy, tôi đã gặp một tai nạn nho nhỏ trên đường từ Iraq về đây. Cơ thể cũ của tôi đã bị hủy hoại. Một chuyện rất đáng tiếc, vì tôi khá là thích nó.



Bắt tay chào bà Gaunt, Marion bảo:

– Tệ thật. Sao chị không mượn tạm cơ thể con trai trong thời gian cháu nó không dùng đến nhỉ?

Bà Gaunt từ chối:

– Không, tôi nghĩ làm vậy rất kì. Chị không nghĩ, một cậu con trai nên được phép giữ một ít bí mật với mẹ mình sao?

– Tôi nghĩ chị nói đúng.

Gật đầu về phía ông Rakshasas, vị y tá nói tiếp:

– Nếu là bình thường, tôi sẽ đề nghị chị mượn tạm cơ thể anh bạn già đằng kia. Nhưng tôi nghĩ anh ấy có lẽ đã chết.

Bà Gaunt nói:

– Tôi cũng nghĩ vậy.

Marion bảo:

– Thật khó để xác định cái chết khi nó liên quan đến một djinn đang ở ngoài cơ thể. Nhưng cơ thể anh Rakshasas đây ngày mỗi lạnh hơn. Tôi đã thử bật máy sưởi lên cao nhất mà không tác dụng. Tôi nghĩ nó đang bắt đầu cứng đờ lại. Cứng đờ như vậy thì không bình thường tí nào.

Bà Gaunt buồn bã nói:

– Anh Rakshasas già tội nghiệp. Chúng tôi vẫn luôn quý anh ấy.

Bà Gaunt lại thở dài lần nữa và đưa tay vuốt một giọt nước mắt khỏi đôi mắt ướm át của chồng.

– Tôi e rằng, nó thật sự là một thảm họa. Việc tôi rời khỏi nhà.

– Chưa hết đâu.

Rồi Marion kể cho bà Gaunt nghe về chuyện đã xảy ra cho bà

Trump, và giải thích thêm:

– Tôi không nghĩ đây là lúc thích hợp để nói cho chồng chị nghe về tai nạn đó. Tôi muốn anh ấy hoàn toàn hồi phục trước. Đó là lý do tại sao anh ấy đến giờ vẫn không biết.

Bà Gaunt nói:

– Tội nghiệp chị Trump. Hôn mê. Đáng lẽ những chuyện này sẽ không xảy ra nếu tôi ở lại New York.

Đặt một bàn tay lên vai ông Gaunt bày tỏ sự quan tâm, Marion bảo:

– Đời là thế mà. Không đâu an toàn bằng ở nhà. Nhưng chắc chắn đó không phải là nơi thú vị nhất. Một người cần thấy nhiều hơn là chỉ bốn bức tường nếu họ muốn có một cuộc sống đúng nghĩa.

Bà Gaunt thừa nhận:

– Đúng là vậy. Tôi nên làm gì bây giờ đây?

Marion cho biết:

– Định mệnh rất có óc hài hước. Đôi khi nó đưa cho chị một lá bài mà nếu chưa đến lúc, chị sẽ không biết mình cần đến nó. Tôi nghĩ, đó cũng là chuyện đã xảy ra ở đây.

Bà Gaunt nói:

– Tôi không chắc tôi hiểu ý chị.

– Chị Trump. Tôi nghĩ chị nên đến thăm chị ấy một chút. Có lẽ chị ấy chính là câu trả lời mà chị đang tìm kiếm, người bạn hành hương ạ.

Vẫn có phần không rõ Marion muốn nói gì, bà Gaunt quyết định dù sao cũng nên đi thăm bà Trump một lát. Sau khi trả chồng về

lại giường, bà rời khỏi cơ thể ông và bay ra khỏi nhà. Trong trạng thái vô hình, bà lướt qua sân sau, xuyên qua bức tường bệnh viện trên đường số 78, và liên tục ra vào vô số phòng bệnh khác nhau cho đến khi tìm được nơi vị quản gia của gia đình bà đang nằm hôn mê bất tỉnh.

Dù bị chấn thương nghiêm trọng, nhưng bà Trump nhìn vẫn rất khá. Tuy hôn mê, nhưng làn da bà vẫn tươi tắn, và mái tóc của bà vẫn mượt mà, bóng loáng. Bà đã gầy đi một chút và lần đầu tiên, bà Gaunt có thể thấy được nét đẹp của một người từng là nữ hoàng sắc đẹp trong bà nữ quản gia im lặng, nhắm nghiền mắt của mình.

Cánh cửa mở ra, và một nhóm bác sĩ đi vào trong phòng, dẫn đầu là Saul Hudson, bác sĩ chuyên khoa thần kinh của bà Trump. Ông quơ lấy bảng ghi chú ở chân giường của bà Trump, liếc mắt nhìn sơ qua một cái, rồi lắc đầu. Không ai thấy được bà Gaunt, dĩ nhiên.

Bác sĩ Hudson lạnh lùng nói:

– Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta chuyển người phụ nữ này qua khoa trị liệu bệnh nhân sống đời thực vật. Sau hơn ba mươi ngày không có dấu hiệu đáng kể nào, không còn bao nhiêu khả năng bà ấy sẽ hồi phục sau cú ngã đó. Tôi e là chúng ta sẽ phải đối mặt với thực tế rằng, người phụ nữ này giờ đây đã là bông cải xanh.

Bà Gaunt nổi giận khi nghe bà Trump bị nói đến một cách thiếu tôn trọng như vậy, đặc biệt là bởi một người mang danh thầy thuốc.

Bà Gaunt nghĩ thầm:

– Chị ấy không phải thực vật. Đúng không?

Bà Gaunt trượt vào cơ thể của vị nữ quản gia và bắt đầu kiểm tra tất cả những chức năng cơ thể của bà Trump. Tất cả mọi thứ có

vẻ vẫn hoạt động hoàn hảo. Ngoại trừ não bộ của bà. Nhưng ngay cả nó cũng không bị tổn thương nặng. Có vẻ như một phần nhỏ linh hồn của bà Trump đã bị văng khỏi cơ thể khi ngã.

Layla nói:

– Chị Trump thân mến, chị sao rồi?

Bà Trump thăm thì:

– Chị Gaunt. Thật mừng khi được gặp lại chị. Tôi đã gặp một tai nạn. Dường như tôi không thể tỉnh dậy.

Layla giờ đây đã biết rõ bà Trump sẽ không bao giờ trở lại là chính mình lần nữa. Nếu không có sự trợ giúp của Layla. Bà nói:

– Có lẽ tôi có thể giúp được chị. Có lẽ chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau.

Bà Gaunt hít vào một hơi thật sâu và mở cặp mắt của bà Trump ra.

Bác sĩ Hudson vẫn đang giảng cho đám sinh viên y khoa của ông nghe về việc chấn thương não của bà Trump thường xảy ra cho những ai bị một cú đánh mạnh vào sau gáy, và việc bà có lẽ sẽ sống thêm chừng mười hay hai mươi năm nữa, nhưng trừ khi có một kì tích xảy ra, bà sẽ như vậy mãi trong suốt quãng đời còn lại. Với số lượng thuốc trị liệu thần kinh hiện đang bị thiếu hụt do vụ khủng hoảng thần kinh tập thể của trẻ em xảy ra gần đây, vị bác sĩ nói với những sinh viên của ông rằng, giải pháp tốt nhất là tắt đi máy trợ sinh của bà.

Ông nói:

– Tôi không tin vào kì tích. Chúng đơn giản không có thật. Chúng ta đã thử tất cả mọi cách với bệnh nhân này. Nhưng quy tắc vàng trong thần kinh học hiện đại là nhận ra được khi nào chúng

ta đang tự đập đầu vào tường.

Mỉm cười như muốn xin lỗi, ông nói tiếp:

– Xin lỗi vì ví dụ như vậy. Nói tóm lại, sẽ có lúc chúng ta nhận ra rằng chúng ta đã thất bại, và chúng ta đang có một bệnh nhân không còn hi vọng cứu chữa. Đó là lúc chúng ta rửa tay, rồi di chuyển qua bệnh nhân tiếp theo. Bệnh nhân mà, nhờ ơn Jonathan Tarot, chúng ta có rất nhiều.

Một trong những sinh viên lên tiếng:

- Thầy ơi, bệnh nhân có vẻ đã tỉnh lại.
- Cái gì?
- Bệnh nhân, thưa thầy. Bà ấy đã tỉnh lại.

Bác sĩ Hudson quay phắt lại và trông thấy bệnh nhân “không còn hi vọng cứu chữa” của ông đang mỉm cười lại với ông. Bà Gaunt có phần đặc ý khi thấy quai hàm của vị bác sĩ rơi xuống đất.

Bác sĩ Hudson kinh ngạc nói:

- Bà đã tỉnh.

Layla làm bà Trump nuốt nước miếng vài cái – với chút khó khăn – vì cổ họng của bà khô khốc. Rồi, kiểm soát dây thanh âm của bà Trump, Layla thầm thì:

- Cho tôi xin ít nước. Tôi thấy hơi khát.

Đưa cho bà một ít nước và đánh đổ cả một nửa lên người vì quá sốc, vị bác sĩ lảm bảm:

- Bà đã tỉnh. Nhưng đó là điều không thể.

Uống nước xong, Layla bảo:

– Đó là điều ông nghĩ. Bây giờ, đưa tôi cái áo khoác. Tôi cần xuất viện.

Vị bác sĩ lắp bắp:

– Nhưng bà không thể làm thế. Bà phải nằm nghỉ trên giường. Chúng tôi cần làm một số kiểm tra. Các bắp thịt của bà sẽ bị thoái hóa. Bà không nên cố gượng.

Layla chỉ nói:

– Chẳng có gì.

Rồi bà đứng dậy.

Bác sĩ Hudson phản đối:

– Bà vẫn là bệnh nhân. Ô, điều đó có nghĩa bà phải là bệnh nhân.

Nhận cái áo khoác từ một sinh viên, Layla nói:

– Tôi là một bệnh nhân đặc biệt. Miễn sao tôi tự đi đứng thế này là được rồi.

Và dĩ nhiên, bà không nói khoác.

\* \* \*

Hạ cánh xuống Tây An chừng mười tiếng sau, Philippa gặp phải một rắc rối với việc sử dụng tấm kim bài hiệu lệnh, một rắc rối mà cô nghĩ một người thông minh như cô đáng lẽ phải lường trước. Cô phát hiện ra lệnh là một chuyện, nhưng để người khác hiểu được mệnh lệnh đó lại là một chuyện khác. Vấn đề ở đây là, cô không biết nói tiếng Hoa, và vì không nói tiếng Hoa, mệnh lệnh của cô, vốn được nói bằng tiếng Anh, không được hiểu, và do đó không được phục tùng. Người tài xế taxi ở sân bay không biết cô đang nói gì, và ngay cả khi cô giơ tấm kim bài ngay dưới mũi ông và bảo ông chở cô

đến khách sạn Most Wonderful tại Tây An, ông vẫn tiếp tục lắc đầu và nhìn cô với vẻ mặt thờ ơ. Chỉ đến khi cô đưa cho ông xem địa chỉ khách sạn được in bằng tiếng Hoa, ông mới có thể chở cô đến nơi cô cần đến.

Lúc đó cô đã nghĩ chuyện ấy cũng không sao, vì cô có thể đưa tấm kim bài cho cậu Nimrod, người biết một chút tiếng Hoa và có thể dễ dàng sử dụng sức mạnh djinn để nạp thêm kiến thức đó.

Nhưng khi đến khách sạn Most Wonderful của Tây An và nghe Finlay thông báo cậu Nimrod và ông Groanin đã biến mất trong hố chôn số 1, Philippa cảm thấy khá tuyệt vọng. Và tuyệt vọng gấp đôi khi Finlay thú nhận John đã xuất hồn đi kiếm họ, và đến giờ vẫn chưa trở về.

Cô hỏi:

– Chúng ta phải làm gì bây giờ? Tấm kim bài hiệu lệnh có ích gì nếu không ai hiểu chúng ta nói gì chứ.

Finlay gợi ý:

– Chúng ta luôn có thể học một ít tiếng Hoa.

Philippa mỉa mai:

– Một khóa học ngoại ngữ hả? Vậy sao chúng ta không đăng kí thi sau khóa học luôn đi? Không có thời gian đến trường đâu, Finlay. Cậu Nimrod, John và ông Groanin đang bị đe dọa tính mạng đó.

Finlay ướm thử:

– Vậy còn cuốn sách bao gồm những câu nói thông dụng thì sao?

Philippa trợn mắt:

– Sách những câu nói thông dụng hả? Chúng ta đang nói về tấm

kim bài hiệu lệnh. Không phải một kì nghỉ cuối tuần ở Paris.

– Vậy cậu có ý tưởng nào tốt hơn không?

Philippa nói, giọng nghiến ngấm:

– Để coi, chúng ta có thể tìm ai đó *biết* nói tiếng Anh và đưa họ một danh sách các câu hiệu lệnh thông dụng để dịch sang tiếng Hoa.

Finlay cho biết:

– Tổ đã ở đây hai ngày. Không có người dân địa phương nào biết nói tiếng Anh. Thực đơn trong nhà hàng toàn bằng tiếng Hoa. Tổ hoàn toàn không biết mình đang ăn gì, ngay cả khi đang ăn. Nếu đã ở Trung Quốc một thời gian, nước Anh bắt đầu trở nên xa xôi và lạ lẫm như sao Hỏa. Mà biết không, đó là điều họ nghĩ về chúng ta. Như những sinh vật ngoài hành tinh. Hoặc tệ hơn, những ác quỷ ngoại lai. Chú Nimrod bảo họ gọi chúng ta như vậy. Không ai ở đây nói tiếng Anh, Philippa. Và tại sao họ phải mất công học nó khi hai tỷ người khác sống trong đất nước này không thèm nói nó chứ?

Philippa nói:

– Có lẽ có đại sứ quán hay lãnh sự quán Mỹ ở Tây An. Ai đó ở đó có thể giúp chúng ta.

Finlay hỏi:

– Cái gì khiến cậu nghĩ họ sẽ bỏ hết công chuyện chỉ để giúp chúng ta chứ?

Đưa cho Finlay xem tấm kim bài hiệu lệnh, Philippa tuyên bố chắc nịch:

– Cái này.

Philippa gọi điện đến Đại sứ quán Mỹ ở Bắc Kinh và biết được



phó tổng lãnh sự Mỹ chỉ đến Tây An một tuần một lần vào thứ Tư, có nghĩa chúng sẽ phải chờ gần một tuần nữa. Nhưng nhân viên ở đại sứ quán nói cho chúng biết có một phó tổng lãnh sự Anh sống thường trực ở Tây An từ thứ Hai đến thứ Sáu. Ngay khi có được địa chỉ của viên phó tổng lãnh sự Anh, Philippa cùng Finlay lập tức rời khách sạn và tìm ra một tài xế taxi biết tiếng Anh đủ để chở họ đến đó.

Văn phòng của phó tổng lãnh sự Anh đặt tại Xiao Zhai ở phía nam thành phố. Đó là một khu chợ đông đúc, và ông Blunt, vị phó tổng lãnh sự, làm việc trong vài căn phòng tối tăm phía trên tiệm giặt ủi Pu Yi. Trên bức tường sau bàn làm việc của ông là một bức tranh Nữ hoàng vẽ bởi Rolf Harris, và một tấm bản đồ thế giới với tất cả thuộc địa cũ của Anh bị gạch bỏ. Ông Blunt là một người đàn ông nhỏ con với mái tóc quăn màu xám, đôi tay nhỏ và một giọng nói có phần lạnh lùng – giống giọng nói của một quý bà cao tuổi hơn là một người đàn ông. Và ông ngược nhìn sự xuất hiện của hai đứa trẻ trong phòng làm việc với vẻ mặt hồ hững không chịu được.

Ông hỏi:

- Sao? Chuyện gì?
- Ông là ông Blunt phải không ạ?
- Đó là cái tên ghi trên thẻ hội viên Câu lạc bộ Không Cho Con Nít Vào Phòng Làm Việc của ta.

Trước sự thô lỗ đến kinh ngạc ấy, Philippa có phần lưỡng lự.

Ông gắt lên:

- Sao?

Philippa nói:

- Chúng cháu cần sự giúp đỡ của ông. Với việc dịch thuật.

Chúng cháu muốn nhờ ông nhìn vào danh sách một số câu tiếng Anh chúng cháu đã chuẩn bị sẵn ở đây, và dịch chúng sang tiếng Hoa giùm. Ông biết tiếng Hoa, phải không ạ?

Ông Blunt nói cứng ngắc:

– Ta biết rành sáu phương ngữ của Trung Quốc, bao gồm tiếng Quan Thoại, tiếng Ngô, tiếng Quảng Đông, tiếng Mân, tiếng Tương và tiếng Khách Gia. Này nhé, ta là phó tổng lãnh sự Anh, không phải một gã bán hàng rong đầu đường xó chợ. Nhưng ta cũng không phải ở đây để giúp một lũ nhóc người Mĩ đùa giỡn với ngôn ngữ của Khổng Tử và Lão Tử. Chỉ nhìn bản mặt sing-gum hồng chóa của hai cô cậu là ta đã muốn than khóc cho tương lai rồi. Chúc hai cô cậu một ngày tốt lành.

Finlay bảo:

– Cháu không phải người Mĩ. Cháu là người Anh.  
– Coi như cậu có chút dòng máu quý tộc đi. Nhưng, vì cậu là người Anh, với nghĩa vụ ngoại giao, ta có lời khuyên cho cậu: Đi mà mua một cuốn sách bao gồm những câu nói thông dụng từ *syu guk* gần nhất. Đó là từ tiếng Hoa cho “hiệu sách”. Một lần nữa, chúc hai cô cậu một ngày tốt lành.

Philippa thở dài và rút tay vào túi tìm tấm kim bài hiệu lệnh.

Cô lầu bầu:

– Tổ không hiểu tại sao chúng ta phải mất công lịch sự về chuyện này.

Ông Blunt xẵng giọng nói:

– Bộ tiếng Anh của hai cô cậu cũng ngang bằng tiếng Hoa hả? Ta nói, chúc hai cô cậu một ngày tốt lành.

Rồi thô lỗ vẫy tay xua đuổi, ông nói:

– Giờ thì đi đi. Biến giùm. Ta còn có việc phải làm.

Philippa giờ tấm kim bài lên trước mặt. Nó lóe sáng bên dưới ánh đèn chói chang của cái văn phòng, và cô cảm thấy được sức mạnh của nó trong từng ngón tay, như thể cô đang cầm hai đầu điện cực của một cái ắc quy.

Cô nói rõ từng tiếng một:

– Ông sẽ giúp cháu.

Ông Blunt thẳng lưng ngồi dậy trên ghế, rồi đứng lên, như thể Nữ hoàng Anh vừa giá lâm.

Ông lặp lại một cách máy móc:

– Ta sẽ giúp cô.

Finlay lăm bắm:

– Ấn tượng thật.

– Ông sẽ viết những câu dịch ra giấy. Như cháu đã yêu cầu.

– Ta sẽ viết những câu dịch ra giấy. Như cô đã yêu cầu.

– *Rất* ấn tượng à nha.

Philippa đưa cho ông hai tờ giấy ghi chú mà trên đó, cô và Finlay đã ghi ra gần hết những câu hiệu lệnh tiếng Anh mà họ nghĩ có thể hữu dụng khi đụng độ những chiến binh ma quỷ. Ông Blunt mang mắt kính vào, nhặt cây bút của ông lên, và nhanh chóng viết ra các câu dịch. Chưa tới mười phút, ông đã đưa nó lại cho Philippa.

Ông hỏi cứng ngắc:

– Còn gì nữa không?

Philippa đưa mắt nhìn thành quả của ông và hét lên một tiếng đầy thất vọng.

Cô khóc thét lên:

– Nhưng mấy câu này viết bằng tiếng Hoa.

Ông Blunt hỏi:

– Chứ cô nghĩ các câu tiếng Hoa viết bằng ngôn ngữ gì? Eskimo chẳng? Hay Flemish? Klington? Dĩ nhiên chúng phải viết bằng tiếng Hoa, đồ ngốc.

Finlay hỏi:

– Ông không thể viết mấy câu này ra tiếng Anh, chỉ cách cho tụi cháu đọc chúng sao? Dùng cái bảng ngữ ngữ gì đó ấy?

Philippa nhắc:

– Bảng ngữ âm.

Ông Blunt cho biết:

– Sự đa dạng của phát âm tiếng Hán nằm trong cách đọc thanh điệu. Tiếng Quan thoại có năm âm vực: cao, nửa cao, vừa, nửa thấp và thấp. Đó là chưa kể đến vô số âm vực khác ít được sử dụng trong tiếng Anh. Vì lí do đó, cách cô phát âm những câu này nhiều khả năng sẽ khiến người Trung Quốc không hiểu được. Giống như một con chó cố nói chuyện với một tổng giám mục.

Ông Blunt cầm lên một bình đựng nước và đang định tự rót cho mình một cốc nước. Nhưng Philippa đã chịu đựng quá đủ tính tự phụ của vị phó tổng lãnh sự người Anh và quyết định phải dạy cho ông bài học.

Cô ra lệnh:

– Đổ nó lên cái đầu Anh quốc ngớ ngẩn của ông đi, đồ bất lịch

sự.

Ông Blunt làm như được nói, dĩ nhiên, và đổ nước lên đầu. Sau khi xong, ông chùi mặt và nói:

– Ta không biết sao ta lại làm vậy.

Philippa nói với Finlay:

– Tôi không có ý xúc phạm gì nhé. Về việc cậu cũng là người Anh ấy.

Cậu nhún vai bảo:

– Tôi không sao.

– Chúng ta nên làm gì bây giờ?

Finlay gợi ý:

– Chúng ta sẽ phải mang ông ấy theo.

– Mang cái người khó chịu này theo hả?

– Ông ấy có thể là một người khó chịu, nhưng ít nhất ông ấy có thể nói sáu phương ngữ Trung Quốc á. Ở chỗ này người ta nói phương ngữ nào chúng ta còn không biết, nói gì đến mấy gã chiến binh ma quỷ kia.

– Cậu nói đúng.

Finlay nói thêm:

– Ngoài ra, tôi vừa mới nhớ một điều: chúng ta sẽ cần ai đó biết tiếng Hoa để nói phiên bản tiếng Hoa của câu “Vùng ơi, mở ra”.

Philippa quay qua ông Blunt và nói:

– Thôi được. Ông đi cùng tụi cháu nhé?

Vị phó tổng lãnh sự không hề chần chừ. Ông gỡ cái áo khoác ra khỏi ghế ngồi, cái mũ ra khỏi kệ treo mũ, cây dù ra khỏi móc treo

dù, và theo hai đứa trẻ đi qua cánh cửa bằng kiếng mờ.

Ông hỏi:

– Chúng ta đang đi đâu?

Finlay hỏi lại:

– Ông có xe không?

– Có.

Finlay nói:

– Chỗ tụi cháu đến chỗ mấy chiến binh đất nung. Phòng triển lãm số 1.

– Tại sao ta phải làm vậy?

Lắc đầu với Finlay, Philippa giải thích:

– Cậu không có cầm tấm kim bài.

Rồi cô lặp lại lời yêu cầu.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, ông Blunt cho biết:

– Nhưng phòng triển lãm giờ này đóng cửa rồi.

Finlay bảo:

– Vậy càng tốt.

Philippa thắc mắc:

– Nhưng chúng ta sẽ vào đó bằng cách nào?

Đưa cho cô xem cái hộp nhỏ xíu đựng cái chìa khóa xương mà cậu Nimrod đã đưa cho cậu giữ, Finlay tuyên bố:

– Với cái này. Không bao giờ rời nhà mà không mang chìa khóa, đúng không?



## CHƯƠNG 30

### Ngày của những Chiến binh Djinn

Khi họ đi vào khu nhà triển lãm to đùng, tối đen và leo xuống hố chôn số 1, ông Blunt nói:

– Ta không thích chuyện này chút nào. Thật sự không. Những chiến binh này là cổ vật vô giá. Nếu người Trung Quốc phát hiện chúng ta ở đây, thế nào họ cũng nghĩ chúng ta đang muốn trộm chúng. Ở Trung Quốc, người ta có thể bị tử hình vì cái tội này.

Vung tấm kim bài hiệu lệnh lên, Philippa nói:

– Đủ rồi. Điều đó nghe thật kinh khủng, và cháu không muốn nghe về nó nữa, ông Blunt. Vui lòng đọc những từ tiếng Hoa được viết trên bức tường phía trước mặt ông, rồi sau đó giữ im lặng cho đến khi cháu bảo ông có thể nói chuyện lần nữa.

Ông Blunt hỏi:

– Cô nói mấy cái từ này hả? *Kai Shen*?

Ngay khi ông vừa nói ra tiếng, cánh cửa bí mật trên bức tường của hố chôn thứ 1 trượt mở và làm hé lộ đường hầm bí mật.

Philippa bảo:

– Được rồi đó. Giờ thì không lời nào nữa cho đến khi cháu nói cho phép.

Họ bước vào trong đường hầm và cánh cửa đóng kịt lại phía sau lưng.

Sau một lúc, Finlay thắc mắc:

– Tiếng gì thế nhỉ?

Philippa nói:

– Nghe như tiếng chim. Tiếng hàng triệu con chim.

\* \* \*

Bên trong tòa kim tự tháp ngọc bích, tất cả mọi thứ đều là đồ công nghệ hiện đại. Một lớp thủy ngân mỏng phủ kín sàn nhà, phản chiếu bóng dáng của người và vật như một tấm gương khổng lồ: một cỗ máy điện tinh vi, Iblis và thằng con trai Rudyard của gã đang vận hành nó, vài tá chiến binh ma quỷ đứng xếp hàng dọc theo vách tường như những bộ áo giáp trong một lâu đài trung cổ, và cậu Nimrod cùng ông Groanin/John đang bị xích vào một vách tường khác. Đối diện họ là một bức tường kính tam giác khá dày, như một bể cá khổng lồ. Thay vì cá, cái bể chiếm hầu hết diện tích của tòa kim tự tháp này chứa đựng linh hồn của hàng triệu trẻ em bị đè ép, xếp chồng lên nhau như vô số con cá mòi. Di chuyển như một thứ chất lỏng và phát ra một ánh sáng màu xanh bạc, chúng nhìn như đang phát điện, như một nền trời ngập tràn những tia chớp. Thỉnh thoảng, một khuôn mặt nhỏ bé mờ ảo như một bóng ma lại xuất hiện ở bên kia lớp kính, rên rỉ một lời khấn cầu nín lặng nào đó – vì căn phòng được cách âm – làm Iblis cùng Rudyard cảm thấy hứng khởi, trong khi cậu Nimrod và ông Groanin/John càng ngày càng cảm thấy báo động.



Đang ở đúng trong môi trường của gã, Iblis vô cùng hứng thú với việc mô tả tất tần tạt mọi chi tiết trong kế hoạch của gã và cách vận hành bộ máy địa ngục của gã cho hai/ba tù nhân của gã biết. Vì gã biết nó làm họ khủng hoảng như thế nào, và cơn ghiền tra tấn người khác của gã vẫn chưa sôi sùng sục mặc dù đã hành hạ ông Groanin/John bằng một Phép dò tâm khác. Ông Groanin/John đã không có lựa chọn nào khác ngoài việc nói hết cho gã nghe tất cả những gì ông/cậu biết về Philippa và tám kim bài hiệu lệnh.

Sau khi nghe xong, Iblis cảm thấy hoàn toàn an tâm. Gã chắc chắn rằng Philippa sẽ không bao giờ có thể giải được bí ẩn trong bức tranh. Là một kẻ cực kì kiêu ngạo, Iblis nghĩ rằng, nếu bản thân gã còn không hiểu nổi  $XI + I$  sao có thể bằng  $X$ , thì một đứa nhãi ranh như Philippa làm gì có hi vọng. Và gã hài lòng kết luận Philippa sẽ không bao giờ có thể kịp tìm thấy tám kim bài hiệu lệnh để ngăn cản kế hoạch của gã.

Trong khi Iblis mãi mê khoe khoang trước những tù nhân của gã, Rudyard Teer để mắt đến bảng điều khiển phía trước mặt. Cả hai djinn tộc Ifrit vẫn mặc bộ giáp bằng ngọc bích giúp chúng miễn nhiễm với sức mạnh djinn của cậu Nimrod.

Rudyard thông báo với cha nó:

– Khỏi lượng tới hạn trong tám phút nữa.

Iblis gật đầu:

– Tuyệt!

Rồi quay sang cậu Nimrod, gã cho biết:

– Trong chưa đầy tám phút nữa, năng lượng trong cái bể này sẽ khiến kim tự tháp đảo ngược. Và trên khắp thế giới, định mệnh và sự may mắn sẽ nghịch chuyển theo. Tao thật trông chờ được thấy

kết quả. Bất cứ điều ước gì được nói ra, kết quả sẽ là điều ngược lại của nó.

Bật cười như điên, gã nói tiếp:

– Từ đây về sau, loài người sẽ nhìn giống bản mặt thảm hại của một đứa nhóc trong buổi sáng Noel khi mở một hộp quà gói gắm xinh đẹp ra và phát hiện bên trong không có gì.

Hình ảnh ví von đó làm Rudyard bật cười nham nhở phụ họa theo cha nó. Rồi cả hai đắc ý giơ một tay lên cao và vỗ cái “bốp” vào nhau – một việc không mấy dễ dàng với bộ giáp nặng nề mà chúng đang mặc trên người.

Cậu Nimrod hỏi:

– Chuyện này thật sự làm người thích thú sao, Iblis? Làm những chuyện độc ác chỉ vì muốn thể hiện sự độc ác?

Có vẻ bất ngờ trước câu hỏi của cậu Nimrod, Iblis nói:

– Đúng thế. Dĩ nhiên.

Rudyard Teer nói:

– Bảy phút.

Iblis bảo:

– Trong trường hợp mà đang nghĩ cách thay đổi chuyện này, cách để làm cái kim tự tháp này lật lại bình thường, ta có thể nói thẳng: mà không thể. Việc tao đang làm ở đây là không thể bị đảo ngược. Thứ nhất, những mundane như gã quản gia Groanin của mà sẽ phải ước ngược lại những điều chúng thật sự muốn. Một chuyện mà tao chắc mà cũng phải đồng ý là không thể xảy ra. Dù sao, để lũ mundane biết được chúng thật sự muốn gì đã là khó lắm rồi, chứ đừng nói gì đến điều ngược lại của ước muốn đó.

– Và một lí do nữa: mày sẽ không bao giờ có thể tập hợp được nhiều năng lượng sống như linh hồn lũ nhóc tao có ở đây. Không, Nimrod, một khi cái kim tự tháp này bị đảo ngược, thế giới này xong rồi.

Bật cười khanh khách, gã nói tiếp:

– Quên chuyện võ kiếm và hứng chịu bảy năm xui xẻo đi nhé. Chúng ta có cả bảy tỷ năm xui xẻo trước mặt. Tuyệt không nào?

Rudyard phụ họa:

– Rất tuyệt ạ!

Cậu Nimrod nói:

– Rất thông minh. Ta phải thừa nhận, người đã có một kế hoạch phức tạp nhưng rất khéo léo. Cho mượn những chiến binh đất nung mà người có thể điều khiển đến những bảo tàng chính trên thế giới vì mục đích cá nhân. Nói ta biết, Iblis, chiến binh ma quỷ ở bảo tàng Metropolitan tại New York, nó còn ở đó không?

– Tại sao mày cần biết điều đó?

– Vì nó đã hấp thụ anh Rakshasas.

Iblis mỉm cười độc ác:

– Đó là tin tốt. Chỉ tiếc là tao không thể đi tìm và tự tay tra tấn lão già đó. Quá tốn thời gian. Chiến binh được gửi tới bảo tàng Metropolitan của New York đã quay lại Tây An. Một trong số tám ngàn chiến binh dưới quyền điều khiển của tao. Muốn kiếm ra lão trong cái mớ linh hồn bị hấp thụ đó chắc phải kiếm cả đời. Ý tao là, mày có bao giờ thử đếm đến chín mươi tỷ chưa?

Cậu Nimrod nghiêm khắc nói:

– Trộm ngọc bích, thanh trừ linh giới, sử dụng Dybbuk tội

nghiệp để tập trung toàn bộ sự chú ý của con người vào một sự kiện dẫn tới một Nội Chuyển Lực Âm. Đó là kế hoạch tinh vi và bản thủ nhất ta từng nghe thấy.

– Cám ơn, Nimrod. Tao sẽ coi đó như lời khen từ một người như mày.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Nhưng đó là con trai của người. Con trai ruột của người.

Hất đầu về phía Rudyard, cậu nói tiếp:

– Không, ta không nói về thằng nhóc này. Ta đang nói về Dybbuk. Người không hối hận một chút nào vì đã lợi dụng máu thịt của chính mình một cách tàn nhẫn như vậy sao?

Lờ đi lời sỉ nhục của cậu Nimrod, Rudyard nói:

– Sáu phút. Mức độ linh hồn đã đạt năng lượng đỉnh, Cha. Bắt đầu đếm lùi.

Iblis thừa nhận:

– Ừ thì có hơi tiếc. Ta cũng phải công nhận nó từng là một đứa có tài. Nhưng tiếc là nó cũng có lương tâm, và không một djinn Ifrit nào xứng đáng với cái tên bộ tộc lại cần đến thứ lương tâm đó.

John lặp lại:

– *Từng là?* Ông dùng thì quá khứ, Iblis. Dybbuk bị gì hả?

Iblis bảo:

– À, nó vẫn còn sống. Nếu mày có thể gọi đó là “sống”.

– Ông đã làm gì với cậu ấy?

Iblis nhún vai:

– Không gì cả. Tao đâu cần phải làm gì. Nó tự làm chuyện đó với bản thân. Vì nó đã lạm dụng bữa bãi sức mạnh djinn cho những trò

kĩ xảo, ảo thuật rẻ tiền, sức mạnh đã rời bỏ nó *vĩnh viễn*. Nói một cách đơn giản, nó đã sử dụng cạn kiệt tất cả sức mạnh của mình để làm một ảo thuật gia vĩ đại. Như thế đó là một tham vọng phù hợp cho một tài năng djinn cỡ nó. Tao e là, giờ đây, nó chẳng khác gì một thằng nhóc mundane khốn khổ.

– Năm phút, và vẫn đang đếm lùi.

John hỏi:

– Ông muốn nói, cậu ấy sẽ không thể ban ba điều ước, hóa thể hoặc làm một thứ gì đó biến mất nữa hả?

Iblis nhún vai như không quan tâm mấy, rồi gật đầu.

Cậu Nimrod trách:

– Sao người có thể làm một chuyện dã man như thế với con trai người? Con trai *út* của người. Mất đi tất cả sức mạnh? Đó là bi kịch khủng khiếp nhất đối với bất cứ djinn nào, và lại đặc biệt bi kịch với một djinn nhỏ tuổi.

Iblis nói:

– Đừng lải nhải mãi về việc nó là con tao. Mà nhiều chuyện quá rồi đấy, Nimrod.

Cậu Nimrod mĩa mai:

– Ta còn có thể gọi cậu ấy bằng cái tên nào khác nữa?

– Chuyện đó quan trọng sao?

Cậu Nimrod bảo:

– Ta nghĩ nó có thể quan trọng đối với người. Những đứa con luôn quan trọng với djinn chúng ta. Thậm chí là với tộc Ifrit.

Iblis gất lên:

– Thôi được rồi. Ta lấy làm tiếc vì chuyện đã xảy ra cho thằng

bé. Người hài lòng chưa? Ta không nghĩ chuyện đó sẽ xảy ra. Nó đã dùng quá nhiều sức mạnh djinn cho những trò kĩ xảo đó hơn ta tưởng. Nhưng ta không thể làm gì khác được.

Ông Groanin hỏi:

– Vậy còn sự nghiệp ảo thuật gia của nó thì sao? Dưới tên Jonathan Tarot?

Iblis nói:

– Người đùa đấy à? Sau những gì xảy ra cho lũ nhóc loài người ngu ngốc, sự nghiệp ảo thuật gia của nó coi như đã chấm dứt. Đối với phân nửa người trên thế giới này, cái tên Jonathan Tarot giờ còn tệ hơn bùn đất. Mà nên thấy các tờ báo viết gì về nó.

John thâm thì:

– Tội nghiệp Dybbuk.

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Lợi dụng con trai của chính mình như vậy, Iblis, đó là một tội ác.

Iblis găm gừ:

– Nó còn sống, không phải sao?

– Ba phút.

Cậu Nimrod đang cố gắng làm Iblis khó chịu đến mức phạm một sai lầm nào đó mà cậu có thể lợi dụng, nói tiếp:

– Có lẽ đó chính là tội ác lớn nhất của người. Tội lợi dụng con cái như vậy.

Iblis hét lên:

– Mà nghĩ đó là một tội ác à? Tin tao đi, Marid, mà vẫn chưa thấy tội ác thật sự là gì đâu.

Giữ lấy một cái cần gạt, Iblis bảo:

– Trong chưa đầy ba phút nữa, khi ta gạt cái cần này xuống, tất cả những năng lượng sống nhỏ bé trong cái bể kia sẽ bị sử dụng cạn kiệt vĩnh viễn. Và cha mẹ chúng sẽ không buồn sao? Hàng triệu người. Đấy mới gọi là tội ác, ông bạn.

– Hai phút.

Cậu Nimrod nói:

– Nghĩ kĩ về điều người đang làm đi, Iblis. Nếu tất cả mọi thứ đều tiến triển theo hướng người định liệu, *vĩnh viễn*, còn đâu thú vị trong việc đánh bại ta? Không còn, đúng không? Ngay cả khi điều ước không trở thành hiện thực, con người vẫn không ngừng ước cho những điều tốt đẹp hơn xảy ra với họ trong tương lai, *chỉ để cuộc sống trở nên thú vị hơn*. Tương tự với người. Người không hiểu sao, Iblis? Chính hi vọng, dù tốt hay xấu, là cái làm cuộc sống trở nên thú vị hơn. Làm cho cuộc đời này trở nên đáng sống.

Iblis hỏi một cách khinh bỉ:

– Người đang lải nhải cái gì đó?

Nhưng cậu Nimrod có thể thấy cậu đã có được sự chú ý của gã djinn độc ác.

– Bao nhiêu năm làm djinn mà người vẫn không hiểu sao, Iblis. Giống như bạn ta, anh Rakshasas từng nói: “Điều ước là một món ăn, giống kiểu một con cá – một khi đã ăn nó thì khó có thể nhả nó ra.” Đôi lúc có được chính xác điều chúng ta muốn không phải là một việc tốt. Đôi lúc niềm hi vọng hay sự trông đợi vào một cái gì đó còn tốt hơn hiện thực. Cẩn thận với những gì chúng ta ước có. Đó là sự thật cho cả cái Thiện lẫn cái Ác.

Rudyard nói:

– Một phút nữa, và vẫn tiếp tục đếm lùi. Đừng nghe lời hắn, cha. Hắn nói chẳng khác gì mấy cuốn sách kỹ năng dở hơi ấy.

Iblis gất:

– Ta không có nghe lời hắn.

Rồi quay sang cậu Nimrod, gã nói:

– Ta phải nói, lí luận của người không phải không có cơ sở. Nhưng nó không có giá trị gì với ta. Quá mơ hồ. Quá mờ nhạt. Chỉ có sự độc ác mới đáng được ta tôn trọng.

Một giọng nói vang lên:

– Vậy có lẽ cái này sẽ đáng để ông tôn trọng. Hoặc nếu ông không tôn trọng thì cũng đáng để ông phục tùng.

Ông Groanin thốt lên:

– Cám ơn Chúa. Ta nói, cám ơn Chúa vì điều này. Viện binh cuối cùng cũng đã tới.

Ngay cửa ra vào phòng điều khiển của tòa kim tự tháp ngọc bích, Philippa đang đứng sừng sững với tám kim bài hiệu lệnh trong tay. Bên cạnh cô là Finlay McCreeby và ông Blunt, phó tổng lãnh sự Anh.

Iblis cười khinh bỉ:

– Người nghĩ có thể ngăn cản kế hoạch của ta với phiến đá đồ chơi đó à? Nói cho mà biết, tám kim bài của người sẽ không có tác dụng gì với chúng ta. Đó là lí do tại sao chúng ta mặc bộ giáp ngọc bích này.

Rồi gã quay qua những chiến binh ma quỷ và hét lên vài câu hiệu lệnh bằng tiếng Hoa để làm chúng hoạt động trở lại:

– *Saat taa mun! Caan can taa mun! Wai taa mun!*



Những chiến binh rầm rầm tiến về phía bộ ba mới đến với thái độ hung hãn.

Cậu Nimrod hét lớn:

– Nghe cậu, Philippa. Quên Iblis và Rudyard đi. Vì bộ giáp ngọc bích đó, cháu không thể làm gì chúng đâu. Sức mạnh djinn không xuyên qua ngọc bích. Sức mạnh của tám kim bài cũng vậy. Nó chỉ có công hiệu với những chiến binh ma quỷ. Cậu lệnh tiếng Hoa để những gã *Dong Xi* này chống lại chủ nhân Ifrit của chúng là...

Nhưng Iblis đã kịp hét lên:

– Làm nó câm mồm!

Và ngay lập tức, một trong những chiến binh ma quỷ giờ một bàn tay đất nung to đùng của nó lên bịt kín miệng cậu Nimrod.

Rất bình tĩnh, Philippa nắm lấy tay ông Blunt, để sức mạnh của tám kim bài cũng có thể truyền vào người ông. Cô nói với vị phó tổng lãnh sự:

– Bảo mấy chiến binh đó ngừng lại. Bảo chúng tuân lệnh cháu. Bảo chúng bằng tiếng Hoa, hoặc chúng ta sẽ bị giết hết.

Nhưng trước sự ngạc nhiên và lo lắng của cô, ông Blunt vẫn giữ im lặng.

Rudyard hét lên:

– Ba mươi giây, và tiếp tục đếm lùi.

Philippa lặp lại mệnh lệnh, nhưng ông Blunt vẫn trơ mắt nhìn cô và không nói gì.

– Tại sao ông ấy không nghe lệnh cháu?

Tuy di chuyển chậm chạp về phía Philippa và ông Blunt như những con cương thi, những chiến binh ma quỷ giờ đây chỉ còn cách

họ có vài thước.

Finlay bỗng nói:

– Mệnh lệnh cuối của cậu cho ông Blunt. Chắc chắn nó đã cản trở mệnh lệnh mới. Chỉ có thể là lí do đó.

Philippa vắt óc nhớ lại:

– Tôi đã nói không lời nào nữa cho đến khi tôi nói CHO PHÉP!

Philippa đắc thắng hét lớn từ cuối cùng, vì cô đoán trừ khi cô nói từ đó ra, ông Blunt sẽ vẫn giữ im lặng.

Chớp mắt vài cái như thể vừa thức dậy, ông Blunt hỏi:

– Gì vậy?

Một giây trước khi Philippa bị hai chiến binh đất nung mạnh tay chop lấy, cô hét lên một loạt các câu hiệu lệnh để ông Blunt dịch sang tiếng Hoa.

– Bảo các *Dong Xi* phục tùng!

Ông Blunt nói lại bằng một thứ tiếng Hoa hoàn chỉnh:

– *Dong Xi! Teng ting ting!*

– Bảo chúng ngừng lại! Ông Blunt hét lên:

– *Zi. Zi!*

Rudyard Teer nói:

– Hai mươi giây.

Những chiến binh ma quỷ đứng khựng lại.

Từ bên trong ông Groanin, John hét lên với cô em gái sinh đôi:

– Philippa, em phải ngăn Iblis kéo cái cần gạt đó xuống. Mạng sống của hàng triệu đứa trẻ trông cậy vào nó.

– Mười giây, và vẫn tiếp tục đếm lùi.

Philippa hét lớn:

– Ông Blunt, bảo những chiến binh bắt giữ hai người đàn ông mặc bộ giáp ngọc bích. Chúng cần bị chặn lại, bằng bất cứ giá nào, ông hiểu không? Đừng để hấn kéo cái cần gạt đó!

Ông Blunt lập tức dịch lại điều Philippa vừa nói. Tiếng Hoa của ông trôi chảy và lạnh lót như tiếng Anh của ông. Ngay khi từ ngữ đầu tiên phát ra khỏi cái miệng nhỏ bé, khó tính của ông, những chiến binh ma quỷ thả ông và Philippa ra, rồi từ từ quay lại và tiến về phía những chủ nhân cũ của chúng.

– Năm giây, và vẫn tiếp tục đếm lùi.

Họ có thể thấy Rudyard đang nhe răng cười điên dại đằng sau cái mũ giáp chụp trên đầu nó. Nhưng Iblis nhìn kiên quyết hơn, và có lẽ chỉ mình gã thấy được hai cha con gã đang gặp nguy hiểm như thế nào từ những chiến binh ma quỷ.

– Bốn!

Một trong những chiến binh ma quỷ chớp lấy Rudyard. Có cả vài tá chiến binh ở đây hiện tại. Cả trăm. Chúng dường như đang đổ dồn vào trong kim tự tháp từ một hầm ngầm nào đó.

Rudyard hét lên:

– Ba!

Một chiến binh khác đặt cả hai tay lên Iblis. Gã cố đẩy chúng ra khỏi người nhưng thất bại.

Rudyard vẫn tiếp tục đếm:

– Hai!

Và giây tiếp theo, nó bị ném xuống đất một cách thô bạo.

Iblis bắt đầu kéo cái cần gạt xuống để lật ngược tòa kim tự tháp.

Giây tiếp theo, gã gục ngã trước cú đâm của hai chiến binh.

John hét:

– Tắt máy đi! Cái công tắc ngọc bích to dùng đấy.

Finlay phóng vút tới bấm cái công tắc sẽ làm dòng chảy năng lượng sống vào kim tự tháp ngừng lại và đảo ngược.

Vất vả đẩy người lên khỏi mặt đất dưới sức nặng của bộ giáp, Iblis thò một chân ra gạt té Finlay, và cậu ngã thẳng xuống người gã. Iblis đẩy thân hình nặng nề của Finlay qua một bên và chậm chậm đứng dậy, rồi lại bị ăn đòn lần nữa từ một cánh tay đất nung to lớn.

Lần này gã ngã xuống và nằm yên.

Bỏ ra cánh tay của ông Blunt, Philippa chạy tới đầu bên kia của phòng điều khiển và bấm cái công tắc đảo ngược dòng chảy năng lượng sống. Cỗ máy không ngừng lớn tiếng rù rù ban này giờ đã ngừng lại.

John hét lên vui sướng:

– Em làm được rồi, Phil! Em làm được rồi!

Philippa cười tươi:

– Em mà.

John hướng dẫn tiếp:

– Kế bên cái cần gạt Iblis cầm mới này là công tắc để mở phần chớp đỉnh kim tự tháp ra. Nó sẽ giải phóng linh hồn của hàng triệu trẻ em bị Iblis bắt cóc.

Không một chút chần chừ, Philippa bấm cái công tắc John vừa nhắc đến. Trong một giây, không có chuyện gì xảy ra. Rồi một âm thanh rúng động vang lên khi phần chớp bằng kim cương mở ra.

Một giây sau đó, nó giống như cánh cổng của cái trường học lớn nhất vũ trụ được mở ra, và linh hồn của hàng triệu trẻ em hồi hả chạy về nhà. Dĩ nhiên âm thanh đó lớn kinh khủng. Một bảy trẻ em đông đúc có bao giờ di chuyển trong im lặng? Đó là âm thanh của vài triệu hồn ma. Nhưng đó cũng là âm thanh của hạnh phúc, sự nhẹ nhõm và niềm hi vọng – âm thanh huyền não và vang dội của chính sự sống. Lớn đến mức nó phát ra một sóng rung động mạnh mẽ như một cơn địa chấn tỏa khắp tòa kim tự tháp, làm tất cả những ai không bị xích vào tường đều té ngã xuống đất.

Philippa chống người dậy và đưa mắt nhìn xung quanh, tìm kiếm tấm kim bài hiệu lệnh mà cô đã làm rơi trong cơn chấn động do các linh hồn tạo ra sau khi cô bấm công tắc. Nhưng nó không còn nằm trên cái sàn nhà lát ngọc bích. Ai đó đã nhặt nó lên.

Iblis đang cầm lấy nó.



## CHƯƠNG 31

### Đại Hãn vĩ đại

Ông Groanin lầm bầm:

– Xé tan mất tiêu. Ta nói, cháu xé tan mất tiêu mọi chuyện rồi, cô nhóc hậu đậu.

Iblis gằn giọng:

– Xé à? Xé thành từng mảnh. Tao thích ý tưởng đó đấy, lão già Jeevesey ạ. Một ý tưởng tuyệt vời. Ừ, tao nghĩ đó là điều tao sẽ làm. Tao sẽ để lũ *Dong Xi* xé chúng mày, tất cả chúng mày, thành từng mảnh. Nó sẽ giống như cái mà bọn Trung Quốc gọi là *lingchi*. Lãng trì. Chết bởi hàng ngàn vết cắt. Chỉ có điều, đây sẽ là cái chết bởi hàng ngàn vết xé. Những chiến binh ma quỷ của tao ban đầu sẽ xé mười móng tay, tiếp theo là mười móng chân, rồi đến mười ngón tay và mười ngón chân. Tai, mí mắt, từng nhúm tóc. Bọn mày, lũ sên nhót nhúa lăm sự, sẽ phải hối hận vì đã phá hỏng kế hoạch của tao.

Ông Groanin lầu bầu:

– Giờ tôi hối hận rồi đây.

Finlay bảo ông, giọng mỉa mai nặng nề:

– Làm tốt lắm, ông Groanin. Cảm ơn vì đã cho hãn ý kiến.

Có ai đó lịch sự ho một tiếng. Đó là ông Blunt.

Ông nói:

– Xin lỗi đã cắt ngang câu chuyện, nhưng nếu không phiền, đến lúc tôi nên đi rồi. Chuyện này không có liên quan gì đến tôi. Tôi chắc ông cũng hiểu, tất cả những gì tôi làm không phải là tự nguyện, mà đều do tấm kim bài gì gì đó. Là một thành viên trong Hiệp hội Ngoại giao của Nữ hoàng, công việc của tôi là không can thiệp vào những mối quan hệ, tranh chấp của một chính quyền khác. Cho nên tôi nghĩ, đã đến lúc tôi chúc ông một ngày tốt lành và...

Iblis cắt ngang:

– Ổ yên tại chỗ.

Và dĩ nhiên, vì Iblis đang cầm tấm kim bài hiệu lệnh, đó chính xác là điều ông Blunt buộc phải làm.

Quay qua cậu Nimrod, Iblis nhếch miệng cười:

– Sao thế, Nimrod? Con mèo nào tha mất lưỡi của mày rồi à? Nó sẽ ăn cái lưỡi đó sớm thôi, tao có thể cam đoan với mày như thế.

Nhưng cậu Nimrod không nói gì chỉ vì một trong những chiến binh ma quỷ vẫn còn đang giơ một cánh tay đất nung lên lên bịt kín miệng cậu.

Iblis ra lệnh cho nó:

– Để hắn nói.

Rồi gã tiếp tục hăm dọa cậu Nimrod:

– Tao muốn nghe mày cầu xin tha mạng, Nimrod. Cầu xin thật lực vào. Cầu xin như mày thật sự nghĩ vậy.

Cậu Nimrod bảo với gã:

– Người không cảm thấy chán à?

Rudyard bước đến trước mặt cậu Nimrod và vắn lỗ mũi cậu.

– Người không nghe cha ta nói gì sao? Cầu xin ông coi.

Cậu Nimrod nói:

– Cậu còn khờ khạo hơn cả cha cậu. Hai người không thấy chuyện này đã kết thúc rồi à? Lo mà ngừng lại khi còn có thể đi. Và đừng ra mệnh lệnh nào nữa. Nếu không thay đổi hướng đi, cả hai có thể kết thúc cuộc đời ở nơi đang hướng tới. Lời khuyên của ta đó.

Rudyard chế nhạo:

– Kết thúc cuộc đời ở nơi đang hướng tới? Người đang làm nhằm cái gì vậy?

Iblis bảo:

– Mà không có tư cách khuyên bảo tao, Nimrod.

Vẫy tay gọi một trong những chiến binh ma quỷ đến, Iblis chỉ tay vào cậu Nimrod và ra lệnh:

– Xé gã này ra thành từng mảnh trước tiên.

Khi không có chuyện gì xảy ra, Iblis nhìn có vẻ bối rối. Rồi gã liếc nhìn xuống tám kim bài hiệu lệnh đang cầm trên tay, và, trông thấy nó đang bắt đầu rực sáng như đốm than hồng bên trong một đồng lửa cháy phừng phực, gã thả rơi nó theo bản năng.

Gã kinh ngạc nói:

– Cái quái gì thế này? Chuyện gì xảy ra với nó vậy? Chuyện này đúng lí không thể xảy ra, đúng không?

Cậu Nimrod bảo:

– Ta nghĩ chúng ta sẽ biết câu trả lời ngay thôi.



Khói đen bắt đầu ngùn ngụt thoát ra khỏi tấm kim bài rực sáng. Nhưng đó không phải là khói của một đám cháy hay của một phản ứng hóa học. Đối với tất cả mọi người ở đây ngoại trừ ông Blunt, người chưa bao giờ trông thấy nó trước đây, nó nhìn giống khói từ một phép hóa thể djinn.

Một vài giây trôi qua, và không còn nghi ngờ gì về điều đó: một djinn đang định hình bên trong phòng điều khiển của tòa kim tự tháp ngọc bích. Và cuối cùng, khi khói đã tản đi hết, họ trông thấy một người đàn ông Trung Quốc cao lớn, có râu và hơi mập mập, người đang mặc một bộ áo bằng tơ lụa màu trắng với một cái áo choàng vai màu đen che kín cái cổ to đùng của ông. Đôi giày sandal của ông có cái đế gỗ cách lớp thủy ngân trên sàn khoảng mười lăm centimet. Điều này giải thích lí do tại sao sức mạnh djinn của ông không bị ảnh hưởng. Nhưng điều kì lạ nhất về ông có lẽ là những cái móng tay dài ít nhất mười lăm centimet của ông. Một trong số đó đang chỉ về phía Iblis khi ông nói:

– Ai dám sử dụng một trong những tấm kim bài hiệu lệnh của ta vào mục đích xấu?

Vị djinn kì lạ đang nói bằng tiếng Hoa và, là một nhân viên ngoại giao tốt và chu đáo, ông Blunt cảm thấy nên phiên bích lại cho tất cả những ai chỉ nói tiếng Anh ở đây.

Iblis dừng cảm nói:

– Iblis, của tộc Ifrit. Và người là ai mà dám nói chuyện như ở nhà hủ, gã mập?

Vị djinn Trung Quốc bảo:

– Ta đang ở nhà. Ta là Borjigin của những Borjigi<sup>[45]</sup>. Còn được gọi là Khất Nhan. Còn được gọi là Tiết Thiện Hãn. Nhưng ta được

biết đến nhiều nhất dưới cái tên Hốt Tất Liệt, Đại hãn của đế chế Mông Cổ, Hoàng đế nhà Nguyên của Trung Quốc, và cháu nội của Thiết Mộc Chân, Thành Cát Tư Hãn.

Iblis hỏi lại:

- Thiết Mộc Chân? *Temudjinn*?
- Đúng thế. *Temud Djinn*.

Iblis ngạc nhiên hỏi:

- Thành Cát Tư Hãn là djinn?

Hốt Tất Liệt trả lời:

- Dĩ nhiên. Nếu không người nghĩ làm sao ông có thể chinh phục một đế chế lớn như vậy?
- Điều đó có nghĩa...
- Rằng ta cũng vậy. Người cũng không đến nỗi ngu ngốc như vẻ bề ngoài.

Hốt Tất Liệt mỉm cười. Nhưng đó không phải là một nụ cười lấp đầy trái tim Iblis với sự vui mừng. Ngược lại là khác.

Vị Đại hãn vĩ đại nói tiếp:

- Đúng thế, ta là một djinn. Nếu không làm sao ta có thể cai trị một đế chế lớn như vậy? Không thì sao ta có thể biết, nếu sai chủ nhân, sức mạnh djinn trong *Dong Xi* có thể mang lại sự hủy diệt? Không thì sao ta phải để lại năm tám kim bài hiệu lệnh, để buộc chúng phục tùng ý chí của một người có trái tim tốt đẹp?

Iblis nuốt nước miếng đánh ực.

Cái móng tay dài giờ chỉ sang Philippa, Hốt Tất Liệt nói:

- Cô bé ấy có một trái tim tốt đẹp và dũng cảm. Nhưng người thì không. Đó là lí do tại sao ta có mặt ở đây để trừng phạt người.

Iblis cãi lại:

– Và vì sao người nghĩ có thể trừng phạt ta? Ai cho người có quyền đó?

Vị Đại hãn vĩ đại mỉm cười:

– Cái quyền mà người vừa nói đến ấy, đã được trao cho ta bởi không ai ngoài khác ngoài chính Djinn Xanh Babylon, vào năm 1290. Sự hóa thể của ta là liên đới. Nó có nghĩa chính sức mạnh của bà đã mang ta đến đây. Không phải sức mạnh của ta.

Iblis bật cười:

– Thôi được, Đại hãn, người đã có một chuyến đi vô ích rồi đó. Trong bộ giáp ngọc bích này, ta và con trai ta không bao giờ bị ảnh hưởng bởi sức mạnh djinn. Người không thể động vào chúng ta. Đi thôi, Rudyard. Cứ mặc xác cho bọn gốc djinn này chơi đùa với lũ thú kiểng mundane của chúng đi.

Hốt Tất Liệt vẫy tay ra lệnh cho những chiến binh ma quỷ tiến về phía trước để chặn lối ra của hai gã Ifrit.

Ông nói:

– Đúng là những bộ áo ngọc bích kia có thể bảo vệ người khỏi sức mạnh của ta. Cho nên, chúng cũng nên bảo vệ thế giới loài người khỏi những kẻ như người, Iblis. Chúng sẽ là nhà tù của người. Và, theo thời gian, chúng cũng sẽ là ngôi mộ của người.

Iblis ngò vức hỏi:

– Người đang nói gì thế?

Với giọng nói của một người đã quen ra mệnh lệnh, Hốt Tất Liệt nói lớn:

– Bắt lấy chúng.

Những chiến binh chộp lấy Iblis cùng Rudyard, và giữ chặt.

Đại hãn ra lệnh tiếp:

– Bắt chúng nằm xuống đất.

Iblis lo lắng hỏi:

– Người định làm gì với bọn ta hả?

Rồi gã quay sang cầu xin cậu Nimrod:

– Giúp tao, Nimrod. Nói gì đó biện hộ cho tao, làm ơn đi ông bạn, trước khi gã điên dư kí này làm một điều khủng khiếp nào đó.

Cậu Nimrod buồn bã nói:

– Ta không biết phải nói gì, Iblis. Ta có thể nói gì để biện hộ cho một người sẵn sàng hy sinh mạng sống của hàng triệu trẻ em chứ? Dù cho Đại hãn đang nghĩ đến hình phạt gì trong đầu, ta nghĩ nó cũng không đủ để xóa hết tội cho người.

Rudyard thanh minh:

– Nó chỉ là một trò đùa. Một trò đùa đi quá lối, chỉ vậy thôi.

Ông Groanin bảo nó:

– Không ai cười cả. Ta nói, không ai cười với trò đùa của các người cả.

Vị Đại hãn vĩ đại tay không cầm tấm kim bài lên. Nó nhìn quá nóng để có ai dám chạm vào, nhưng điều đó có vẻ không làm ông bận tâm mấy. Ông giữ nó phía trước bộ giáp ngọc bích mà Rudyard đang mặc, và một ít vàng trên tấm kim bài bắt đầu tan chảy, chạy vào khe hở giữa hai ngàn một trăm năm mươi sáu miếng ngọc bích, để dần dần, bộ áo giáp cơ động trở thành một cái quan tài đá rắn chắc.

Rudyard thét lên:

– Tao không thể cử động.

Và rồi, khi nhận ra vị Đại hãn vĩ đại đang muốn làm gì, nó bắt đầu chửi rửa, rồi sau đó chuyển sang nài nỉ. Nhưng Hốt Tất Liệt hoàn toàn lơ đi những lời la mắng và cầu xin lớn tiếng và khản khoản của gã Ifrit trẻ. Chỉ sau vài phút, ông đã hàn kín tất cả các miếng ngọc bích – bao gồm cả cái mặt nạ – lại với nhau bằng vàng lỏng.

Với Rudyard Teer giờ đây đã im lặng bên trong ngôi mộ sống của nó, vị đại hãn vĩ đại tiến về phía Iblis, người đang nằm kế thàng con trên cái sàn nhà hình tam giác.

Iblis phản đối:

– Người không thể hàn kín ta trong chính bộ giáp của ta như vậy. Đó là chôn sống. Nói với hãn đi, Nimrod. Đó là một việc vô nhân đạo.

Vị đại hãn hỏi ngược lại:

– Bộ trước giờ người có quan tâm đến nhân loại hả?

Iblis van nài khi Đại hãn cúi xuống người gã để hàn kín bộ giáp của gã với vàng:

– Nói với hãn đi, Nimrod. Nói với hãn hình phạt này quá tàn nhẫn, bất thường và không hợp pháp. Không tòa án nào trên thế giới cho phép một chuyện như thế xảy ra.

John nói:

– Ông cũng định để những chiến binh kia xé chúng tôi thành từng mảnh đấy thôi. Chính miệng ông đã nói thế.

Iblis thanh minh:

– Chỉ là một sự hiểu lầm mà thôi.

Finlay bảo:

– Nhìn ông có vẻ trông chờ điều đó lắm mà.

Iblis nói:

– Này nhé, ta biết ta là một người xấu, và ta xứng đáng bị trừng phạt. Nhưng không phải như thế này.

Tiếp tục nhỏ vàng nóng chảy vào các khe hở của bộ giáp ngọc bích, vị Đại hãn vĩ đại nói:

– Hàn kín. Trong chính bộ giáp vô giá của người. Vĩnh viễn. Với vàng, sức mạnh djinn, và ngọc bích mà người đã chôm từ các bảo tàng. Chú trời buộc mạnh nhất từng được biết đến. Sức mạnh djinn không thể đi vào hoặc đi ra. Một bức tượng sống bị bỏ cho bám bụi trong góc yên tĩnh nhất của bảo tàng này. Đó là số phận đang chờ đợi người, Iblis.

Iblis cố nói:

– Không công bằng. Ta muốn viết thư cho đại biểu quốc hội của ta. Cho thượng nghị sĩ của ta. Ta muốn kháng cáo với Djinn Xanh Babylon.

Cậu Nimrod bảo:

– Người đang nói đến chị gái của Dybbuk ấy à? Ta khuyên người không nên, Iblis.

– Ngừng lại!

Philippa thâm thì:

– Kinh khủng quá!

Cô quay mặt đi chỗ khác. Cô cảm thấy ngay cả người như Iblis cũng không đáng phải chịu một số phận khủng khiếp như vậy. Nhưng cô không thể tìm được lời nào để biện hộ cho gã. Chúng

nghe lại trong cổ họng khi cô nhớ lại chuyện đã xảy ra cho ông Rakshasas. Và trước đó là cậu bé người Pháp Guiana - Galibi. Và dĩ nhiên, Dybbuk tội nghiệp. Cậu Nimrod nói đúng. Chuyện đã xảy ra với Dybbuk có lẽ là điều tồi tệ nhất Iblis từng làm.

John không dễ mềm lòng như em gái, nói:

– Hấn tự làm tự chịu thôi.

Iblis tiếp tục hét lên:

– Ngừng lại!

Rất chậm rãi, vị Đại hãn vĩ đại hạ miếng ngọc bích che mặt của bộ áo giáp xuống và bắt đầu hàn nó lại.

Tiếng van nài như bị nghẹt kín vẫn vang ra:

– Ngừng lại. Van xin người. Ngừng lại.

Nhưng khi giọt vàng lỏng cuối cùng đã lấp kín khe hở cuối cùng giữa miếng ngọc bích thứ hai ngàn một trăm năm mươi lăm với miếng ngọc bích thứ hai ngàn một trăm năm mươi sáu của bộ giáp, mọi thứ trở nên im lặng.

Vị Đại hãn vĩ đại đứng dậy và quan sát tác phẩm không khoan nhượng của mình. Hai bộ giáp ngọc bích kín mít nằm trên sàn như những hiệp sĩ đá trong một ngôi mộ trung cổ. Sẽ không ai đoán được bên trong chúng là cơ thể sống của hai djinn.

Ông nói:

– Xong rồi đó. Hai kẻ này sẽ không thể gây rắc rối cho loài người được nữa. Mang chúng đi.

Tám chiến binh ma quỷ khiêng hai bộ giáp ra khỏi kim tự tháp.

Finlay nhận xét:

– Y như *Người đàn ông mang mặt nạ sắt* ấy. Ghê thật.

John phụ họa:

– Tuyệt. Thật sự rất tuyệt.

Vẫy vài chiến binh về phía những tù nhân bị xích trên tường, Hốt Tất Liệt ra lệnh:

– Thả họ ra.

Bắt được ánh mắt Philippa và nhìn thấy giọt nước mắt ở đó, cậu Nimrod lặng lẽ gật đầu với cô. Cậu biết được sự thương hại của cô với Iblis cùng con trai gã và, ở một mức độ nào đó, cậu cũng hiểu được nó. Nhấn mặt khi được giải thoát khỏi xiềng xích, máu chảy nhanh về vai cậu, cậu Nimrod khẽ duỗi tay một lát, trước khi vòng chúng quanh cô cháu gái.

Cậu bảo:

– Ổn rồi, Philippa. Mọi chuyện kết thúc rồi.

Ông Groanin lầu bầu:

– Kết thúc cho Iblis và thằng con quỷ sứ của hắn. Ít nhất ta hi vọng vậy.

Ông Blunt lo lắng nói với Philippa và Finlay:

– Nếu cô cậu không phiền, ta nghĩ đã đến lúc ta quay về lãnh sự quán. Ta không ngại thú nhận, chuyện này rất thú vị. Rất, rất thú vị. Nhưng ta không nghĩ sẽ có người tin ta nếu ta kể cho họ biết, nên ta sẽ không kể. Cô cậu có thể an tâm về chuyện đó. Nếu ta nhắc đến bất cứ chi tiết nào trong chuyện này, ta có thể mất việc chứ chẳng chơi. Chính quyền của Nữ hoàng không mấy coi trọng báo cáo về những câu chuyện thần thoại, hoang đường.

Rồi ông nhắc mũ chào.

– Chúc cô cậu một ngày tốt lành.



Và ông rời đi. Vội vã. Như thể sợ hãi một chuyện gì đó hoang đường, không thể báo cáo lại, có thể xảy ra cho ông.

Finlay bảo:

– Ông Chúa, ông ấy đã đi. Chính dạng người nguyên tắc, lạnh nhạt như ông ấy khiến người Anh chúng tôi mang tiếng xấu.

Philippa nói:

– Tôi lại nghĩ ông ấy khá tốt đấy chứ.

Ông Groanin nhăn mặt bảo:

– Cháu thấy ai cũng tốt. Ta nói, với cháu thì ai cũng tốt, Philippa.

Rồi lắc đầu, ông nói:

– Ta nghĩ, có lẽ đó là lí do tại sao chúng ta yêu quý cháu như vậy, Philippa. Đến đây ôm ta một cái nào.

Philippa vui vẻ ôm chầm lấy ông.

Cúi đầu chào một cách lịch sự, vì dù sao Hốt Tất Liệt cũng là một trong những hoàng đế vĩ đại nhất từng tồn tại, cậu Nimrod nói:

– Cảm ơn ngài vì đã cứu chúng tôi. Chúng tôi đội ơn ngài, đúng không mọi người?

Tất cả đồng thanh:

– Đúng thế.

Cậu Nimrod hỏi:

– Linh hồn của những đứa trẻ bị nhốt ở đây, chuyện gì đã xảy ra với chúng?

Vị Đại hãn vĩ đại cho biết:

– Chúng đang trên đường về nhà. Một số sẽ mất nhiều thời gian hơn số còn lại. Nhưng ông có thể an tâm là tất cả rồi sẽ về đến nơi.

Cậu Nimrod thắc mắc:

– Nếu không phiền, tôi có thể hỏi tại sao ngài có thể được triệu hồi lại đây sau chừng ấy năm, và từ một cổ vật mà ngài đã tự tay đưa cho Marco Polo được không? Mới nãy ngài có nhắc đến phép hóa thể liên đới. Tôi đã nghe nói đến nó, dĩ nhiên. Nhưng nó hoạt động như thế nào mới được?

Đại hãn giải thích:

– Lo lắng về mối nguy hiểm tiềm tàng của *Dong Xi* với thế hệ tương lai, ta đã mời Djinn Xanh vĩ đại đến thăm ta ở Trung Quốc. Chính bà là người đưa ra ý tưởng làm năm tấm kim bài hiệu lệnh. Chúng ta đã cùng nhau tạo ra chúng, sử dụng móng tay của ta trong quá trình nấu chảy vàng. Để linh hồn của ta có thể được triệu hồi lần nữa bởi chú trói buộc quyền năng của bà.

Cậu Nimrod suy luận:

– Nhưng ngài đã nói với Marco Polo rằng Yên Vũ mới là người làm ra những tấm kim bài. Để bảo vệ bí mật của ngài. Rằng ngài chính là một djinn hùng mạnh. Đúng không?

Hốt Tất Liệt cho biết:

– Marco là một người bạn tốt. Nhưng ông ấy sẽ không hiểu được bản chất thật của sức mạnh djinn. Một người của thời đại đó như ông ấy có lẽ sẽ cho rằng ta là một phù thủy, hay một thứ gì đó tệ hơn. Ác quỷ chẳng hạn. Châu Âu thế kỉ 13 - 14 thường rất mê tín.

Cậu Nimrod hỏi:

– Còn những chiến binh ma quỷ? Những *Dong Xi*? Chúng sẽ

như thế nào? Chưa kể đến những hồn ma và linh hồn mà chúng đã hấp thụ. Những chiến binh vẫn chứa đầy các linh hồn, đúng không? Không phải chúng vẫn là một mối nguy hiểm cho loài người sao?

Đại hãn nói cụt lủn:

– Đúng thế. Công việc của ta trong mấy tháng tới sẽ là triển khai nhiều cuộc trừ tà để làm sạch linh hồn trong chúng. Rất cần thiết, đó sẽ là một tiến trình tàn bạo và hủy hoại. Và dù đáng tiếc, nhưng ta e chỉ có một ít linh hồn có thể sống sót sau đó. Hầu hết những linh hồn còn lại sẽ được giải thoát khỏi trái đất, vĩnh viễn.

John hỏi thăm:

– Một người bạn tốt của tụi cháu, một djinn đang xuất hồn, đã bị một trong những chiến binh hấp thụ. Tên ông ấy là Rakshasas. Liệu ông ấy có khả năng sống sót sau tiến trình trừ tà hay không?

Đại hãn bảo:

– Rất ít khả năng. Với hơn tám ngàn chiến binh cần được trừ tà ở Tây An, e là ta đã có quá nhiều công việc phải làm. Ta sẽ không thể tìm ra một linh hồn trong vô số linh hồn, và hết sức cẩn thận với việc tống xuất linh hồn đó. Đó là những gì cần làm.

Cẩn môi, John nói:

– Tội nghiệp ông Rakshasas. Ông ấy đã xung phong đi đánh lạc hướng chiến binh ma quỷ ở Đền Dendur. Để cháu và chị Faustina có thể trốn thoát.

Nuốt nước miếng một cách khó khăn, cậu thều thào:

– Cháu sẽ nhớ ông ấy lắm.

Cậu Nimrod nói:

– Tất cả chúng ta sẽ nhớ anh ấy. Anh ấy là một linh hồn vĩ đại.

Đại hãn bảo:

– Sự sống và cái chết là một sợi chỉ được nhìn từ hai đầu khác nhau. Hãy cố nhớ điều này: đất sét được nặn để làm nên một cái cốc. Nhưng chính khoảng trống trong cái cốc mới là nơi công dụng của cái cốc được phát huy. Cửa ra vào và cửa sổ được cắt ra để làm một cái phòng, nhưng chính khoảng trống giữa chúng mới là cái khiến chúng được cần đến. Do đó, hãy biến sự tồn tại thành thuận lợi và sự không tồn tại thành tiện ích. Không tồn tại là niềm vui lớn nhất.

Philippa thú nhận:

– Cháu không hiểu.

Vị Đại hãn vĩ đại đặt một tay lên đầu cô và nói:

– Từ ngữ của sự thật bao giờ cũng rất khó hiểu. Nhưng có một điều chắc chắn, con của ta: những việc làm vĩ đại được tạo nên bởi những hành động tốt nho nhỏ như cháu đã làm.

Ông Groanin nói:

– Nghe nhé, nghe nhé.

Và John, người dĩ nhiên vẫn ở trong cơ thể của vị quản gia người Anh, cũng đồng ý.

– Cháu cũng là một linh hồn vĩ đại. Và để tưởng thưởng, ta tặng cháu đôi dép đi trong nhà hương dâu này.

Vị đại hãn chỉ một móng tay xuống chân Philippa, và một đôi dép xinh đẹp hiện ra dưới bàn chân của cô.

Cô mỉm cười:

– Cháu cảm ơn ông rất nhiều, thưa Hoàng đế. Nhưng chúng là

vàng ròng, không phải sao?

Hốt Tất Liệt cũng cười:

- Ừ, nhưng chúng có mùi dâu.
- Dễ thương quá.

John hỏi:

– Cháu có thể nhờ ông một việc được không ạ? Nếu ông không phiền.

Đại hãn gật đầu.

– Khi ông bảo sẽ đến các bảo tàng để trừ tà, ông có ghé Đền Dendur ở bảo tàng Metropolitan tại New York không ạ? Có một người bạn của cháu bị mắc kẹt ở đó. Tên ông ấy là Leo Politi, và ông ấy đã làm người hầu Ka của đền thờ trong hơn hai trăm năm qua. Nếu có thể, ông ấy muốn được giải thoát khỏi nhiệm vụ đó. Nếu ông không phiền.

Vị đại hãn bảo:

- Không phiền gì đâu.
- Cảm ơn ông.

Cậu Nimrod giục:

- Đi thôi. Đến lúc chúng ta về nhà rồi.

Philippa bảo:

– Nếu may mắn, có lẽ mẹ đã ở nhà chờ chúng ta rồi. Cháu thật sự muốn được gặp lại mẹ. Cũng như hồi phục sức mạnh của djinn. Không có nó, cháu cảm thấy thiếu thiếu sao ấy.

Giọng của John nghe có vẻ không cảm thông tí nào trong miệng ông Groanin:

- *Em* cảm thấy thiếu thiếu? Còn anh thì sao? Anh thậm chí còn

không có cơ thể riêng. Bị kẹt trong này với ông Groanin. Nó giống như chia sẻ một cái lều nhỏ với một con voi lớn ấy.

Ông Groanin lâu bầu:

– Ta sẽ cảm ơn cháu rất nhiều nếu cháu giữ mấy cái nhận xét cá nhân của cháu trong lòng, cậu nhóc. Ta cũng chẳng vui sướng gì khi phải chia sẻ những bí mật sâu kín nhất của ta với cháu, cháu biết không?

Finlay gật gật đầu:

– Cháu hiểu cảm giác đó.

\* \* \*

Một cơn lốc gió đưa tất cả bọn họ băng qua Thái Bình Dương và nước Mỹ. Họ hạ cánh xuống Công viên Trung tâm, vào ban đêm, và nói lời chia tay trong bóng tối.

Philippa hỏi cậu Nimrod:

– Cậu có muốn cùng tụi cháu về nhà và chào mẹ cháu một tiếng không?

Cậu Nimrod lắc đầu:

– Không phải lúc. Giờ chắc cha cháu đã hồi phục rồi. Và ta nghĩ gia đình cháu sẽ có rất nhiều chuyện muốn nói riêng với nhau. Cho nên tốt nhất chúng ta nên đi. Để mọi người có thể tận hưởng cảm giác gia đình lần nữa.

Cô hỏi:

– Còn ông Rakshasas thì sao? Cơ thể của ông ấy vẫn nằm trong phòng John. Chuyện gì sẽ xảy ra khi một djinn qua đời? Có dám

tang cho họ hay không?

Cậu Nimrod bảo:

– Vì chuyện đó xảy ra trong nhà Layla, chị ấy có quyền được quyết định thu xếp như thế nào. Nói với chị ấy cậu sẽ gọi điện khi về đến London. Và cậu sẽ ghé chuẩn bị LC. Lễ tang và Cúng kiếng. Đó là cách gọi của lễ tang djinn.

Sau khi Philippa đã ôm tạm biệt ông Groanin và cậu Nimrod, ông Groanin cho phép John, lúc này vẫn ở trong cơ thể ông, nắm quyền kiểm soát đủ lâu để cảm ơn Finlay vì tất cả những chuyện cậu đã làm.

Cố tình nói giảm nhẹ, Finlay bảo:

– Chuyến đi thú vị lắm.

John hỏi:

– Giờ cậu định làm gì?

Finlay cho biết:

– Tổ sẽ đi gặp cha. Chú Nimrod nói đúng. Tổ nên thử làm lành với ông ấy xem sao. Sau đó, tổ sẽ đến trường nội trú.

Chúng bắt tay nhau.

Rồi John di chuyển linh hồn sang cơ thể em gái. Một hoặc hai phút sau đó, Philippa bước xuống ngọn gió lốc và vẫy tay chào tạm biệt khi cậu Nimrod, ông Groanin và Finlay bay về phía London.

Chia sẻ cơ thể trong khoảng thời gian ngắn bước dọc theo đường số 77 phía đông không gây rắc rối gì cho John và Philippa. Dù sao chúng cũng là anh em sinh đôi, và những cặp sinh đôi hiếm khi giữ bí mật với nhau. Ngoài ra, chúng nghĩ việc có thể đọc suy nghĩ của nhau cũng có mặt tốt của nó, và chúng hoan nghênh cơ hội biết

được cụ thể đưa còn lại đã làm những gì trong suốt thời gian đưa kia vắng mặt, mà không phải tốn công giải thích dài dòng.

John nói:

– Em biết không, phiêu lưu cũng chẳng thú vị như người ta vẫn ca ngợi. Nói thẳng, anh có phần ngán ngẩm các cuộc phiêu lưu lắm rồi. Giờ anh chỉ muốn về nhà, lấy lại cơ thể, và gặp cha mẹ. Anh muốn ăn những món *anh* thích, không phải những món ông Groanin hay Finlay thích. Được làm theo lựa chọn của anh. Trở lại là chính mình. Trở lại là một gia đình. Quay lại trường. Những thứ bình thường như vậy thôi.

Philippa thừa nhận:

– Em cũng vậy. Em sẽ kiếm chút gì bỏ bụng, nói chuyện với cha mẹ, xem tivi, rồi sau đó đi thăm bà Trump.

Philippa ngừng lại trước một quầy báo đủ lâu để chúng có thể đọc được bài báo trang bìa của tờ New York Post. Hàng triệu trẻ em trên khắp thế giới hiện đã “hồi phục” khỏi triệu chứng “thôi miên tập thể”, gây ra bởi “nỗi nhục của nền ảo thuật - Jonathan Tarot”. Đó là một tin tức khiến hai hậu duệ thần đèn cảm thấy nhẹ nhõm. Cũng như buồn bã.

Philippa nói:

– Tội nghiệp Dybbuk.

John bảo:

- Là Buck, nhớ không? Cậu ấy ghét bị gọi như vậy.
- Em tự hỏi cậu ấy sẽ ra sao.

John nhún vai:

- Ở đây nói cậu ấy đã biến mất. Không nói rõ như thế nào.



– Em biết. Em có thể đọc mà. Chỉ là em tự hỏi rồi cậu ấy sẽ sống ra sao. Không có sức mạnh trong bốn tuần vừa qua đã quá khó. Em không thể tưởng tượng được mất đi sức mạnh djinn trong suốt quãng đời còn lại sẽ như thế nào.

– Anh biết. Anh đã thấy như mình mất đi một tay.

Philippa nhận xét:

– Có lẽ anh sẽ quen với cảm giác đó. Quen dần. Ông Groanin cũng vậy thôi.

Về đến nhà, chúng thất vọng khi biết rằng mẹ chúng vẫn chưa quay lại từ Iravotum, mặc dù có một bức thư với nét chữ quen thuộc của bà cho biết, bà sẽ sớm ở cạnh chúng. John chú ý thấy bức thư được viết trên loại giấy cá nhân của bà, một thứ đắt đến khó tin mà bà đã đặt làm riêng với tên và địa chỉ của bà nạm vàng ở trên đỉnh tờ giấy, và là một thứ bà cất trong ngăn kéo của cái bàn kiểu Pháp ở trong phòng làm việc của bà. Cậu thấy lạ là mẹ có thể dùng tờ giấy này để viết thư, ít nhất là cho đến khi cậu tự nhắc nhở bản thân rằng mẹ cậu là một djinn rất mạnh và có thể làm hầu hết những chuyện bà thích.

Sự thất vọng vì mẹ chưa trở về được với bất phần nào khi bà Trump, sau một cú hồi phục thần kì khỏi chấn thương ở đầu, đã dành cho chúng một sự chào đón ấm áp ở nhà. Nếu có nhận xét gì về bà, thì đó là bà nhìn được hơn bao giờ hết so với trí nhớ của chúng; thậm chí là có phần lộng lẫy. Bà mặc một bộ đồ đắt giá với một chuỗi ngọc trai mới, và bà đã đổi một kiểu tóc có phần giống mẹ của cặp sinh đôi. Vì một lí do nào đó, bà Trump trở nên thanh nhã hơn, gần như không còn giống một vị quản gia.

Cha chúng cũng đã hồi phục nhiều. Tóc ông giờ xám nhiều hơn

trắng. Và ông đã có thể đứng dậy thay vì chỉ ngồi trên xe lăn. Ông cũng có phần cao hơn so với trí nhớ của chúng. Hai tay ông đã ngừng run lấy bầy, và cái mùi mốc meo hăng hăng của người già một thời từng bao phủ khắp người ông giờ đã biến mất. Vì ông đã gần trở lại bình thường, Marion Morrison hiện đã rời New York để đi chăm sóc một nạn nhân khác của chú trói buộc djinn ác ý. Giọng nói của ông Gaunt cũng đã khôi phục hầu hết sức mạnh. Chưa kể đến uy quyền của nó.

Ông Gaunt nói:

– John, sao con không lên lầu khôi phục lại cơ thể? Và Philippa, sao con không đi hồi phục lại sức mạnh? Khi cả hai đứa đã trở lại là chính mình, cha muốn các con đến gặp cha trong thư viện. Cha nghĩ chúng ta cần nói chuyện. Lâu lắm chúng ta chưa có một cuộc nói chuyện gia đình đàng hoàng nào, và có quá nhiều chuyện đã xảy ra mà chúng ta cần ngồi xuống nói cho rõ. Hai đứa, cha, và chị Trump.

Có chút ngạc nhiên, Philippa nhanh chóng chạy lên lầu. John lịch sự cảm ơn em vì đã cho đi nhờ, rồi bước ra khỏi cơ thể cô và vào lại cơ thể của chính cậu.

Cậu nói:

– Ôi chao, cảm giác này thật tuyệt. Anh lại là chính mình.

Philippa bảo:

– Trước khi cảm thấy quá thoải mái, anh còn phải thổi vào lỗ tai em đó.

– Cái gì?

Cô nhắc:

– Để em có thể lấy lại sức mạnh. Nếu anh không phiền.

John nhăn nhó nói:

– Thôi được. Chúng ta làm cho xong đi.

Khi đã xong chuyện, John phun nước miếng phì phì đến mấy lần.

Phủi phủi lỗ tai, Philippa trách:

– Anh không cần phải làm ra vẻ ghê tởm như vậy chứ.

John lầm bầm:

– Sao không?

Nhưng Philippa không mấy quan tâm. Cô đã có lại sức mạnh djinn trong cơ thể. Không có sức mạnh djinn cũng giống như chỉ có một tay. John đã nói đúng về điều đó. Cô cảm thấy rất tuyệt. Cô cởi đôi giày vàng mà đại hãn Hốt Tất Liệt đã tặng và ngủi thử. Đúng là chúng có mùi dâu tây.

John hỏi:

– Em có chú ý thấy gì không? Đây là lần đầu tiên cha nhắc đến sức mạnh djinn trước mặt bà Trump.

– Ừ. Đúng là cha đã nói vậy. Và bà Trump nữa. Anh không nghĩ bà ấy cũng có vẻ khang khác gì đó à? Như thể cú đánh vào đầu đã làm bà ấy tuyệt hơn rất nhiều. Chưa bao giờ em thấy bà ấy lộng lẫy như vậy. Không biết cha muốn nói gì với chúng ta nhỉ?

John lo lắng nói:

– Một bậc phụ huynh triệu tập con cái đến một buổi nói chuyện như vậy thường không phải là tin tốt. Hay là mẹ sẽ không trở lại?

– Nhưng còn bức thư thì sao? Nó nói mẹ sẽ quay về sớm thôi, không phải sao? Em có thể nhận ra nét chữ của mẹ mà.

Rồi lắc đầu, cô lại nói:

– Không biết cha muốn nói gì với chúng ta nhỉ?

John bảo:

– Có lẽ là về ông Rakshasas. Em nhận ra gì không? Cơ thể ông ấy biến mất rồi.

Philippa nói:

– Dĩ nhiên em nhận ra. Nhưng em không thể tưởng tượng được cha muốn nói về điều đó. Dù sao, ông cũng không phải djinn. Ông sẽ để những chuyện như thế này cho mẹ giải quyết. Ông thường làm vậy mà. Vì chúng làm ông thấy không thoải mái.

John bảo:

– Dù cha muốn nói về chuyện gì, anh cũng có thể cá nó sẽ không bình thường chút nào. Không có gì bình thường về cái gia đình này cả.

Một hai phút sau đó, cậu và Philippa đã ngồi trong thư viện, mặt đối mặt với ông Gaunt, người nhìn có vẻ không mấy tự nhiên, và bà Trump, người nhìn có vẻ trầm lặng một cách kì lạ. Con mèo Monty thậm chí cùng hiện diện để chứng kiến cuộc nói chuyện.

Philippa hỏi trước tiên:

– Có chuyện gì không ổn hả cha?

John hỏi tiếp:

– Nó liên quan đến ông Rakshasas à?

Và chúng đồng thanh cùng hỏi:

– Mẹ đâu?

Liếc nhìn bà Trump và gật đầu, ông Gaunt mở miệng:

– Vì một số lí do đặc biệt, chị, ờ... có lẽ chị giải thích chuyện này là tốt nhất.

Mỉm cười một cách hiền hòa, bà Trump nói:

– Không có gì không ổn cả. Ít nhất theo ta là vậy. Nhưng đúng, có một chuyện đã xảy ra. Không nghi ngờ gì về điều đó. Một chuyện quan trọng. Một chuyện kì lạ. Một chuyện mà có lẽ cần có thời gian để làm quen. Đúng vậy. Hai đứa thấy đó, chuyện là, hai đứa sẽ phải làm quen với một số thay đổi xảy ra ở đây. Tất cả chúng ta đều phải làm quen. Từ giờ trở đi, mọi chuyện sẽ có một ít khác biệt. Để ta giải thích tại sao nhé.

## **HẾT TẬP 4**

## Chú thích

[1] *Monkey's Paw* (Bàn chân khỉ) truyện ngắn của W.W. Jacobs, viết về một bàn chân khỉ mang lời nguyền độc ác. Những ai sở hữu nó đều kết thúc với số phận nghiệt ngã.

[2] Doc: viết tắt của Doctor, nghĩa là “bác sĩ”.

[3] đá giảm và nhựa đường

[4] Trong tiếng Anh, từ *wish* (điều ước) gần giống như từ *dish* (món ăn) và từ *fish* (con cá).

[5] Phương trình của Albert Einstein:  $E=mc^2$ . L ở đây là *Luck*, nghĩa là *may mắn*.

[6] Trong âm Hán Việt, 4 đọc là *tứ*, gần âm với *tử*.

[7] Met: tên gọi tắt của bảo tàng Metropolitan.

[8] Tiếng Pháp: Bà.

[9] Nguyên văn Turkish delight: loại bánh thạch rắc đường bột.

[10] Scotland Yard: Lực lượng cảnh sát thủ đô ở London.

[11] Bản đồ nước Ý mang hình một chiếc giày ống.

[12] Rome được mệnh danh là Eternal City.

[13] Attila Hung Nô (406-453): người thống trị đế quốc Hung Nô, một vị vua nổi tiếng tàn bạo mang nhiều tham vọng, đã chinh phục nhiều nước từ Tây sang Đông.

[14] Byzantine: đế quốc Đông La Mã bắt nguồn từ Tây Âu. Đế quốc này tồn tại từ năm 330 đến năm 1453.

[15] Mars: thần Chiến tranh của La Mã.

[16] Tiếng Ý: Chúng tôi tìm ông Medici, vui lòng chỉ giúp được chứ?

[17] Tiếng Ý: Cảm ơn.

[18] Nhân vật trong truyện cổ tích cùng tên của Anh em nhà Grimm.

[19] Tiếng Ý: Đúng, phải.

[20] Nguyên văn: *Two bees or not two bees. That is the question.* Tác giả sử dụng lối chơi chữ với câu: “*To be or not to be*” câu nói nổi tiếng trong tác phẩm *Hamlet* của Shakespeare.

[21] Mark đọc theo tiếng Hy Lạp là Marco

[22] Magic square: hình vuông ma thuật, ngôn ngữ toán học gọi là Ma phương.

[23] Nguyên văn: Square peg in a round hole.

[24] Những thầy tu đạo Hồi, thường nhảy múa, xoay vòng hoặc đọc kinh trong các buổi lễ.

[25] Tiếng Ý: Cái này?

[26] Tiếng Ý: Làm ơn

[27] Woodoo: ếm bùa.

[28] Tiếng Ý: (từ cảm thán) như ôi, chà...

[29] Tiếng Ý: Giá như đây là nó thì...

[30] Tiếng Ý: Có, cho xin.

[31] Tiếng Ý: Tôi thề.

[32] Tiếng Ý: Chắc chắn rồi.

[33] Nut: nữ thần bầu trời và thiên đàng của người Ai Cập cổ đại, có lẽ cũng là nguồn gốc thật của phương châm mà các djinn lớn tuổi

vẫn hay dùng khi nói đến việc không nên cười lố gió khi thời tiết xấu: “Bạn phải là Nut mới có thể bay trong tình trạng thế này”.

[34] Ông Groanin đã nghe lầm *kabbalistic*: thần bí, bí mật với *cannibalistic*: ăn thịt đồng loại.

[35] Mì Ý.

[36] Con lươn.

[37] Tiếng Ý: Vậy thì...

[38] Loose: lỏng lẻo. Goose: ngỗng.

[39] Tiếng Ý: Không sao.

[40] Tiếng Ý: Tạm biệt, cháu thân mến của ta.

[41] Tiếng Ý: Tốt.

[42] Enantodromia hay *enantiodromia*, một từ từng được các nhà khoa học Hy Lạp cổ đại dùng tới, như Aristotle, Aldiss... với ý nghĩa *một tiến trình mà trong đó sự vật bị biến đổi thành phiên bản đối ngược của chúng*.

[43] Hieronymus Bosch (1450-1516): Họa sĩ người Hà Lan, ông nổi tiếng với việc sử dụng các hình ảnh tuyệt vời để minh họa, tường thuật các khái niệm về đạo đức và tôn giáo.

[44] White Cliffs of Dover: một vách đá cao khoảng 107m, có màu trắng đục do cấu tạo từ đá phấn, với những vạch đen từ đá lửa. Nó nằm trên bờ biển nước Anh, đối mặt với eo biển Dover của Pháp.

[45] Còn được gọi là Kim gia, là gia tộc hoàng gia của Thành Cát Tư Hãn và con cháu ông.